



GIAMILIA

TRUYỆN NÚI ĐỒI VÀ THẢO NGUYÊN

CHINGIZ AITMATOV

PHẠM MẠNH HÙNG, NGUYỄN NGỌC BÀNG,
CAO XUÂN HẠO và BỒ XUÂN TIẾN dịch



KIM ĐỒNG NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

SÁCH MỚI.NET - EBOOK



NHÀ XUẤT BẢN CẦU VỒNG
MATXCÔVA 1984

Tsinghiz Aitormatôp

Giamilia
TRUYỆN NÚI
ĐÔI VÀ THẢO
NGUYÊN

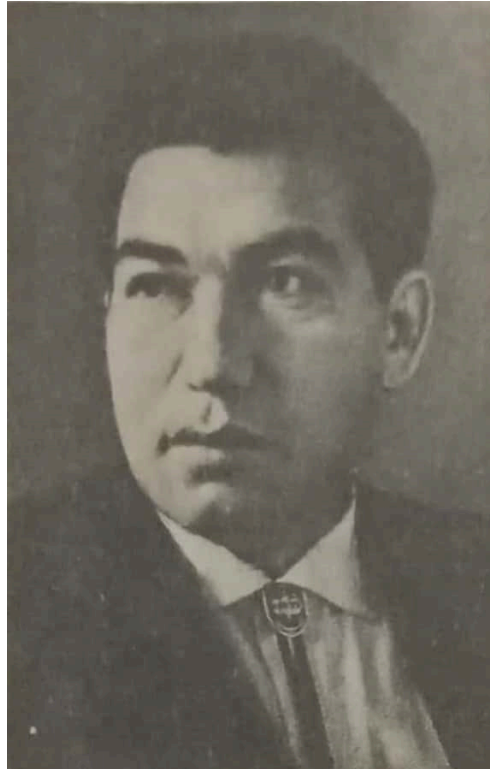


THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

TÁC GIẢ



Tsinghiz Aitmatov sinh năm 1928 tại vùng thung lũng Talax, làng Sêkerơ, huyện Kirốp. Sau khi học xong lớp 6, Ts. Aitmatov làm thư ký cho Xô-viết xã ở ngay quê mình.

Ông bắt đầu hoạt động văn học khi còn là sinh viên Trường đại học nông nghiệp Kirghizia.

Từ 1956 đến 1958 Aitmatov theo học khóa đại học văn tại Matxcơva.

Năm 1958, hai tuyển tập truyện ngắn của Aitmatov - bằng tiếng Nga và tiếng Kirghizia - đã được xuất bản ở Frunze nhân Tuần văn học và nghệ thuật Kirghizia.

Tập sách này của Ts. Aitmatov gồm các truyện vừa đã được giải thưởng văn học Lênin 1963: “Giamilia”, “Người thầy đầu tiên”, “Cây phong non trùn khăn đỏ” và “Mắt lạc đà”.

LỜI NÓI ĐẦU

Quả là danh bất hư truyền... Về Kirghizia - một nước cộng hòa vùng Trung Á của Liên Xô, - dù trước đây bạn đã được đọc và nghe kể biết bao nhiêu đi chăng nữa, song khi tới nơi đó bạn vẫn thấy thán phục đến vô cùng.

Chỉ ngắm riêng cảnh hồ Ixúc-kun thôi, ta cũng đã thấy thi hứng muốn cất lên thành lời:

Ixúc-kun bày trước mắt ta

Như chén đầy trong ngày đại tiệc...

Còn xung quanh hồ là những dãy núi trập trùng với những áng mây lơ lửng bên trên, chẳng khác nào một đoàn chiến hạm đang bơi về một nơi nào đó.

Như một đoàn vận động viên du lịch, những hàng cây cứ đua nhau vươn lên cao mãi trên những sườn núi dốc đứng. Đến chào cảnh hồ Ixúc-kun này có cả những đoàn xe từ các thành phố xa xôi, chứ đâu phải chỉ của Kirghizia thân thuộc.

Xe ta đang đi dọc bờ sông Narun cuộn cuộn; trời đã về chiều, và bỗng nhiên phía xa xa thấy lóe lên những ánh lửa và những tiếng rầm rầm vang động mỗi lúc một tăng. Trên những độ cao khác nhau đang sáng lên và nhấp nháy những ánh đèn như thể những thần linh thánh thiện đêm đêm thăm đến giúp cho con người lao động vậy. Đây là nơi nhà máy thủy điện Tactôgun đang được xây dựng.

Nơi đây ngày trước đâu đã có đường sá gì, những người công nhân xây dựng đã khai phá chúng qua những vách đá hoang vu. Nơi đây mãi về sau vẫn còn rền vang những tiếng mìn nổ, và khe núi thì luôn luôn bị khói mù che khuất, cứ như cảnh chiến trường trên những bức tranh khắc cổ xưa vậy: đó là giai đoạn diễn ra cái gọi là những công việc khai quang - thu dọn những vách núi hoặc chỉ là những tảng đá có thể gây nguy hiểm cho những công trình sau này dưới hố móng.

Toàn bộ lịch sử của công trình này dường như là biểu tượng cho những gì diễn ra trong nền văn học Kirghizia.

Chẳng phải là một thế kỷ trước đây Tôctôgun, nhà thơ dân gian nổi tiếng của Kirghizia cũng đã khai phá những con đường đầu tiên trong nền văn học dân tộc như vậy đó sao? Bất chấp mọi gánh nặng của số phận ông đã sống cho đến tận Cách mạng tháng Mười và “đã mở lòng mình ra đón chào những lá cờ đỏ”. Thơ ca của ông đã và đang tác động to lớn đến sự phát triển của toàn bộ nền văn học tiếp sau. Nó chứa đầy những lời di huấn cao quý mà cho đến nay các nhà văn, nhà thơ ưu tú của Kirghizia - kể cả lớp già và lớp trẻ đang noi theo:

Hãy dành muôn ngàn lời đẹp nhất
Để ngợi ca người bạn dân cày,
Mặt khắc khổ dạn dày mưa nắng,
Nhưng tâm hồn trong trắng anh minh,
Nhớ đừng quên người bạn chúng mình!
Ông đã viết về người nông dân Kirghizia như vậy đấy.

Còn những công việc khai quang... Liệu lao động của nhà văn có điểm gì giống như những công việc đó không? Vì nhà văn cũng muốn giúp cho mọi người tiến hành công việc xây dựng hòa bình và bằng tiếng nói phần nộ của mình làm nổ tung những tảng đá tàn dư của quá khứ, của những thiên kiến và những cảnh lộn xộn đôi khi còn đè nặng trên đầu họ.

Đuysen, nhân vật trong truyện vừa “Người thầy đầu tiên” của nhà văn nổi tiếng Kirghizia Tsinghiz Aitmatóp, quả thật là có những nét “khắc khổ dạn dày mưa nắng”. Chân dung của anh là thế này đây: “Thầy lặng lẽ bước đi, không nói một lời, vẻ nghiêm nghị, đôi lông mày nhíu lại như đôi cánh chim ưng, và nét mặt sứt lại như luyện bằng thép”.

Là một chiến sĩ Hồng quân phục viên đứng ra tổ chức trường học đầu tiên ở làng quê Kirghizia hẻo lánh, Đuysen đã vấp phải sự hoài nghi của những người có con cái mà anh muốn truyền lại cho chúng những hiểu biết, dù chưa phải là hoàn chỉnh gì lắm của riêng anh, vấp phải thái độ thù địch tự coi mình là chủ nhân của cuộc đời này.

Số phận của Antunai và của các nhân vật nữ khác trong các tác phẩm của Ts. Aitmatóp rất đáng chú ý. Qua số phận của họ ta thấy hiện rõ những

sự biến đổi đã được thực hiện ở vùng Trung Á dưới chính quyền Xô-viết, những viễn cảnh đã mở ra trước mắt mọi người, những sức mạnh tinh thần mà các nhân vật vừa mới đây thôi còn cam chịu làm nô lệ cho những tập quán và thói quen nay đã ý thức được ở chính mình.

“Hạnh phúc của người đàn bà là sinh con đẻ cái, trong nhà dư dật”, - theo lẽ thói cổ hủ người mẹ lớn trong truyện vừa “Giamilia” đã giáo huấn cho cô con dâu của mình như vậy. Cái tên Giamilia cũng chỉ nhân tiện được nhắc qua trong các bức thư của chồng chị từ mặt trận gửi về. Và ngay cả những bức thư đó cũng giống hệt nhau, như thể “những con cừ non trong đàn”.

Với người phụ nữ trẻ kia, tất cả những điều đó báo trước một tương lai mà chẳng khó khăn gì cũng đoán được là nó sẽ như thế nào. Chắc chắn là chị sẽ không giống như người đàn bà mà Antunai đã gặp trong ngôi lều du mục của gã địa chủ: “Đôi mắt đờ đẫn như màu tro lạnh của bà ta nhìn thần thờ, không biểu lộ một cảm xúc gì hết. Có những con chó bị đánh đập liên miên từ khi còn bé”. Nhưng xét về đại thể thì trước mắt Giamilia cũng chỉ là một cuộc đời vô vị và buồn chán, không hề có chỗ cho những tình cảm và khát vọng cao quý.

Bởi vậy mà người phụ nữ trẻ đó đã khao khát tìm đến với chàng trai Daniyar cô đơn, hiền lành, đồng thời lại rất kiêu hãnh: qua những bài ca mà anh hát, trước mắt chị thấy hé mở ra một tâm hồn phong phú và một tấm lòng hào hiệp.

Mối tình của Giamilia với Daniyar không phải là một ham muốn kỳ quặc. Nó đã mở ra một lối thoát cho tâm trạng không thỏa mãn của nhân vật nữ đó đối với cuộc sống tinh thần buồn tẻ mà Giamilia đành phải bằng lòng trong cái gia đình, nơi mọi người đối xử với chị, theo như họ nghĩ, là tử tế và hoàn toàn không một chút cay nghiệt gì.

Và việc Giamilia bỏ làng ra đi - dù có khiến cho nhiều người trong làng phải lên tiếng phê phán một cách đầy giận dữ đối với “Kẻ đào tẩu”, - nhưng trên thực tế đó là sự lột xác thật sự của chị, là sự bảo vệ quyền được hưởng hạnh phúc chân chính, chứ không phải nửa vời, của chị.

Câu chuyện về mối tình của anh lái xe Iliax với cô Axen, những nỗi éo le bi kịch đủ hình đủ vẻ của nó, thái độ trân trọng mà cả nhân vật chính, kẻ có lỗi nặng đối với Axen, cả Baitemir, đều bộc lộ trong quan hệ với Axen, -

tất cả những chuyện đó được Ts. Aitomatóp kể trong truyện vừa “Cây phong non trùm khăn đỏ” rõ ràng đến mức chúng ta hiểu ngay rằng, trước mắt chúng ta là những con người mới của một nước Kirghizia mới.

Nhà văn đã mạnh dạn miêu tả những hoàn cảnh sống khó khăn và phức tạp. Một trong những hoàn cảnh như vậy đã được đề cập trong truyện vừa “Mắt lạc đà”.

Về sáng tác của Ts. Aitomatóp, người ta đã tranh luận nhiều cả ở quê hương ông, cả ở các nơi khác: không một ai có thể bàng quan trước những sáng tác đó được. Tính hiện đại rõ ràng trong phong cách nghệ thuật của ông, sự mạnh dạn thoát ra khỏi khuôn khổ của những đề tài và thủ pháp từ trước đến nay vẫn được văn học ưa chuộng ở một mức độ nhất định đã làm gương cho một loạt các nhà văn Kirghizia khác, đặc biệt là lớp các nhà văn trẻ.

Anđrây Turcốp

Giamilia

Thế là giờ đây tôi lại đứng trước bức tranh nhỏ ấy, bức tranh lồng trong tấm khung giản dị. Sáng mai tôi có việc phải về bản, và tôi chăm chú ngắm nhìn bức tranh hồi lâu, dường như nó có thể nói với tôi một lời chúc mừng tốt lành tiễn chân tôi lên đường.

Bức tranh này chưa bao giờ tôi gửi đi triển lãm. Hơn nữa, mỗi khi có bà con ở bản lên chơi, tôi tìm cách giấu biệt nó đi. Chẳng phải bức vẽ có điều gì đáng cho tôi xấu hổ, mà chỉ vì nó hoàn toàn không phải là một mẫu mực nghệ thuật. Nó giản dị như mảnh đất vẽ trên đó.

Ở lớp sâu trong cùng của bức tranh là một mảng trời thu nhạt nhòa. Gió lùa những đám mây đen nhỏ bé đốm trắng ruổi nhanh trên dãy núi xa xa. Ở cận cảnh của bức tranh là thảo nguyên ngải cứu màu nâu đỏ. Một dải đường đen đen chưa kịp khô sau mấy trận mưa vừa qua. Mấy bụi cây khô gãy rụi chen chúc bên vệ đường. Dọc theo vệt bánh xe nhám nhở có vết chân hai người đi bộ in dấu liền liền. Càng ra xa, vết chân càng mờ dần trên đường, còn hai người dường như chỉ bước thêm một bước nữa là ra khỏi tầm khung của bức tranh. Một trong hai người... Nhưng thôi, tôi nói trước như vậy hơi sớm quá.

Hồi ấy tôi còn trẻ dại lắm. Chiến tranh đã sang năm thứ ba. Cha anh chúng tôi chiến đấu ở những mặt trận xa xôi, đâu ở gần Cuốcxơ và Ôriôn. Chúng tôi bấy giờ mới chỉ là những thiếu niên ở lứa tuổi mười lăm, vậy mà chúng tôi đã làm lụng trong nông trang. Công việc nhà nông nhọc nhằn hàng ngày đè nặng lên đôi vai còn non yếu của chúng tôi. Vất vả nhất là vào những ngày gặt hái. Hàng tuần liền chúng tôi không có mặt ở nhà, ngày đêm biệt tăm ngoài đồng ruộng, trên sân đập hay trên đường tải thóc ra ga.

Vào một ngày mùa như thế, trời nóng như thiêu như đốt, lưỡi liềm như nóng đỏ lên vì gặt hái nhiều, tôi đánh chiếc briska* không tải từ ga về, và tôi có ý định ghé qua nhà.

Ngay cạnh chỗ sông cạn, trên một trái đồi nhỏ cuối xóm, có hai cái sân bao quanh bằng tường toóc-xi vững chãi. Quanh nhà dương liễu mọc cao

tươi tốt. Đây là nhà chúng tôi. Từ thuở nào đến giờ, hai gia đình chúng tôi vẫn ở cạnh nhau. Chính tôi là con “Nhà lớn”. Tôi có hai anh, cả hai lớn tuổi hơn tôi, cả hai cùng chưa vợ và cùng đi chiến đấu, đã lâu chưa có tin tức gì gửi về.

Bố tôi đã già, làm thợ mộc. Sáng tinh mơ cụ đọc kinh Coran* cầu nguyện, cầu kinh xong cụ đến xưởng mộc làm việc, xưởng ở ngay trong sân chung của bản. Buổi tối khuya bố mới về nhà.

Ở nhà chỉ còn mẹ tôi và đứa em gái nhỏ tuổi.

Sân bên, hay “Nhà bé” như dân bản thường gọi, là chỗ họ hàng gần của chúng tôi. Đâu như cụ kị chúng tôi là anh em với nhau, nhưng tôi gọi họ là bà con gần vì chúng tôi sống chung thành một gia đình. Hai nhà chúng tôi gắn bó với nhau như vậy ngay từ thời còn là dân du mục, khi ông nội chúng tôi cùng dựng trại một chỗ, gia súc cùng chăn chung. Không chỉ riêng hai nhà chúng tôi, mà cả xóm Aran chạy dọc suốt bản trên dải đất giữa hai con sông, đều là người cùng bộ tộc với nhau cả, cùng một dòng họ.

Sau khi tập thể hóa được ít lâu, ông chủ “Nhà bé” qua đời, để lại bà vợ góa với hai con trai nhỏ tuổi. Theo tục lệ cũ của adat* mà hồi ấy dân bản vẫn tuân theo thì không được để người đàn bà góa với hai con trai nhỏ đi nơi khác, bởi thế họ đương thu xếp cho bố tôi lấy bà làm lẽ. Bản phận đối với tổ tiên buộc bố tôi phải làm như vậy: vì bố tôi là chỗ họ hàng gần nhất với người quá cố.

Thế là chúng tôi có thêm một gia đình thứ hai. “Nhà bé” được coi là một hộ độc lập: có cơ ngơi riêng, gia súc riêng, nhưng thật ra chúng tôi vẫn sống chung với nhau.

Nhà bé cũng đưa tiễn hai con vào quân đội. Xadức, anh con cả, cưới vợ được ít lâu thì đi. Hai người vẫn gửi thư về, thực ra thì họa hoàn lắm mới được một lá.

Ở “Nhà bé” chỉ còn bà mẹ mà tôi gọi là “kichi-apa”, tức là mẹ bé, và chị con dâu bà, tức là vợ anh Xadức. Hai mẹ con làm lụng từ sáng đến tối ở nông trang. Bà mẹ bé tôi là người nhân hậu, dễ tính, hiền lành, nhưng làm lụng thì không thua gì bọn trẻ, dù là đào nương hay tưới nước: tóm lại, bà cầm vững chiếc cuốc trong tay. Dường như để thưởng công, số phận đã ban cho bà một người con dâu có nét hay làm. Giamilia thật xứng với mẹ: lúc

nào cũng luôn chân luôn tay, không biết mệt là gì, đảm đang khéo léo. Chỉ phải cái tính nết hơi khác người.

Tôi yêu quý chị Giamilia hết chỗ nói. Chị cũng yêu quý tôi. Chúng tôi thân nhau lắm, nhưng không dám gọi nhau bằng tên. Nếu không phải là chị em một nhà thì chắc chắn tôi đã gọi chị chỉ đơn giản là Giamilia. Nhưng tôi gọi chị là “giênê”, tức là chị dâu cả, còn chị gọi tôi là “kichinê bala”, nghĩa là chú em bé bỏng, mặc dù tôi chẳng bé bỏng gì cho cam, và chị cũng chẳng hơn tuổi tôi bao lắm. Nhưng tục lệ ở bản là như vậy: chị dâu gọi em trai chồng là “kichinê bala” hay “kaini của tôi”.

Công việc của cả hai nhà do mẹ tôi quán xuyến, cô em gái tôi đỡ thêm một tay. Em gái tôi là một cô bé kỳ cục, tóc tết bím bện lẫn mấy sợi chỉ. Tôi không bao giờ quên được em tôi đã lăn lừng ra làm như thế nào trong những ngày gay go ấy.

Chính em tôi đã đưa cừu và bê của hai nhà đi chăn ở bãi cỏ ngoài vườn rau, chính em tôi đã đi nhặt kigiác* và củi khô để nhà có cái đun. Chính cô em mũi héch của tôi đã làm cho mẹ tôi đẹp lòng, đỡ cô đơn và quên đi những ý nghĩ buồn phiền vì không có tin tức gì về hai con trai.

Gia đình chúng tôi đông đúc là thế mà trong nhà vẫn được hòa thuận, no đủ, ấy là nhờ mẹ tôi. Mẹ tôi là người định đoạt mọi công việc của cả hai nhà, là người giữ gìn tổ ấm gia đình. Mẹ tôi về làm con dâu ông bà tôi từ hồi còn non trẻ, bây giờ cha ông chúng tôi còn sống cuộc đời du mục, rồi sau đó mẹ tôi luôn luôn thành kính tưởng nhớ đến ông bà tôi và cai quản hai gia đình rất mực công bằng. Trong bản ai cũng coi mẹ tôi là người nội trợ đáng trọng nhất, chu đáo nhất và khôn khéo nhất. Mọi việc trong nhà đều do mẹ tôi cất đặt. Còn bố tôi thì thực tình mà nói, dân bản không coi ông là chủ gia đình. Nhiều lần tôi nghe thấy người ta nói với nhau, nhân việc này việc nọ: “Này, này, chẳng cần đến hỏi ustăca làm gì (ở quê chúng tôi, người ta gọi những người khéo tay nghề là ustăca để tỏ ý kính trọng), ông ta chỉ biết có cái rìu của mình thôi. Mọi việc trong nhà đều do bà mẹ cả định đoạt, đến nói với bà ấy thì mới ăn thua...”

Cần nói rõ rằng tuy còn ít tuổi, tôi vẫn thường can dự vào công việc gia đình, sở dĩ tôi có thể xen vào như vậy là vì hai anh tôi đi chiến đấu. Nhiều khi là bông đùa, nhưng đôi lúc cũng là nói đúng đắn, người ta gọi tôi là chàng gighet* của hai gia đình, người bảo vệ và nuôi sống hai nhà. Tôi lấy

thế làm hãnh diện, và không lúc nào lãng quên trách nhiệm của mình. Thêm nữa, mẹ tôi cũng khuyến khích tôi có tính độc lập. Mẹ tôi muốn tôi biết thu xếp việc nhà và lanh lẹn tháo vát, chứ đừng như bố tôi, suốt ngày chỉ lúi lũi cửa đục bào gọt.

Thế là tôi đã cho chiếc briska dừng lại cạnh nhà, dưới bóng rợp của cây liễu, nối lỏng dây chằng ngựa, rồi đi về phía cổng, và tôi thấy bác đội trưởng Ôrôzomat đang ở trong sân nhà tôi. Vẫn như mọi khi, bác cười trên lưng ngựa, chiếc nạng buộc bên yên. Mẹ tôi đứng cạnh bác. Hai người đang bàn cãi chuyện gì đó. Lúc đến gần, tôi nghe thấy mẹ tôi nói:

- Không được! Phải biết kính sợ Thượng đế mới được chứ: đời thuở nào đàn bà lại đánh xe briska tải thóc bao giờ ấy? Không, hãy để cho con dâu tôi được yên, xin để mặc cho nó làm ăn như từ trước đến giờ. Cứ thế này tôi cũng đủ tối mắt tối mũi lại rồi, thì bác hãy thử lo liệu công việc của hai nhà này đi xem có kham nổi không nào! May là con bé nhà tôi đã lớn... Cả tuần nay tôi chưa có lúc nào đứng thẳng lên được, ê ảm cả lưng, cứ như thể vừa hùng hục cán rạ ấy, lại còn vạt ngô đang héo hắt chờ nước nữa chứ. - Mẹ tôi có vẻ nóng nảy, chốc chốc lại nhét đầu chiếc khăn vắt tóc vào cổ áo. Mẹ tôi thường làm như vậy mỗi khi có điều gì tức giận.

- Ô hay, cái bà này mới lạ chứ! - Ôrôzomat đảo nghiêng người đi trên yên, thốt lên bằng giọng thất vọng. - Nếu như chân tôi còn lành lặn chứ không què cụt như thế này thì tội gì tôi phải đến đây cầu cạnh bà kia chứ? Giá như trước kia thì tôi cứ quẳng những bao thóc lên xe, rồi đánh ngựa đi là rảnh chuyện... Đây không phải là công việc của đàn bà, tôi biết quá đi chứ, nhưng bói đâu ra đàn ông?.. Vì thế chúng tôi tính nước cạy nhờ chị em vợ các chiến sĩ. Bà thì bà không cho con dâu bà đi, còn chúng tôi lại bị cấp trên mắng nhiếc thậm tệ... Bộ đội cần bánh mì, vậy mà chúng ta không thực hiện được kế hoạch. Liệu có đang tâm được không, còn mặt mũi nào nữa?

Tôi đến gần, tay kéo lê chiếc roi trên mặt đất. Thấy tôi, ông đội trưởng tỏ ra mừng rỡ khác thường, chắc ông chợt nảy ra một ý định gì.

- Thôi được, nếu bà lo giữ gìn con dâu như thế thì đây, có kaini của cô ấy đây, - bác vui mừng trở vào tôi, - cậu ấy sẽ không cho đứa nào bèn mảng đến gần chị mình. Bà chẳng cần nghi ngại gì nữa! Xêit của chúng ta giỏi đáo để! Chính các chú nhỏ này nuôi sống chúng ta, chỉ có chúng nó mới gõ được thế bí cho chúng ta.

Mẹ tôi không để cho ông đội trưởng nói hết lời.

- Rõ khiếp chưa, nom có ra cái bộ dạng gì không, thằng mất nết kia! - mẹ mắng tôi. - Tóc tai tùm lum thế kia kia... Mà cái ông lão nhà này cũng đến tề, chẳng dành lấy một lúc cắt tóc cho con nữa...

- Ở phải đấy, hôm nay để thằng bé nghỉ chơi ở nhà bố mẹ, - Ôrôzomat khéo léo nói lựa theo ý mẹ tôi. - Xêit này hôm nay cháu ở nhà, chăm cho ngựa ăn thêm một chút, rồi ngày mai bác sẽ giao xe briska cho Giamilia: hai chị em sẽ chung sức cùng làm. Phải cẩn thận đấy, cháu ạ, cháu sẽ phải chịu trách nhiệm về chị Giamilia. Xin bà đừng lo ngại, baibitsê ạ. Xêit sẽ không để cho ai chòng ghẹo chị nó đâu. Nếu cần nữa tôi sẽ cho cả Đaniyar cùng đi. Bà biết anh ta rồi đấy: anh chàng hiền như cục đất... mới ở mặt trận về. Cả ba người sẽ cùng đánh xe tải thóc ra ga. Thế thì còn đứa nào dám động đến con dâu bà nữa? Bác nói đúng không, Xêit? Cháu nghĩ thế nào? Bác định giao cho Giamilia đánh xe chở thóc, nhưng mẹ cháu vẫn chưa thuận, cháu hãy nói cho mẹ cháu nghe ra đi.

Được bác đội trưởng phỉnh nịnh, lại được bác hỏi ý kiến coi mình như người lớn, tôi thích trí lắm. Thêm nữa, tôi hình dung ra ngay cái lúc tôi cùng với chị Giamilia đánh xe ngựa ra ga thật thú vị biết bao. Tôi làm vẻ mặt nghiêm chỉnh, nói với mẹ tôi:

- Chẳng việc gì phải lo cho chị ấy, dễ thường chị ấy có cơ bị chó sói ăn thịt chắc?

Và như một tay đánh xe lợc lỏi, tôi tia nước bọt qua kẽ răng một cách thành thạo, kéo lê cái roi đằng sau, vừa bước đi vừa đung đưa hai vai ra dáng đỉnh đạc.

- Hừ cái thằng này! - mẹ tôi ngạc nhiên và dường như có phần vui sướng, nhưng rồi ngay tức thì, mẹ tôi quát lên bằng giọng căm giận: - Rồi tao sẽ cho mày thấy thế nào là chó sói! Mày biết cái gì mà dám nói, rõ trứng khôn hơn vịt!

- Chứ nó không biết thì ai biết nào, trong gia đình bà. nó là chàng gighet của cả hai nhà, đáng cho bà tự hào quá đi chứ! - Ôrôzomat vừa bênh tôi vừa nhìn mẹ tôi một cách e dè, chỉ lo mẹ tôi lại vẫn một mực giữ ý cũ.

Nhưng mẹ tôi không nói lại câu nào, chỉ cúi đầu xuống thở dài, thốt lên:

- Gighet gì nó, mới tí tuổi đầu mà đã ngày đêm làm lụng quần quật, chẳng lúc nào thấy mặt ở nhà... Những chàng gighet thân yêu của chúng ta

bây giờ ở đâu, có trời biết! Nhà cửa quanh quẽ, cứ như khu lều trại bỏ hoang...

Tôi đã đi được một quãng xa và không nghe rõ mẹ tôi nói gì nữa. Vừa đi tôi vừa vung roi quất vào góc nhà, bụi bay mù cả lên, thậm chí em gái tôi mỉm cười với tôi, tôi cũng không đáp lại (em gái tôi lúc ấy đang nắm kigiắc trong sân, hai tay vỗ bồm bộp). Dáng bộ quan trọng, tôi đến dưới mái hiên. Tôi ngồi xỏm xuống, thông thả rửa tay, dội bằng nước trong vò. Rồi tôi vào buồng, uống một cốc sữa chua, rót cốc nữa đem ra để trên bậu cửa sổ và bắt đầu bẻ vụn bánh mì thả vào cốc.

Mẹ tôi và bác Ôrôzomat vẫn ở ngoài sân. Có điều, hai người không bàn cãi nữa, mà bình tĩnh nói chuyện khe khẽ với nhau. Chắc là hai người nói về các anh tôi. Mẹ tôi chốc chốc lại đưa ống tay áo lên lau đôi mắt sưng húp, trầm ngâm gật đầu đáp lại khi nghe Ôrôzomat nói (chắc bác ta an ủi mẹ tôi), và mắt mờ lệ, mẹ tôi, nhìn đi tận đâu đâu phía trên rặng cây, như hy vọng nhìn thấy mấy người con trai của mình ở đằng ấy.

Đấm lòng trong nỗi buồn phiền, hình như mẹ tôi đã thuận theo lời thỉnh cầu của bác Ôrôzomat. Còn bác ta hài lòng vì đã được như ý, vung roi quất ngựa phóng nhanh ra khỏi sân.

Đương nhiên, lúc ấy cả mẹ tôi lẫn tôi đều không thể ngờ mọi chuyện về sau sẽ ra sao.

* * *

Tôi biết chắc mười mười rằng chị Giamilia sẽ điều khiển thành thạo cỗ briska hai ngựa. Chị sành ngựa lắm: chị vốn là con một người chăn ngựa đàn ở bản Bakair vùng núi mà anh Xađức tôi trước kia cũng đã từng chăn ngựa. Có lần, trong một cuộc đua ngựa vào mùa xuân, đâu như anh ấy đã không đuổi kịp chị Giamilia. Nghe đồn rằng sau đó, tức khí vì bị bẽ mặt, anh Xađức đã bắt cóc chị, chuyện này chẳng rõ thực hư ra sao. Nhưng có một số người lại bảo anh chị lấy nhau vì yêu nhau. Dù sao đi nữa, hai người ăn ở với nhau chỉ được có bốn tháng. Chiến tranh nổ ra, anh Xađức được gọi vào quân đội.

Tôi không biết nên giải thích thế nào, có lẽ vì từ tấm bé, chị Giamilia đã theo bố đi chăn ngựa đàn (ông già chỉ có mình chị, chị vừa là con gái vừa là con trai của bố), bởi thế tính nết chị có những nét như đàn ông, một cái gì dữ dội và đôi khi thậm chí hơi thô. Giamilia làm việc hăm hở, xốc vác như

đàn ông. Chị biết cách ăn ở với hàng xóm láng giềng, nhưng kẻ nào không biết điều lại đi gây chuyện với chị thì chị chẳng chịu lép, chị chửi không thua một ai, có lần chị còn túm tóc vít đầu kẻ kia xuống.

Nhiều lần hàng xóm đến nhà than phiền:

- Ông bà có thứ dâu con gì quý hóa thế? Mới chân ướt chân ráo về nhà chồng mà đã mồm năm miệng mười! Không còn kiêng nể ai, không còn biết ngượng ngùng gì nữa!

- Nó thế mà lại hay cơ đấy! - mẹ tôi đáp lại. - Con dâu chúng tôi nó ưa ăn ngay nói thẳng, còn hơn cái lối trước mặt thì im thin thít rồi lại chửi vụng sau lưng. Con dâu các ông các bà bề ngoài thì ra vẻ nhu mì lắm, nhưng những cô ả như thế chẳng khác gì quả trứng ung: bên ngoài thì sạch sẽ nhẵn nhụi, nhưng bên trong thì thối khắm không sao ngửi được.

Đối với chị Giamilia, bố và mẹ bé tôi không bao giờ tỏ ra khe khắt, không bối lộng tìm vết như thói thường mẹ chồng nàng dâu. Bố và mẹ bé tôi rất mực ân cần với chị, thương yêu chị và chỉ mong muốn có một điều: chị trung thành với thượng đế và với chồng.

Tôi hiểu lòng hai người. Bốn con trai đều ở trong quân đội, Giamilia là nguồn an ủi của bố và mẹ bé tôi, chị là con dâu duy nhất của cả hai nhà, vì thế bố mẹ tôi quý chị lắm. Nhưng tôi không hiểu được mẹ đẻ tôi. Mẹ tôi không phải là người yêu ai thì chỉ một mực là yêu. Mẹ tôi vốn khắc nghiệt và độc đoán. Mẹ tôi sống theo lẽ lối riêng của mình và không bao giờ làm trái lệ thường. Hàng năm, cứ mùa xuân đến là mẹ tôi lại dựng cái lều du mục ở sân và đốt gỗ tùng xông khói (chiếc lều này bố tôi làm từ hồi còn trai trẻ). Mẹ tôi dạy dỗ chúng tôi chịu thương chịu khó làm ăn và tôn kính những người lớn. Mẹ tôi đòi hỏi mọi người trong gia đình phải một mực tuân lời, không được cãi lại.

Thế mà chị Giamilia, ngay từ ngày mới bước chân về nhà chồng đã tỏ ra khác tính khác nết, không như mọi cô gái khác về làm dâu con người ta. Thực ra chị cũng tôn kính và vâng lời người lớn, nhưng không bao giờ chịu cúi đầu vâng chịu một bề, tuy vậy chị cũng không có cái lối quay mặt đi lăm bằm chửi vụng sau lưng như những nàng dâu khác. Bao giờ cùng thế, bụng nghĩ thế nào thì chị nói thẳng ra như vậy, không hề sợ bày tỏ ý kiến của mình. Mẹ tôi thường đứng về phía chị, cho là chị nói phải, nhưng bao giờ cũng giành cho mình tiếng nói quyết định.

Tôi cho rằng vì thấy Giamilia thẳng tính và công tâm, mẹ tôi coi chị như người ngang hàng với mình, thậm chí mơ ước sau này sẽ để chị thay mình, và chị sẽ trở thành người nội trợ cũng quyền thế như mình, một baibitsê như mình, người giữ gìn tổ ấm gia đình.

- Con ạ, nhờ ơn Đức Alakhơ, con được vào làm con một nhà bề thế, được trời ban phước lành, - mẹ tôi răn bảo Giamilia. - Đây là phúc cho con. Hạnh phúc của người đàn bà là sinh con đẻ cái, trong nhà dư dật. Ôn nhờ thượng đế tất cả những gì bố mẹ làm ra sau này sẽ là của con cả. Có ai mang theo của cải xuống mồ được đâu. Có điều, cái phúc nó chỉ ở với người nào biết giữ gìn danh dự và lương tâm mà thôi. Lời mẹ dặn con ghi nhớ lấy, phải biết giữ mình mới được con ạ!..

Nhưng tính tình Giamilia vẫn có cái gì khiến hai mẹ chồng không yên lòng: chị vui vẻ quá lộ liễu, cứ như trẻ thơ. Đôi khi dường như chẳng có duyên cố gì, chị bỗng phá lên cười mà lại cười rất to, rất vui sướng. Đi làm về, chị không bước bình thường, mà chạy ào vào sân, nhảy qua con mương. Chẳng có duyên cố gì chị cũng ôm lấy mẹ cả hay mẹ bé mà hôn.

Giamilia còn thích hát nữa, chị luôn luôn khe khẽ hát câu gì, ngay cả trước mặt người lớn tuổi. Tất cả những cái đó cố nhiên không ăn nhập với quan niệm cổ truyền trong bản về tính nết na của con dâu trong gia đình. Nhưng cả hai bà mẹ chồng đều tự trấn an bằng cách tự nhủ rằng dần dà Giamilia sẽ chín chắn hơn: lúc trẻ trung ai mà chẳng thế. Còn với tôi trên đời này không có người nào đáng yêu hơn chị Giamilia.

Hai chị em tôi sống với nhau rất vui, tự dưng vô cớ chúng tôi cũng có thể cười phá lên và chạy đuổi nhau quanh sân. Chị Giamilia xinh thật là xinh. Vóc người thon thả cân đối, tóc cứng không xoắn tít thành hai bím dày và nặng chiếc khăn trắng chị choàng rất khéo trên đầu, chéo xuống trán một chút, nom rất hợp với chị, làm tôn hẳn nước da bánh mật của khuôn mặt bầu bầu, khiến chị càng thêm duyên dáng. Mỗi khi chị Giamilia cười, đôi mắt hạnh đào đen láy, ánh màu biêng biếc của chị lại bùng lên sức sống hăng say của tuổi trẻ hay khi bỗng nhiên chị cất tiếng hát những khúc ca xuống xã quen thuộc trong bản, đôi mắt đẹp của chị lóe sáng một cách dạn dĩ, không có vẻ gì là một cô gái ngây thơ cả.

Tôi thường để ý thấy nhiều chàng gighit, nhất là những anh chàng ở mặt trận về, cứ hay lăm lét nhìn chị. Chính Giamilia cũng thích bông đùa, nhưng

của đáng tội, chị vẫn đe nẹt những anh nào đi quá trớn. Tuy nhiên điều đó bao giờ cũng làm tôi động lòng. Tôi ghen về chị, như các cậu em thường ghen về chị mình, và hẳn thấy các chàng trẻ tuổi xán đến gần Giamilia là tôi kiếm cách ngăn cản. Tôi làm bộ ta đây, hằm hè nhìn họ, như muốn dùng bộ dạng của mình bảo với họ:

“Các anh đừng có mà suồng sã quá. Chị ấy là vợ anh tôi đấy, và chớ tưởng rằng không có ai che chắn cho chị ấy!”

Những lúc ấy, tôi cố ý tỏ ra lỗ mãng, dù đúng lúc hay không đúng lúc cũng cứ xen vào câu chuyện của họ, tìm cách chế nhạo những anh chàng tán tỉnh chị, vì nếu làm như vậy mà không ăn thua gì, tôi đâm cáu, cứ mặt sưng mày sía khịt mũi hoài. Mấy chàng trai cười lẩn ra:

- Ở này, hãy nhìn chú bé này một tí mà xem! Hình như cô ấy là giê-nê của chú ta thì phải. Thật nhộn quá, thế mà bọn mình chẳng biết gì hết!

Tôi cố nén giận, nhưng vẫn cảm thấy đôi tai phản bội cháy bỏng lên, và ức quá, nước mắt tôi cứ trào ra. Chị Giamilia, giê-nê của tôi, hiểu lòng tôi lắm. Mặc dù buồn cười đến nôn ruột, chị gắng kìm lại, làm ra vẻ nghiêm nghị.

- Thế các anh tưởng giê-nê là của vương vãi trên đường cho ai muốn nhặt thì nhặt à? - chị lấy một tư thế đĩnh đạc nói với các chàng gighit. - ở nhà các anh thì có lẽ giê-nê là của rơi của nhặt thực đấy, chứ ở nhà chúng tôi thì không đâu. Ta đi chỗ khác đi, kaini của chị, tôi xin kiêu các anh! - Rồi làm điệu vênh vang trước mặt họ, đầu cất cao kiêu hãnh hai vai ngúng nguẩy như khiêu khích, chị bỏ đi cùng với tôi lặng lẽ mỉm cười.

Trong nụ cười ấy, tôi thấy cả sự bực bội, lần niềm vui sướng. Có lẽ lúc ấy chị nghĩ thầm: “Ôi, chú em ngốc nghếch quá! Nếu chị chỉ muốn chơi bời cho thỏa tình riêng thì ai cấm giữ nổi chị? Cả nhà có bám theo từng bước cũng không canh giữ nổi kia mà!” Những lần như thế, tôi lặng thinh như cảm thấy mình có lỗi. Phải, tôi ghen về chị Giamilia, tôi tôn sùng chị, tôi kiêu hãnh vì chị là giê-nê của tôi, kiêu hãnh về sắc đẹp của chị, về tính tình phóng khoáng, không chịu lệ thuộc vào ai của chị. Tôi với chị là đôi bạn chí thân, không giấu nhau điều gì.

Đạo ấy, ở bản còn rất ít đàn ông. Vì thế có những gã cư xử với phụ nữ một cách trâng tráo, tỏ vẻ khinh miệt ra ý là: cần gì phải tốn công với bọn đàn bà này, chỉ nguẩy ngón tay một cái là ả nào cũng lao theo ngay!

Một lần, ở bãi cát cỏ, Ôxmôn, một người họ xa của gia đình tôi cứ bám lấy Giamilia toan giở trò ma mãnh. Gã cũng thuộc loại những kẻ cho rằng không một cô gái nào cưỡng nổi sự cám dỗ của mình. Giamilia cảm tức gạt tay hẳn ra và đứng phất dậy dưới chân đồng cỏ khô, nơi chị đang ngồi nghỉ trong bóng rợp.

- Bỏ cái thói ấy đi! - chị nói, giọng đau xót và xoay lưng lại phía hẳn. - Cái ngữ các người là thứ ngựa đực của đàn, còn có thể trông mong gì khác ở các người kia chứ!

Ôxmôn nằm xoài dưới chân đồng cỏ, bĩu cặp môi ướm, nói:

- Mèo chề thịt treo cao là thói... Rõ khéo làm bộ, thềm chết đi được mà lại còn bịt mũi chề bai...

Giamilia quay ngoắt lại.

- Có lẽ tôi thềm thật đấy! Có điều chẳng qua số kiếp bắt hai chị em chúng tôi phải chịu cảnh như vậy, thế mà cái đồ ngu xuẩn nhà anh lại giấu cọt chúng tôi. Chẳng thà phải sống cảnh vợ lính xa chồng một trăm năm, chứ những thứ như anh tôi cứ nhỏ toẹt vào: thật là tởm. Nếu như không phải thời buổi chiến tranh thì có mà chó nó thềm nói chuyện với nhà anh!

- Thì đây cũng bảo thế mà! Ấy là tại chiến tranh, thiếu cây roi của chồng nên đảng ấy mới phát rồ! - Ôxmôn cười khẩy. - Này, nếu đảng ấy mà là vợ tớ thì đảng ấy sẽ hát giọng khác ngay thôi mà.

Giamilia toan nhảy xổ đến trước mặt hẳn, chị định nói câu gì cho bỗ tức, nhưng rồi lại lặng thinh: chị hiểu rằng chẳng nên dây với hẳn làm gì. Chị nhìn hẳn hồi lâu bằng con mắt căm giận. Rồi chị nhỏ bọt một cách ghê tởm, nhặt cái chàng nạng ở dưới đất lên và bỏ đi.

Bấy giờ tôi đứng trên chiếc xe môgiara đảng sau đồng cỏ. Thấy tôi, chị Giamilia quay ngoắt đi. Chị hiểu tâm trạng tôi lúc ấy. Tôi có cảm giác như không phải chị bị xúc phạm, mà chính là tôi, chính tôi bị lẳng nhục. Trong lòng đau đớn, tôi trách chị:

- Những thứ như thế chị dây với nó làm gì, bắt chuyện với chúng nó làm gì kia chứ?

Cho đến tận chiều, Giamilia luôn luôn cau có, ủ ê, không nói với tôi lời nào và không hề cười như trước. Khi tôi đưa xe môgiara* lại gần, vì không muốn cho tôi đã động đến chuyện ban nãy - nó gây cho chị nỗi uất hận ghê

gồm mà chị giữ kín trong lòng - chị giang tay lấy đà xốc mạnh cái chèo nạng vào bó cỏ, xốc ngay cả bó lên, giơ cao ở phía trước để che lấp mặt. Chị lẳng bồng bó cỏ vào trong xe đánh huych một cái, rồi lập tức xốc ngay bó khác. Láng sau xe đã đầy cỏ. Lúc đẩy xe đi, tôi ngoảnh lại nhìn và thấy chị tựa mình vào cán cây chèo nạng, đứng lặng một lát, vẻ chán chường, nghĩ ngợi điều gì, rồi chị chợt nhớ ra, lại hăm hở bắt tay vào việc.

Khi chiếc môgiara cuối cùng đã chắt đầy cỏ, Giamilia dường như quên hết mọi thứ trên đời, chị ngắm nhìn hoàng hôn không dứt. Đằng xa, phía bên kia sông, đầu đó ở cuối thảo nguyên Cadácxtan, vầng mặt trời mùa gặt buổi chiều tà mệt mỏi rã rời đang phun lửa như cái miệng lò tandur*. Nó từ từ lặn xuống sau đường chân trời, hắt lên ánh lửa hồng nhuộm đỏ những đám mây xốp bé nhỏ và ném những tia hồi quang cuối cùng xuống thảo nguyên màu hoa cà đã điểm những vệt xanh biếc của bóng tối đến sớm ở những chỗ đất thấp. Giamilia nhìn cảnh mặt trời lặn, vẻ mặt hân hoan trầm lặng như đang chiêm ngưỡng một cảnh thần tiên. Gương mặt chị sáng lên vẻ dịu dàng, cặp môi hé mở mỉm cười hiền lành như trẻ thơ. Rồi dường như để trả lời những câu trách móc chỉ chực buột ra từ miệng tôi, chị quay lại và nói, như thể nói tiếp câu chuyện giữa chúng tôi:

- Mà thôi, em đừng bận tâm đến hấn, kichinê bala ạ, mặc xác hấn! Hấn có phải là người đâu nữa?.. - chị chợt im bật, đưa mắt dõi theo vành mặt trời đang lặn dần, đoạn thở dài, trầm ngâm nói tiếp: - Những kẻ như gã Ôxmôn này làm sao biết được người ta ấp ủ cái gì trong tâm hồn? Mà cũng chẳng ai biết được đâu. Có lẽ trên đời không có những người đàn ông như thế...

Trong lúc tôi đưa mấy con ngựa quay trở lại, chị Giamilia đã kịp chạy đến chỗ đám phụ nữ làm việc cách chúng tôi một quãng, và tiếng nói oang oang vui vẻ của họ vang đến tai tôi. Thật khó nói rõ điều gì đã xảy đến với chị: có lẽ tâm hồn chị bừng sáng lúc chị ngắm cảnh mặt trời lặn, hoặc chẳng qua chị cảm thấy vui vì đã làm việc giỏi. Tôi ngồi trên đống cỏ cao trên xe môgiara và nhìn Giamilia. Chị đã tháo bỏ chiếc khăn choàng trắng nhỏ và giang rộng hai tay, chạy theo người bạn gái, băng qua đồng cỏ đã cắt trụi đang mờ dần trong bóng tối. Vạt áo dài chị mặc bay phấp phật trước gió. Thốt nhiên, nổi buồn trong lòng tôi cũng biến đâu mất: “Hơi đâu mà bận tâm đến mấy câu láo lếu của gã Ôxmôn ấy!”

- Nào, dẫn bước lên! - tôi vung roi quát mấy con ngựa, giục giã.

Hôm ấy, theo lời dặn của bác đội trưởng, tôi quyết ý chờ bố về để cắt tóc, trong lúc chờ đợi tôi viết thư trả lời anh Xađức. Về chuyện thư từ này chúng tôi cũng có phép tắc riêng: các anh tôi viết thư về thì đề gửi cho bố, người giao thông của bản trao thư cho mẹ chúng tôi, còn đọc thư và trả lời là nhiệm vụ của tôi. Chưa đọc thư anh Xađức tôi đã biết trước anh viết gì. Mọi lá thư của anh đều giống nhau như những con cừ non trong đàn. Bao giờ anh cũng mở đầu bằng câu: “Tin sức khỏe của tôi”, tiếp đó nhất định là: “Tôi gửi lá thư này qua bưu điện về cho bố mẹ tôi hiện ở bản Talax thịnh vượng, trăm hoa đua nở và ngát hương thơm, cho người cha vô cùng quý mến của tôi là Giônsubai...” Tiếp sau đó đến mẹ tôi, mẹ đẻ anh, rồi là đến chúng tôi, theo thứ tự nghiêm ngặt. Rồi đến những câu không bao giờ thiếu được thăm hỏi sức khỏe và đời sống của các ấcxakan* trong bản, thăm hỏi bà con họ gần, và mãi đến cuối thư, anh Xađức mới như vội vã viết thêm: “Tôi cũng gửi lời thăm hỏi vợ tôi là Giamilia...”

Đương nhiên, khi bố mẹ còn sống, các ấcxakan và bà con họ gần vẫn khỏe mạnh mà trong thư nhắc đến vợ trước tiên, nhất là lại đề thư gửi riêng cho vợ thì thực là không tiện, khiêm nhã là đằng khác. Không chỉ riêng anh Xađức cho như thế là phải, mà bất cứ người đàn ông nào biết tự trọng cũng đều thừa nhận như vậy. Điều này chẳng cần giảng giải nhiều, tục lệ ở bản là như vậy, chẳng những không phải là chuyện đem ra bàn cãi được, mà chúng tôi cũng chẳng băn khoăn gì lắm về chuyện ấy, nó chưa đáng kể bằng bản thân lá thư. Mỗi lá thư là một sự kiện vui mừng cả nhà đều mong mỏi.

Mẹ tôi bắt tôi đọc đi đọc lại bức thư mấy lần. Rồi, vừa cảm động vừa thành kính, mẹ tôi đưa hai bàn tay nức nở ra đón lấy nó, giữ mảnh giấy một cách lúng túng như giữ con chim có thể bay vù đi bất cứ lúc nào. Cuối cùng, mẹ tôi động đậy mấy ngón tay cứng đờ một cách khó nhọc, gấp lá thư thành hình tam giác.

- Oi hời các con yêu quý của mẹ, nhà sẽ gìn giữ thư của các con như giữ bùa hộ mệnh! - mẹ tôi nói, giọng run run đăm lẹ, con hỏi thăm bố mẹ, gia đình, bà con có được bình yên không... Ở nhà có làm sao đâu, vẫn ở bản thôi mà. Nhưng còn các con thì sao? Chỉ cần con viết cho một chữ thôi - con còn sống, thế là đủ, chẳng cần gì hơn nữa...

Mẹ tôi con nhìn lá thư gấp hình tam giác hồi lâu rồi cất nó vào chiếc túi da bé nhỏ đựng tất cả thư từ bấy lâu nay và cho vào rương khóa lại.

Nếu lúc đó chị Giamilia có ở nhà, chúng tôi cũng đưa thư cho chị đọc. Mỗi lần chị Giamilia cầm lá thư gấp hình tam giác trong tay, tôi thấy mặt chị đỏ bừng lên. Chị đọc nhẩm một cách nghiêng ngáu, mắt lướt vội vàng qua những dòng chữ. Nhưng đọc càng gần đến cuối, đôi vai chị càng rũ xuống, màu ửng hồng trên má chị tàn dần. Chị chau đôi lông mày bướng bỉnh, và không đọc nốt mấy dòng cuối, chị trả lại mẹ tôi bức thư, hờ hững lạnh lùng như trả vật gì vừa mượn.

Hắn là mẹ tôi hiểu tâm trạng con dâu theo ý mình, nên tìm cách làm cho chị khuây khỏa.

- Sao lại thế, con? - mẹ tôi vừa nói vừa khóa rương. - Đáng lẽ phải vui mừng thế mà con lại ủ rũ vậy! Phải đâu chỉ mình con có chồng đi bộ đội? Không phải chỉ riêng con buồn khổ, đây là nỗi đau buồn chung của toàn dân, con hãy gắng cùng toàn dân chịu đựng. Con tưởng thế chứ, có ai là người không buồn, không mong nhớ chồng... Có điều buồn thì buồn, nhưng không nên để lộ ra ngoài, chỉ giữ kín trong lòng thôi!

Giamilia lặng thinh. Nhưng cái nhìn bướng bỉnh, buồn rầu của chị như muốn nói: “Mẹ chẳng hiểu gì cả, mẹ ạ!”

Lần này, thư của anh Xadúc vẫn gửi từ Xaratóp. Anh nằm quân y viện ở đấy. Anh viết trong thư rằng nhờ trời phù hộ, mùa thu anh sẽ về nhà, vì anh đã bị thương. Thư trước anh đã báo tin này, vì thế cả nhà đều vui sướng vì sắp được đón anh về.

Tuy thế, hôm ấy tôi vẫn không ở nhà, tôi ra sân đập lúa. Tôi thường ngủ đêm ở ngoài ấy. Tôi dắt ngựa ra buộc ở bãi cỏ linh lăng. Ông chủ tịch có lệnh cấm không cho chăn gia súc ở bãi này, nhưng muốn cho ngựa của mình béo tốt tôi vẫn thả trộm ở đây. Tôi biết một chỗ khuất ở khu đất thấp lại vào ban đêm nữa thì không ai trông thấy được. Nhưng lần này, khi tháo ngựa dẫn ra bãi thì thấy bốn con ngựa của ai đã thả ra bãi linh lăng rồi. Tôi tức lắm. Tôi là chủ cỗ xe briska hai ngựa, tôi có quyền tức quá đi chứ. Không đắn đo gì hết tôi định đuổi mấy con ngựa này đi thật xa để cho kẻ láo xược nào dám xâm nhập vào địa phận của tôi một bài học. Nhưng bỗng nhiên tôi nhận ra hai con ngựa của Daniyar, anh chàng mà lúc ban ngày bác đội trưởng đã nhắc đến. Sực nhớ rằng ngày mai, chị em tôi sẽ cùng Daniyar đánh xe chở thóc ra ga tôi để mặc mấy con ngựa và trở lại sân đập.

Thì ra Daniyar cũng ở đây. Anh vừa tra dầu xong vào các bánh xe briska của mình và đang vặn mấy chiếc ê-cu trên trục.

- Anh Danikê, ngựa của anh ở dưới lưng phải không? - tôi hỏi.

Daniyar chậm rãi quay đầu lại:

- Hai con của tôi.

- Thế còn đôi kia?

- A, của cái cô gì... cô Giamilia phải không? Ngựa của cô ấy đấy. Cô ấy với chú là thế nào, giê-nê của chú à?

- Phải, giê-nê.

- Chính bác đội trưởng thả ngựa ở đây, bảo tôi trông nom...

May mà tôi không đuổi mấy con ngựa ấy đi!

Đêm xuống, ngọn gió hây hây từ núi thổi xuống lúc ban chiều đã lặng hẳn. Trên sân đập cũng vắng lặng. Daniyar nằm dài cạnh tôi, dưới chân đống rơm, nhưng lát sau anh đứng lên và đi ra sông. Cách một quãng không xa, anh dừng lại bên bờ dốc đứng, rồi cứ đứng đấy, tay chắp sau lưng, đầu hơi ngả về một bên. Anh đứng xoay lưng về phía tôi. Cái dáng hình dài dài, góc cạnh, như đẽo bằng rìu của anh in đậm nét trong ánh trăng êm dịu. Dường như anh lắng nghe một cách nhạy bén tiếng ồn ào dưới sông, tiếng ồn ào về đêm mỗi lúc một mạnh thêm ở những khúc nông. Hay có lẽ anh còn lắng nghe những âm thanh và tiếng sột soạt ban đêm mà tai tôi không thu nhận được. “Anh chàng lại định ra ngủ ở ven sông đây, người đâu kì quặc thật!” - tôi cười khẩy

Daniyar mới xuất hiện ở bản chúng tôi cách đây ít lâu. Lần ấy, một thằng bé chạy ra chỗ cắt cỏ, phi báo rằng có một anh thương binh về làng, còn anh ta là ai, người nhà nào thì nó không biết. Ôi, thật là một biến cố phi thường! Ở bản tôi bao giờ cũng thế: hễ có người nào ở mặt trận về là cả làng, già trẻ lớn bé, không trừ một ai lũ lượt đổ ra xem người mới đến, tay bắt mặt mừng, hỏi xem anh ta có gặp người thân của mình ở ngoài ấy không, đón nghe tin tức. Thế là tiếng reo hò nổi lên không thể tưởng tượng nổi, người nào cũng đoán già đoán non: có lẽ anh mình về, hay có khi là ông dậu gia cũng nên? Những người đang cắt cỏ bỏ cả công việc, chạy ủa về xem sự thể ra sao.

Thì ra Daniyar chính gốc là người quê tôi, sinh ở bản này. Người ta kể lại rằng anh mồ côi từ thuở nhỏ, ba năm trời ăn nhờ ở đậu hết nhà này sang nhà khác, rồi anh bỏ đến vùng thảo nguyên Tsăcmăc, ở với những người Cadakhơ là bà con họ ngoại với anh. Chú bé chẳng còn ai là bà con họ gần, vì thế chẳng ai gọi chú về, rồi người ta quên bẵng chú đi. Khi có người hỏi Daniyar làm ăn sinh sống ra sao từ hồi bỏ nhà ra đi, anh chỉ trả lời cho qua chuyện có ý lảng tránh. Nhưng tuy vậy vẫn có thể biết được rằng anh đã nếm đủ mùi cay đắng, đã thừa biết thế nào là thân phận của kẻ mồ côi. Cuộc sống xô đẩy Daniyar lăn lộn khắp đó đây, như ngọn lông chông*. Một thời gian dài, anh chần cừ ở vùng đất mặ Tsăcmăc, lớn lên anh đi đào mương trên các hoang mạc, vào làm trong các nông trường trồng bông mới thành lập, rồi làm ở các khu mỏ Angren gần Tasken, từ nơi này anh vào quân đội.

Dân bản niềm nở đón Daniyar khi anh trở về làng quê. “Nó đã lang thang phiêu bạt khắp nơi, nay lại trở về, như vậy là cái số nó lại được uống nước con mương quê hương. Nó vẫn chưa quên tiếng mẹ đẻ, chỉ đôi khi đá vài tiếng Cadakhơ thôi, nó nói tiếng quê ta vẫn sôi sục”.

“Dù muôn trùng cách trở, con Tunpar* rút cuộc sẽ tìm lại bầy. Ai mà không yêu quý quê hương, yêu quý bà con dân bản! Anh trở về là phải lắm! Bà con bản ta vui lòng, vong linh tổ tiên anh cũng hể hả. Ổn trời rồi đây chúng ta sẽ đánh thắng bọn Đức, sẽ sống yên lành. Còn anh, cũng như mọi người khác, anh sẽ lập gia đình, và trên nóc nhà anh sẽ bốc lên ngọn khói bếp ấm cúng”, - các cụ ăcxakan nói như vậy.

Nhắc đến tổ tiên Daniyar, các cụ nhớ lại đích xác anh là người dòng họ nào. Thế là trong bản chúng tôi đã xuất hiện “một người bà con mới”- Daniyar.

Rồi một hôm, bác đội trưởng Ôrôzomat đưa một anh lính cao lớn, hơi gù, tập tễnh chân trái ra chỗ chúng tôi cắt cỏ. Chiếc áo ca-pốt vắt trên vai, anh bước lặt đặt, cố không chịu để cho con ngựa cái lùn phi nước kiệu nhỏ của Ôrôzomat bỏ xa mình. Bên cạnh anh chàng Daniyar cao kều, bác đội trưởng tầm vóc nhỏ bé và hiếu động nom chẳng khác gì con chim dẽ ở ven sông. Bọn trẻ thậm chí phá lên cười.

Cái chân bị thương của Daniyar vẫn chưa lành hẳn, đầu gối không gập lại được, việc cắt cỏ không thích hợp với anh, vì thế người ta để anh cùng làm với bọn trẻ con chúng tôi, trông coi máy cắt cỏ. Thú thực là lúc đầu

chúng tôi không thích Daniyar. Trước hết chúng tôi không ưa cái tính kín đáo của anh. Anh ít nói, và nếu có nói, ta vẫn có cảm giác như lúc ấy anh còn mãi nghĩ chuyện gì khác tận đâu đâu, còn đang theo đuổi những ý nghĩ riêng tư, và cũng không thể hiểu được anh có nhìn, thấy ta không, mặc dù anh vẫn nhìn thẳng vào mặt ta bằng cặp mắt mơ màng, tư lự.

- Tội nghiệp anh chàng, chắc là vẫn chưa hoàn hồn sau những ngày ở mặt trận! - người ta xì xào về anh.

Nhưng, có điều lạ là mặc dù lúc nào cũng trầm ngâm như vậy, Daniyar làm việc lại rất nhanh nhẹn và chính xác, nhìn anh lúc ấy có thể tưởng anh là con người hồ hởi và cởi mở. Có lẽ quãng đời thơ ấu mồ côi, long đong lận đận đã khiến anh quen giữ kín tình cảm và ý nghĩ của mình, đã tạo cho anh cái tính dè dặt ấy chẳng? Có thể lắm.

Cặp môi mỏng của Daniyar, với những nếp nhăn nhỏ hằn rõ bên khóe miệng luôn luôn mím chặt, đôi mắt nhìn buồn rầu điềm tĩnh, duy có đôi lông mày mềm mại, luôn luôn động đậy làm cho khuôn mặt gầy gò lúc nào cũng có vẻ mệt mỏi của anh linh hoạt hẳn lên. Đôi khi anh dỏng tai nghe, dường như vừa bắt gặp một âm thanh gì mà tai người khác không nghe được, thế là đôi lông mày anh giương hẳn lên và mắt anh bừng sáng một niềm hân hoan khó hiểu. Rồi anh mỉm cười hồi lâu, vui sướng về chuyện gì không rõ. Chúng tôi coi tất cả đó là điều kì quặc. Chẳng phải chỉ có thế mà thôi, anh còn có những thói kì quặc khác nữa. Buổi chiều, sau khi tháo ngựa ra khỏi xe, chúng tôi tụ tập bên cạnh túp lều, chờ chị cấp dưỡng nấu ăn, còn Daniyar trèo lên “cồn canh gác”^{*} và ngồi lì ở đấy cho đến tối mịt.

- Anh ta làm gì ở đấy, làm nhiệm vụ canh gác chắc? - chúng tôi cười, bảo nhau.

Có lần, vì tò mò tôi theo Daniyar lên cồn. Dường như ở đấy chẳng có gì đặc biệt. Bốn bề là thảo nguyên trung du trải rộng mênh mông, chìm trong bóng tối màu hoa cà. Cánh đồng mờ tối dường như dần dần tan ra trong im vắng.

Lúc tôi đến, Daniyar cũng chẳng buồn để ý tới nữa. Anh ngồi bó gối, nhìn đâu đấy trước mặt, ánh mắt tư lự nhưng trong sáng. Và tôi lại có cảm giác như anh chăm chú lắng nghe những âm thanh mà tai tôi không nghe thấy được. Đôi lúc anh lắng tai nghe và ngồi lặng đi, mắt mở to. Có điều gì làm anh khắc khoải, tôi tưởng chừng như anh sắp đứng lên và phời mở hết

tâm hồn, nhưng không phải phơi mở ra với tôi anh không để ý đến tôi, - mà phơi mở ra trước một cái gì vô cùng rộng lớn, bao la mà tôi chưa từng biết. Rồi nhìn anh tôi không nhận ra anh nữa: Daniyar ngồi ủ rũ, uể oải, như chỉ là anh đang nghỉ ngơi sau buổi làm.

Những bãi cát cỏ của nông trang chúng tôi ở rải rác trên các khu bãi bồi bên sông Kurkurêu. Sông Kurkurêu ra khỏi hẻm núi ở một chỗ cách bản chúng tôi không xa và chảy qua thung lũng thành dòng dữ dội, không gì chế ngự nổi. Mùa cát cỏ là mùa nước lũ các con sông trên núi đổ xuống. Từ chiều nước bắt đầu dâng cao, đục lầy và ngầu bọt. Nửa đêm đang ngủ trong lều, tôi chợt thức giấc vì sông chuyển mình dữ dội. Đêm xanh thẫm, lẳng đọng, sao trời như những con mắt sáng nhìn vào lều, gió lạnh ào ào thốc tới từng cơn, vạn vật đều ngủ cả, duy có con sông vẫn gầm thét, như dậm dọa chồm đến chỗ chúng tôi. Tuy chúng tôi không ở ngay trên bờ sông, nhưng ban đêm, nghe như nước gần kề bên mình cảm giác ấy khiến tôi bất giác hoảng sợ: ngộ nhờ nước đến cuốn phăng cả người lẫn lều đi thì sao? Các bạn tôi ngủ say lì, giấc ngủ khó lòng đánh thức nổi của người cắt cỏ, riêng tôi không thể chợp mắt được, và tôi ra ngoài lều.

Cảnh ban đêm trên bãi sông Kurkurêu thật là đẹp và đáng sợ. Đây đó trên bãi cỏ, những con ngựa bị tròng chân làm thành những vệt đen đen. Đám ngựa đã ăn no nê cỏ ngậm sương và bây giờ thỉnh thoảng lại thở phì phì, mơ màng trong giấc ngủ chập chờn. Còn ngay bên cạnh, sông Kurkurêu vít cong một cây liễu nhỏ ướt đầm và tới tả, nháy chồm chồm vào bờ, xô đá âm âm. Sông không ngớt gầm réo, đêm tối tràn đầy tiếng âm ào cuồng loạn, dữ tợn. Khủng khiếp. Rùng rợn.

Những đêm như thế, bao giờ tôi cũng nhớ tới Daniyar. Ban đêm anh thường ngủ trên những đống cỏ ở ngay bờ sông. Anh không sợ hay sao? Tiếng nước sông gầm réo không làm anh ù tai ư? Anh có ngủ không nhỉ? Tại sao ban đêm anh ngủ một mình trên bờ sông? Anh tìm thấy gì thú vị trong đó? Con người kì quặc, không phải người của thế gian này. Hiện giờ anh ở đâu? Tôi nhìn tứ phía, không thấy ai. Bờ sông chạy ra xa, nhấp nhô những gò đất thoải thoải, những đỉnh núi mờ mờ trong đêm tối. Đằng kia, trên thượng nguồn, đêm thanh vắng và vắng vạc sao.

Dường như đã đến lúc Daniyar phải tìm người trong bản để kết bạn. Nhưng anh vẫn một thân một mình như trước, cứ như thể anh không hề biết thế nào là bè bạn hay thù địch, thiện cảm hay ghen ghét. Vậy mà trong bản,

chàng gighet nào có thể tự bảo vệ mình và bảo vệ người khác, có thể làm việc nghĩa, nhưng đôi khi cũng có thể làm điều ác, dám cưỡng lại các ăcxakan và làm theo ý mình trong các bữa tiệc tùng hay ma chay, thì anh chàng như thế thường được mọi người kiêng nể, thậm chí được phụ nữ để mắt tới.

Nhưng, nếu một kẻ như Đaniyar, sống tách biệt, không can dự vào mọi việc thường ngày trong bản, thì người ta không để ý đến hắn, số khác thì nói với giọng bao dung: Hắn không làm hại ai, cũng chẳng có ích cho ai. Khổ thân hắn, hắn sống vật vờ cho qua ngày đoạn tháng, thôi thì cũng được...

Người như thế thường chuốc lấy sự giễu cợt hay thương hại của thiên hạ. Còn chúng tôi, những gã trai mới lớn, bao giờ cũng muốn tỏ ra già dặn hơn tuổi thực của mình để có thể sánh ngang với những chàng gighet thực thụ, chúng tôi luôn luôn chế nhạo Đaniyar (dĩ nhiên không phải là trước mặt anh, mà giữa chúng tôi với nhau thôi). Chúng tôi chế nhạo cả việc anh ra sông tự giặt lấy chiếc áo cổ đứng bốn túi của mình. Áo giặt xong chưa khô anh đã đem ra mặc: anh chỉ có độc chiếc áo ấy thôi.

Thực cũng lạ, Đaniyar xem chừng có vẻ điềm đạm và hiền lành, vậy mà chúng tôi không hề dám lờn với anh. Không phải vì anh nhiều tuổi hơn chúng tôi (hơn nhau ba bốn tuổi có là bao, với những người như thế chúng tôi chẳng kiêng nể gì, vẫn mày tao chí tở là thường), cũng không phải vì anh nghiêm nghị hoặc làm ra bộ ta đây, điều đó đôi khi vẫn có thể gợi nên một cái gì giống như sự kính nể, không phải thế. Về trầm ngâm cau có của anh ngẫm chứa một cái gì không thể hiểu được, khiến chúng tôi phải e dè, mặc dù chúng tôi vốn sẵn sàng chế nhạo bất cứ kẻ nào.

Có thể duyên do khiến chúng tôi e nể Đaniyar là một sự việc như thế này. Tôi vốn rất tò mò và thường hay làm rầy người khác bằng những câu hỏi đến điếu, mà hỏi chuyện chiến tranh những người đã từng chiến đấu ở mặt trận lại là niềm say mê thực sự của tôi. Hồi Đaniyar về bản trong mùa cất cỏ, tôi luôn luôn tìm dịp thuận lợi để dò hỏi một điều gì ở anh chàng mới ở mặt trận về này.

Một buổi chiều, sau ngày làm, chúng tôi ngồi bên đống lúa, chúng tôi đã ăn xong và thung dung nghỉ ngơi.

- Đanikê, trước khi đi ngủ, anh kể cho nghe chuyện gì về chiến tranh đi, - tôi nài.

Thoạt đầu Daniyar lặng thinh, hình như còn bực mình là đằng khác. Anh nhìn ngọn lửa hồi lâu, rồi ngẩng đầu lên nhìn chúng tôi.

- Kể chuyện chiến tranh ư? - anh hỏi, rồi như để trả lời cho những suy tư riêng của mình, anh nói bằng giọng khàn khàn: - Không, các cậu không nên biết gì về chiến tranh thì hơn.

Rồi anh quay đi, vợ lấy một ôm cỏ khô ném vào đống lửa, và bắt đầu thổi cho cháy bùng lên, mắt không nhìn ai trong bọn chúng tôi.

Daniyar không nói gì thêm. Nhưng, chỉ một câu ngắn ngủi ấy từ miệng anh nói ra cũng đủ khiến chúng tôi hiểu được rằng không thể nói về chiến tranh một cách đơn giản như vậy, không thể từ đó tạo nên một chuyện cổ tích đưa ta vào giấc ngủ. Chiến tranh đọng lại thành máu trong trái tim sâu thẳm của con người, và kể chuyện về nó không phải là dễ dàng. Tôi xấu hổ với chính mình, và không bao giờ tôi hỏi chuyện Daniyar về chiến tranh nữa.

Nhưng, buổi tối hôm đó rồi cũng mau chóng chìm vào lãng quên, cũng như trong bản người ta chẳng còn để ý gì đến chính Daniyar nữa.

Sáng sớm hôm sau, tôi cùng với Daniyar đưa ngựa ra sân đập, vừa lúc đó chị Giamilia cũng đến. Nhìn thấy chúng tôi từ xa chị đã gọi to:

- Ô này, kichinê bala, dắt ngựa của tôi lại đây! Mấy cái vòng cổ ngựa của tôi đâu rồi nhỉ? - Rồi dường như suốt đời vẫn làm nghề đánh xe ngựa, chị bắt đầu xem xét chiếc briska ra dáng thông thạo lắm, dùng chân lay thử xem moayơ bánh xe có ăn khít với trục không.

Khi tôi với Daniyar cưỡi ngựa lại gần, chúng tôi nom thật tức cười dưới con mắt của Giamilia. Đôi chân gầy guộc dài ngoằng của Daniyar buông thõng, xỏ trong đôi ủng giả da. Ủng quá rộng, lúc nào cũng chỉ chực tuột ra. Còn tôi thúc ngựa bằng hai gót chân không giày đã sạm đen lại.

- Rõ thật là xứng đôi! - Giamilia vui vẻ hát đầu lên. Rồi không chần chừ, chị sai bảo chúng tôi:

- Làm nhanh nhanh lên, phải vượt qua được thảo nguyên trước khi nắng gắt.

Chị nắm lấy dây cương, vũng vàng dắt mấy con ngựa đến xe briska và bắt đầu đóng ngựa vào xe. Chị tự tay đóng ngựa, chỉ có một lần chị bảo tôi

bày cho chị cách sắp đặt giầy cương, chị không để ý đến Daniyar như thế không hề có anh ở bên cạnh.

Thái độ cả quyết, thậm chí là tự tin, như có ý thách thức của Giamilia rõ ràng đã khiến Daniyar sửng sốt. Với vẻ ác cảm, nhưng cũng không giấu được sự khâm phục ngấm ngấm, anh mím chặt môi một cách lạ lùng, nhìn chị làm. Khi anh lẳng lặng vác một bao tải thóc ở mặt bàn cân lên, đem ra xe, chị Giamilia cự anh:

- Thế là cái quái gì, mỗi người cứ hùng hục làm một mình như thế ư? Không, anh bạn ạ, làm như thế không ổn đâu, đưa tay đây! Này, kichinê bala, sao lại cứ dương mắt nhìn như thế, trèo lên xe xếp các bao tải đi!

Chị Giamilia nắm lấy tay Daniyar và lúc họ nắm tay nhau cùng xốc tải thóc lên thì anh chàng tội nghiệp cứ đỏ mặt lên vì thẹn. Rồi mỗi lần hai người nâng tải thóc lên, tay nắm chặt tay, đầu gần như chụm vào nhau thì tôi lại thấy Daniyar vừa ngượng ngùng vừa đau khổ, mím chặt môi, cố không nhìn vào mặt Giamilia. Còn chị Giamilia thì thản nhiên như không, dường như không để ý gì đến anh chàng cùng làm với mình, luôn miệng bông đùa với chị cân thóc. Cuối cùng, khi xe đã chất đầy bao tải và chúng tôi đã cầm dây cương trong tay, chị Giamilia nháy mắt ranh mãnh, vừa cười vừa nói:

- Này, anh gì ơi... A, tên anh là Daniyar phải không? Nom anh cũng ra vẻ đấng mày râu đấy chứ, anh đi trước mở đường đi!

Daniyar lại lẳng lặng quất ngựa, và xe đột ngột chuyển bánh. “Ôi, khổ thân đời, người đâu mà gặp chuyện gì cũng thẹn thò bẽn lẽn!” tôi nghĩ thầm.

Chặng đường chúng tôi phải vượt qua khá xa: chừng hai mươi kilômet qua thảo nguyên, rồi qua một hẻm núi và ra ga. Chỉ được cái là từ lúc khởi hành cho đến lúc tới nơi, dường lúc nào cũng xuống dốc, ngựa không nhọc sức.

Bản Kurkurêu chúng tôi nằm rải theo bờ sông, trên sườn dãy Núi Hùng-Vĩ. Chừng nào chưa vào đến hẻm núi thì vẫn còn nhìn thấy bản với những rặng cây thẫm đen.

Một ngày chúng tôi chỉ đi được một chuyến. Chúng tôi ra đi từ sáng, qua trưa mới đến ga.

Trời nắng như đổ lửa, còn ở ga bày ra cảnh tượng chen chúc xô đẩy nhau, không thể len qua được: xe briska, xe môgiara chở những bao tải thóc từ khắp vùng thung lũng đổ đến, lừa và bò thồ thóc từ các nông trang xa xôi ở trên núi về. Người đi áp tải là trẻ em và những chị vợ lính thân hình đen nhẻm, xống áo bạc phếch, chân đi đất rách toạc vì vấp vào đá, môi rớm máu nứt nẻ vì nóng và bụi.

Ở cổng phòng thu nhận thóc có treo một băng khẩu hiệu: “Tùng bông lúa cho mặt trận!” ở sân ga thật là ồn ào hỗn độn, những người tải thóc chen đẩy, hò hét nhau. Cảnh đấy, sau bức tường thấp, một chiếc đầu máy đang dồn toa, phụt ra những cụm hơi nước nóng bỏng dày đặc, tung ra xỉ than nồng nặc thán khí. Những đoàn tàu vùn vụt lao qua, gầm thét đình tai nhức óc. Máy con lặc đà há ngoác những chiếc mõm đầy nước bọt, rống lên một cách giận dữ và thất vọng, cứ phủ phục dưới đất không chịu đứng dậy.

Ở chỗ nhận thóc dưới mái tôn nóng hầm hập, thóc chất cao như núi. Phải vác bao tải thóc đi lên một chiếc cầu ván, mang lối tận ngọn đống sát mái nhà. Hơi thóc bốc ngọt ngào, bụi đen nghẽn thở.

- Này, anh bạn, coi chừng đấy! - người thu nhận đứng dưới gào lên, mắt đỏ ngầu vì mất ngủ. Chuyển lên tận trên cùng kia! - Anh ta giơ nắm đấm hăm dọa và thét mắng om sòm.

Nhưng anh ta la mắng cái nỗi gì kia chứ. Chúng tôi biết cần mang bao tải đến đâu và mang đến đúng chỗ. Những hạt lúa này chúng tôi đã nai lưng ra đưa nó từ cánh đồng về. Trên đồng ruộng, phụ nữ, ông già và trẻ em đã trồng nên cây lúa rồi lại hái lượm từng hạt một; ở đấy, giờ đây, trong vụ mùa khẩn trương, người thợ lái máy liên hợp vẫn đang đánh vật với chiếc máy cọc cạch của mình, chiếc máy đáng phải loại bỏ từ lâu, ở đấy phụ nữ suốt ngày gò lưng xuống với những chiếc liềm nóng rực, và bàn tay bé bỏng của trẻ em vẫn đang chặt chiu lượm lật từng bông lúa rơi.

Đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ những bao tải thóc tôi vác hồi ấy nặng biết chừng nào! Đây là việc của những người đàn ông cường tráng nhất. Tôi trèo lên cao, loạng choạng trên chiếc cầu ván kéo kẹt võng xuống, răng cắn chặt mép chiếc bao tải. cố giữ cho nó khỏi tuột mất. Cổ họng ngứa ngáy vì bụi xộc vào, xương sườn như oằn đi dưới sức nặng của tải thóc, mắt nảy đom đóm. Biết bao lần đuối sức giữa đường, cảm thấy tải thóc đang tuột khỏi lưng không cách gì giữ được, tôi muốn mặc cho nó rơi và lăn xuống cùng

với nó. Nhưng đằng sau tôi còn những người khác đang đi lên. Họ cũng vác những bao tải nặng, đó là những trẻ em trạc tuổi tôi, những thiếu niên đang lớn, hoặc những người vợ bộ đội có con cũng lớn bằng tôi. Nếu như không phải thời buổi chiến tranh, ai lại để cho họ khuân vác nặng như thế! Không, tôi không có quyền chùn bước, một khi phụ nữ cũng đang làm công việc ấy.

Thì đây kia, Giamilia đang đi ở phía trước, váy xắn cao quá gối, tôi thấy những bắp thịt tròn mạp trên cặp dò bánh mặt đẹp đẽ của chị căng lên, tôi thấy chị cố gắng hết sức vác cho được bao tải, tấm thân mềm mại của chị uốn cong xuống dẻo dai như tấm thép. Chỉ thỉnh thoảng chị mới dừng lại một lát dường như chị cảm thấy mỗi bước của tôi càng đuối sức hơn.

- Cố lên, kichinê bala, chỉ còn một quãng nữa thôi!

Nhưng tiếng nói của chị không còn trong trẻo nữa, mà nghẹn ngào.

Trút thóc xong trở xuống, chúng tôi thường gặp Đaniyar. Anh bước đều đều, vũng vàng trên cầu ván, chỉ hơi khập khiễng chút ít, nom anh vẫn cô độc và lẫm lì như mọi khi. Gặp chúng tôi, Đaniyar đưa mắt nhìn Giamilia, cái nhìn u buồn, nồng cháy, còn chị vươn thẳng tấm lưng mỗi nhừ, sửa lại bộ áo váy nhàu nát. Lần nào anh cũng nhìn chị như thể mới gặp chị lần đầu, còn Giamilia vẫn không để ý gì đến anh.

Phải, điều đó đã thành lệ thường: Giamilia hoặc chế nhạo anh hoặc không bận tâm gì đến anh. Ấy là tùy theo tâm trạng của chị. Có lúc xe chúng tôi đang đi, chị chợt nảy ra một ý nghĩ, thế là chị lớn tiếng bảo tôi: “Nào, phóng lên đi!” Và chị hò ngựa, vung roi trên đầu, thúc ngựa phi nước đại. Tôi cho xe đuổi theo chị. Chúng tôi vượt qua xe Đaniyar, bỏ mặc anh chìm trong đám mây bụi mù mịt mãi chưa lắng hết. Tuy đây chỉ là trò đùa bỡn, nhưng không phải ai cũng nín nhịn nổi. Thế mà Đaniyar hình như không giận. Chúng tôi phóng xe như bay vượt qua, còn anh trân mắt nhìn Giamilia đang đứng trên xe cười vang, cái nhìn vừa khâm phục vừa buồn bực. Tôi quay lại. Đaniyar vẫn nhìn chị qua đám mây bụi. Ánh mắt anh biểu lộ một cái gì hiền hậu, sẵn lòng tha thứ hết thảy, nhưng tôi còn đoán nhận thấy cái nhìn ấy chứa đựng một nỗi buồn dai dẳng thâm kín.

Dù là Giamilia giễu cợt hay hoàn toàn thờ ơ, Đaniyar chưa bao giờ tức giận. Dường như anh đã thề với mình sẽ nín nhịn hết. Thoạt đầu tôi thương hại anh, và nhiều lần tôi bảo chị Giamilia:

- Chị cứ chế nhạo anh ấy làm gì, giê-nê, anh ấy hiền lành thế kia mà!

- Kệ anh ta! - chị Giamilia cười và khoát tay. - Chị đùa chơi tí thôi mà, với anh chàng im lìm đó thì chẳng sao đâu mà lo!

Thế rồi sau đó tôi cũng trêu ghẹo, chế nhạo Daniyar không kém gì chính Giamilia. Cái nhìn dai dẳng kì lạ của Daniyar bắt đầu làm tôi lo ngại. Những lúc chị Giamilia vác bao tải lên vai, Daniyar nhìn chị mới ghê chứ. Mà kể cũng phải thôi, ở nơi ồn ào huyên náo, chen đẩy hỗn độn này, trong cái sân ga nhộn nháo như cảnh chợ phiên này, giữa đám người tất tả, la hét đến khản đặc này, chị Giamilia nổi bật hẳn lên bởi những cử động vững vàng, chính xác, đáng đi thanh thoát, như thể mọi việc diễn ra ở chỗ rộng rãi thênh thang vậy.

Không thể không ngắm nhìn chị được. Để đỡ lấy một bao tải trên thành xe, chị vươn người lên, uốn ngược ra ghé vai đón và ngửa đầu về phía sau, để lộ cái cổ thon thả rất đẹp và hai bím tóc chấy nắng ngả sang màu nâu của chị gần chấm đất. Daniyar làm như tình cờ dừng lại, rồi cứ nhìn theo chị cho đến khi chị đi đến tận cửa. Chắc hẳn anh tưởng nhìn thế cũng không ai để ý thấy, nhưng tôi nhận thấy hết và tôi bắt đầu không ưa cái lối nhìn như vậy, thậm chí cảm thấy như bị người ta xúc phạm đến tình cảm của mình: tôi không thể nào cho rằng Daniyar xứng đáng với Giamilia.

“Gớm chưa, ngay đến anh chàng này cũng nhìn chị Giamilia như thế thì còn nói gì đến những kẻ khác!” - tôi tức lộn ruột. Cái tính ích kỷ trẻ con mà tôi còn chưa thoát được bùng lên thành cơn ghen dằn vặt. Thường trẻ em bao giờ cũng ghen tức khi người ngoài yêu mến người thân của mình. Thế là, đáng lẽ thương hại Daniyar, tôi lại căm ghét anh đến nỗi hề thấy anh bị chế giễu là tôi mở cờ trong bụng.

Nhưng, những trò tinh nghịch của tôi và chị Giamilia đã dẫn đến một kết cục rất đáng buồn. Trong số bao tải chúng tôi dùng để chở thóc ra ga, có một bao to lắm, đựng được đến bảy pút* thóc, làm bằng vải len thô. Thường thì phải cả tôi và chị Giamilia mới khuân được tải thóc ấy, chứ một người thì không kham nổi. Thế rồi lần ấy, ở sân đập, chúng tôi định trêu Daniyar một vố. Chúng tôi khuân tải thóc to tướng ấy lên xe briska của anh, rồi chất những tải khác lên trên. Lúc đi qua một làng Nga, tôi với chị Giamilia chạy vào trầy táo ở một khu vườn nhà ai không rõ và chúng tôi cười đùa suốt dọc đường. Chị Giamilia lấy táo ném vào Daniyar. Rồi như mọi lần, chúng tôi cho xe vượt lên trước, để lại đám mây bụi mù mịt. Mãi đến lúc qua khỏi hẻm núi, chỗ đường xe lửa chạy ngang qua đường cái, anh mới đuổi kịp

chúng tôi: lúc ấy đường bị chắn. Từ đây, chúng tôi cùng ra ga, và thế quái nào mà chúng tôi quên băng mắt tải thóc bảy phút, mãi đến lúc đổ thóc gần xong chúng tôi mới nhớ ra. Chị Giamilia tinh nghịch huých khuỷu tay vào sườn tôi và hát hăm về phía Daniyar. Anh đứng cạnh xe briska, lo lắng nhìn bao tải, rõ ràng đang suy tính xem nên xoay xử cách nào đây. Rồi anh đưa mắt nhìn quanh và thấy Giamilia đang cười rữ ra, mặt anh đỏ rừ: anh đã hiểu đầu đuôi sự tình.

- Thất chặt quần lại, không thì nửa đường tụt mất đấy! - Giamilia kêu to bảo.

Daniyar ném một cái nhìn dữ tợn về phía chúng tôi, và chúng tôi chưa kịp nghĩ lại thì anh đã vắn tải thóc trên đáy xe, dựng nó vào thành xe, rồi anh nhảy xuống đất, một tay giữ lấy, vác lên lưng và đem đi. Thoạt đầu, hai chị em tôi làm như không có gì đặc biệt. Những người khác thì đương nhiên lại càng không để ý gì đến chuyện ấy: một người vác bao tải thóc cũng như mọi người. Nhưng khi Daniyar tới gần cầu ván. Giamilia đuổi kịp anh:

- Bỏ tải thóc xuống, tôi đùa đấy mà!

- Xê ra! - anh nói dần giọng và bước lên cầu.

- Xem kìa, anh ta vác được đấy! - Giamilia thốt lên, như để tự bào chữa.

Chị vẫn cười khe khẽ, nhưng tiếng cười có vẻ gượng gạo, như thể chị ép mình phải cười.

Chúng tôi để ý thấy Daniyar mỗi lúc một tập tễnh nhiều hơn ở bên chân bị thương. Sao chúng tôi không nghĩ đến chuyện ấy từ trước nhỉ? Cho đến bây giờ tôi vẫn không thể tha thứ cho mình cái trò đùa đại dột đó, bởi vì chính cái thằng tôi ngu ngốc đã bày ra cái trò tai ác ấy!

- Quay lại đi! - chị Giamilia hét gọi qua tiếng cười không vui.

Nhưng Daniyar không thể quay trở lại nữa: sau lưng anh đã có những người khác đang lên theo.

Tôi không còn nhớ rõ tiếp đó sự thể ra sao. Tôi thấy Daniyar còng người dưới tải thóc khổng lồ, đầu cúi thấp, môi mím chặt. Anh bước chậm chạp, thận trọng nhấc bên chân bị thương. Rõ ràng mỗi bước đi đều làm anh đau đớn đến nỗi anh ngoẹo đầu đi và đứng lạng giây lát. Và càng leo lên cao trên cầu ván, anh càng loạng choạng hơn. Tải thóc làm anh lão đảo. Còn tôi thì khiếp sợ và xấu hổ đến nỗi khô rát cả cổ họng. Kinh hãi đến ngây người,

tôi cảm thấy bằng mọi đường gân thớ thịt cái sức nặng anh mang trên lưng và sự đau đớn không sao chịu nổi trong cái chân bị thương của anh. Kìa, anh lại lạng người đi, đầu ngật mạnh, thế là trước mắt tôi mọi vật đều trông thành, tôi sầm lại, mặt đất chuối đi dưới chân tôi.

Tôi chợt tỉnh, thoát khỏi trạng thái sững sờ khi có người nào bóp mạnh tay tôi, đến nỗi tôi cảm thấy nhức buốt trong xương. Tôi không nhận ra ngay chị Giamilia. Mặt chị trắng bệch, trông con người thao láo trong đôi mắt mở to, môi vẫn còn run run sau lần cười mới rồi. Liền đó, không chỉ riêng hai chị em tôi, mà tất cả những người có mặt ở đây, kể cả người thu nhận thóc cũng chạy đến chân cầu ván. Daniyar bước thêm hai bước nữa, muốn xốc lại tải thóc trên lưng cho cân, và anh từ từ quỳ một chân xuống. Giamilia đưa hai tay lên bưng mặt.

- Vút xuống! Vút xuống! - chị gào lên.

Nhưng không hiểu sao, Daniyar không vút tải thóc, mặc dù đã từ lâu anh có thể quăng nó sang mé bên cầu ván cho rơi xuống đất, để nó khỏi xô ngã những người đi sau. Nghe thấy tiếng Giamilia, anh dướn người lên, đứng thẳng chân, bước thêm bước nữa, và lại bị loạng choạng.

- Vút nó xuống, đồ chó đẻ! - người nhận thóc quát âm lên.

- Vút xuống! - mọi người la hét.

Lần này Daniyar cũng vẫn trụ vững.

- Không, anh ta không chịu vút xuống đâu! - có người thì thào, giọng cả quyết.

Dường như hết thảy mọi người, cả những người đi trên cầu ván sau lưng anh cũng như những người đứng ở dưới đều hiểu rằng anh không chịu quăng tải thóc xuống, trừ phi anh lộn cổ xuống cùng với nó. Bầu không khí yên lặng như tờ. Sau bức tường, phía bên ngoài, chiếc đầu máy xe lửa giật giọng hét còi.

Còn Daniyar lão đảo, như không còn nghe thấy gì hết, vẫn leo lên cao, đến gần cái mái tôn nóng bỏng, những tấm ván cầu cong oằn đi dưới chân anh. Cứ leo được hai bước anh lại dừng, mất thăng bằng, và lại lấy sức bước tiếp. Những người đi phía sau cùng cố theo cho hòa nhịp với anh, anh dừng họ cũng dừng. Lên cầu dốc mà đi như thế thật là mệt họ dần dần kiệt sức, nhưng không ai cúi, không ai la mắng anh. Như bị ràng buộc với nhau bằng sợi dây vô hình họ vác cái vật nặng của mình leo lên, như đi trên con đường

mòn nguy hiểm, trơn chuội, ở đó sinh mạng người này gắn liền với sinh mạng người kia. Cái yên lặng hòa đồng và đã chao đảo đơn điệu của họ tuân theo một nhịp điệu duy nhất nặng nề. Một bước, lại một bước nữa theo Daniyar, rồi lại bước nữa. Một chị vợ bộ đội đi ngay sau anh đã nhìn anh với biết bao thương cảm, răng nghiến chặt chị cầu nguyện cho anh! Bản thân chị đã lê chân không nổi, nhưng chị cầu nguyện cho anh.

Chỉ còn chút xíu nữa là hết phần dốc của cầu ván. Nhưng Daniyar lại loạng choạng, cái chân bị thương không còn tuân theo ý anh nữa. Anh sẽ ngã lộn nhào ngay bây giờ, nếu không buông tải thóc ra.

- Chạy lên mau! Đỡ sau lưng anh ấy! - chị Giamilia thét bảo tôi, còn chị hốt hoảng giơ hai tay ra như thể hành động đó có thể giúp gì cho Daniyar.

Tôi băng mình chạy lên cầu ván. Len qua hàng người và bao tải, tôi chạy đến chỗ Daniyar. Anh nhìn tôi qua khuỷu tay. Trên vầng trán ướt đẫm mồ hôi, sầm tối của anh nổi hẳn lên những đường mạch máu, mắt anh đỏ ngầu như muốn đốt cháy tôi bằng ngọn lửa giận. Tôi toan đỡ lấy tải thóc.

- Lui ra! - Daniyar nạt nộ bằng giọng khàn khàn và tiếp tục bước lên.

Khi Daniyar thở hồng hộc, khập khiễng bước xuống cầu ván, hai tay anh buông thõng như hai chiếc roi. Mọi người lảng lạng tránh lối cho anh đi, còn người thu nhận thóc không nén nổi, gắt lên:

- Này, anh hóa rõ rồi đấy hả? Chẳng lẽ tôi không phải là người hay sao, đâu có phải tôi không cho anh đỡ thóc ở bên dưới? Ai bảo anh đi vác tải thóc nặng như thế?

- Đây là việc của tôi, - Daniyar khẽ đáp.

Anh nhổ bọt sang một bên, rồi đi đến xe của mình. Còn tôi và chị Giamilia không dám ngược mắt nhìn lên. Chúng tôi vừa xấu hổ vừa giận Daniyar đã quá chấp nhận cái trò đùa đại dột của chúng tôi.

Suốt đêm hôm ấy, chúng tôi lặng lẽ đánh xe đi. Daniyar thì vốn dĩ vẫn như vậy. Vì thế chúng tôi không thể hiểu được anh có giận chúng tôi không, hay đã quên hết rồi. Nhưng chúng tôi khổ tâm, lương tâm dày vò.

Buổi sáng, khi chúng tôi đóng thóc vào bao ở sân kho, chị Giamilia cầm lấy cái bao tải ác hại ấy, dẫm một chân lên miệng bao và xé đánh roạt một cái.

- Đây, giả chị cái của nợ này! - chị quẳng cái bao tải xuống chân chị cân thóc, khiến chị ta sững sốt. - Và nói với đội trưởng là lần sau đừng có nhét những cái bao như thế cho người ta!

- Nhưng chị làm sao thế? Có chuyện gì vậy?

- Chẳng sao cả.

* * *

Suốt ngày hôm sau, Daniyar không hề tỏ ra giận dữ, anh vẫn thản nhiên và lằm lằm, duy chỉ tập tễnh hơn mọi khi, nhất là khi vác tải thóc. Hẳn là sau cái việc hôm qua, vết thương anh lại tấy lên dữ dội. Điều đó luôn luôn nhắc cho chúng tôi nhớ rằng chúng tôi có lỗi với anh. Giá như anh cười hoặc nói đùa thì tình thế sẽ dịu đi, mối bất hòa giữa chúng tôi sẽ nhòa dần.

Giamilia cũng làm ra vẻ như không có chuyện gì khác thường. Bản tính kiêu hãnh, chị vẫn cười, nhưng tôi thấy suốt ngày chị bứt rứt trong lòng.

Lần ấy, khi chúng tôi rời ga ra về thì trời đã tối. Xe Daniyar đi trước. Đêm đẹp huyền ảo. Ai mà không biết những đêm tháng Tám, sao trên trời xa xăm muôn trùng mà lại như rất gần, rục rờ lạ thường! Từng ngôi rõ mồn một. Đây kia, một ngôi như viền sương giá, lấp lánh những tia sáng lạnh buốt, từ trên bầu trời tối thẫm nhìn xuống trái đất, đầy vẻ ngạc nhiên thơ ngây. Xe chúng tôi đi trong khe núi, và tôi ngắm nhìn ngôi sao mãi không dứt. Ngựa trên đường về thích thú phi nước kiệu, sỏi rào rạo dưới bánh xe. Gió từ thảo nguyên đưa lại mùi phân đặng đặng của ngải cứu đang nở hoa lẫn với hương thơm thoang thoang của lúa mì chín đang nguội đi, tất cả những cái đó hòa với mùi hắc ín và mùi dây thừng xe đấm mồ hôi ngựa làm cho đầu óc tôi hơi choáng váng.

Một bên đường, trên đầu chúng tôi lơ lửng những vách đá rộp bóng những bụi tầm xuân, um tùm, còn bên kia đường xa xa về phía dưới, giữa những bụi liễu và những cây dương nhỏ mọc hoang dại, con sông Kurkuru không hề biết ngừng nghỉ xô sóng âm âm. Thỉnh thoảng, ở nơi nào phía sau, có tiếng âm âm xuyên suốt không gian: đấy là những đoàn tàu băng qua cầu và mỗi lúc một rời xa, cuốn theo hồi lâu tiếng gõ đều đều của bánh xe.

Ngồi trên xe lúc trời mát mẻ, mắt nhìn lưng ngựa nhấp nhô, tai lắng nghe đêm tháng Tám, thở hít hương đêm thơm thơm, thực thú vị biết bao! Xe chị Giamilia đi trước. Chị thả lỏng giây cương, mắt nhìn hai bên và khe khẽ cất tiếng hát. Tôi hiểu chị: sự im lặng của chúng tôi gây cho chị cảm giác nặng

nề. Vào một đêm như đêm nay, người ta không thể im lặng, cái đêm như đêm nay khiến người ta tự đứng muốn ca hát!

Và chị cất tiếng hát. Chị hát có lẽ còn là vì chị muốn làm cách nào cho quan hệ của chúng tôi với Daniyar trở lại hồn nhiên như trước kia, chị muốn xua tan cái cảm giác chị có lỗi với Daniyar. Tiếng hát của chị âm vang, sôi nổi, chị hát những bài ngắn vẫn lưu truyền trong bản, đại loại như: “Em vẫn chiếc khăn hồng nhả anh yêu” hay “Người yêu tôi trên nẻo đường xa xăm muôn dặm”. Chị biết vô khối bài ca như thế, và chị hát bằng giọng chất phác, chân tình, nghe thật dễ ưa. Nhưng đột nhiên chị ngừng bật và gọi to bảo Daniyar:

- Này, anh Daniyar, anh hát một bài gì đi chứ! Anh có phải là gighet hay không đấy?

- Chị cứ hát đi, Giamilia, cứ hát đi! - Daniyar ghìim ngựa lại, lúng túng đáp. - Tôi vẫn nghe chị hát đây, đóng cả hai tai lắng nghe đây.

- Thế anh tưởng chúng tôi không có tai chắc? Rõ chán, không muốn hát thì thôi vậy! - và chị Giamilia lại cất tiếng hát.

Nào ai biết vì sao chị lại bảo Daniyar hát? Có lẽ đây chỉ là chuyện bình thường thôi, mà cũng có thể là chị muốn bắt chuyện với anh chàng? Thực ra chị muốn nói chuyện với Daniyar thì đúng hơn, bởi vì lát sau chị lại lớn tiếng gọi: “Này anh Daniyar ơi, anh đã từng yêu bao giờ chưa?” - và chị phá lên cười.

Daniyar không trả lời gì hết. Giamilia cũng nín thình.

“Lại đi bảo cái anh chàng ấy hát kia chứ, rõ khéo ồm ờ!” - tôi cười mỉa.

Tới chỗ con suối nhỏ cắt ngang đường cái, ngựa nện vó lộp cộp trên những phiến đá ẩm ướt, óng ánh bạc, đi chậm lại. Khi chúng tôi qua chỗ suối cạn. Daniyar quất roi thúc ngựa và bất chợt cất tiếng hát, giọng anh ngõ ngàng, giật nảy lên ở những chỗ xe qua ổ gà:

Ôi những giải núi xanh

Ẩn mình sau tuyết trắng

Đời đời mảnh đất cha ông!

Hát đến đây, đột nhiên anh ngậ ngừng, húng hắng ho, nhưng rồi lại hát tiếp hai câu sau bằng một giọng sâu lắng phát ra từ lồng ngực, tuy thực ra có hơi khàn khàn:

Ôi những giải núi xanh

Ẩn mình sau tuyết trắng

Tắm nôl mềm nuôi dưỡng đời ta.

Rồi anh lại ghen lời, như sợ hãi điều gì, và im bật.

Tôi hình dung rõ mồn một anh đang bối rối như thế nào. Nhưng ngay trong tiếng hát rụt rè, đứt đoạn ấy vẫn có cái gì cảm động lạ thường. Hẳn là anh có giọng hát hay, nhưng thực không thể tin được rằng người có giọng hát như thế lại là Daniyar.

- Lạ thật đấy! - tôi buột miệng nói.

Còn chị Giamilia thậm chí kêu lên:

- Sao trước đây anh giấu mình thế nhỉ! Nào, hát đi, hát thật hay vào!

Phía trước hiện ra một khoảng sáng: đấy là chỗ ra khỏi hẻm núi đi vào thung lũng. Từ nơi ấy một làn gió nhẹ thổi tới. Daniyar lại cất tiếng hát. Lúc đầu anh cũng hát rụt rè ngập ngừng, nhưng rồi giọng anh mạnh dần lên, âm vang khắp hẻm núi, dội tiếng trên các vách đá phía xa.

Điều làm tôi ngạc nhiên nhất là bản thân điệu hát mới thiết tha, nồng cháy làm sao. Tôi không biết gọi nó là gì, mà ngay đến giờ tôi cũng không biết, hay nói cho đúng hơn là không thể diễn giải cho rạch ròi được: phải chăng đấy chỉ là giọng hát hay còn là một cái gì quan trọng hơn nảy sinh từ chính tâm hồn con người, một cái gì có thể khiến người khác cũng xúc động như thế, có thể khơi dậy những ý nghĩ thầm kín nhất.

Ước gì tôi có thể làm hiện lại, dù chỉ là ít nhiều tiếng hát của Daniyar! Tiếng hát của anh hầu như không có lời, nó phơi mở tâm hồn rộng lớn của con người không cần lời. Trước kia cũng như sau này, chưa bao giờ tôi được nghe tiếng hát nào như vậy: nó không giống làn điệu Kirghizia, cũng không giống làn điệu Cadakhơ mà dung hợp cả hai. Nhạc điệu của Daniyar thấm hút những làn điệu hay nhất của hai dân tộc anh em và hòa thành một bài ca duy nhất, có một không hai. Đây là bài ca của núi đồi và thảo nguyên, khi thì ngân vang vút lên như những ngọn núi Kirghizia, khi thì trải rộng bao la như thảo nguyên Cadăcxtan.

Nghe anh hát, tôi ngạc nhiên: “Thì ra anh chàng Daniyar này là như thế đấy! Ai mà ngờ được!”

Chúng tôi đã đi trong thảo nguyên, trên con đường mòn nhẵn đất mềm và bây giờ tiếng hát của Daniyar thực là mênh mang, làn điệu luôn luôn đổi mới, nối tiếp nhau uyển chuyển lạ thường. Con người ấy mà có tâm hồn phong phú như thế ư? Có chuyện gì đã xảy đến với anh vậy? Đường như bấy lâu nay, anh vẫn chỉ chờ đợi ngày này, giờ này của mình!

Và đột nhiên, tôi bỗng hiểu những cái lạ đời của anh đã khiến mọi người băn khoăn và chế nhạo: tính mơ mộng, ưa lẻ loi, tính lằm lì. Bây giờ tôi hiểu tại sao anh thường ngồi suốt buổi chiều trên cồn cạnh gác và tại sao anh thường ngủ đêm một mình bên sông, tại sao anh lắng nghe những âm thanh người khác không nghe thấy được và tại sao đôi khi mắt anh bỗng cháy rục lên, đôi lông mày thường ngày vốn có vẻ e dè bỗng xếch ngược lên. Đây là một con người yêu say đắm. Anh đang yêu say đắm, tôi cảm thấy thế, không phải chỉ là yêu mê một người khác; đây là một thứ tình yêu khác, hết sức lớn lao: yêu cuộc sống, yêu cõi đất này. Đúng, anh ấp ủ tình yêu đó trong lòng, trong điệu nhạc của mình, nó là lẽ sống của anh. Người nào mang trong mình một tâm hồn tế lạnh không thể hát như vậy được, dù có giọng hay đến đâu.

Khi hồi âm cuối cùng của tiếng hát dường như đã tắt hẳn, cảm hứng xốn xang mới mẻ của bài ca như đánh thức cả thảo nguyên đang thiu thiu ngủ. Thảo nguyên cảm kích nghe tiếng người hát, sung sướng được vỗ về trong điệu hát thân quen. Lúa mì chín biêng biếc đang chờ thu hoạch rập rờn như làn nước mênh mang, và những vệt ánh sáng lúc sắp rạng đông lướt trên cánh đồng. Đám liễu già đông đảo ở cạnh nhà xay rung lá xào xạc, mấy đống lửa của các khu trại đồng bên kia sông đã tàn lụi, một bóng người cưỡi ngựa êm ru trên bờ sông nhằm hướng bản làng, lúc thì biến mất trong những khu vườn, lúc thì lại xuất hiện. Gió từ phía ấy thổi tới dâng hương táo chín, hương mật ngọt của ngô đang trở hoa thơm thơm như mùi sữa tươi mới vắt và mùi nồng ấm của kigiắc đang khô.

Daniyar mê mãi hát. Đêm tháng Tám đắm đuối nín thở nghe anh hát, cả đến mấy con ngựa cũng đã chuyển sang đi bước một từ lâu, như sợ làm tan biến mất phút giây huyền diệu này.

Đột nhiên, lên đến một âm thanh cao nhất, vang vọng nhất, Daniyar bỗng ngừng bật, không hát nữa và hò lên một tiếng, quát ngựa phi nước đại. Tôi cứ tưởng chị Giamilia sẽ giục ngựa đuổi theo anh và tôi cũng sẵn sàng cho ngựa phi, nhưng chị không nhúc nhích. Trước chị ngồi ngả đầu về một

bên vai, giờ chị vẫn ngồi như thế, dường như vẫn lắng nghe những âm thanh chưa tàn lạnh còn đang bay lượn trên không. Daniyar đã đi xa, và cho đến lúc về tới bản, hai chị em chúng tôi không thốt lên một lời nào. Và chẳng, cần gì phải nói kia chứ? Lời nói không phải bao giờ cũng bộc lộ được hết nỗi lòng ta...

Từ hôm ấy trở đi, trong đời sống của chúng tôi hình như đã có cái gì đổi khác. Bây giờ tôi luôn luôn mong chờ một điều gì tốt lành, đáng thêm ước. Từ sáng, chúng tôi đóng thóc vào bao ở sân kho, chờ ra ga, và chúng tôi nóng lòng cho xe đi thật mau để khi trở về được nghe Daniyar hát. Tiếng hát của anh thấm vào hồn tôi, theo tôi từng bước: sáng sáng, tôi cùng nó chạy qua bãi cỏ linh lăng đầm sương đến chỗ cột ngựa, mặt trời tươi cười nô lên sau dãy núi đón chào tôi. Tôi nghe thấy giọng hát ấy cả trong tiếng rào rào êm dịu của trận mưa lúa mạch vàng óng mà các cụ già quạt thóc tung ra trước gió, cả trong nhịp bay uyển chuyển của con điều hâu đơn độc lượn vòng trên không trung cao vợi giữa thảo nguyên. Nhìn bất cứ cái gì tôi cũng nghe thấy tiếng hát ấy, cũng mừng tượng đến điệu nhạc của Daniyar.

Buổi chiều, khi xe chúng tôi qua hẻm núi, lần nào tôi cũng tưởng chừng như tôi lạc vào một thế giới khác. Tôi lim dim mắt nghe Daniyar hát và trước mắt tôi hiện lên những cảnh tượng thân quen lạ lùng từ thuở ấu thơ: có lúc là những đám mây lang thang mùa xuân dịu hiền, mầu khói biêng biếc bồng bênh lướt trôi ở tầm cao sếu bay, phía trên những nhà lều; có lúc là những đàn ngựa hí vang, nện vó rầm rập trên mặt đất dội tiếng âm vang, phi như bay ra bãi chăn mùa hè, và những con ngựa non bồm chưa xén, mắt rục lên ngọn lửa đến man dại, vừa kiêu hãnh phóng đi vừa như điên như dại chạy quẩn xung quanh mẹ; khi thì là những bầy cừu như làn phún thạch bình thân tỏa xuống các sườn dốc; khi thì là một thác nước từ vách đá đổ xuống sủi lên từng đám bọt trắng xóa; khi thì là cảnh thảo nguyên bên kia sông, vằng mặt trời nhẹ nhàng lặn xuống sau bụi cây, và xa xa, một người cưỡi ngựa đơn độc lững thững ở đường chân trời bốc lửa, dường như đuổi theo vầng dương, chỉ còn cách nó một tầm tay, rồi cũng chìm nốt trong đám cây bụi và trong bóng tối.

Bên kia sông, thảo nguyên Cadakhơ rộng bao la xô dạt núi non của chúng tôi về hai bên, trải ra oai nghiêm và hoang vắng...

Nhưng vào mùa hè đáng ghi nhớ ấy, khi chiến tranh ập đến, những đám lửa đã bùng cháy trên thảo nguyên, hàng đoàn ngựa chiến chìm ngập thảo

nguyên trong đám bụi mờ mịt nóng rực, những người đưa tin phóng ngựa về khắp các ngả. Tôi còn nhớ, từ bờ bên kia, một người Cadakhơ cưỡi ngựa phi nước đại, gào lên bằng cái giọng hầu của người chân cừu:

“Hãy lên ngựa, hồi dân chúng Kirghizia: kẻ thù đã tới!” - rồi người đó tiếp tục lao đi trong cơn lốc bụi và trong lớp sóng hơi nóng bốc lên mờ mịt như sương mù.

Thảo nguyên thôi thúc toàn dân vùng dậy, và những trung đoàn kỵ binh đầu tiên của chúng tôi từ trên núi kéo xuống, băng qua các thung lũng trong tiếng âm âm dữ tợn và trịnh trọng. Hàng nghìn đôi bàn đạp va chạm loảng xoảng, hàng nghìn chàng gighit đưa mắt nhìn khắp thảo nguyên: phía trước là những lá cờ đỏ dương cao bay phấp phới, phía sau, bên kia đám bụi bốc lên dưới vó ngựa, tiếng khóc trang nghiêm đầy đau xót của những người vợ và bà mẹ đội xuống mặt đất: “Cầu cho thảo nguyên trợ giúp các anh, cầu xin anh linh tráng sĩ Manax của chúng ta phù hộ các anh!”

Ở đâu nhân dân lâm vào cảnh chiến tranh, ở đấy còn lại những con đường chua xót...

Và toàn bộ thế giới những vẻ đẹp trần gian này cùng những nỗi lo âu khắc khoải này, Daniyar đã phơi mở ra trước mắt tôi trong bài ca của anh. Anh đã học được ở đâu? Ai dạy cho anh những câu ca đó? Tôi hiểu rằng tình yêu quê hương như thế chỉ có thể có ở một người đã nhiều năm ròng mong nhớ quê nhà, đã đau khổ vì tình yêu quê hương. Nghe anh hát, tôi nhìn thấy chính anh còn là một chú bé nhỏ tuổi lang thang trên các nẻo đường thảo nguyên. Có lẽ chính khi ấy, tâm hồn anh đã thai nghén ra những bài ca quê hương chẳng? Hay có lẽ những bài ca ấy đã ra đời khi anh băng qua những dặm đường khói lửa của chiến tranh?

Nghe Daniyar, tôi muốn sà xuống đất ôm ghì lấy nó như đứa con ôm hôn mẹ, chỉ vì một lẽ cỗi đất đã có thể làm cho con người yêu nó đến thế. Khi ấy lần đầu tiên tôi thấy trong tôi bừng thức dậy một cái gì mới mẻ mà tôi không biết gọi là gì, nhưng đó là một cái gì không thể cưỡng lại nổi, là nhu cầu bộc lộ tâm tình. Phải, bộc lộ, không phải chỉ là chính mình nhìn thấy và cảm nhận thế giới, mà còn phải làm cho người khác nhìn thấy cái mình nhìn, truyền cho họ những ý nghĩ và cảm giác của mình, kể với mọi người về vẻ đẹp của đất nước như Daniyar đã làm với tình cảm thắm thiết nồng

hậu. Tôi lặng người đi, bất giác cảm thấy sợ hãi và vui sướng trước cái gì chưa từng biết. Nhưng hồi ấy tôi vẫn chưa hiểu rằng tôi cần cầm lấy bút vẽ.

Tôi thích vẽ từ bé. Tôi thường vẽ lại những bức tranh nhỏ trong sách giáo khoa, và bạn bè vẫn bảo tôi vẽ “giống hệt”. Ở trường các thầy cũng khen tôi mỗi khi tôi đưa tranh của tôi lên báo tường. Nhưng rồi chiến tranh xảy đến, các anh tôi đi bộ đội, tôi bỏ học và đi làm ở nông trang cũng như tất cả các bạn cùng lứa tuổi. Tôi đã quên cả bột màu cùng bút vẽ và không hề nghĩ rằng rồi đây sẽ có lúc tôi lại nhớ đến những thứ ấy. Nhưng tiếng hát của Daniyar đã làm tâm hồn tôi xao xuyến. Tôi như sống trong chiêm bao, tôi nhìn thế giới bằng con mắt ngạc nhiên như thể cái gì cũng mới thấy lần đầu.

Còn chị Giamilia đột nhiên thay đổi mới lạ làm sao! Dường như chị chưa bao giờ là cô gái hay cười, hoạt bát, hay trêu chọc. Nỗi buồn tươi sáng của mùa xuân vương vấn trên đôi mắt thần thờ kia. Dọc đường chị luôn luôn mãi mê nghĩ ngợi điều gì. Nụ cười mơ màng, khắc khoải phảng phất trên môi chị, chị thâm lặng vui sướng chuyện gì không rõ, điều đó chỉ riêng mình chị biết. Đôi khi, vác tải lên vai, chị cứ đứng ngây ra, rụt rè đến khó hiểu, dường như trước mặt chị là một thác nước cuộn cuộn và chị không biết có nên đi tiếp hay không. Chị tránh mặt Daniyar, không nhìn vào mắt anh.

Có lần, ở sân đập, Giamilia nói với Daniyar, giọng cố làm làm ra vẻ bực bội nhưng vẫn yếu đuối:

- Này, cởi chiếc áo va-rơi ra đi. Đưa tôi giặt cho.

Rồi, giặt xong chiếc áo ở sông, chị trải ra phơi và ngồi cạnh đấy, lấy tay vuốt tấm áo hồi lâu cho phẳng, cẩn thận từng li từng tí, soi đôi vai áo đã mòn ra nắng, lắc đầu, rồi lại bắt đầu vuốt tấm áo, lặng lẽ buồn rầu.

Suốt trong thời gian ấy, chỉ có một lần chị Giamilia cười vang, tiếng cười để lộ cuốn của chị, và mắt chị lại ngời sáng như trước. Một đám đông ồn ào tạt vào sân đập, đấy là những thiếu phụ, những cô gái và những chàng gighit đã phục viên vừa ở cánh đồng linh lảng về.

- Này, các cô ả, không phải chỉ các cô mới có quyền ăn bánh mì tiểu mạch đâu nhé, đem ra thết chúng anh đi, không thì chúng anh quăng các cô xuống sông bây giờ! - Các chàng gighit vờ giờ chàng nạng lên dọa.

- Đừng có hòng giờ chàng nạng ra dọa chúng tôi! Bạn gái với nhau thì chúng tôi sẽ có món ngon thết đãi ngay, còn các anh thì xin tự kiếm lấy mà

ăn! - Giamilia lạnh lạnh đáp lại.

- A, đã thế thì cho tất cả các ả xuống thăm thủy cung!

Thế là các cô gái và các chàng trai xô vào túm lấy nhau. Họ la hét, kêu ré, cười đùa xô đẩy nhau xuống nước.

- Túm lấy, lôi đi! - Giamilia cười to hơn hết thấy nhanh nhẹn và khéo léo lẩn tránh những người xấn đến bắt mình.

Nhưng lạ một điều là các chàng gighet dường như chỉ thấy có một mình Giamilia. Anh nào cũng cố túm cho bằng được chị để ôm ghì lấy. Rồi ba chàng trai cũng vô được chị và khiêng ra bờ sông.

- Hôn đi, không thì cho ùm xuống sông!

- Nào, lẳng lấy đà đi!

Giamilia khéo léo thoát ra được, chị ngửa mặt cười to, vừa cười vừa gọi các bạn gái đến cứu. Nhưng các cô bạn cũng đang nhào nhào chạy trên bờ sông, vừa chạy vừa lượm những chiếc khăn choàng rơi xuống nước. Giamilia bay xuống sông giữa tiếng cười rộ của các chàng gighet. Chị lóp ngóp bò lên, tóc ướt đầm xỏa tung, nhưng lại càng đẹp hơn trước. Chiếc áo dài vải hoa ướt dính sát vào người, làm lẩn lên bộ đùi tròn trĩnh khỏe mạnh, đôi vú gái tơ rắn chắc, còn chị chẳng để ý gì hết, vẫn cười nghiêng ngả, và nước chảy ròn ròn vui vẻ trên khuôn mặt bồng bồng của chị.

- Hôn đi! - các chàng gighet nài ép.

Giamilia hôn họ, nhưng rồi lại bay xuống nước và lại cười, hất đầu hất những mớ tóc ướt dính nặng ra phía sau.

Mọi người trên sân đập đầu cười vui trước trò tinh nghịch của lớp trẻ. Các cụ già quạt thóc cũng buông xẻng xuống, lau những giọt nước mắt ứa ra, những nếp nhăn trên khuôn mặt nâu sạm của các cụ ngời lên niềm vui sướng khiến các cụ trẻ hẳn lại trong giây lát. Còn tôi cũng cười thật lòng, lần này tôi quên băng mắt bồng phận của mình là phải sốt sắng bảo vệ chị Giamilia không cho các chàng gighet chòng ghẹo.

Chỉ riêng Daniyar là không cười. Tình cờ tôi nhìn thấy anh và tôi im bật. Anh đứng một mình ở cuối sân, hai chân choãi ra. Tôi có cảm giác như anh sắp lao vọt tới, giằng giật chị Giamilia khỏi tay các chàng gighet. Anh nhìn chị không dứt, cái nhìn buồn rầu, đăm đúi, trong đó niềm vui lẫn với nỗi đau đớn. Đúng, cả hạnh phúc cũng như nỗi đau khổ của anh đều do sắc đẹp

của chị Giamilia mà ra. Khi các chàng gighet ôm ghì lấy chị, bắt chị hôn từng anh một thì Daniyar cúi đầu xuống, dáng bộ như chực bỏ đi, nhưng vẫn không đi.

Lúc đó, chị Giamilia cũng nhận thấy anh. Lập tức chị không cười nữa và cúi gầm mắt xuống.

- Thôi, đủ đờn thế đủ rồi! - đột nhiên, chị đẩy phắt những chàng gighet chốt nhả ra.

Có anh chàng lại toan ôm lấy chị.

- Thôi đi chứ! - chị xô anh chàng ra, ngẩng đầu lên, đưa mắt nhìn về phía Daniyar một thoáng cái nhìn ngượng ngùng như biết lỗi, rồi chị chạy vào bụi cây vắt nước cho khô áo.

Tôi vẫn chưa hiểu rõ quan hệ giữa hai người, và thú thật là tôi không dám nghĩ đến chuyện ấy. Nhưng không hiểu sao tôi áy náy trong lòng khi thấy chị Giamilia buồn rầu vì bây giờ chính chị lại tránh mặt Daniyar. Chẳng thà chị cứ vui cười và trêu chọc Daniyar như trước còn hơn. Nhưng đêm đêm, khi chúng tôi trở về bản và nghe tiếng hát của Daniyar, tôi lại cảm thấy vui mừng cho hai người, niềm vui không thể nói rõ duyên cớ vì sao.

Lúc đi trong hẻm núi, chị Giamilia ngồi xe, nhưng ra đến thảo nguyên thì chị xuống đi bộ. Tôi cũng xuống đi bộ, đi bộ nghe hát thú vị hơn. Thoạt đầu chúng tôi người nào đi cạnh xe người ấy, nhưng dần dà chúng tôi đi lại gần xe Daniyar lúc nào không biết. Một sức mạnh bí ẩn nào không rõ lời cuốn chúng tôi đến với anh, chúng tôi muốn nhìn cho rõ vẻ mặt và ánh mắt anh trong bóng tối. Người đang hát là anh đấy chẳng, anh chàng Daniyar ưa lẻ loi, lúc nào cũng càu quạu ấy!

Lần nào tôi cũng thấy Giamilia bàng hoàng xúc động, từ từ chìa tay ra cho anh, nhưng anh không nhìn thấy, mắt anh nhìn tận đâu đâu ở trên cao, nơi xa xăm, gáy tựa vào lòng bàn tay, người lắc lư, còn tay Giamilia mềm nhũn rơi thõng xuống thành xe. Thế là chị giật mình, rụt phắt tay lại và dừng bước. Chị đứng giữa đường, ử rử, ngơ ngác, nhìn theo anh hồi lâu, rồi lại đi tiếp.

Đôi khi tôi có cảm giác rằng tôi với chị Giamilia cùng chung một nỗi khắc khoải khó hiểu. Có lẽ tình cảm ấy đã nung nấu trong tâm hồn chúng tôi từ lâu và bây giờ đã đến ngày nó bộc lộ ra chẳng?

Lúc làm việc, chị Giamilia vẫn còn hăng say mài miết, nhưng những phút nghỉ hiếm hoi, khi chúng tôi dừng lại ở sân đập, chị đứng ngồi không yên. Chị đi vờ vẩn đến chỗ những người quạt thóc, tự nguyện giúp họ một tay xúc mấy xẻng thóc, hát cao và mạnh, tung ra trước gió, rồi đột nhiên chị bỏ chiếc xẻng xuống, đi đến chỗ mấy đống rơm. Ở đây chị chọn một chỗ mát ngồi nghỉ, và dường như sợ cảnh cô đơn, chị gọi tôi:

- Lại đây, kichinê bala, lại đây ngồi với chị!

Tôi vẫn mong chờ chị nói với tôi điều gì quan trọng, giải thích cho tôi rõ cái gì làm xáo động tâm hồn chị. Nhưng chị không nói gì cả. Chị lặng lẽ đặt đầu tôi lên gối chị, mắt nhìn tận đâu đâu, chị xoa ngược mái tóc rể tre của tôi và những ngón tay nóng hổi run run của chị dịu dàng ve vuốt mặt tôi. Tôi ngược mắt lên ngắm nhìn khuôn mặt xao xuyến bồn chồn, và tưởng chừng như nhìn thấy chính mình. Chị cũng đang bị dày vò bởi một nỗi niềm chi đó, một cái gì đang tích tụ và chín mọng trong tâm hồn chị, đòi một lối thoát. Chị sợ cái đó. Chị khổ tâm, vừa muốn lại vừa không muốn thú thật với lòng rằng chị đã yêu say đắm, cũng như tôi vừa muốn lại vừa không muốn chị yêu Daniyar. Bởi vì dù sao chị cũng là con dâu của bố mẹ tôi, là vợ của anh tôi!

Nhưng những ý nghĩ như vậy chỉ len vào óc tôi trong giây lát. Tôi xua đuổi nó đi ngay. Đối với tôi lúc ấy không gì vui thú hơn là được nhìn thấy đôi môi dễ rung cảm hé mở một cách ngây thơ của chị, được nhìn thấy đôi mắt mờ lệ của chị. Chị xinh đẹp biết bao, gương mặt chị ánh lên niềm cảm hứng và say mê trong sáng biết bao! Hồi ấy tôi nhìn thấy tất cả những cái đó nhưng không hiểu hết. Ngay bây giờ tôi cũng thường tự hỏi: có lẽ tình yêu là một cảm hứng cũng như cảm hứng của họa sĩ hay của nhà thơ chăng? Nhìn chị Giamilia, tôi muốn chạy ra thảo nguyên, hét vang lên hỏi đất xem tôi phải làm gì, làm cách nào chế ngự được nỗi xao xuyến khó hiểu ấy, niềm vui sướng khó hiểu ấy. Rồi một hôm, hình như tôi đã tìm ra câu trả lời.

Như mọi lần, chúng tôi đánh xe từ ga về. Đêm đã xuống, sao chi chít từng đám trên trời, thảo nguyên thiu thiu ngủ, chỉ có tiếng hát của Daniyar phá tan sự yên tĩnh, ngân vang và tắt lặng dần trong bóng tối xa xăm mịn màng. Tôi và chị Giamilia đi bộ theo sau anh.

Nhưng lần này có chuyện gì xảy đến với Daniyar vậy? Điệu hát của anh chứa chan một nỗi buồn êm dịu, thấm thía, một cảm giác cô đơn đến nỗi

người nghe nghẹn ngào thương cảm muốn ứa nước mắt.

Chị Giamilia bước đi, đầu cúi thấp tay bám chặt lấy thành xe. Khi tiếng hát của Daniyar lại vút cao, chị ngẩng đầu lên, nhảy lên xe ngồi cạnh Daniyar. Chị ngồi như hóa đá, tay khoanh trước ngực. Tôi đi bên cạnh, hơi vượt lên trước một chút và liếc nhìn hai người. Daniyar vẫn hát, dường như không để ý thấy chị Giamilia ngồi cạnh mình. Tôi thấy hai tay chị Giamilia thần thờ buông xuống, và chị áp sát vào Daniyar, ngả nhẹ đầu lên vai anh. Chỉ một thoáng, như sự đổi nhịp phóng của con ngựa bị quất roi, giọng anh giật nảy lên và lại vang dội với sức mạnh mới. Anh hát về tình yêu!

Tôi bàng hoàng sửng sốt. Thảo nguyên như từng bừng nở hoa, rung rinh, đẩy lùi bóng tối, và trong thảo nguyên mênh mông ấy tôi thấy cặp tình nhân say mê. Hai người không để ý đến tôi, dường như không có tôi ở đây. Tôi vừa đi vừa nhìn họ: họ quên hết mọi sự đời, cùng nhau lắc lư theo điệu hát. Và tôi không nhận ra họ. Vẫn chỉ là Daniyar ấy với tấm áo lính đã cũ sờn không cài khuy, nhưng mắt anh hình như cháy rực trong bóng tối. Đây vẫn là chị Giamilia của tôi ngồi áp sát vào Daniyar, nhưng sao mà trầm lặng và bẽn lẽn, hai hàng mi long lanh giọt lệ. Đây là những con người mới, vô cùng hạnh phúc. Đó chẳng phải là hạnh phúc sao? Tất cả điệu nhạc đầy cảm hứng ấy, Daniyar hoàn toàn dâng tặng chị, anh hát là vì chị, anh hát về chị.

Lòng tôi lại xốn xang một nỗi niềm khó hiểu vẫn đến với tôi mỗi khi Daniyar hát. Bỗng nhiên tôi hiểu rõ tôi muốn gì. Tôi muốn vẽ hai người.

Tôi sợ hãi chính những ý nghĩ của tôi. Nhưng niềm mong muốn mạnh hơn nỗi sợ. Tôi sẽ vẽ hai người đúng như thế, hai con người hạnh phúc. Phải, vẽ họ đúng như lúc này! Nhưng liệu tôi có làm nổi không? Tôi cảm thấy nghẹn thở vì sợ hãi và vui sướng. Tôi bước đi trong trạng thái mê man ngây ngất dịu ngọt. Tôi cũng cảm thấy tràn trề hạnh phúc, bởi vì tôi vẫn chưa biết ước muốn táo bạo ấy rồi đây sẽ gây cho tôi bao nhiêu khó khăn. Tôi tự nhủ lòng: cần biết nhìn cõi thế gian như Daniyar nhìn thấy nó, tôi sẽ dùng màu kể lại bài ca của Daniyar, trong bức vẽ của tôi sẽ có núi đồi, thảo nguyên, người, cây cỏ, mây trời và sông nước. Thậm chí lúc ấy tôi nghĩ: “Nhưng ta sẽ lấy màu ở đâu? Nhà trường không cho màu vẽ đâu: chính trường cũng đang cần!” Dường như mọi chuyện chung quy lại chỉ tùy thuộc vào màu vẽ thôi.

Tiếng hát của Daniyar đột nhiên ngừng bật. Ấy là vì chị Giamilia bỗng bật ôm ghì lấy anh, nhưng rồi chị buông ra ngay, lạng người đi giầy lát, nhồi người nhảy xuống xe. Daniyar lưỡng lự ghì dây cương, mấy con ngựa dừng lại. Chị Giamilia đứng trên đường, quay lưng về phía anh, đột nhiên chị ngẩng phắt đầu lên, hơi xoay mặt lại nhìn anh, và cố cầm nước mắt, thốt lên:

- Ô kìa, anh nhìn gì mà nhìn gớm thế? - chị im lặng một lát, rồi nghiêm giọng nói thêm. - Đừng nhìn tôi như thế, cho xe đi đi! - Và chị đi về xe của mình. - Còn chú nữa, sao chú cứ trợn mắt ra nhìn như vậy? - Chị quặc cả tôi. - Ngồi xuống, cầm lấy dây cương đi! Tôi thật đến khổ với các người!

“Sao bỗng dừng chị ấy lại thế nhỉ?” - tôi băn khoăn giục ngựa đi. Nhưng kể cũng dễ đoán ra thôi: chị đang lâm vào cảnh khó xử, bởi vì chị đã có chồng, đang nằm điều trị ở một quân y viện tại Xaratóp. Nhưng tôi tuyệt nhiên chẳng muốn nghĩ ngợi gì hết. Tôi giận chị và giận chính mình và có lẽ tôi sẽ oán ghét chị Giamilia nếu tôi biết rằng Daniyar sẽ thôi không hát nữa, tôi sẽ không bao giờ còn được nghe giọng hát của anh.

Tôi mệt chết người, toàn thân rời rã, và chỉ muốn mau mau về đến nhà để nằm lăn ra ổ rơm. Mấy con ngựa đi nước kiệu, lưng nhấp nhô trong bóng tối, xe xóc không thể chịu nổi, dây cương cứ tuột khỏi tay.

Về đến sân đập, tôi tháo quàng mấy chiếc vòng cổ ngựa, ném xuống gầm xe, lê được đến ổ rơm và nằm vật xuống. Lần này Daniyar đưa ngựa ra bãi cho ăn cỏ.

Nhưng sáng ra, khi thức giấc, tôi cảm thấy vui sướng trong lòng. Tôi sẽ vẽ Giamilia và Daniyar! Tôi lim dim mắt, hình dung rõ mồn một Daniyar và Giamilia đứng như trong bức vẽ sắp tới của tôi. Đường như chỉ việc cầm lấy bút, thuốc màu và vẽ là xong ngay.

Tôi chạy ra sông, tắm rửa rồi chạy lại chỗ thả mấy con ngựa. Cỏ linh lăng ướt đầm lạnh lạnh quất tanh tách vào đôi chân trần, đâm đau nhói vào hai bàn chân nứt nẻ, nhưng tôi vẫn cảm thấy thích thú. Tôi vừa chạy vừa quan sát mọi diễn biến xung quanh. Mặt trời vươn mình nhô lên sau dãy núi, cây hướng dương mọc hoang trên bờ kênh vươn về phía mặt trời. Đám cúc thì xa đầu trắng hau háu xúm xít vây lấy nó, nhưng nó không chịu thua: nó thè ra những chiếc lưỡi vàng, đón lấy những tia sáng ban mai, cho bầu

quả nang chặt cứng hạt uổng no ánh sáng. Kia là lối qua mương, mặt đất nát nhừ vì xe cộ qua lại, nhiều nước rỉ qua những vệt bánh xe.

Kia là đám cây bạc hà thơm thơm mọc cao ngang tầm thắt lưng, nom như một hòn đảo nhỏ màu tím nhạt. Tôi chạy trên mảnh đất quê hương, trên đầu tôi chim én thi nhau lao vun vút. Chao ôi, nếu tôi có màu vẽ thì tuyệt quá, tôi sẽ vẽ cả vầng mặt trời buổi sáng này, cả dãy núi xanh điểm những vệt trắng kia. Cả cánh đồng cỏ linh lăng long lanh sương sớm này, cả cây hướng dương mọc hoang bên bờ kênh kia!

Khi tôi trở lại sân đập, niềm hân hoan rạo rỡ trong lòng tôi tắt ngấm, rồi thấy chị Giamilia cau có, gầy rộc đi. Chắc đêm qua chị không ngủ: hai mắt chị thâm quầng. Chị không mỉm cười với tôi và không hỏi han gì cả. Nhưng khi bác đội trưởng Ôrôzomat đến, chị tới gặp bác và không chào hỏi gì hết, nói luôn:

- Xe của ông, ông lấy lại đi! Ông muốn điều tôi đi làm ở đâu cũng được, nhưng đánh xe ra ga thì tôi không đi nữa đâu!

- Kìa sao thế, Giamilia, con ruồi nào nó đốt cháu đấy?* - Ôrôzomat ngạc nhiên, hỏi bằng giọng hiền hậu.

- Ruồi bâu ở dưới đuôi bê ấy! Đừng có mà cật vấn tôi! Tôi bảo là tôi không muốn đánh xe ra ga nữa, có thể thôi!

Nụ cười biến mất trên gương mặt Ôrôzomat.

- Muốn hay không thì cô cứ phải chở thóc ra ga! - Ông động chiếc nạng xuống đất. - Nếu có đứa nào chòng gheo cháu thì cứ báo bác, bác sẽ quật chiếc nạng vào cổ nó cho kì đến gãy nạng thì thôi! Không thì đừng có giở chứng: đây là cô chở bánh mì cho bộ đội, trong đó có cả chồng cô! - Nói rồi bác quay ngoắt đi, tập tễnh chong nạng bỏ đi.

Chị Giamilia bối rối, đỏ bừng mặt, đưa mắt nhìn về phía Đaniyar và khẽ thở dài. Đaniyar đứng cách đấy một quãng, quay lưng về phía chị, giật mạnh sợi dây da vòng cổ ngựa, xiết cho chặt lại. Anh nghe thấy hết những gì hai người nói với nhau. Chị Giamilia còn đứng ở đây một lát, tay vớ vấy chiếc roi, rồi chị phẩy tay một cách thất vọng và trở về xe briska của mình.

Hôm ấy chúng tôi ra về sớm hơn thường lệ. Suốt dọc đường Đaniyar cứ giục ngựa đi thật mau. Chị Giamilia thì ủ rũ và lặng lẽ. Còn tôi, tôi không sao tin được trước mặt tôi lại là thảo nguyên cháy đen thui. Mới hôm qua

còn khác hẳn. Cứ như thể tôi vừa được nghe kể câu chuyện cổ tích và bức tranh hạnh phúc làm xao động tâm trí tôi vẫn còn lớn vờn trong đầu óc. Đường như tôi đã chụp được một mẫu chói lọi nhất của cuộc sống. Tôi hình dung rõ từng nét tỉ mỉ, chỉ riêng điều đó cũng đủ làm tôi bồi hồi. Tôi không sao yên lòng được, mãi cho đến khi đánh cắp được một tờ giấy trắng dày cộp của chị cân thóc tôi mới bình tâm lại. Tôi chạy ra sau đồng rơm, tìm đập thành thịch, kê tờ giấy lên tấm bàn xúc bằng gỗ bào nhẵn đã đánh thó được của mấy người quạt thóc ở dọc đường.

- Cầu xin thánh Anla ban phúc lành! - tôi lẩm bẩm như hồi xưa lần đầu tiên cha tôi đặt tôi lên mình ngựa, và tôi chằm đầu bút chì xuống giấy. Đây là những nét vẽ đầu tiên, còn vụng về. Nhưng khi những đường nét phác họa hình ảnh Daniyar đã vạch ra trên giấy, tôi quên hết mọi thứ trên đời! Tôi đã mừng rỡ thấy cảnh thảo nguyên tháng Tám đêm ấy hiển hiện trên giấy, tôi tưởng như nghe thấy tiếng hát của Daniyar và nhìn thấy chính anh, đầu ngựa ra sau, ngực phanh trần, và tôi nhìn thấy chị Giamilia nép đầu vào vai anh. Đây là bức họa đầu tiên tôi vẽ theo ý mình: này là chiếc xe briska và cả hai người, dây cương bỏ thõng xuống tấm chắn phía trước, lưng mấy con ngựa nhấp nhô trong bóng tối, xa hơn nữa là thảo nguyên, những ngôi sao xa xăm.

Tôi vẽ say sưa đến nỗi không để ý gì đến xung quanh, mãi tối lúc có tiếng ai gọi trên đầu tôi mới sực tỉnh.

- Chú làm sao thế, điếc rồi à?

Hóa ra là chị Giamilia. Tôi luống cuống, đỏ mặt và không kịp giấu bức vẽ.

- Xe đã chất xong hàng từ lâu, chúng tôi gọi chú suốt một giờ mà chẳng thấy đâu! Chú làm gì ở đây?.. Cái gì thế này? - chị hỏi và cầm lấy tờ giấy. - Hừ! - Chị nhún vai ra chiều bực tức.

Tôi chỉ muốn chui tọt xuống dưới đất. Chị Giamilia nhìn bức vẽ mãi không dứt, rồi chị ngước đôi mắt buồn rầu, loáng ướn lên nhìn tôi và khẽ nói:

- Cho chị cái này nhé, kichinê bala... Chị sẽ cất kỹ làm kỷ niệm... - Đoạn, chị gấp tờ giấy làm hai, nhét vào khoang ngực áo.

Xe chúng tôi đã ra đến đường cái mà tôi vẫn chưa bình tâm lại được. Mọi việc diễn ra như trong giấc chiêm bao. Tôi không thể tin rằng tôi đã vẽ

được một hình ảnh giống như những gì tôi đã nhìn thấy. Nhưng đâu đó trong đáy lòng tôi đã dấy lên một niềm hoan hỉ thơ ngây, thậm chí là tự hào, và những mơ ước mỗi lúc một táo bạo hơn, mỗi lúc một quyến rũ hơn, khiến tôi choáng váng đầu óc. Tôi còn muốn vẽ vô vàn bức tranh khác nữa, nhưng không phải bằng bút chì, mà bằng thuốc màu kia. Tôi không để ý rằng xe chúng tôi đã chạy rất nhanh. Ấy là vì Daniyar ra sức giục ngựa. Giamilia không chịu thua kém. Chị nhìn đó đây, đôi lúc mỉm cười cái gì không rõ, nụ cười cảm động và thẹn thùng như biết mình có lỗi. Tôi cũng mỉm cười: thế là chị không còn giận tôi và Daniyar nữa, và nếu chị nài thì hôm nay anh sẽ hát...

Lần này chúng tôi đến ga sớm hơn mọi bận nhiều, nhưng ngựa thì đầm mồ hôi trắng như bột xà phòng. Xe chưa dừng hẳn, Daniyar đã bắt đầu xốc bao tải lên vai. Anh vội vã như vậy làm gì, có điều gì mới lạ đã đến với anh, thực khó mà hiểu được. Khi những đoàn xe lửa âm âm phóng qua, anh dừng lại, nhìn theo hồi lâu bằng con mắt đắm chiêu. Giamilia cũng dõi theo hướng mắt, như cố đoán xem anh đang nghĩ ngợi gì.

- Anh lại đây hộ tôi với, có một miếng sắt móng ngựa gần như sắp long, giúp tôi dứt hẳn nó ra, - chị gọi Daniyar.

Khi Daniyar kẹp móng ngựa giữa hai đầu gối, dứt hẳn được miếng sắt ra rồi đứng thẳng dậy, Giamilia nhìn thẳng vào mắt anh, nói khẽ:

- Sao anh lại thế nhỉ, chẳng lẽ anh không hiểu ư?.. Trên đời này phải chăng chỉ có mình tôi?

Daniyar lẳng lặng nhìn đi nơi khác.

- Anh tưởng tôi thì dễ xử ư? - Giamilia thở dài.

Đôi lông mày Daniyar xéch lên như đôi cánh xò ra, anh nhìn chị, cái nhìn yêu đương và buồn rầu, nói với chị câu gì, nhưng nói nhỏ quá tôi không nghe rõ. Rồi anh rảo bước về xe của mình, thậm chí có vẻ hài lòng, không rõ duyên cớ vì sao. Anh vừa đi vừa vuốt ve miếng sắt. Tôi nhìn anh và băn khoăn: câu nói của chị Giamilia có gì đáng cho anh hỏi dạ như thế? Có gì đáng hỏi lòng hỏi dạ khi một người thở dài nặng nề nói với anh: “Anh tưởng tôi thì dễ xử ư?”..

Chúng tôi đã bốc dỡ thóc xong xuôi và sắp ra về thì có một thương binh vào sân, người này gầy gò, mặc chiếc áo khoác lính nhàu nát, vai đeo túi

hành lý. Máy phút trước vừa có chuyến xe lửa đỗ ở ga. Người lính nhìn quanh quần rồi lớn tiếng hỏi:

- Ở đây có người nào ở bản Kurkurêu không?

- Tôi ở Kurkurêu đây! - tôi vừa trả lời vừa vất óc nghĩ xem người này là ai.

- Thế chú là con nhà ai đấy nhỉ? - người lính định đi đến chỗ tôi thì chợt nhìn thấy chị Giamilia, anh mỉm cười ngạc nhiên, vui sướng.

- Kìa Kêrim, anh đấy ư? - chị Giamilia reo lên.

- Ô, cô Giamilia! - anh lính chạy bổ tới, hai tay nắm chặt lấy tay chị Giamilia.

Thì ra đây là một người cùng làng với chị.

- Thật là may quá! Cứ như thể đã biết trước tôi mới tạt vào đây! - anh lính nói, giọng hào hứng. - Chả là tôi vừa ở chỗ Xadúc về đây, chúng tôi cùng nằm một một quân y viện mà. Ổn trời, chỉ một vài tháng nữa anh ấy sẽ về thôi. Lúc chia tay, tôi bảo anh ấy: viết thư cho vợ cậu đi, tớ sẽ mang về cho... Đây, trao tận tay nhé, nguyên vẹn, không suy xuyến gì. - Kêrim đưa cho chị Giamilia lá thư gấp hình tam giác.

Chị Giamilia hấp tấp cầm lấy lá thư, mặt đỏ lên rồi tái nhợt đi, và dè dặt liếc nhìn Daniyar. Anh đứng một mình cạnh xe briska hai chân choãi rộng như lần ấy ở sân đập, đôi mắt tuyệt vọng nhìn Giamilia.

Lập tức, người từ bốn phía đổ xô đến, trong số đó có cả những người quen và bà con thân thích của anh lính, người ta xúm lại hỏi han dồn dập. Giamilia chưa kịp cảm ơn anh mang giúp lá thư thì chiếc xe của Daniyar đã âm âm phóng qua, lồng lộn ra khỏi sân ga, nhảy chồm chồm trên các ổ gà, tung bụi mù mịt trên đường.

- Gã kia hóa rồ rồi chắc! - người la hét với theo.

Anh lính đã bị lôi đi đâu không rõ, còn tôi với chị Giamilia vẫn đứng ở giữa sân nhìn những cột bụi bốc lên mỗi lúc một xa dần.

- Chị em ta đi thôi, giê-nê, - tôi nói.

- Chú cứ về đi, mặc chị! - chị đáp bằng giọng chua xót.

Thế là lần đầu tiên trong suốt thời gian ấy, chúng tôi đánh xe đi riêng rẽ từng người. Khí nóng ngột ngạt làm cho môi đã khô sẽ càng đau rát như

phải bóng. Đất nứt nẻ, bị thiêu đốt đến nóng trắng trong ngày, giờ đây dường như đã nguội đi, nom như phủ một lớp muối trắng xám. Trong khung cảnh mờ ảo màu muối trắng ấy lung linh một vầng mặt trời hoàng hôn chập chờn, không có hình thù rõ rệt. Phía trên đường chân trời nhạt nhòa, những đám mây bão màu đỏ da cam đang tụ lại, gió khô ào tới từng cơn, kết thành bọt trắng xóa trên mõm ngựa, khó nhọc lật ngược những cỗ bồm, rồi vùn vụt chuyển ra xa, đảo lộn tới tả những cụm ngải trên các ngọn đồi.

“Trời sắp đổ mưa chắc?” - tôi nghĩ.

Tôi cảm thấy bơ vơ quá chừng, lòng tôi tràn ngập nỗi lo âu khắc khoải! Tôi thẳng tay quất mấy con ngựa lúc nào cũng chực chuyển sang đi bước một. Những con chim bão gầy guộc, căng dài lo sợ chạy đi tìm chỗ trú trong khe! Lá nguừ bàng khô héo của hoang mạc bị cuốn lên đường cái: vùng chúng tôi không có loại lá này, nó bị lừa từ nơi nào bên vùng Cadakhơ đây. Mặt trời đã lặn hẳn. Bốn bề không một bóng người. Chỉ có thảo nguyên nhọc lử sau một ngày nắng gắt.

Tôi về đến sân kho thì trời đã tối. Vắng lặng, không một phẩy gió. Tôi gào to gọi Đaniyar.

- Hấn ra sông rồi, - người gác kho đáp. - Oi bức quá thế này, người ta bỏ về nhà hết rồi. Ngoài sân không có gió, cũng chẳng có việc gì làm.

Tôi lừa ngựa ra bãi cho ăn cỏ và định tạt ra sông. Tôi biết cái chỗ Đaniyar ưa thích trên bờ sông dốc đứng.

Anh ngồi khom lưng, cúi gục xuống đầu gối, lắng nghe tiếng nước sông réo ầm ầm dưới chân bờ dốc. Tôi bỗng muốn lại gần, ôm lấy anh và nói với anh điều gì tốt đẹp. Nhưng nói gì với anh được? Tôi đứng đấy một lát, cách anh một quãng, rồi quay trở lại. Sau đó, tôi nằm rất lâu trên đồng rơm nhìn bầu trời đầy mây đen đang tối dần lại và nghĩ ngợi: “Tại sao cuộc sống khó hiểu và phức tạp đến thế nhỉ?”

Chị Giamilia vẫn chưa về. Chị đi đâu biệt tăm thế nhỉ? Tôi không ngủ được, tuy đã mệt lả. Những tia chớp nguồn lóe lên ở đằng xa, bên trên các dãy núi, giữa lòng những đám mây đen.

Lúc Đaniyar về, tôi vẫn chưa ngủ. Anh đi lang thang vợ vẫn trên sân, chốc chốc lại nhìn ra đường. Rồi anh gieo mình xuống đám rơm sau đồng cỏ, cạnh tôi. “Bây giờ anh ấy sẽ bỏ đi nơi khác, không ở lại bản nữa đâu! Nhưng anh ấy đi đâu được? Một thân một mình, không cửa không nhà, ai

cần đến anh ấy?” Và giữa lúc đang thiêm thiếp ngủ, tôi mơ màng nghe thấy tiếng lộc cộc chậm chạp của chiếc briska đang đến gần. Hình như xe của chị Giamilia đã về...

Tôi không nhớ tôi đã ngủ bao nhiêu lâu, chỉ biết bỗng nhiên ngay sát bên tai tôi, có tiếng chân bước sột soạt trên rơm, như thể có một cánh chim ướt át khẽ chạm vào vai tôi. Tôi mở mắt ra. Đây là chị Giamilia. Chị ở ngoài sông về, chiếc áo dài đã vắt nước mát lạnh. Chị dừng lại, lo ngại nhìn khắp xung quanh, rồi ngồi xuống cạnh Daniyar.

- Anh Daniyar, em đã đến, chính em đến với anh, - chị nói khe khẽ.

Bốn bề yên lặng, một tia chớp lạng lẽ trườn xuống phía dưới.

- Anh giận phải không? Giận lắm phải không?

Và lại yên lặng, chỉ có một tảng đất lở rơi xuống sông và một tiếng “bồm” êm nhẹ.

- Em có lỗi gì đâu? Anh cũng không có lỗi...

Xa xa, một tiếng sấm vang rền trên núi. Ánh chớp dọi sáng khuôn mặt trông nghiêng của Giamilia. Chị nhìn quanh và nép sát vào Daniyar. Daniyar đặt hai tay lên vai chị. Và vai chị run lên bần bật. Chị nằm xuống đám rơm, cạnh anh.

Gió nóng hừng hực như hơi lửa từ thảo nguyên đổ về, xoáy lốc, bốc tung đám rơm lên, thốc vào túp lều lung lay ở rìa sân kho, rồi quay tít như con cù, nghiêng ngả chạy trên đường. Giữa những đám mây lại lóe lên những tia lửa xanh, tiếng sấm lẹt lẹt vỡ tan ra trên đầu chúng tôi. Cảnh tượng ấy vừa ghê rợn vừa vui thú: cơn giông đã tới, cơn giông cuối cùng của mùa hè.

- Anh lại tưởng em sẽ đổi anh lấy anh ta ư? - chị Giamilia thì thầm, giọng thảm thiết. - Không đâu, không đời nào! Anh ta chưa bao giờ yêu em cả. Ngay cả câu thăm hỏi em, anh ta cũng chỉ viết thêm vào cuối lá thư gửi về nhà. Em chẳng cần gì con người ấy cùng với thứ tình yêu muộn màng của anh ta, mặc cho thiên hạ muốn nói gì thì nói! Anh yêu quý của em, chàng trai cô đơn của em, em sẽ không nhường anh cho ai cả! Em yêu anh từ lâu rồi. Ngay cả khi chưa biết anh, em đã yêu anh và chờ đợi anh, thế rồi anh đã tới, như thể anh biết em vẫn chờ đợi anh!

Những tia chớp xanh lằng nhằng nối tiếp nhau phóng xuống sông, chỗ chân bờ dốc. Những giọt mưa giá buốt, rơi chệnh chênh loạt soạt trên đám

rơm.

- Giamiliam, Giamantai!* - Daniyar thì thầm gọi chị bằng những tên âu yếm nhất của tiếng Kazaxtan và tiếng Kirghizia. - Quay lại đây, em, cho anh nhìn vào mắt em một chút!

Cơn giông bùng ra.

Mảnh da bị đứt khỏi lều vật vã như con chim bị bắn hạ quần quai vỡ cánh. Mưa trút xuống từng đợt ào ào như hôn mặt đất, bị gió thổi dạt đi ở phía dưới. Sấm chuyển dần chéo ngang qua cả bầu trời, âm âm như vụ sục lở mãnh liệt. Chớp nguồn lóa sáng trên núi, chói lọi như đám uất kim hương rực cháy về mùa xuân. Gió gầm gào, lồng lộn dưới bờ dốc.

Mưa vẫn trút xuống, tôi nằm vùi mình trong đám rơm và tay đặt lên ngực, cảm thấy tim đập thành thạch. Tôi sung sướng. Tôi có cảm giác như lần đầu tiên tôi được ra ngoài nhìn ngắm mặt trời sau một trận ốm. Cả mưa cũng như ánh chớp đều xói vào tôi dưới lớp rơm, nhưng tôi sung sướng, tôi mỉm cười ngủ thiếp đi, không hiểu những âm thanh lọt đến tai tôi là tiếng Daniyar và Giamilia thì thầm với nhau hay là tiếng mưa đang ngút dần rơi nhẹ trên rơm.

Bây giờ sắp vào mùa mưa, rồi chẳng bao lâu nữa sẽ là mùa thu. Không khí đã thấm đượm mùi ngải cứu ẩm ướt và mùi rơm ướt lúc thu sang. Nhưng cái gì đang chờ đợi chúng tôi trong mùa thu? Chẳng rõ vì sao, tôi không nghĩ tới chuyện ấy.

Mùa thu năm đó, sau hai năm bỏ học, tôi lại đến trường. Hết buổi học, tôi thường ra chỗ bờ dốc ven sông, ngồi cạnh cái sân kho trước kia, bây giờ đã trở nên hoang vắng, ở đây tôi đã dùng màu của học sinh vẽ những bức phác họa đầu tiên. Ngay với trình độ hiểu biết của tôi lúc bấy giờ, tôi cũng thừa hiểu không phải tôi vẽ bức nào cũng thành công cả.

“Màu khỉ gió! Giá mà có loại màu vẽ thực sự thì phải biết! - tôi tự nhủ, tuy tôi chẳng hình dung được thuốc màu thực sự nó như thế nào.

Mãi sau này tôi mới được nhìn thấy thứ màu vẽ pha dầu thực sự đựng trong ống chì.

Có màu hay không là một chuyện, nhưng có lẽ các thầy giáo tôi nói đúng: vẽ là việc cần học mới làm được. Nhưng lúc ấy tôi đâu dám mơ đến chuyện học tập. Học với hành gì: lâu nay chẳng có tin tức gì về các anh tôi,

mẹ tôi không đời nào chịu rời tôi ra, tôi là đứa con trai duy nhất của gia đình, “chàng gighit và là người nuôi sống cả hai gia đình!”. Tôi chẳng dám hé răng nói đến chuyện ấy. Thế mà, cứ như cố tình trêu người, mùa thu năm ấy đẹp đến nỗi tôi chỉ muốn cầm lấy bút vẽ lại cảnh đẹp ấy.

Sông Kurkurêu giá buốt cạn hẳn đi, đá tảng ở những khúc nông lộ ra, mọc đầy rêu xanh sẫm và vàng da cam. Cây liễu mềm yếu trụi hết lá, đổ tía lên vào những lúc sương giá ban mai, nhưng những cành phong nhỏ bé vẫn còn giữ được những chiếc lá đầy đặn vàng úa.

Ở những chỗ úng nước, mấy túp lều ám khói, gọi mưa của người chăn ngựa sẫm đen lại trên đám cỏ màu đỏ hung, và những làn khói mỏng mảnh thơm thơm màu xanh lam uốn éo tuôn lên qua những lỗ thông khói. Những con ngựa đực gầy nhom hí vang lừng như thường thấy về mùa thu, lũ ngựa cái chạy tan tác đi đâu hết, và từ giờ cho đến mùa xuân, không dễ gì giữ được chúng trong bầy. Gia súc được đưa từ trên núi về đi lang thang từng bầy trên đồng ra. Thảo nguyên sạm nâu màu cây cỏ chết khô, chẳng chịt những vết đường mòn ngang dọc do gia súc dẫm lên.

Chẳng bao lâu sau, gió thảo nguyên nổi lên, bầu trời trở nên u ám, mưa lạnh đổ xuống: điềm báo sắp có tuyết. Một hôm thời tiết không đến nỗi xấu, tôi ra sông: tôi rất thích ngắm bụi thanh lương trà vùng núi đỏ rực như lửa trên bãi cát bồi. Tôi ngồi ở một chỗ cách khúc sông cạn một quãng, trong bụi liễu. Bóng chiều đã xuống. Bỗng nhiên tôi nhìn thấy hai người đang đi, rõ ràng họ vừa lội qua sông. Đó là Đaniyar và Giamilia. Tôi không thể rời mắt khỏi khuôn mặt lo lắng nghiêm nghị của hai anh chị. Vai đeo chiếc túi dệt đựng đồ, Đaniyar bước lặt đặt, vạt chiếc áo khoác lính không cài khuy cứ đập vào ống đôi ủng giả da đã vệt gót. Chị Giamilia chít chiếc khăn choàng trắng lúc này đã tuột xuống sau gáy, chị mặc bộ áo váy sặc sỡ đẹp nhất chị vẫn thường diện vào những ngày chợ phiên, bên ngoài mặc chiếc áo vét nữ bằng nhung kẻ may chần. Tay chị xách một bọc nhỏ, tay kia níu lấy sợi dây đeo túi dệt của Đaniyar. Hai người vừa đi vừa chuyện trò gì với nhau.

Kìa, hai người đã vào con đường mòn dẫn qua khe, giữa những lùm cây bụi. Tôi nhìn theo họ và không biết phải làm gì. Lên tiếng gọi họ chẳng? Nhưng lưỡi như dính vào vòm miệng.

Những tia nắng đỏ thắm cuối cùng trườn trên những đám mây đen đóm trắng nối đuôi nhau trôi nhanh dọc theo dãy núi. Trời bỗng đổ tối. Daniyar và Giamilia không hề ngoái nhìn lại, đi miết về phía đường tầu tránh. Đầu anh chị thoáng hiện vài lần nữa trong đám lùm cây, rồi biến mất,

- Giamilia-a-a! - tôi rán sức gào toáng lên.

“A-a-a!” tiếng vang dội lại từ nhiều phía.

- Giamilia-a-a! - tôi gào lên lần nữa và cuống cuồng cầm đầu đuổi theo họ, lao bừa xuống nước, vượt qua sông.

Nước giá buốt bắn vọt lên từng cụm lớn, tấp vào mặt, quần áo tôi ướt đẫm, tôi cứ chạy bừa đi, chẳng còn biết đâu là đường nữa. Đột nhiên, tôi vấp chân, ngã xấp xuống đất. Tôi cứ nằm như thế, không ngẩng đầu lên, nước mắt giàn giụa khắp mặt. Dường như bóng tối đã đè nặng lên đôi vai tôi. Những thân cây nhỏ mềm mại rít lên vi vút, buồn rầu.

- Giamilia! Giamilia! - tôi nức nở nghẹn ngào nuốt nước mắt.

Tôi phải xa lìa những người thân yêu gần gũi nhất của mình. Mãi đến lúc này, nằm xoài trên mặt đất, tôi mới hiểu tôi yêu chị Giamilia. Phải, đây là mối tình đầu, mối tình thuở niên thiếu của tôi.

Tôi cứ nằm như thế mãi, úp mặt vào cùi tay ướt đẫm. Vừa rồi không phải tôi chỉ già từ Daniyar và Giamilia, tôi đã già từ tuổi thơ của mình.

Khi tôi lần mò trong bóng tối, lần được về đến nhà thì ở sân đã nháo cả lên, tiếng bàn đạp ngựa loảng xoảng, có người thắng yên ngựa, gã Ôxmôn say rượu ngất ngưỡng trên mình ngựa, hét tướng lên:

- Lẽ ra phải tống cổ con chó hoang lạc loài ấy ra khỏi bản từ lâu rồi kia! Thật là điểm nhục cho cả dòng họ! Tôi mà vợ được nó thì tôi giết chết tươi ngay tại chỗ, tội vạ gì cũng cam lòng. Không thể để cho bất cứ thằng du đảng nào cũng dụ dỗ được đàn bà con gái bản ta đem đi! Nào, lên ngựa, các chàng gighit, nó không thể trốn thoát đi đâu được, ta đuổi đến ga là tóm được thôi!

Tôi lạnh toát cả người: họ sẽ phóng ngựa đi đâu? Nhưng khi đã biết chắc là họ đuổi theo đường cái ra ga, chứ không phải ra chỗ đường tránh tầu, tôi lèn vào nhà, lấy chiếc áo dạ lông của bố trùm kín đầu để khỏi ai nhìn thấy tôi khóc.

Cả bản xôn xao bàn tán, thôi thì bao nhiêu điều ong tiếng ve! Các bà các chị thi nhau chỉ trích Giamilia.

- Cái con ngu đần hết chỗ nói! Được làm dâu một gia đình như thế mà bỏ trốn đi, đúng là nó tự xéo nát hạnh phúc của nó.

- Thử hỏi, ả còn thèm muốn cái gì mới được chứ? Tài sản của thằng cha ấy vền vền có độc một chiếc áo khoác lính cà khổ và đôi ủng rách nát!

- Thì đã hẳn, ngữ ấy làm sao có được một sân đầy gia súc! Một thằng tú cổ vô thân, cầu bơ cầu bất, khổ rách áo ôm. Chẳng sao, rồi cô ả xinh đẹp sẽ nghĩ lại thôi, nhưng lúc ấy thì muộn rồi!

- Chính thế! Mà Xadúc lại không đáng mặt làm chồng nó ư, không đáng mặt làm chủ gia đình ư? Một chàng gighet cừ khôi nhất bản!

- Còn bà mẹ chồng nữa chứ? Không phải bất cứ ai cũng được Trời ban cho một bà mẹ chồng như thế! Có giỏi cứ đi kiếm cho ra một baibitsê như thế đi! Nó tự hủy hoại đời nó con bé ngu xuẩn, tự đứng vô cớ chuốc họa vào thân!

Có lẽ chỉ một mình tôi không chê trách chị Giamilia, giê-nê trước kia của tôi. Dù anh Daniyar chỉ có chiếc áo khoác lính cũ kỹ với đôi ủng rách nát, nhưng tôi biết tâm hồn anh giàu có hơn tất cả chúng tôi. Không, tôi không tin rằng chung sống với anh, chị Giamilia sẽ bất hạnh. Tôi chỉ thương mẹ tôi thôi. Tôi cảm thấy hình như chị Giamilia ra đi đã đem theo cả sức lực trước kia của mẹ tôi. Mẹ tôi rầu rĩ, gầy rộc đi, và bây giờ tôi hiểu rằng mẹ tôi không thể chịu được khi thấy cuộc sống đôi khi phá vỡ một cách quá đột ngột những nền nếp cổ xưa. Một cái cây dù to khỏe đến đâu một khi đã bị bão tróc tung cả rễ thì cũng không còn trỗi dậy được. Trước đây, mẹ tôi không bao giờ nhờ ai xâu chỉ luồn kim: như vậy chạm đến lòng kiêu hãnh của mẹ tôi. Thế mà, có lần đi học về, tôi thấy hai tay mẹ tôi run run, mẹ tôi không nhìn thấy lỗ kim và khóc.

- Này, con luồn hộ mẹ sợi chỉ đi! - mẹ tôi bảo và thở dài não nề. - Giamilia rồi sẽ khổ một đời... Chao ôi, lẽ ra nó sẽ thành một người nội trợ đảm đang biết bao! Nó đi rồi!.. Nó rũ bỏ hết... Tại sao nó bỏ đi nhỉ? Hay ở nhà ta nó cảm thấy khó chịu?

Tôi muốn ôm lấy mẹ, an ủi mẹ, kể cho mẹ tôi biết Daniyar là người thế nào, nhưng tôi không dám, vì như vậy, tôi sẽ gây cho mẹ tôi vết thương lòng suốt đời không hàn gắn được.

Nhưng rồi việc tôi có dính líu vào chuyện này cũng không còn là chuyện bí mật nữa, tuy tôi chẳng có lỗi gì...

Ít lâu sau anh Xađúc về. Tất nhiên anh đau buồn, mặc dù trong lúc say rượu anh có nói với Ôxmôn:

- Nó đi là đáng thôi. Rồi nó sẽ chết đường chết chợ cho mà xem. Thời buổi này thiếu gì đàn bà. Ngay cả một cô ả có tóc bằng vàng cũng chưa đáng giá bằng một gã trai hèn kém nhất đời!

- Đúng thế! - Ôxmôn đáp. - Chỉ tiếc là hôm ấy tôi không vớ được thằng ấy, chứ không thì tôi giết quách nó đi là xong chuyện! Còn con ấy thì cứ nắm tóc nó buộc vào đuôi ngựa kéo lê đi cho đáng đời! Chắc là hai đứa xuống miền Nam đi hái bông sinh sống, hay đi làm thuê làm mướn, thằng này không phải là lần đầu sống cuộc đời lang thang nữa rồi! Có điều tôi không sao hiểu được là sự thể thế nào mà chẳng ai hay biết gì cả, thậm chí chẳng ai ngờ đến nữa. Chính cái con đê tiện ấy nó gây ra chuyện, tự nó dàn xếp hết! Tôi mà tóm được thì phải biết!..

Nghe Ôxmôn nói như vậy, tôi chỉ muốn nói đập vào mặt hắn: “Mi vẫn chưa sao quên được những lời chị ấy nói như tát vào mặt mi ở bãi cắt cỏ đấy thôi. Bụng dạ mi đều giả lắm!”

Có lần tôi ngồi ở nhà, vẽ bức tranh cho tờ báo tường của nhà trường. Mẹ tôi loay hoay bên bếp lò. Bỗng nhiên anh Xađúc xông xộc chạy vào. Mặt tái nhợt, đôi mắt cau có hằn học, anh xắn đến và gí vào mũi tôi một tờ giấy:

- Chính mày vẽ cái này phải không?

Tôi sững sờ cả người. Đây là bức vẽ đầu tiên của tôi. Hình ảnh Daniyar và Giamilia sống động lúc ấy đang nhìn tôi:

- Em vẽ đấy.

- Thế ai đây? - anh chỉ ngón tay vào tờ giấy.

- Daniyar.

- Quân phản bội! - anh Xađúc quát vào mặt tôi.

Anh xé vụn bức vẽ rồi đi ra, đóng sầm cửa lại.

Sự yên lặng nặng nề kéo dài hồi lâu, rồi mẹ tôi hỏi:

- Con biết ư?

- Vâng, con biết.

Tựa mình vào bếp lò, mẹ tôi nhìn tôi với bao nhiêu bản khoăn trách móc. Rồi khi tôi nói: “Con sẽ còn vẽ hai anh chị ấy lần nữa!” thì mẹ tôi lắc đầu đầy vẻ chua xót và chán nản.

Tôi nhìn những mẩu giấy vụn bừa bộn dưới sàn, và một nỗi uất giận ghê gớm khiến tôi nghẹt thở. Mặc cho người ta bảo tôi là kẻ phản bội. Tôi phản bội ai kia chứ? Phản bội gia đình ư? Phản bội gia tộc ư? Nhưng tôi không phản bội chân lý, chân lý của cuộc sống, chân lý của hai con người đó! Tôi không thể nói với ai điều ấy, ngay cả mẹ tôi cũng sẽ không hiểu tôi.

Trước mắt tôi, tất cả đều nhòa đi, những mảnh giấy hình như liệng vòng trên sàn như những vật sống. Khoảnh khắc mà Daniyar và Giamilia trong bức tranh nhìn tôi như người thật đã ăn sâu vào kí ức tôi đến nỗi tôi tưởng chừng nghe thấy bài ca của Daniyar, bài ca anh đã hát trong cái đêm tháng Tám đáng ghi nhớ ấy. Tôi nhớ lại hai người đã từ bỏ bản làng ra đi như thế nào, và tôi cũng nôn nóng muốn lên đường ra đi như họ, mạnh bạo và kiên quyết dấn thân vào con đường khó khăn đi tìm hạnh phúc.

- Con sẽ đi học... Mẹ nói với bố cho con. Con muốn trở thành họa sĩ! - tôi cả quyết nói với mẹ tôi.

Tôi định ninh mẹ tôi sẽ trách móc tôi và òa khóc, sẽ nhắc đến mấy anh tôi đã bỏ mình trong chiến tranh. Nhưng lạ thay, mẹ tôi không khóc, chỉ khẽ nói, giọng buồn rầu:

- Được con cứ đi đi... Con đã đủ lông cánh, con muốn bay nhảy thế nào tùy ý... Ai mà đoán trước được, biết đâu con lại chẳng bay cao? Chưa biết chừng con nghĩ thế mà phải. Con cứ đi đi... Có thể sau này con sẽ nghĩ lại. Bôi bôi vẽ vẽ đâu phải là một nghề... Cứ học đi rồi con sẽ hiểu ra... Nhưng chớ có quên mái nhà mẹ cha...

Từ hôm ấy Nhà bé tách riêng ra, không làm ăn chung với chúng tôi nữa. Ít lâu sau, tôi đi học.

Tất cả câu chuyện chỉ có thế.

Học hết trung cấp, tôi được gửi đến trường cao đẳng mỹ thuật. Tại đây, tôi đã trình bày bài thi tốt nghiệp của tôi: đấy là bức tranh tôi hằng mơ ước vẽ ra từ lâu.

Dễ đoán được rằng bức tranh ấy vẽ Daniyar và Giamilia. Hai người đi trên con đường thảo nguyên vào một ngày thu. Trước mặt họ là khoảng xa tươi sáng, rộng lớn.

Mặc dù bức vẽ của tôi chưa phải là hoàn mỹ - tài nghệ đâu có đến ngay một lúc được, nhưng tôi quý bức vẽ ấy vô cùng, nó là nỗi khắc khoải có ý thức đầu tiên của tôi trong sự nghiệp sáng tác.

Ngay cả bây giờ, đôi khi tôi vẫn thất bại, có những phút nặng nề tôi mất lòng tin ở chính mình. Khi ấy tôi bị lôi cuốn đến trước bức tranh ấy, bức tranh vẽ Daniyar và Giamilia. Tôi nhìn hai người hồi lâu và lần nào tôi cũng nói chuyện với anh chị.

Giờ này anh chị ở đâu, anh chị đang sóng bước trên con đường nào? Giờ đây có biết bao nhiêu con đường mới trên thảo nguyên của chúng ta: ở khắp Cadăcxtan cho đến tận Antai và Xibiri! Vô vàn con người dũng cảm đang lao động ở đó. Có lẽ anh chị cũng đã đến những vùng ấy chẳng? Chị đã ra đi, Giamilia của tôi, chị đi trên thảo nguyên bao la không hề ngoái nhìn lại. Có thể chị đã mệt mỏi, có thể chị đã mất lòng tin ở chính mình chẳng? Chị hãy dựa vào Daniyar. Hãy để anh hát cho chị nghe bài ca về tình yêu, về đất nước về cuộc sống. Sao cho thảo nguyên chuyển mình và ngời lên đủ mọi màu sắc! Mong chị hãy nhớ lại đêm tháng Tám ấy! Cứ đi đi, Giamilia, đừng hối tiếc gì cả, chị đã tìm thấy hạnh phúc khó khăn của mình!

Tôi nhìn hai người và nghe thấy tiếng nói của Daniyar. Anh gọi tôi cùng lên đường: vậy là đã đến lúc sửa soạn hành trang. Tôi sẽ đi trên thảo nguyên về bản làng tôi, và ở đấy tôi sẽ tìm thấy những màu sắc mới.

Mong sao mỗi nét vẽ của tôi đều vang lên điệu hát của Daniyar! Mong sao mỗi nét vẽ của tôi đều phập phồng nhịp tim đập của Giamilia!

Phạm Mạnh Hùng dịch

Cây phong non trùm khăn đỏ

Thay cho lời dẫn

Nghề làm báo đã nhiều lần đưa tôi lên vùng Thiên Sơn, lên những bản làng xa xôi của xứ Kirghizia. Có lần vào mùa xuân tôi đang ở tỉnh lỵ Narun thì có lệnh khẩn gọi tôi về tòa báo. Loay hoay thế nào mà đến bến ô tô thì chuyến xe vừa đi được mấy phút. Muốn đi chuyến sau phải đợi khoảng năm tiếng nữa. Không còn cách gì khác hơn là cố đón đường một chiếc xe nào đi ngang để xin ngồi nhờ. Tôi liền ra đứng chực trên đường cái ở ngoại thị trấn.

Đến một chỗ rẽ ngoặt thì thấy chiếc xe tải đỗ bên cột xăng. Người lái xe lấy xăng xong, đang vặn nắp bình chứa lại. Tôi mừng quá. Trên tấm kính trước buồng lái có đề dấu hiệu của trạm xe Rubatsiê. Đến đây thì tha hồ muốn về Frunze lúc nào cũng được.

- Anh sắp đi chưa? Anh làm ơn cho tôi ngồi nhờ về Rubatsiê nhé! - tôi hỏi người lái xe.

Anh ta ngoảnh đầu lại, liếc mắt nhìn qua vai, rồi đứng thẳng người dậy nói, giọng điềm nhiên:

- Không được, agai* ạ.

- Anh cố cho đi nhờ một tí! Tôi có việc gấp phải về Frunze ngay.

Người lái xe lại liếc nhìn tôi, vẻ mặt lăm lăm.

- Tôi hiểu, nhưng xin agai đừng giận: tôi không cho ai đi nhờ hết.

Tôi thấy lạ quá. Buồng lái còn chỗ, cho tôi đi nhờ thì có mất gì?

- Tôi là nhà báo. Tôi có việc vội lắm. Anh muốn bao nhiêu tôi cũng xin trả...

- Đây không phải chuyện tiền nong đâu agai ạ! - người lái xe xẵng giọng ngắt lời tôi và giận dữ lấy chân đạp vào bánh xe. - Phải khi khác tôi sẽ cho

agai đi không. Chứ bây giờ thì... không được. Agai đừng giận. Chỉ lát nữa, còn có nhiều xe chỗ chúng tôi về lắm, agai muốn lên xe nào thì lên, chứ tôi thì xin chịu...

Tôi nghĩ bụng chắc anh ta định đón ai ở dọc đường.

- Thế tôi ngồi sau thùng xe vậy.

- Cũng thế thôi, không được đâu... Agai bỏ qua cho tôi...

Người lái xe xem đồng hồ và hấp tấp lên xe.

Lòng hết sức bồn khoăn, tôi nhún vai và bỏ ngõ đưa mắt nhìn người giữ cột bơm xăng, một người đàn bà Nga đứng tuổi, nãy giờ vẫn im lặng ngồi sau cửa ghi-sê theo dõi chúng tôi. Bà ta lắc đầu ý muốn bảo tôi đừng nài nữa. Lạ thật.

Người lái xe leo lên buồng lái, dứt một miếng thuốc lá chưa châm vào mồm và mở máy. Trông anh ta hãy còn trẻ, tuổi trạc ba mươi, người cao lớn, hơi gù. Tôi còn nhớ mãi hai cánh tay to, rắn chắc, cầm chặt tay lái và đôi mi mắt mệt mỏi hạ thấp xuống. Trước khi cho xe chuyển bánh anh đưa tay lên vuốt mặt, buông một tiếng thở dài nặng trĩu, và đưa đôi mắt lo âu trông rất khác thường nhìn con đường dẫn vào rặng núi phía trước mặt.

Chiếc xe chạy đi.

Người giữ cột bơm xăng rời trạm bước ra. Hình như bà ta muốn an ủi tôi:

- Đồng chí đừng lo, sắp có xe bây giờ đấy.

Tôi lặng thinh.

- Cậu ấy đang có chuyện buồn... câu chuyện dài lắm... Đạo trước cậu ấy ở chỗ chúng tôi, trên trạm chuyển tải...

Tôi không kịp nghe hết câu chuyện của người giữ trạm xăng: một chiếc "Pôbêđa" vừa tới.

Mãi hồi lâu, xe chúng tôi mới đuổi kịp chiếc xe tải, gần sát đèo Độ Long. Chiếc xe tải phóng rất nhanh, có lẽ ngay những tay lái xe lão luyện ở vùng Thiên Sơn cũng không được phép phóng như vậy. Không giảm tốc độ ở những chỗ ngoặt, chiếc xe gầm gừ lao sát chân những vách đá cheo leo, phóng thẳng lên dốc rồi đâm bổ xuống như ngụp vào lòng đường, rồi lại nhô lên ở phía trước, tấm vải bạt bay phấp phật quất vào hai thành xe.

Tuy vậy chiếc “Pôbêđa” cũng vẫn đuổi kịp và bắt đầu vượt lên. Tôi ngoảnh lại: người đâu mà liều lĩnh, đi đâu mà phóng bạt mạng thế? Vừa lúc ấy mưa đổ xuống như trút, xen lẫn cả mưa đá, như vẫn thường thấy ở các quãng đèo. Sau làn mưa đá vạch thành từng đường chên chếp, trên cửa kính thấp thoáng khuôn mặt gân guốc của người lái xe, răng cắn chặt điều thuốc lá. Hai bàn tay anh ta lướt nhanh trên vô-lăng, bẻ lái với những động tác rộng và đột ngột. Trong buồng lái cũng như sau thùng xe không thấy có ai cả.

* * *

Từ Narun trở về được ít lâu, tôi lại được cử đi công tác ở miền Nam xứ Kirghizia đến tỉnh Osor. Xưa nay cái nghề làm báo bắt chúng tôi khi nào cũng phải vội vàng. Tôi đâm bỏ ra ga đúng vào lúc tàu sắp chuyển bánh đến nơi; nhảy xổ lên toa, tôi chưa kịp để ý đến một người hành khách đang ngồi quay mặt ra cửa sổ. Mãi đến khi tàu chạy đã nhanh, anh ta vẫn không ngoảnh lại.

Loa phóng thanh mở nhạc: tiếng đàn komuyz* đang chơi một điệu quen thuộc. Đó là bài dân ca Kirghizia. Nghe điệu nhạc này bao giờ tôi cũng tưởng tượng đó là tiếng hát của một người cưỡi ngựa giong ruổi một mình trên thảo nguyên khi chiều xuống. Đường thì xa, thảo nguyên thì rộng, người ấy có thể nghĩ ngợi miên man và hát khe khẽ. Hát về những cảm xúc đang chứa chất trong lòng. Thiếu gì cảm nghĩ khi người ta một mình một bóng giữa cảnh tĩnh mịch chỉ nghe tiếng vó ngựa lóc cóc. Dây đàn khe thềm thì như tiếng nước chảy trên lớp sỏi nhẵn bóng và trắng trẻo ở đáy lòng kênh. Tiếng đàn komuyz hát rằng chỉ lát nữa vầng dương sẽ lấp sau rặng đồi, một làn gió xanh mát rượi sẽ êm lặng lướt trên mặt đất, những bụi cỏ phi biêng biếc và những bụi ngải đắng lá vàng mọc bên con đường đất nâu thẫm sẽ đung đưa, tung phấn bay theo gió. Thảo nguyên sẽ lắng nghe chàng kỵ mã, sẽ nghĩ ngợi và hòa giọng hát theo chàng...

Có lẽ xưa kia đã có một chàng kỵ mã ruổi ngựa qua chốn này... Có lẽ ánh chiều tà cũng lụi dần sau chân trời thảo nguyên xa tắp, ngả dần sang màu cỏ úa và có lẽ cũng như bây giờ, tuyết trên đỉnh núi đón nhận những tia cuối cùng của ánh tà dương, cũng ửng hồng lên rồi tối sầm lại trong chốc lát...

Bên ngoài cửa kính những mảnh vườn, những thửa ruộng nhỏ, những bãi ngô lúp xúp màu xanh thẫm vun vút lướt qua. Một chiếc xe giàn thẳng hai ngựa chở cỗ linh lăng mới cất chạy đến chỗ đường xe lửa cắt ngang xa lộ và dừng lại trước rào chắn. Một chú bé da rám nắng, mình mặc chiếc áo may-ô thùng bạc màu, quần xắn lên tận bẹn, đứng nhòm người trên chiếc xe để xem tàu hỏa, miệng mỉm cười, giơ tay vẫy ai đó.

Điệu nhạc hòa lẫn với nhịp bánh xe lăn một cách êm ả lạ lùng. Thay cho tiếng vó ngựa đã có tiếng bánh xe hỏa dần xuống những chỗ nối đường ray. Người bạn cùng toa của tôi ngồi tựa khuỷu tay lên chiếc bàn con. Tôi mừng tượng như anh ta cũng đang thầm hát bài ca của chàng kỵ mã cô độc. Không biết anh ta đang buồn hay mơ màng nghĩ ngợi, chỉ thấy nét mặt anh có một cái gì chua xót như một nỗi buồn không thể nào khuây khỏa. Anh mãi suy nghĩ miên man đến nỗi không biết có tôi ngồi bên cạnh. Tôi cố thử nhìn rõ mặt anh. Tôi đã gặp người này ở đâu nhỉ? Ngay đôi tay trông cũng quen quen: đôi tay đen xạm, ngón dài và gân guốc.

Và tôi bỗng sực nhớ ra: đó chính là người lái xe không cho tôi đi nhờ. Biết thế, tôi yên tâm, không muốn biết gì thêm nữa. Tôi lấy một quyển sách ra đọc. Việc gì lại đi nhắc nhở chuyện cũ? Chắc hẳn anh ta đã quên tôi từ lâu. Những cuộc gặp gỡ tình cờ của một người lái xe trên đường trường có phải ít đâu?

Chúng tôi cứ ngồi như thế một lát nữa, mỗi người bận tâm một nẻo. Bên ngoài cửa sổ, trời bắt đầu sẩm tối. Người bạn đồng hành của tôi nẩy ra ý châm thuốc hút. Anh ta rút một điếu, thở phào rõ dài trước khi quẹt diêm châm thuốc. Rồi ngẩng đầu lên, anh ta bỡ ngỡ nhìn tôi và bỗng đỏ mặt. Anh ta đã nhận ra.

- Chào agai! - anh nói, miệng mỉm cười ngượng nghịu như người có lỗi.

Tôi chìa tay ra.

- Anh đi đâu xa không?

- Vâng... xa! - anh thông thả thở khói ra, rồi nói tiếp sau một lát im lặng:
- Đi Pamir.

- Đi Pamir à? Thế thì cùng đường rồi: tôi đi Osô... Anh đi nghỉ à? Hay thuyên chuyển công tác?

- Ô... gần như thế... agai hút thuốc nhé?

Chúng tôi cùng im lặng ngồi hút thuốc. Hình như chẳng còn chuyện gì mà nói nữa. Người bạn đường của tôi lại trầm ngâm. Anh cúi đầu, người gác lữ theo nhịp bánh xe. Tôi có cảm giác anh đã thay đổi rất nhiều kể từ dạo nọ. Anh đã gầy đi, mặt hốc hác, trên trán có ba đường hằn sâu. Đôi mày giao nhau ở phía trên sống mũi như hất bóng tối xuống gương mặt anh. Chợt anh buồn rầu cười nhạt và hỏi:

- Chắc hôm ấy agai giận tôi lắm phải không?

- Hôm nào, tôi không nhớ? - Tôi không muốn anh ta phải ngượng với tôi. Nhưng trong khóe mắt anh có một niềm hối hận chân thành đến nỗi tôi đành phải nhận. - A-à... dạo ấy, phải... chuyện vặt ấy mà. Tôi cũng quên rồi. Thiếu gì chuyện xảy ra dọc đường. Ra anh vẫn nhớ kia à.

- Giá phải hôm khác thì có thể tôi quên, nhưng hôm ấy...

- Hôm ấy có chuyện gì? Xảy ra tai nạn chẳng?

- Kể ra thì chẳng có tai nạn gì, đây là chuyện khác... - anh ấp úng, cố tìm cách diễn đạt, nhưng rồi lại cất tiếng cười miễn cưỡng. - Giá phải bây giờ thì agai muốn đi đâu tôi cũng xin chớ, chỉ hiềm một nỗi lúc này tôi cũng chỉ là hành khách...

- Không sao, ngựa cũng lắm khi dẫm lại vết cũ, có lẽ sau này ta sẽ còn gặp nhau...

- Cố nhiên. Nếu gặp nhau, tôi sẽ tự lôi agai vào buồng lái! - anh vừa nói vừa gật đầu.

- Ấy, cứ thế nhé? - tôi nói đùa.

- Tôi xin hứa như vậy, agai ạ! - anh ta đáp, có vẻ vui lên.

- Thế nhưng này, hôm ấy tại sao anh không cho tôi đi với?

- Tại sao à? - anh ta nhắc lại, mặt lập tức sa sầm. Anh im lặng một lát, mắt nhìn xuống, khom người trên điếu thuốc lá rít lấy rít để từng hơi dài. Tôi hiểu ra rằng đáng lẽ không nên hỏi câu đó và đâm ra luống cuống, không biết làm thế nào để chữa lại. Anh dụi tắt mẩu thuốc lá vào cái gạt tàn và chập vạt lăm mới thốt lên được:

- Tôi không để agai lên được... Hôm ấy tôi phải cho thằng con nó đi... nó đang đợi tôi...

- Con trai anh à? - tôi ngạc nhiên hỏi.

- Số là thế này... agai ạ... Biết nói thế nào cho agai rõ đây... - Anh ta lại chằm chằm hút, cố trấn áp nỗi xúc động, rồi bỗng nhiên nhìn thẳng vào mặt tôi, vẻ nghiêm trang và rần rở, anh bắt đầu kể chuyện mình.

Thế là tôi được nghe câu chuyện của anh lái xe.

Thời gian hãy còn nhiều: gần hai ngày hai đêm xe hỏa mới đến Oso. Tôi không giục giã, không hỏi xen vào câu chuyện của anh: tốt hơn là cứ để cho người ta tự kể hết, sống lại dĩ vãng một lần nữa, suy nghĩ lại, đôi khi mới nói dở câu đã im bật. Nhưng tôi đã phải cố sức dẫn lòng mới khỏi xen vào câu chuyện anh kể, bởi vì do tình cờ và cũng do cái nghề nhà báo luôn nay đây mai đó của tôi, tôi đã có dịp biết ít nhiều về bản thân người lái xe ấy và về những con người mà anh đã gặp trên bước đường đời. Lẽ ra tôi có thể bổ sung thêm câu chuyện của anh ta và cắt nghĩa cho anh hiểu nhiều việc, nhưng tôi đã quyết định nghe anh kể cho hết rồi mới nói. Về sau tôi nghĩ là không cần nói gì cả và tôi cho rằng làm như thế là phải. Các bạn hãy nghe chính các nhân vật của câu chuyện này tự kể lấy.

Câu chuyện của người lái xe

...Tất cả những việc đó bắt đầu một cách thật bất ngờ. Đạo ấy tôi ở bộ đội về. Tôi ở một đơn vị cơ giới hóa, trước đây đã học hết lớp mười và cũng đã từng lái xe. Tôi là một đứa trẻ mồ côi được nuôi trong cô nhi viện. Bạn tôi là Alibêk Gianturin phục viên trước tôi một năm, cậu ấy làm ở trạm xe hơi Rubatsiê. Ấy, cho nên tôi cũng về đây luôn thể. Hai đứa chúng tôi xưa nay vẫn mơ ước được đến vùng Thiên Sơn hay vùng Pamir. Anh em đón tiếp tôi rất ân cần. Họ thu xếp cho tôi ở trong nhà tập thể. Họ lại giao cho tôi một chiếc “ZIL” gần mới toanh không có lấy một chỗ móp... Cần phải nói rằng tôi yêu quý chiếc xe của tôi như yêu quý người thân. Tôi nâng niu nó. Chiếc xe thuộc một đợt sản xuất rất cừ. Máy khỏe lắm. Quả tình cũng chưa bao giờ phải chờ hết trọng tải cả. Anh cũng biết đường sá ở đây thế nào: đường Thiên Sơn là một trong những con đường ô tô cao và hiểm trở nhất thế giới, vượt bao nhiêu là đỉnh núi, vực thẳm, đèo cao, Nước trong núi thì tha hồ, nhưng cũng phải mang sẵn theo luôn. Chắc có khi agai cũng thường để ý thấy cái sấm đựng đầy nước treo lủng lẳng trên giá gỗ đóng

phía trước thùng xe; vì trên những đoạn đường uốn chữ chi máy nóng lên rất dữ. Mà hàng chờ thì chẳng nặng mấy. Lúc đầu tôi cũng suy tính mãi, cố bối óc nghĩ cách làm thế nào chờ được nhiều hơn. Nhưng rồi cũng thấy hình như không có cách nào thay đổi cải tiến gì hết. Đường núi vẫn là đường núi, chịu thôi.

Tôi rất bằng lòng với công việc. Vùng này tôi cũng rất thích. Trạm xe hơi đặt ở sát bờ hồ Ixúc-kun. Những khi có khách du lịch ngoại quốc đến đứng ngắm người ra ngắm cảnh hồ, tôi thấy tự hào quá; đấy, các ông xem hồ Ixúc-kun của chúng tôi thế nào! Cứ thử tìm cho ra một nơi nào đẹp như thế xem...

Những ngày đầu chỉ có một điều khiến tôi bực mình. Hồi ấy vào mùa xuân, việc thì cứ bán lên, sau Hội nghị toàn thể của Trung ương vào tháng Chín, các nông trang đang vươn lên. Họ bắt tay vào làm rất hăng, mà máy móc lại ít. Trạm chúng tôi thường cử một số xe đến giúp các nông trang. Nhất là những tay mới vào làm việc thì cứ phải xuống nông trang mãi, tôi cũng thế. Vừa mới quen quen những chuyến đi ngoại vận một cái, là lại bị điều về các thôn xóm. Tôi cũng hiểu đây là một việc quan trọng, không làm không được, nhưng dù sao vẫn là thợ lái xe, tôi thương xe lắm, tôi sốt ruột như thế không phải xe mà chính tôi phải lăn lóc nghiêng ngả trên các ổ gà và ngập ngựa trong lớp bùn ở các nẻo đường làng lầy lội. Đường quý quái thế kia thì nằm chiêm bao cũng chẳng thấy...

Ấy thế, có lần tôi về nông trang chở ngồi đá đen lợp một chuồng bò đang xây dựng. Làng này nằm ven chân núi, đường vào làng đi qua một cánh thảo nguyên. Công việc trôi chảy cả, đường đã khô khô, chỉ còn một quãng nữa là vào đến làng, ấy thế mà đi qua một con mương dẫn nước, xe bỗng lún bánh xuống. Đường ở quãng này bị các thứ xe xéo nát ra từ đầu mùa xuân đến nay, đến nỗi một con lạc đà có sa xuống đấy cũng đổ ai tìm cho ra được. Tôi cho xe thụt lui, thụt tới, xoay xở đủ cách vẫn chả ăn thua gì. Đất như hút chặt chiếc xe xuống, bám riết lấy nó như đôi gọng kìm. Tệ hơn nữa, trong khi bực mình tôi đã vận vô-lăng quá đà bị mắc kẹt không sao trả lại được nữa, đành phải bò xuống gầm xe mà chữa... Tôi nằm ngửa dưới gầm xe, bùn lấm bê bết, mồ hôi đầm đìa, không ngớt mồm nguyên rửa đoạn đường khốn nạn. Chợt nghe có tiếng ai bước lại. Ở dưới gầm xe tôi chỉ trông thấy một đôi ủng cao su. Đôi ủng bước lại gần, dừng lại trước xe và đứng

yên. Tôi cúi tiết lên: quý quái ở đâu đến đây, đứng nhìn cái gì thế không biết, tưởng đây là trò xiếc chắc?

- Này, đi đi, đừng có đứng ám người ta! - tôi nằm dưới gầm xe quát lên. Tôi thoáng trông thấy một vạt áo váy hơi cũ, lấm bùn. Chắc hẳn một bà già nào đang đợi tôi chữa xong để xin đi nhờ về làng.

- Thôi đi đi, bà cụ ơi! - tôi lại nói. - Còn lâu mới chữa xong, không đợi được đâu...

Người kia đáp:

- Nhưng tôi không phải là bà cụ.

Giọng nói ngập ngừng, nghe như cố nhịn cười.

- Thế thì là ai? - tôi lấy làm lạ.

- Một người con gái.

- Con gái? - tôi liếc nhìn đôi ủng, rồi hỏi thêm để trêu chơi: - Thế có đẹp không đấy?

Đôi ủng dẫm mấy cái tại chỗ rồi bước sang một bên, định bỏ đi. Tôi liền vội vã bò từ gầm xe ra. Quả nhiên đó là một cô gái mảnh dẻ, đôi mày nhíu lại một cách nghiêm nghị, đầu trùm khăn đỏ, vai khoác chiếc áo vét-tông rất rộng, chắc của ông bố. Cô ta im lặng nhìn tôi. Tôi cũng quên mất là mình đang ngồi giữa đất, người bê bết bùn.

- Ô cũng không đến nỗi! Đẹp đấy, - tôi cười xòa. Quả cô ta đẹp thật. - Duy có điều là giá đi giày cao gót thì hơn! - tôi vừa đứng dậy vừa nói đùa.

Người con gái bỗng quay gót đi thẳng, chân bước thoăn thoắt trên đường cái, không ngoảnh lại.

Cô ta làm sao thế nhỉ? Giận chắc? Tôi thấy nôn nao cả người lên. Trấn tĩnh lại, tôi toan đuổi theo, nhưng rồi lại quay lại, hối hả thu vén dụng cụ và nhảy lên buồng lái. Chiếc xe chồm lên, khi nhích tới trước, khi tụt lại sau. Phải đuổi cho kịp! Tôi không còn nghĩ đến việc gì khác nữa. Máy rú lên, chiếc xe rung chuyển, lắc lư bên này bên nọ, nhưng không tiến lên được một tấc nào. Trong khi đó, người con gái đi mỗi lúc một xa. Tôi bỗng quát vọng xuống bốn bánh xe đang trượt trên bùn, chẳng biết quát ai nữa:

- Buông ra! Buông ra nào. Nghe chưa?

Tôi ra sức dận ga. Chiếc xe trườn lên, vừa trườn lên vừa rên rỉ, và bỗng vượt ra khỏi vũng lầy một cách thần kỳ, chẳng hiểu bằng cách nào nữa. Tôi mừng quá thể! Xe đã bon trên đường, tôi lấy khăn lau bùn trên mặt, vuốt lại mái tóc. Đến ngang tầm người con gái, tôi hãm xe lại và không hiểu tôi lấy đâu ra cái lối tài tử ấy, ngả hẳn người sang bên phải, với tay mở rộng cửa xe:

- Xin mời cô! - đoạn tôi chìa tay mời cô lên buồng lái.

Người con gái không dừng lại, cứ đi thẳng. Biết tay chưa!

Cái dáng bộ hiên ngang của tôi vụt biến mất. Tôi lại đánh xe đuổi theo kịp người con gái. Lần này tôi xin lỗi:

- Thôi, xin cô đừng giận! Tôi chỉ... thế thôi... cô ngồi lên!

Nhưng người con gái cứ lặng thinh không đáp.

Tôi liền cho xe vượt lên và quay xe chắn ngang đường. Tôi nhảy xuống đất, chạy vòng từ bên phải, mở cửa xe ra và cứ đứng cạnh, tay không buông nắm cửa. Người con gái lại gằn, lo sợ nhìn tôi, như đang tự nhủ: “Thằng cha này gan lì thật”. Tôi cứ làm thinh chờ đợi. Không biết vì cô thấy thương hại tôi hay vì cái gì khác nữa, chỉ thấy cô lắc đầu và lặng lẽ ngồi lên buồng lái.

Xe chuyển bánh.

Tôi không biết nên bắt chuyện với cô ra sao. Đây không phải là lần đầu tôi làm quen với một cô gái, nhưng lúc này không hiểu sao tôi đâm rụt rè. Biết bắt chuyện như thế nào bây giờ? Tôi vắn vô-lãng, thỉnh thoảng liếc mắt sang nhìn trộm. Trên gáy cô ta lòa xòa những món tóc quăn đen nhánh, mịn màng, chiếc áo vét-tông quàng trên vai cứ tụt xuống. Cô ta lấy khuỷu tay giữ lại ngòai nhích ra một bên, sợ chạm phải tôi. Đôi mắt nhìn có vẻ nghiêm nghị, nhưng cứ trông dáng dấp có thể đoán tính cô ta vốn dịu dàng. Gương mặt thanh thoát cõi mở, vầng trán cứ muốn cau lại, nhưng nó không chịu cau cho. Cuối cùng cô ta cũng rụt rè nhìn sang phía tôi. Mắt chúng tôi gặp nhau. Cô mỉm cười. Lúc ấy tôi mới đánh bạo nói:

- Lúc này cô đến đứng bên xe làm gì thế?

- Tôi định giúp anh một tay, - người con gái đáp.

- Giúp à? - tôi cười lớn. - Ồ mà quả cô đã giúp tôi thật! Không có cô thì chắc hẳn đến tối cũng chưa đi được... Thế cô vẫn qua lại con đường này à?

- Vâng. Tôi làm việc trong ấp.

- Tốt lắm! - tôi mừng rỡ nói, nhưng chợt nhớ ra, tôi nói chửa: - Đường này tốt lắm! - Tôi vừa nói xong thì bánh xe sượt xuống một ổ gà, xe lắc mạnh đến nỗi vai chúng tôi va phải nhau. Tôi lầu bầu mấy tiếng, đỏ bừng mặt lên, không biết nhìn đi đâu cho đỡ ngượng nữa. Còn cô ta thì cười phá lên. Tôi không nén được cũng cất tiếng cười theo.

- Thế mà trước đây tôi không chịu về nông trang đấy! - tôi vừa cười vừa nói. - Giá biết trước là sẽ gặp một người giúp sức như vậy, tôi đã chẳng làm toáng lên với đồng chí điều vận... Ái chà! Ilyax, Ilyax! - tôi tự trách móc rồi giải thích luôn: - ấy, tên tôi thế đấy.

- Còn tôi tên là Axen...

Xe chúng tôi đã vào gần đến làng. Đường ở đoạn này bằng phẳng hơn. Gió lùa vào cửa xe, thổi tung chiếc khăn trùm của Axen, làm tóc cô xõa xuống. Chúng tôi im lặng. Chúng tôi thấy thích lắm. Thế mới biết nhiều khi có một người ngồi bên cạnh, vai gần kề vai, mới cách đây một giờ hãy chưa hề hay biết gì về người ấy, mà nay lại chỉ muốn nghĩ đến người ấy thôi, những khi ấy lòng cứ nhẹ lâng lâng và vui sướng lạ lùng... Tôi không biết trong lòng Axen ra sao, nhưng đôi mắt nàng mỉm cười. Giá có thể đi mãi, đi mãi như thế này, để đừng bao giờ phải chia tay nữa... Nhưng xe đã rẽ vào đường làng. Bỗng Axen như chợt tỉnh, hoảng hốt lên:

- Dừng lại anh, tôi xuống đây!

Tôi hãm xe lại.

- Cô ở đây à?

- Không, - chẳng hiểu tại sao cô có vẻ bối rối, lo sợ. - Nhưng để tôi xuống đây thì hơn.

- Tại sao thế? Để tôi đưa thẳng cô về nhà! - Tôi không cho cô cãi, cứ lái xe đi thẳng.

- Đây rồi, - Axen khấn khoản. - cảm ơn anh!

- Có gì đâu! - tôi lúng búng, đoạn nói thêm, nửa đùa nửa thật, nhưng có lẽ phần thật nhiều hơn: - Thế nếu mai tôi lại bị sa lầy thì cô sẽ giúp chứ?

Axen không kịp trả lời. Một cánh cổng mở rộng ra, và một người đàn bà đứng tuổi chạy ra đường, vẻ lo lắng hoảng hốt.

- Axen! - bà ta gọi. - Mày đi đâu mất mặt thế, con trời đánh? Nhanh lên, vào thay áo quần đi, các ông mới vừa đến đấy! - bà lấy tay che miệng nói

thêm, giọng thâm thì.

Axen luống cuống đánh rơi chiếc áo vét-tông, vội cúi xuống nhặt và ngoan ngoãn đi theo mẹ. Đến cổng cô quay lại nhìn, nhưng cánh cổng lập tức đóng sập lại. Mãi đến lúc ấy tôi mới để ý thấy mấy con ngựa trắng đủ yên cương buộc ở cái cọc bên lề đường, mình ướt đầm mồ hôi, rõ là đi từ xa đến. Tôi nhòm người lên sau chiếc vô-lăng, nhìn qua bức tường đất. Trong sân có mấy người đàn bà đi lại lảng xảng bên bếp lửa. Một chiếc ấm xamôvar lớn bằng đồng đang bốc khói. Dưới mái hiên hai người đàn ông đang lột da một con cừu. Phải, ở đây người ta đang đón tiếp các ông mỗi theo đúng tục lệ cũ. Tôi không có việc gì phải ở đây nữa. Phải đi mà dỡ hàng.

Đến chiều tôi về trạm xe. Lau rửa xe xong, tôi đánh xe vào ga-ra. Tôi hì hục mãi cố kiếm ra việc để làm thêm. Tôi không hiểu nổi tại sao mình lại quá quan tâm đến cuộc gặp gỡ vừa qua đến thế. Suốt dọc đường về, tôi cứ tự sỉ vả: “Mày muốn gì nào? Mày ngốc đến thế kia ư? Xét cho cùng thì cô ấy là cái gì của mày? Người yêu chắc? Em gái chắc? Thử nghĩ xem, tình cờ gặp giữa đường, cho đi nhờ xe về nhà, mới có thể mà đã cuống lên như thế đã tình tự hẳn hoi rồi. Có thể người ta cũng chẳng thèm nghĩ đến mày nữa. Người ta cần đến mày lắm đấy! Người ta có chồng chưa cưới chính thức hẳn hoi, còn mày là cái thá gì? Chỉ là một thằng lái xe gặp giữa đường, của ấy có đến hàng trăm, hơi đâu nhớ hết mặt... Mà mày có quyền gì để mong ước này nọ: người ta đang dạm hỏi nhau, chỉ ít nữa là cưới, việc gì đến mày? Thôi đi. Cứ yên phận mà vịn tay lái, thế là xong!..”

Nhưng khốn nỗi dù tôi có tự nhủ lòng thế này thế nọ đủ cách mà vẫn không tài nào quên được Axen.

Ở chiếc xe không còn việc gì để làm nữa. Lẽ ra tôi phải về nhà tập thể: nhà chúng tôi vui lắm; lúc nào cũng ồn ào rộn rịp, lại có cả Góc Đỏ*, nhưng tôi không về. Tôi cứ muốn ngồi một mình. Tôi ngả người lên cánh chắn bùn, hai tay lót dưới gáy. Cách đấy một quãng, Giantai đang loay hoay chữa gì dưới gầm xe. Đó cũng là một tay lái xe ở trạm chúng tôi. Hắn thò đầu ra, cười kháy:

- Mơ mộng gì đấy, chàng gighet?
- Mơ tiền! - tôi hẳn học trả lời.

Tôi không ưa hẳn. Một tay bủn xỉn đê nhất hạng. Gian xảo, lại hay ganh tị. Hẳn không ở tập thể như mọi người, mà lại ở trọ nhà một bà chủ nào đấy. Nghe nói hẳn đã hứa hôn với bà ta; dù sao hẳn cũng sẽ được một ngôi nhà.

Tôi quay mặt đi. Trong sân trạm, bên vòi nước rửa xe, các tướng nhà ta đang bày trò đùa nghịch. Có cậu nào đã leo lên nóc ca-bin bơm cầm vòi phun nước vào những cậu khác đang đứng chờ đến lượt xe mình rửa. Khắp trạm vang tiếng cười ha hả. Luồng nước mạnh đến nỗi trúng phải ai là người ấy loạng choạng đứng không vững nữa. Anh em muốn lôi cậu kia từ trên nóc ca-bin xuống, nhưng cậu ta cứ nhảy nhót tại chỗ, cầm vòi nước như cầm tiểu liên lia vào lưng, vào đầu cho mũ lưỡi trai bắn tung ra. Mọi người chạy tán loạn.

Đột nhiên tia nước chĩa thẳng lên trời, vẽ thành một đường vòng cung ánh lên trong nắng trông như cái cầu vồng. Tôi nhìn theo hướng tia nước: ở phía tia nước vọt lên tôi trông thấy Kađitsa, cô phụ trách điều vận của trạm chúng tôi. Cô này thì không chạy đâu. Cô ta biết xử sự chững chạc, không dễ gì mà nhờn với cô ấy được. Bây giờ cũng thế, cô đứng yên, vẻ điềm tĩnh, không chút sợ sệt, như muốn nói: liệu hồn đấy, cứ thử chơi vào! Chân đi ủng ghech chéo sang một bên, Kađitsa đang cài lại mớ tóc, miệng tươi cười ngậm mấy chiếc cặp tóc. Những hạt nước nhỏ lăn tăn, óng ánh như bạc rơi xuống đầu cô gái. Cả lũ cười lớn, xúi giục anh chàng đứng trên nóc ca-bin:

- Cho cái “thùng xe” của cô nàng ướt một mẻ!
- Đánh vào đi!
- Coi chừng đấy, Kađitsa!

Nhưng anh chàng kia không dám phun nước vào Kađitsa, chỉ cho tia nước vờn quanh cô gái. Giá phải tay tôi, tôi sẽ cho Kađitsa một châu ướt từ đầu đến chân, và chắc hẳn cô sẽ không hé miệng nói gì, chỉ cười là hết. Tôi vẫn nhận thấy Kađitsa đối xử với tôi không như với các cậu khác. Đối với tôi, cô ngoan hơn, lại có chiều nũng nịu. Những khi tôi vuốt tóc Kađitsa để đùa cho vui, cô rất thích. Có một điều làm cho tôi hài lòng, là bao giờ Kađitsa cũng cãi lại tôi rất to tiếng, nhưng chẳng mấy chốc đã nhượng bộ ngay, dù khi tôi sai cũng thế. Thỉnh thoảng tôi mời cô đi xem chiếu bóng, rồi đưa về nhà: nhà Kađitsa ở trên đường về nhà tập thể. Mỗi khi đến phòng điều vận tôi cứ vào thẳng phòng cô trong khi những người khác chỉ được

phép đứng ngoài cửa ghi-sê. Nhưng bây giờ tôi còn đầu óc đâu nghĩ đến cô. Thôi cứ để mặc họ đùa nghịch với nhau.

Kaditsa đã cặp tóc xong.

- Thôi, chơi thế là đủ rồi! - cô ra lệnh.

- Xin tuân lệnh đồng chí phụ trách điều vận! - anh chàng trên nóc ca-bin đứng nghiêm, đưa tay lên vành mũ lưỡi trai chào theo kiểu nhà binh. Các bạn vừa cười vừa lời anh ta xuống.

Kaditsa đi về phía ga-ra chúng tôi. Cô dừng chân bên cạnh xe của Giantai, vẻ như đang muốn tìm ai. Cô chưa trông thấy tôi ngay vì giữa ga-ra có tấm lưới ngăn ra thành các gian. Giantai ở dưới hầm ló đầu lên, nói giọng ngọt xớt:

- Chào giai nhân!

- À, Giantai...

Hắn thèm thường nhìn đôi chân Kaditsa. Cô so vai, vẻ phật ý:

- Này, nhìn gì mà nhìn lăm thế? - đoạn cô lấy mũi giày khế hích vào cằm Giantai.

Giá là người khác thì chắc hẳn phải giận lăm, nhưng Giantai thì không. Mặt hắn tươi rói lên như vừa được hôn, và hắn lại rúc xuống hầm.

Kaditsa đã trông thấy tôi:

- Ilyax, nằm nghỉ thế có thích không?

- Như nằm nệm lông ấy!

Kaditsa áp mặt vào lưới, nhìn tôi đăm đăm và nói khẽ:

- Lên phòng điều vận tí đi.

- Được thôi.

Kaditsa ra ngoài. Tôi đứng dậy và đã toan đi, thì Giantai ở dưới hầm lại ngoi lên. Hắn nháy mắt nói:

- Con bé kháu đấy chứ!

- Nhưng chả đến phần mày đâu! - tôi cắt ngang.

Tôi tưởng hắn sẽ nổi khùng lên sinh sự đánh nhau. Tôi vốn không ưa gì cái trò ầu đả, nhưng với Giantai thì tôi sẵn lòng: lúc ấy tôi đang buồn bực đến nỗi chẳng biết làm gì cho đỡ chồn chân chồn tay nữa.

Nhưng Giantai cũng chẳng hề méch lòng.

- Không sao! - hấn lẩm bẩm, - Để rồi mà xem, đời còn dài...

Trong phòng điều vận không có ai cả. Quỷ quái gì thế này? Cô ta chuồn đi đâu? Tôi quay lại thì vừa đụng ngực vào Kađitsa. Kađitsa đứng tựa lưng vào cửa, đầu ngửa ra phía sau. Mắt cô sáng long lanh dưới hàng mi. Hơi thở nóng hổi của cô phả vào mặt tôi như thiêu như đốt. Tôi không tự chủ được nữa, sấn tới, nhưng rồi lập tức lùi trở lại. Kể cũng lạ thật, nhưng trong giây phút ấy tôi chợt nảy ra ý nghĩ rằng mình đang phản bội Axen.

- Cô gọi tôi lên có việc gì? - tôi hỏi, giọng bất bình.

Kađitsa vẫn im lặng nhìn tôi như lúc nãy.

- Sao?.. - tôi sốt ruột hỏi lại.

- Trông anh sao khó đăm đăm thế? Chẳng vồn vã tí nào, - Kađitsa nói, giọng có chiều hờn dỗi. - Hay đã có cô nào lọt mắt xanh?

Tôi đăm lúng túng. Sao Kađitsa lại trách tôi? Mà sao cô lại biết?

Vừa lúc ấy cửa ghi-sê mở tung ra. Giantai thò đầu vào, một nụ cười khẩy thoáng hiện trên mặt.

- Báo cáo đồng chí điều vận! - hấn đai giọng ra nói, vẻ mai mỉa, tay cầm một tờ giấy đưa cho Kađitsa.

Kađitsa hần học nhìn hấn. Cô tức giận ném vào mặt tôi một câu:

- Thế công lệnh của anh thì ai nhận cho? Anh chờ có giấy mời riêng chắc?

Đoạn Kađitsa lấy tay gạt tôi ra và đến ngồi vào bàn giấy.

- Này, cầm lấy! - cô trao cho tôi tờ công lệnh.

Tôi cầm lấy, vẫn là công lệnh cử về nông trang ấy! Tim tôi bỗng lạnh toát ra: đi về đấy, trong khi đã biết rằng Axen... Mà không hiểu sao, người ta lại cứ bắt tôi về nông trang nhiều hơn ai hết?

Tôi nổi khùng lên:

- Lại về nông trang? Lại chở phân, chở gạch? Tôi không đi! - tôi ném tờ giấy lên bàn. Tôi lộn bùn thế là đủ rồi, để người khác ném mùi với chứ!..

- Anh đừng quát tháo! Hết tuần này anh mới hết hạn. Nếu cần sẽ gia hạn thêm nữa, - Kađitsa nổi giận.

Tôi điềm tĩnh nói:

- Tôi không đi.

Và vẫn như mọi khi, Kaditsa đột nhiên nhượng bộ:

- Thôi được. Tôi sẽ nói với ban chỉ huy.

Cô nhặt lấy tờ giấy vứt trên bàn.

“Thế nghĩa là ta sẽ không đi nữa, tôi trầm nghĩ, và sẽ không bao giờ còn gặp lại Axen”. Tôi càng khổ sở hơn Tôi đã hiểu rất rõ rằng mình sẽ ân hận một đời. Ra sao thì ra - tôi sẽ đi!..

- Thôi được, đưa giấy đây! - tôi giật phất lấy tờ công lệnh.

Giantai đứng ở ghi-sê phì cười.

- Gửi lời chào bà nội tổ nhé!

Tôi làm thinh. Muốn quai vào mồm hấn quá!.. Tôi đóng sầm cửa và trở về nhà tập thể.

* * *

Sáng hôm sau tôi cứ nhón nhác tìm suốt dọc đường. Axen ở đâu? Liệu cái bóng dáng mảnh dẻ như cây phong của nàng có còn xuất hiện trên đường nữa không? Cây phong non trùm khăn đỏ của tôi! Cây phong của thảo nguyên! Tuy chân đi ủng cao su, vai khoác áo vét-tông của bố, nhưng có hề gì. Tôi đã thấy rõ nàng!

Axen đã làm tim tôi rung động, đã làm cả tâm hồn tôi xao xuyến!

Tôi lái xe đi, mắt cứ đảo nhìn hai bên, nhưng không, chẳng thấy nàng đâu hết. Tôi vào làng; đây, sân nhà nàng. Tôi hãm xe lại. Có lẽ Axen đang ở nhà cũng nên. Nhưng làm sao gọi nàng ra đây, nói gì với nàng bây giờ? Chao ôi, hấn số phận chẳng cho tôi gặp nàng. Tôi phóng xe ra chỗ dỡ hàng. Tôi dỡ hàng, trong lòng vẫn leo lét một tia hy vọng: may ra trên đường về lại bỗng gặp nàng thì sao? Thế nhưng trên đường về cũng vẫn không gặp. Tôi bèn đánh xe ra trại. Trại của họ dựng riêng ra một nơi cách làng khá xa. Tôi hỏi thăm một cô bé. Không thấy Axen ra làm, cô bé bảo thế. “Thế nghĩa là nàng cố ý không ra ngoài, để tránh gặp tôi dọc đường”, tôi nghĩ bụng, và đâm hoang mang. Tôi ủ rũ trở về trạm xe.

Ngày hôm sau tôi lại lên đường. Lần này tôi không còn mong gặp nữa. Quả thật, tại sao tôi lại tìm kiếm nàng, tại sao tôi lại đi quấy rầy một người con gái đã có nơi có chốn? Tuy vậy tôi cũng không thể nào tin được rằng giữa hai chúng tôi chỉ đến đây là hết, vì mãi đến nay trong các bản làng

người ta vẫn còn mai mối và gả bán không cần đến sự ưng thuận của người con gái. Tôi đọc báo đã bao nhiêu lần thấy đăng những chuyện tương tự. Nhưng thế thì đã sao? Ấu đả xong, không ai vung quả đấm lên làm gì, gả bán xong xuôi rồi thì không còn quay lại được nữa, cuộc đời đã tan vỡ rồi... Đấy, những ý nghĩ như vậy cứ vật vờ trong óc tôi...

Mùa xuân đang vào độ nảy nở từng bùng. Đất ở chân núi phủ đầy hoa kim hương. Từ thuở bé tôi đã yêu giống hoa này. Giá hái lấy một bó đem tặng nàng nhi! Song tìm nàng ở đâu được...

Rồi bỗng nhiên tôi không dám tin ở mắt mình nữa: Axen! Nàng ngồi cách vệ đường một quãng, trên một tảng đá, đứng ở chỗ lần trước xe tôi bị sa lầy. Hình như nàng đang đợi ai. Tôi cho xe chạy lại. Nàng hoảng hốt rời tảng đá đứng dậy, kéo tấm khăn trùm xuống nắm chặt trong tay. Lần này Axen mặc một chiếc áo dài xinh xắn, chân đi giày. Đường thì xa thế, mà nàng lại đi giày cao gót. Tôi phanh lại mau, tim như se lại, cổ nghẹn ngào.

- Axen đấy à!

- Chào anh! - nàng khẽ đáp.

Tôi đưa tay ra, định đỡ nàng lên xe, nhưng nàng quay mặt đi và chậm rãi bước dọc lề đường. Thế ra nàng không muốn ngồi lên xe. Tôi mở cửa xe và cho xe chạy chậm chậm cạnh nàng. Chúng tôi cứ thế đi song song, nàng bên vệ đường, tôi sau tay lái. Chúng tôi lặng thinh. Biết nói gì bây giờ? Một lát sau nàng hỏi:

- Hôm qua anh đến trại à?

- Vâng, thế sao?

- Không, là tôi muốn hỏi thế thôi. Anh không nên đến đấy.

- Tôi muốn gặp cô.

Axen lặng thinh không nói.

Nhưng tâm trí tôi cứ rối lên vì cái chuyện mai mối chết tiệt kia. Tôi muốn biết thực hư ra sao. Tôi muốn hỏi, nhưng lưỡi cứ lú lại. Tôi sợ. Tôi sợ câu trả lời của nàng.

Axen đưa mắt nhìn tôi.

- Thật à?

Nàng gật đầu. Tay lái cứ nhảy bần bật trong tay tôi.

- Bao giờ thì cưới? - tôi hỏi.
- Chỉ ít lâu nữa thôi, - nàng đáp khẽ.

Thiếu chút nữa tôi đã dận ga cho xe lao đi đâu thì đi. Nhưng đáng lẽ dận ga thì tôi lại nhả bộ ly hợp. Nghe tiếng máy quay không tải rú lên, Axen vụt né sang bên đường. Thế mà tôi cũng chẳng xin lỗi nữa. Tôi còn mãi nghĩ chuyện khác.

- Thế nghĩa là chúng ta không còn gặp nhau nữa?
- Tôi không biết. Không gặp nhau thì hơn.
- Còn tôi, tôi cứ... tùy cô đây, tôi cứ tìm!

Chúng tôi lại lặng thinh. Có lẽ chúng tôi cùng chung một ý nghĩ, nhưng giữa hai đứa như có một bức tường không cho phép tôi đến gần nàng, không cho nàng ngồi lên buồng lái của tôi.

- Axen! - tôi nói. - Cô đừng trách tôi. Tôi sẽ không quấy rầy gì đâu. Tôi sẽ đứng xa xa nhìn cô. Cô hứa đi!

- Tôi không biết, có lẽ...
- Cô ngồi lên đi, Axen.
- Không. Anh đi đi. Gần về đến làng rồi.

Sau đấy chúng tôi còn gặp nhau lại mấy lần trên đường cái, lần nào cũng như thể tình cờ. Và nàng lại đi bên lề đường còn tôi ngồi trên buồng lái. Thật khổ, nhưng biết làm thế nào được?

Tôi không hỏi gì về người chồng chưa cưới. Không tiện hỏi, mà tôi cũng chẳng muốn hỏi làm gì. Nhưng cứ những điều nàng nói ra thì hình như nàng biết người ấy rất ít. Đó là một người có họ ngoại với nàng, ở một lâm trường trong vùng núi, cách đây rất xa. Hai gia đình từ xưa đã có lệ trao đổi con gái cho nhau, nếu có thể nói như thế, họ duy trì quan hệ thân thuộc từ thế hệ này sang thế hệ khác. Cha mẹ Axen không thể nào tưởng tượng được rằng có thể đem gả con gái cho người ngoài. Còn như tôi thì đừng nói đến làm gì. Tôi là ai? Chỉ là một thằng lái xe quèn chẳng có tông tộc, ở tận đâu đâu đến. Mà chính tôi cũng chẳng dám hé răng để hỏi nàng làm vợ.

Mấy ngày ấy Axen rất ít nói: nàng cứ dăm chiêu suy nghĩ điều gì. Nhưng tôi không hề có ý hy vọng. Số phận nàng đã được định đoạt xong xuôi, gặp nhau nữa cũng chỉ vô ích. Thế nhưng chúng tôi cứ như hai đứa trẻ: chúng tôi

cố tránh nhắc đến chuyện ấy và cứ gặp nhau, vì không thể nào không gặp nhau được, cả hai chúng tôi đều có cảm giác là không thể sống thiếu nhau.

Năm ngày cứ thế trôi qua. Sáng hôm ấy tôi ở trạm xe hơi, đang chuẩn bị lên đường đi chợ hàng. Bỗng có tin gọi lên phòng điều vận.

- Có tin mừng! - Kađitsa vui vẻ tiếp tôi. - Trên chuyến anh sang đường Tân Cương rồi đấy.

Tôi choáng người đi. Mấy ngày gần đây tôi cứ sống như thể sẽ suốt đời lái xe về nông trang. Những chuyến vận tải qua Tân Cương vốn dài ngày lắm, biết bao giờ mới được đến với Axen? Bỗng dưng mất mặt, thậm chí cũng không báo cho nàng biết trước nữa ư?

- Kìa hình như anh không vui thì phải? - Kađitsa nhận xét.

Thế còn nông trang thì sao? - tôi lo lắng hỏi. - Việc ở đấy đã xong đâu.

Kađitsa ngạc nhiên so vai:

- Trước đây chính anh không muốn đi kia mà.

Tôi nổi nóng:

- Trước khác, giờ khác.

Tôi ngồi xuống ghế, không biết làm sao nữa.

Giantai chạy lại. Té ra người ta đã cứ hấn về nông trang thay tôi. Tôi chợt dạ. Chắc Giantai sẽ từ khước, vì công tác phí đường làng ít hơn. Nhưng hấn đã cầm lấy công lệnh và lại còn nói:

- Cô bảo đi đâu tôi xin đi ngay, Kađitsa ạ, dù phải đi đến cùng trời cuối đất cũng sẵn lòng! Đạo này ở nông trang cừ non đã đến độ chén được rồi đấy, có lẽ đem về cho cô một chú chăng?

Rồi hấn trông thấy tôi.

- A xin lỗi, hình như tôi đến làm phiền anh chị thì phải?

- Xéo đi!.. - tôi rít lên, đầu vẫn cúi gằm.

- Kìa sao lại ngồi thừ ra thế, Ilyax? - Kađitsa khẽ chạm vào vai tôi.

- Tôi phải về nông trang, Kađitsa ạ, cho tôi về nông trang thôi!

- Anh điên rồi hay sao? Tôi không làm thế được, không có lệnh! - Kađitsa lo lắng nhìn chăm chăm vào mặt tôi. Tại sao anh tự dưng đâm ra thích về nông trang thế?

Tôi không đáp, lẳng lặng bỏ ra ngoài, trở về ga-ra. Giantai lái xe vượt qua sát người tôi, cánh chắn bùn suýt chạm vào tôi. Hấn nháy mắt ranh mãnh.

Tôi cố chần chừ, trì hoãn, nhưng không thấy có lối thoát nào. Tôi đánh xe đến trạm bốc hàng. Số xe đang xếp hàng đứng đợi không nhiều lắm.

Các bạn gọi tôi lại hút thuốc, nhưng tôi cũng chẳng buồn xuống xe nữa. Tôi nhắm mắt lại và tưởng tượng cảnh Axen hoài công đứng đợi tôi trên đường cái. Nàng sẽ đợi một ngày, hai ngày, ba ngày... Rồi nàng sẽ nghĩ về tôi ra sao?

Trong khi đó đã sắp đến lượt tôi. Họ đã bắt đầu bốc hàng lên chiếc xe đứng trước mặt tôi. Chỉ một phút nữa, xe tôi cũng sẽ đứng dưới cần trục. “Em tha thứ cho anh, Axen nhé! - Tôi nghĩ thầm. - Anh xin lỗi em, cây phong thảo nguyên của anh!” Chợt một ý nghĩ vụt thoáng qua óc tôi: “Đến với Axen rồi trở về cũng kịp. Lên đường chậm mất vài giờ thì đã sao? Rồi sẽ lên phân trần với đồng chí trạm trưởng, may ra thì đồng chí ấy thông cảm, không thì đành nghe chửi. Quá lắm cũng đưa ra khiển trách... Nhưng không thể thế này được! Tôi phải đi thôi!”

Tôi mở ga để cho xe lùi, nhưng mấy chiếc xe đến sau đứng sát quá. Trong khi đó chiếc xe nhận hàng xong chạy đi. Đã đến lượt tôi.

- Đứng vào! Ê, Ilyax! - Người lái cần trục quát.

Cần trục đã ở ngay trên đầu tôi. Thế là hết! Xe mà đã chở hàng xuất khẩu lên rồi thì không còn đi đâu được nữa. Làm sao tôi lại không nghĩ ra từ trước? Đồng chí phụ trách gửi hàng cầm giấy tờ đến. Tôi ngoái nhìn qua tấm kính sau buồng lái: thùng chứa hàng đang lắc lư ở phía trên thùng xe, mỗi lúc một gần.

Tôi bỗng quát:

- Coi chừng đấy!

Xe tôi vụt chồm ra khỏi tầm cần trục - máy tôi vẫn để chạy không. Phía sau vang lên những tiếng thét, tiếng còi, tiếng chửi rủa...

Tôi cho xe chạy qua các kho hàng, các chồng gỗ, các đống than. Tay tôi như đã bắt rết vào vô-lăng. Mặt đất cứ vật vã lờng lộn lên, cả chiếc xe lẫn người tôi hết xiêu bên này lại ngã sang bên kia. Nhưng đối với bọn chúng tôi những chuyện ấy đã quá quen.

Chỉ lát sau tôi đuổi kịp Giantai. Hấn ngồi trong buồng lái nhìn ra, mắt tròn xoe: hấn đã nhận ra tôi. Hấn cũng thừa thấy rõ là tôi đang vội, đáng lẽ phải nhường lối cho tôi, thế nhưng không, hấn không cho tôi vượt. Tôi liền lái xe xuống ruộng đi vòng lên, Giantai cũng tăng tốc độ, cốt chặn cho tôi không lên đường cái được. Chúng tôi cứ thế mà phóng xe: hấn ở trên đường, tôi dưới ruộng. Chúng tôi cúi rạp trên tay lái, gườm gườm đưa mắt nhìn nhau như hai con thú dữ, nguyên rủa nhau.

- Mà đi đâu? Tại sao? - hấn quát tôi.

Tôi giờ quả đấm lên dọa hấn. Dù sao xe tôi đi không vẫn nhẹ hơn. Tôi vượt qua, bỏ hấn lại sau.

Tôi không gặp được Axen. Vào đến bản, tôi thở dốc ra như vừa chạy bộ đến. Trong sân nhà cũng như ở ngoài đường chẳng thấy ai. Chỉ có một con ngựa đống yên đứng bên cọc. Làm thế nào bây giờ? Tôi quyết định đứng chờ. Tôi nghĩ: nàng trông thấy chiếc xe, sẽ ra đường. Tôi mở ca-pô chú ý đầu vào máy làm như đang sửa chữa gì, mắt cứ liếc về phía cổng. Tôi không phải chờ lâu: cánh cổng mở, mẹ nàng bước ra với một ông già to béo, râu đen, mình mặc hai cái áo bông dài, áo trong bọc vải sủ lông, áo ngoài bọc nhung. Tay ông ta cầm một cây roi da rất đẹp. Mặt ông ta đỏ bừng, mồ hôi nhễ nhại: rõ ràng là ông ta vừa uống nước trà. Họ đến cạnh cọc buộc ngựa. Mẹ Axen kính cẩn cầm bàn đạp đỡ ông già đang hì hục lên yên.

- Chúng tôi đội ơn ông lắm, ông mới ạ! - bà nói. Nhưng về phần chúng tôi cũng xin ông đừng lo. Với con gái, chúng tôi không tiếc thứ gì đâu. Nhờ trời, chúng tôi cũng không đến nỗi tay trắng.

- E-ê! Baibitsê* ạ, chúng tôi chẳng có gì phải phàn nàn đâu, - ông già vừa đáp vừa ngồi lại cho thoải mái trên yên ngựa. - Lạy trời phù hộ cho hai trẻ được khỏe mạnh. Còn như tiền của thì cho con cái mình chứ cho ai mà sợ. Đây cũng chẳng phải lần đầu hai họ ta thông gia với nhau... Thôi, chúc bà khỏe, baibitsê ạ. Thế tức là ta đã bàn định xong xuôi: đến thứ sáu nhé!

- Vâng, vâng, thứ sáu. Ngày thiêng đấy. Chúc ông đi đường mạnh khỏe. Xin gửi lời chào bà mới.

“Họ nói gì mà thứ sáu nhỉ? - tôi tự nhủ. - Hôm nay thứ mấy? Thứ tư... chả nhẽ đến thứ sáu họ đã đem nàng đi? Trời ơi, những tục lệ cũ còn phá hoại cuộc đời của thanh niên chúng ta mãi đến bao giờ!..”

Ông già thúc ngựa chạy nước kiệu lúp xúp về phía núi. Mẹ Axen đợi cho ông ta đi khuất rồi quay lại nhìn tôi từ đầu đến chân, vẻ không có gì thân thiện.

- Này anh kia, sao anh cứ xơ rớ ở đây thế hả? - bà nói. - Đây không phải là quán trọ! Đừng đứng đây làm gì! Đi đi, nghe ra chưa?

Thế nghĩa là bà ta đã nhận diện được tôi.

- Xe tôi bị hỏng! - tôi bưng bình cầu nhàu và rúc hẳn vào thùng máy ngập đến thắt lưng. "Không - tôi nghĩ lắm - chưa gặp Axen thì tôi chưa đi đâu hết."

Bà mẹ lẩm bẩm thêm mấy tiếng nữa rồi bỏ đi.

Tôi chui đầu ra, ngồi lên bậc xe châm thuốc hút. Một con bé không biết từ đâu chạy lại. Nó nhảy lò cò một chân quanh xe. Trông nó hơi giống Axen. Em nàg chăg?

- Axen đi rồi! - nó bỗng nói, chân vẫn nhảy lò cò.

- Đi đâu? - tôi chộp lấy nó. - Axen đi đâu?

- Biết đâu đấy! Buông ra! - nó gỡ tay tôi ra, và thay cho lời từ biệt, nó thè lưỡi.

Tôi đóng sập ca-pô lại, ngồi vào buồng lái. Đi đâu bây giờ, tìm nàg ở đâu? Mà cũng đã đến lúc phải về trạm. Tôi cho xe chạy chậm chậm trên đường. Xe đã ra đến thảo nguyên. Tôi cho xe dừng lại bên con mương cắt ngang đường. Bây giờ phải làm gì, tôi không hề biết. Tôi ra khỏi buồng máy, nằm lăn ra đất, trong lòng thấy chán ngán quá chừng. Axen thì không tìm được, mà chuyến đi đã lỡ mất rồi... Tôi suy nghĩ miên man, không còn trông thấy gì, không còn nghe thấy gì ở trên đời này nữa. Tôi nằm như thế bao nhiêu lâu tôi cũng không biết, nhưng vừa ngẩng đầu lên thì thấy bên kia xe có đôi chân con gái đi giày cao gót. Chính nàg! Tôi nhận ra ngay. Tôi mừng quá đến nỗi tim như muốn vỡ tung. Tôi nhồm dậ, nhưng không đứng thẳng lên được. Và cảnh ấy lại diễn ra đúng ở chỗ chúng tôi gặp nhau lần đầu.

- Thôi đi đi, đi đi, bà cụ ơi! - tôi nói với đôi giày phụ nữ.

- Nhưng tôi không phải là bà cụ! - Axen cũng phụ họa theo.

- Thế thì là ai?

- Một người con gái.

- Con gái? Có đẹp không đấy?

- Cứ thử nhìn mà xem!

Chúng tôi cùng phá lên cười. Tôi nhảy phắt dậy, chạy sang với nàng. Nàng đi về phía tôi. Chúng tôi dừng lại trước mặt nhau.

- Đẹp nhất đời! - tôi nói. Còn nàng thì như một cây phong non trước gió, mềm mại uyển chuyển, mặc chiếc áo ngắn tay, hai quyển sách nhỏ cặp dưới nách.

- Sao em lại biết tôi ở đây?

- Em ở thư viện ra thì trông thấy vết xe của anh trên đường cái!

Thế à?! Đối với tôi câu ấy còn có nhiều ý nghĩa hơn cả mấy chữ “em yêu anh”. Thế ra nàng có nghĩ đến tôi, quý mến tôi, nên mới tìm vết bánh xe tôi.

- Em chạy lại đây, vì không hiểu sao em cứ đinh ninh là anh đang chờ!..

Tôi cầm lấy tay nàng:

- Ngồi lên đây, Axen, ta đi chơi một chút.

Nàng vui lòng ưng thuận. Tôi không nhận ra được Axen nữa. Mà bản thân tôi, tôi cũng không nhận ra nốt. Bao nhiêu lo âu, buồn tủi đều tiêu tan đi đâu hết. Bây giờ chỉ còn lại hai chúng tôi, chỉ còn hạnh phúc của chúng tôi, bầu trời và con đường thiên lý. Tôi mở cửa xe, đặt nàng ngồi lên ghế và cầm lấy tay lái.

Chúng tôi đi. Chúng tôi cứ đi thế thôi, trên con đường cái. Không biết đi tới đâu, và để làm gì. Nhưng đối với chúng tôi cái đó không có gì quan trọng. Chỉ cần ngồi cạnh nhau, mắt nhìn vào mắt, tay khẽ chạm vào tay nhau là đủ lắm rồi. Axen sửa lại chiếc mũ lưỡi trai bộ đội của tôi (tôi đội nó đã hai năm nay).

- Thế này đẹp hơn! - nàng nói và âu yếm nép vào vai tôi...

Xe bon trên thảo nguyên như một con én. Cả thế giới chuyển động, mọi vật đều chạy về phía chúng tôi: núi đồi, đồng ruộng, cây cối... Gió lùa vào mặt chúng tôi. Chúng tôi cứ lao băng băng về phía trước. Mặt trời chói lọi trên cao. Chúng tôi cất tiếng cười. Không khí ngọt ngào mùi ngải và kim hương. Chúng tôi thở hít vào cho căng cả lồng ngực...

Một con diều hâu thảo nguyên đậu trên một tấm bia đồ nát cất cánh bay lên, vỗ cánh mấy cái rồi sà thấp xuống lượn dọc theo đường cái như muốn

đua sức với chúng tôi.

Hai người cưỡi ngựa hoảng hốt dạt sang bên đường, rồi thét lên một tiếng man dại, quát ngựa đuổi theo chúng tôi:

- Ê-ê! Đứng lại! - họ vừa quát vừa quát hai con ngựa đang phi rập mình xuống đất. Họ là ai thì tôi không biết. Có lẽ Axen biết họ. Chẳng mấy chốc họ đã mất hút sau đám bụi cuốn sau xe.

Phía trước mặt có một chiếc xe ngựa rẽ sang bên đường để nhường lối cho chúng tôi. Trên xe có một người con trai và một người con gái. Trông thấy chúng tôi, họ nhòe dậy, ôm lấy vai nhau và vẫy tay niềm nở.

- Cám ơn nhé! - tôi ngồi trong buồng lái quát ra.

Xe đã vượt hết cánh thảo nguyên và ra đường cái lớn. Nhựa đường kêu vo vo dưới bánh xe.

Không còn xa nữa chắc phải có hồ. Tôi cho xe rẽ ngoặt sang một bên, ra khỏi đường cái và cứ đi thẳng giữa cánh đồng hoang, qua các bụi rậm, các đám cỏ dại, đi về phía bờ hồ. Chúng tôi dừng lại trên một bờ dốc cheo leo trông thẳng xuống nước.

Những đợt sóng xanh bạc đầu như cầm tay nhau chạy thành hàng lên bờ cát vàng. Mặt trời đang khuất dần sau rặng núi, và những khoảng nước ở phía xa trông như nhuộm hồng. Xa tít tận bên kia hồ, một dãy núi tím đỉnh phủ tuyết hằn lên nền trời. Những đám mây xám đang ùn ùn tụ lại trên đầu chúng tôi.

- Axen xem kìa! Thiên nga!

Chỉ mùa thu và mùa đông mới có thiên nga trên hồ Ixúc-kun. Mùa xuân chúng rất ít khi về. Người ta thường bảo đó là những con thiên nga từ miền nam đang bay về phương bắc. Họ bảo đó là điềm lành...

Một đàn thiên nga trắng bay lượn trên hồ, trong ánh chiều tà, khi bay vút lên, khi sà thấp xuống, cánh dang rộng. Chúng đậu xuống nước, vỗ cánh rào rào làm nước sủi bọt loang ra thành từng vòng rộng, rồi lại cất cánh bay lên. Sau cùng chúng sắp thành hàng dài và vỗ cánh nhịp nhàng bay đến một bờ vịnh đất cát để nghỉ đêm.

Ngồi trong xe, chúng tôi im lặng nhìn những cảnh ấy. Rồi tôi nói, như thể chúng tôi đã quyết định xong xuôi mọi việc:

- Ở đằng kia, em thấy không, mấy mái nhà trên bờ ấy là trạm xe hơi của anh. Còn đây, - tôi khoát tay quanh buồng lái, là nhà của chúng ta! - Nói xong tôi cười lớn. Bởi vì không còn biết đánh xe chở nàng đi đâu nữa.

Axen nhìn đăm đăm vào mắt tôi, nép sát vào ngực tôi, ôm chặt lấy tôi, vừa cười vừa khóc:

- Anh yêu quý, anh của em! Em không cần có nhà cửa gì hết. Miễn sao cha mẹ em hiểu cho em, nếu bây giờ chưa hiểu thì sau này cũng được. Cha mẹ sẽ giận em suốt đời, em biết... nhưng có phải tại em đâu...

Trời xẩm tối rất nhanh. Mây đen kéo đầy trời, rũ là là trên mặt nước. Nước hồ lặng lẽ, đen kịt lại. Trên núi như có ai đang hàn điện: khi thì lòe lên chói mắt, khi thì vụt tắt ngấm. Cơn giông đang kéo đến. Không phải vô cớ mà đàn thiên nga đang bay dở đường bỗng ghé xuống đây: chúng đã cảm thấy trước cơn giông có thể ập đến trong khi chúng bay qua núi.

Sấm chuyển âm âm. Mưa đổ xuống rào rào, hạt nặng như mưa đá. Hồ Ixúc-kun bắt đầu gầm gừ, sôi réo lên, sóng vỗ mạnh vào bờ. Đó là cơn giông đầu tiên của mùa xuân. Và đó cũng là đêm đầu tiên của chúng tôi. Nước mưa chảy như xối trên buồng lái, trên các tấm kính. Những tia chớp sáng lòa vẽ thành đường loằng ngoằng đâm sâu xuống mặt hồ đen ngòm mở rộng. Hai đứa chúng tôi nép vào nhau, nói chuyện thì thầm. Tôi cảm thấy Axen run, không biết vì sợ hay vì lạnh. Tôi lấy áo đắp cho nàng, ôm nàng thật chặt và cảm thấy mình mạnh mẽ, to lớn. Tôi chưa bao giờ ngờ mình có nhiều tình cảm đến thế; trước đây tôi không hề biết cái hạnh phúc được che chở, được lo lắng cho một người nào. Tôi thì thầm rỉ tai nàng: “Không bao giờ anh để cho ai bắt nạt em, cây phong non trùm khăn đỏ của anh!..”

Cơn giông tan đi cũng nhanh như đã kéo đến. Nhưng trên mặt hồ xao động sóng vẫn cuộn cuộn, trời vẫn mưa lâm thâm.

Tôi lấy ra một chiếc máy thu thanh đi đường nhỏ, cái tài sản đáng giá duy nhất của tôi hồi ấy. Tôi vặn nút, bắt một làn sóng điện. Bây giờ tôi còn nhớ là lúc ấy họ tiếp âm vở vũ kịch “Tsôn-pôn”* đang diễn ở nhà hát thành phố. Vượt qua đèo, qua núi, âm nhạc rót vào buồng lái của chúng tôi, đằm thắm và mãnh liệt như chính cuộc tình duyên được thuật lại trong vở kịch. Công chúng vỗ tay rầm rộ, họ lớn tiếng gọi tên các nghệ sĩ biểu diễn, có lẽ họ đang ném hoa lên tận chân các vũ nữ ba-lê, nhưng tôi nghĩ trong số các khán giả ngồi ở nhà hát không có ai xúc động và hân hoan như hai đứa

chúng tôi ngồi trong buồng lái chiếc xe vận tải đổ bên bờ hồ Ixúc-kun nổi sóng. Chính vở vũ kịch đang kể chuyện chúng tôi, kể lại cuộc tình duyên của chúng tôi. Chúng tôi cảm thông sâu sắc với số phận của nàng Tsôn-pôn bỏ đi tìm hạnh phúc. Tsôn-pôn của tôi, ngôi sao mai của tôi đang ở cạnh tôi. Đến nửa đêm nàng ngủ thiếp trên vai tôi, còn tôi hồi lâu vẫn không sao bình tâm trở lại. Tôi khẽ vuốt má Axen và lắng nghe tiếng thở dài đưa lên từ đáy hồ Ixúc-kun.

Sáng hôm sau chúng tôi về trạm xe. Tôi bị chỉnh một mẻ ra trò. Nhưng khi các đồng chí biết vì sao tôi đã làm như vậy, họ cũng thể cho dịp này mà tha thứ cho tôi. Về sau, anh em còn cười mãi mỗi lần nhớ lại lúc tôi chuồn khỏi cần trục bốc hàng.

Tôi còn có nhiệm vụ đi tải hàng qua đèo Độ Long. Tôi quyết định đem Axen theo. Tôi định dọc đường sẽ gửi nàng ở lại nhà bạn tôi là Alibêk Gianturin. Gia đình Alibêk ở một trạm chuyển tải gần Narun. Từ đây đến biên giới cũng không còn xa mấy. Mỗi khi đi ngang tôi vẫn thường ghé lại. Vợ Alibêk là người rất tốt, tôi kính nể chị ấy lắm.

Chúng tôi lên đường. Việc đầu tiên là đi mua ít áo quần cho Axen trong một cửa hàng ở dọc đường, vì nàng chỉ có mỗi chiếc áo đang mặc. Ngoài các thứ ra chúng tôi còn mua cả một chiếc khăn san hoa, màu rất tươi, cho Axen. Chiếc khăn thật hợp cảnh. Dọc đường chúng tôi gặp bác Urmat, ấcxakan của chúng tôi, một bác lái xe già. Từ xa bác đã ra hiệu cho tôi dừng lại. Tôi hãm xe. Bác và tôi ra khỏi buồng lái chào nhau.

- Axxalam-alêikum*, Urmat-akê*!

- Alêikum-axxalam, anh Ilyax. Chúc cho những sợi dây buộc con chim ưng đậu trên tay anh* được bền vững! - Bác chúc mừng tôi đúng theo phong tục. - Cầu trời cho anh chị hạnh phúc và đông con!

- Cám ơn bác! Sao bác biết, hở Urmat-akê? - tôi ngạc nhiên hỏi.

- Ấy, ấy, cháu ạ, tin mừng bay xa lắm. Nó chuyển từ miệng này sang miệng khác khắp trên đường vận tải...

- Thế kia ư! - tôi lại càng lấy làm lạ.

Chúng tôi đứng nói chuyện trên đường cái, nhưng Urmat-akê thậm chí cũng không đến cạnh xe tôi, không nhìn Axen một chút. May mà Axen

đoán được ý bác ta: nàng trùm chiếc khăn lên đầu, che kín mặt mũi*. Thấy thế, bác Urmat mỉm cười hề hả.

- Thế, bây giờ thì ổn lắm rồi! - bác nói. - Cám ơn cháu đã có ý trọng nể người già. Từ nay cháu là con dâu của các bác, con dâu của tất cả các ấcxakan trong trạm xe. Ilyax, cháu cầm lấy, đây là quà tặng nhân lễ xem mặt cô dâu, - bác đưa tiền cho tôi. Tôi không thể từ chối được, bác ấy giận mất.

Chúng tôi chia tay nhau, Axen vẫn trùm khăn. Như trong một nhà Kirghizia trung thành với thuần phong mỹ tục, nàng ngồi trong buồng lái, bẽn lẽn che mặt lại mỗi khi gặp các bạn lái xe. Rồi khi chỉ còn lại hai đứa, chúng tôi cười với nhau.

Trùm chiếc khăn, Axen trông càng đẹp hơn. Tôi bảo nàng:

- Cô vợ nhỏ của anh, ngược mắt lên nào, hôn anh đi!

- Không được, các ấcxakan trông thấy mất! - nàng đáp rồi lập tức vừa cười vừa hôn lên má tôi, làm ra vẻ vụng trộm.

Tất cả các bạn lái xe ở trạm khi gặp chúng tôi đều dừng lại mừng, chúc chúng tôi hạnh phúc, nhiều cậu không những đã có thì giờ sắp sẵn những bó hoa hái dọc đường, mà lại còn mua được cả quà tặng nữa. Tôi không biết ai đã nghĩ ra ý đó. Chắc là ý kiến của các cậu người Nga ở trạm chúng tôi. Trong làng họ mỗi khi có lễ cưới, các xe hơi đều kết hoa. Và đây, xe chúng tôi cũng trang hoàng những băng đỏ, xanh da trời, xanh lá cây, những tấm khăn lụa, những bó hoa. Chiếc xe trông thật sắc sỡ, và chắc hẳn cách xa hàng chục cây số người ta cũng trông thấy. Tôi với Axen sung sướng quá, riêng tôi rất tự hào về các bạn. Người ta thường nói trong cơn hoạn nạn mới biết rõ lòng bạn, nhưng theo tôi, ngay trong hạnh phúc cũng biết rõ.

Dọc đường chúng tôi còn gặp cả Alibêk Gianturin, người bạn thân nhất của tôi. Anh ấy hơn tôi độ hai tuổi. Người to ngang, đầu cũng to. Alibêk là người chín chắn, đúng mực và lái xe rất giỏi. Ở trạm các bạn rất nể cậu ấy. Họ bầu cậu ấy vào ban chấp hành công đoàn. Tôi nghĩ bụng không biết Alibêk sẽ nói thế nào đây.

Alibêk im lặng nhìn xe chúng tôi và lắc đầu. Cậu ấy đến cạnh Axen, bắt tay và chúc mừng nàng.

- Thôi, đưa công lệnh đây! - Alibêk ra lệnh. Tôi hoang mang đưa giấy cho cậu ấy xem. Alibêk lấy bút máy viết đề lên khắp tờ công lệnh, chữ rất to: “Hành trình hôn lễ số 167!”. Một trăm sáu mươi bảy là số công lệnh.

- Cậu làm gì thế? - tôi đâm hoảng. - Đây là công lệnh kia mà!

- Nó sẽ được lưu truyền cho hậu thế! - Alibêk cười. - Cậu tưởng dân bàn giấy không phải là người hay sao? Thôi bây giờ đưa tay đây! - Alibêk ôm tôi thật chặt, hôn tôi. Chúng tôi cười ha hả.

Sau đó chúng tôi đã toan ai về xe nấy thì Alibêk bỗng giữ tôi lại:

- Thế cậu với cô ấy sẽ ở đâu?

Tôi dang hai tay ra. Đoạn chỉ chiếc xe tôi nói:

- Nhà chúng mình kia!

- Trong buồng lái ấy à? Rồi con cái cũng nuôi ở đấy sao?.. Thế này nhé, hãy dọn đến ở tạm nhà mình trên trạm chuyển tải, mình sẽ bàn với ban chỉ huy, còn gia đình mình sẽ dọn sang nhà mới.

- Nhưng nhà cậu đã làm xong đâu? - Nhà Alibêk đang dựng ở Rủbatsiê, cách trạm xe không xa. Những khi rảnh vẫn thường đến giúp cậu ấy một tay.

- Không sao. Chỉ còn phải làm nốt mấy việc vặt nữa thôi. Cậu đừng mong có chỗ rộng hơn, cậu cũng biết đấy, hiện nay vấn đề nhà cửa còn gay.

- Cám ơn cậu. Chúng mình cũng không cần hơn. Trước đây mình chỉ định gửi Axen ở tạm nhà cậu ít lâu, thế mà cậu lại nhường cho mình cả một căn nhà...

- Nói chung, hai vợ chồng cứ ở lại nhà mình. Khi trở về cậu chờ mình nhé. Chúng ta sẽ cùng bàn định, có mặt cả hai bà! - Alibêk nháy mắt về phía Axen.

- Phải, bây giờ thì phải có cả các bà!

- Chúc hai người một cuộc hành trình hôn lễ hạnh phúc! - Alibêk gọi với theo chúng tôi.

Quý thật. Đây quả nhiên là cuộc hành trình hôn lễ của chúng tôi! Mà lại là một cuộc hành trình đặc sắc biết chừng nào!

Chúng tôi vui mừng vì mọi việc đều đã được thu xếp ổn thỏa, duy chỉ có một cuộc gặp gỡ hơi làm cho tôi bực mình.

Ở một chỗ ngoặt chúng tôi bỗng gặp chiếc xe của Giantai xô ra. Trong buồng lái không phải chỉ có một mình Giantai: cạnh hắn còn có Kađitsa. Giantai giơ tay lên vẫy tôi. Tôi hãm xe dừng phắt lại. Hai chiếc xe đỗ sát cạnh nhau. Giantai thò đầu ra cửa.

- Làm gì mà trang hoàng như ăn cưới thế hả?

- Chính thế đấy! - tôi đáp.

- Ra thế kia à? - Giantai đai giọng ra nói, có ý ngờ vực, rồi đưa mắt nhìn sang Kađitsa. - Thế mà chúng tớ cứ đi tìm cậu! - hắn buột miệng nói thêm.

Kađitsa vẫn ngồi yên không nhúc nhích, mặt tái xanh, vẻ bàng hoàng ngỡ ngác.

- Chào Kađitsa! - tôi nói, giọng niềm nở. Cô ta im lặng gật đầu.

- Thế cô này là người yêu của cậu hả? - mãi đến bây giờ Giantai mới đoán ra.

- Không, vợ tôi đấy, - tôi cải chính, và đưa tay ra khoác vai Axen.

- Thế à? - Giantai càng giương to mắt, không biết có nên vui mừng hay không. - Thế thì tớ xin mừng, xin chân thành mừng cậu...

- Cám ơn!

Giantai cười ranh mãnh:

- Cậu tài thật! Cậu không nộp cheo, cứ cuỗm đi thôi à?

- Đồ ngu! - tôi nói. - Thôi phóng đi!

Có những người đến lạ! Tôi còn muốn mắng cho hắn một trận đích đáng nữa, nhưng ngoái cổ nhìn lại, tôi thấy Giantai đang đứng bên xe lấy tay xoa má rồi giơ quả đấm về phía Kađitsa quát những gì không rõ. Còn Kađitsa thì bỏ chạy xuống cánh đồng, cách xa đường cái. Cô ta cứ chạy, chạy mãi, rồi bỗng ngã nhào xuống đất, giơ hai tay lên ôm đầu. Tôi không biết giữa Kađitsa và Giantai đã có chuyện gì xảy ra, nhưng tôi bỗng thấy thương Kađitsa. Tôi cứ có cảm giác như mình có lỗi với Kađitsa. Tôi không nói gì với Axen cả.

Một tuần sau chúng tôi dọn đến ngôi nhà nhỏ ở trạm chuyển tải. Ngôi nhà chỉ có một căn ngoài và hai phòng con. Ở đấy có vài ngôi nhà như thế của mấy cậu lái xe cùng ở với gia đình và của một số nhân viên các trạm bơm xăng. Nhưng địa điểm ấy tốt, gần đường cái và cách Narun không xa.

Dù sao Narun cũng là tỉnh lỵ. Có thể đi mậu dịch, đi xem phim, lại có cả bệnh viện nữa. Chúng tôi còn thú một điểm nữa là trạm chuyển tải ở chính giữa quãng đường. Những chuyến đi vận tải của chúng tôi chủ yếu là giữa Rubatsiê và Tân Cương qua đèo Độ Long. Giữa đường có thể ghé về nhà nghỉ ngơi hay ngủ lại. Hầu như ngày nào tôi cũng được gặp Axen. Ngay những hôm gặp trở ngại dọc đường, tôi cũng cố về cho đến nhà, dù giữa đêm khuya cũng không ngại. Axen bao giờ cũng đợi tôi, tôi chưa về thì nàng cứ lo lắng không chịu đi ngủ. Chúng tôi đã bắt đầu sắm sửa đồ đạc trong nhà được ít nhiều. Nói tóm lại, cuộc sống dần dần ổn định. Chúng tôi quyết định là Axen sẽ đi làm, chính Axen cũng một mực đòi đi: là một người con gái lớn lên trong thôn xóm, nàng vốn quen làm lụng. Nhưng chúng tôi bỗng có một tin mừng đột ngột: nàng sắp làm mẹ.

Hôm Axen sinh cháu, tôi vừa tải hàng sang Tân Cương về, tôi hồi hả, cuống cuống lên: Axen đang nằm ở nhà hộ sinh Narun. Tôi đến thì nàng đã sinh cháu trai! Dĩ nhiên họ không cho tôi vào thăm. Tôi lên xe và phóng khắp đồi núi. Đạo ấy là mùa đông, chung quanh chỉ toàn tuyết và đá. Trước mắt cứ loáng thoáng hai màu đen, trắng chen nhau: hết đen lại trắng, hết trắng lại đen, rồi phóng lên đỉnh đèo Độ Long cao ngất. Mây bay là là sát đất, những ngọn núi ở phía dưới trông như một lũ lùn, rồi nháy ra khỏi buồng lái, hít mạnh không khí cho căng cả lồng ngực và gào to lên:

- Ê-ê núi ơi! Tôi vừa đẻ con trai!

Tôi có cảm giác như núi đồi rung chuyển. Chúng nhắc lại lời tôi, và tiếng vọng ấy vang mãi hồi lâu không tắt, chuyển từ hẻm núi này sang hẻm núi nọ.

Chúng tôi đặt tên cho cháu là Xamát. Tên ấy do tôi nghĩ ra. Bao nhiêu câu chuyện chúng tôi nói đều xoay quanh nó: thằng Xamát, thằng Xamát của chúng tôi, Xamát biết cười, Xamát mọc răng. Nói chung cũng như tất cả các ông bố, bà mẹ trẻ tuổi.

Chúng tôi sống rất hòa thuận, thương yêu nhau, nhưng rồi được ít lâu tai họa đã đổ xuống đầu tôi...

* * *

Bây giờ cũng khó lòng mà hiểu cho ra tai họa từ đâu đến. Mọi việc đều lẫn lộn, rối như tơ vò... Quả thật chính tôi đến nay cũng đã hiểu được nhiều, nhưng bây giờ thì còn nói làm gì...

Tôi gặp người ấy trên đường đi một cách tình cờ. Chúng tôi chia tay nhau mà cũng không ngờ rằng đó chưa phải là cuộc gặp gỡ cuối cùng giữa hai chúng tôi.

Cuối mùa thu năm ấy tôi đi tải hàng. Trời rất xấu. Mưa cũng chẳng ra mưa, tuyết cũng chẳng ra tuyết: trên trời cứ đổ xuống một thứ gì ướt át, lâm thâm, chẳng hiểu là cái gì. Trên các sườn núi sương mù dày đặc như kem sữa. Gần suốt dọc đường tôi phải cho que gạt kính chạy: cửa kính cứ toát mồ hôi ra. Xe tôi đã đi sâu vào núi, đậu ở chân đèo Độ Long. Chao ôi, Độ Long, Độ Long, con quái vật khổng lồ của vùng Thiên Sơn! Cuộc đời tôi đã gắn bó với nó biết chừng nào! Đó là đoạn đường khó khăn, nguy hiểm nhất của tuyến hành trình. Con đường ngoằn ngoèo chữ chi, hết vòng này lại sang vòng khác, cứ men vực thẳm leo mãi đến tận trời xanh, bốn bánh đè lên mây mà leo; khi thì người bị ép sát vào lưng ghế không nhấc lên được, khi thì lại ngã chúi về phía trước, phải chống tay cho ngực khỏi xô vào vô-lăng. Thời tiết ở trên đèo thì như một con lạc đà xấu tính: dù là mùa hạ hay mùa đông, đèo Độ Long cũng chẳng thềm đếm xỉa đến: trong nháy mắt trời bỗng dưng đổ một trận mưa rào, mưa đá, hay tuyết cuộn lên mù mịt không còn trông thấy gì nữa. Đây, cái đèo Độ Long của chúng tôi là như thế đấy!.. Nhưng chúng tôi, dân Thiên Sơn, đã quen với nó rồi, nhiều khi lại còn vượt đèo ban đêm nữa. Ấy, bây giờ tôi mới nhớ lại đầy đủ những nỗi khó khăn, nguy hiểm, chứ khi làm việc ở đây hàng ngày thì cũng chẳng hơi đâu mà suy nghĩ đến những chuyện ấy.

Thế rồi một hôm, trong một hẻm núi gần đèo Độ Long, tôi đuổi kịp một chiếc xe vận tải. Tôi nhớ rõ đó là một chiếc “GAZ 51”. Nói đúng ra thì không phải tôi đuổi kịp: nó đã dừng sẵn ở đấy rồi. Hai người đang loay hoay chữa máy. Một trong hai người thông thả bước ra đứng giữa đường, giơ tay lên. Tôi hãm lại. Người ấy đến cạnh xe tôi, mình khoác chiếc áo choàng không tay bằng vải bạt ướt sũng, mũ chụp kéo lên đầu. Đó là một người tuổi trạc bốn mươi, có bộ ria mép màu hung xén thành bàn chải theo kiểu bộ đội, vẻ mặt hơi lầm lì, nhưng đôi mắt diêm dạm.

- Anh bạn ạ, anh cho tôi đi nhờ đến trạm coi đường ở Độ Long. Tôi cần lên lấy một cái máy kéo, xe này bị hỏng máy.

- Ngồi lên, tôi chở đi. Nhưng có lẽ ta thử nghĩ cách gì chẳng? - tôi đề nghị và xuống xe.

- Còn nghĩ cái nổi gì, nó chẳng xì ra được tí hơi nào, - người lái xe kia vừa nói vừa đóng sập ca-pô lại, vẻ chán chường. Tội nghiệp anh chàng lạnh quá, người cứ co ro, mặt tím bầm. Rõ ràng không phải dân chúng tôi, chắc là một tay lái xe ở thủ đô nào đấy, anh chàng bỡ ngỡ nhìn quanh. Họ đang chờ gì từ Frunze lên trạm coi đường thì phải. Biết làm thế nào bây giờ? Tôi chợt nảy ra một ý rất ngông cuồng. Nhưng trước hết tôi cũng nhìn lên phía đèo đã. Trời u ám đục nhờ nhờ, mây bay là là rất thấp. Nhưng tôi vẫn quyết chí. Cái ý của tôi cũng chẳng có gì hay ho lắm, nhưng lúc ấy tôi thấy như đang lao vào một cuộc tập kích liều lĩnh.

- Phan của anh tốt đấy chứ? - tôi hỏi người lái xe.

- Còn phải hỏi... chả nhẽ tôi lại lái xe không phanh đi à? Đã bảo máy hỏng, chỉ thế thôi.

- Thế có dây cáp không?

- Có đấy!

- Mang ra đây, mắc vào.

Hai người nghi hoặc nhìn tôi, vẫn đứng yên tại chỗ.

- Sao, anh điên rồi chắc? - người lái xe nói khẽ.

Nhưng tính tôi nó thế. Tôi cũng không biết thế là tốt hay xấu, nhưng một khi tôi đã nảy ra ý gì thì dẫu có chết tôi cũng làm bằng được.

- Anh bạn ạ, anh nghe tôi, mắc vào! Tôi lấy danh dự mà nói rằng tôi sẽ kéo anh đến nơi! - tôi cố thuyết phục người lái xe.

Nhưng anh ta chỉ xua tay:

- Thôi đi! Anh không biết là đường này không thể kéo rơ-moóc được à? Không xong đâu.

Tôi thấy bề mặt như thể vừa tha thiết khẩn khoản điều gì mà bị cự tuyệt. Tôi nói:

- Hèn thế, đồ con lừa!

Tôi gọi người kia. Về sau tôi được biết đó là một người trạm trưởng trạm coi đường. Người trạm trưởng nhìn tôi một lát rồi nói với anh lái xe:

- Lấy dây cáp ra.

Anh lái xe ngần ngại:

- Đồng chí sẽ phải chịu trách nhiệm đấy, Baitêmir-akê ạ.

- Tất cả chúng ta sẽ chịu! - người trạm trưởng đáp gọn. Thái độ đó khiến tôi rất thích. Một người như vậy, thoát mối gặp đã thấy kính nể ngay.

Thế là chúng tôi móc hai xe vào nhau kéo đi. Lúc đầu khá êm thấm, mọi việc diễn ra một cách bình thường. Nhưng trên đèo Độ Long đường cứ luôn luôn lên dốc, ngược theo sườn núi, men theo vực thẳm, rồi lại lao thẳng xuống núi. Máy xe rên rỉ, gầm rú lên, nghe văng cả tai. Tôi nghĩ thầm: dừng hòng rên rỉ, tao sẽ bắt mày phải qua cho kỳ được! Từ trước tôi đã để ý thấy rằng dù đường đèo Độ Long có gian nan thật, nhưng bao giờ cũng còn thừa sức, có thể dành để kéo thêm rơ-móc được. Anh em bao giờ cũng thận trọng bắt chúng tôi chở hơi nhẹ: nhiều nhất là bảy mươi phần trăm trọng tải tiêu chuẩn. Dĩ nhiên lúc bấy giờ tôi không nghĩ đến chuyện ấy. Trong người tôi sôi sục lên một sức mạnh man dại tương tự như cái máu mê của người chơi thể thao; phải làm cho kỳ được, sống chết cũng phải giúp hai người kia kéo chiếc xe đến tận nơi. Nhưng đến khi làm mới biết là việc ấy không đơn giản. Chiếc xe tôi lái cứ rung chuyển lên, thò ì ạch như một con vật kiệt sức, một cái gì ươn ướt cứ dính lầy nhầy ở cửa kính, hai cái que gạt đưa lia lia mà cũng không lau kịp nữa. Mây đen ở đâu ùn ùn kéo đến, đọng ở dưới bánh xe, bò ngang đường. Những chỗ ngoặt thì góc nhọn hoắt, cheo leo trên vực. Trong thâm tâm, của đáng tội, tôi đã bắt đầu tự sỉ vả: tại sao lại đi chuốc lấy vạ, nhờ toi mất hai mạng người kia thì sao? Chiếc xe ì ạch khổ sở là thế, nhưng so với tôi thì chẳng thấm. Tôi đã cởi bỏ hết: mũ lông, áo bông, áo vét, áo len, chỉ còn mặc mỗi chiếc sơ-mi, thế mà người tôi cứ bốc hơi lên như ngồi trong phòng tắm. Kéo một chiếc xe tải đã nặng sẵn như thế, lại còn chở đồ nữa, có phải chuyện đùa đâu. Cũng còn may mà Baitêmir đứng ở bậc xe giúp chúng tôi phối hợp cách lái, với tôi thì nói, còn với người lái xe sau thì vẫy tay ra hiệu. Khi chúng tôi bắt đầu leo những đoạn ngoằn ngoèo chữ chi, tôi đã nghĩ anh ta sẽ không nén nổi mà bỏ xe nhảy xuống đường để thoát thân. Nhưng anh vẫn không sờn lòng. Người cúi chồm chồm như một con đại bàng đang lấy đà để cất cánh, Baitêmir đứng bám chặt lấy cửa buồng lái. Tôi liếc nhìn khuôn mặt anh, khuôn mặt điềm tĩnh, nét gãy gọn như khắc vào đá, có những giọt nước lăn trên má, trên bộ ria, và thấy lòng nhẹ bớt.

Chúng tôi còn phải leo một cái dốc dài nữa, qua được dốc này là xong, là thắng lợi. Vừa lúc ấy Baitêmir cúi đầu vào buồng lái:

- Cẩn thận, có xe ở phía trước! Tránh sang phải tí nữa.

Tôi cho xe tránh sang phải. Từ trên dốc một chiếc xe vận tải đang đi xuống, xe của Giantai! Tôi nghĩ bụng: thôi, chuyện này thế nào cũng bị đồng chí kỹ sư phụ trách an toàn lao động cự cho một mẻ ra trò; Giantai về nhà sẽ tha hồ mách lẻo. Xe Giantai mỗi lúc một đến gần. Hắn tì hai tay lên vô-lăng cho xe xuống dốc, mắt nhìn gườm gườm. Hai xe đi sát vào nhau, thò tay ra là chạm phải xe kia. Khi đi qua ngang tầm, Giantai né người ra cửa xe. Cái đầu đội mũ lông chồn màu hung lác lác ra vẻ bất bình. “Thôi kệ mày, tôi nghĩ bụng, muốn thì cứ về mà mách lẻo”.

Chúng tôi lên đến đỉnh dốc, xuống một đoạn thẳng đứng, rồi qua một quãng đường dốc thoải và đến chỗ có đường rẽ vào trạm chữa đường. Tôi cho xe rẽ vào đấy. Thế là kéo qua được rồi! Tôi tắt máy và không còn nghe thấy gì nữa. Tôi có cảm giác như không phải tai mình văng đi, mà chính là núi đồi đã câm bặt. Không có lấy một tiếng động. Tôi tụt ra khỏi buồng lái, ngồi lên bậc xe. Tôi thở hổn hển như hết cả hơi, hơn nữa vì không khí trên đèo rất loãng. Baitêmir chạy lại, choàng chiếc áo bông lên vai tôi, ấn chiếc mũ lông lên đầu tôi. Người lái xe kia loạng choạng rời xe bước tới, vẻ trầm lặng, mặt tái xanh. Anh ta ngồi xổm xuống trước mặt tôi, chìa ra bao thuốc lá. Tôi cầm lấy một điếu, tay run bần bật. Cả ba chúng tôi cùng châm thuốc hút, hoàn hồn lại. Cái sức mạnh man dại chết tiệt kia lại sôi sục lên trong người tôi.

- Ha! - tôi rống lên. - Thấy chưa! - đoạn tôi vỗ đánh đét một cái lên vai anh bạn lái xe, mạnh đến nỗi anh chàng ngồi bệt luôn xuống đất. Rồi cả ba chúng tôi nhảy chồm lên và cứ thế huých vào lưng, vào vai nhau, cười ha hả, reo hò những câu vô nghĩa, vui mừng...

Cuối cùng chúng tôi bình tâm lại, cùng châm điếu thuốc thứ hai. Tôi mặc áo, xem đồng hồ và sức nhớ ra.

- Thôi, tôi phải đi đây.

Baitêmir cau mày:

- Không được, anh ghé vào nhà tí đã, anh sẽ là thượng khách.

Nhưng tôi không thể rồn lại lấy một phút:

- Thôi cảm ơn anh! - tôi nói. - Tôi không có thì giờ. Muốn về nhà một tí, vợ tôi đang đợi.

- Ở lại một lát thì đã sao? Ta sẽ làm một chai! - anh bạn lái xe mới của tôi khẩn khoản.

- Thôi để cho cậu ấy về! - Baitêmir ngắt lời. - Chị ấy đang đợi. Cậu tên là gì nhỉ?

- Ilyax.

- Thế Ilyax đi nhé. cảm ơn. Cậu đã cứu giúp ta.

Baitêmir đứng trên bậc xe tiến tới ra đến tận đường cái, lảng lạng bắt tay rồi nhảy xuống.

Trong khi xe lao lên đỉnh dốc, tôi ngoái cổ nhìn lại. Baitêmir vẫn đứng trên đường cái, tay vò cái mũ lông, đầu cúi xuống như đang suy nghĩ điều gì.

Chỉ có thế.

Tôi không kể chi tiết việc này cho Axen nghe. Tôi chỉ nói là dọc đường có việc phải giúp nên về muộn. Tôi thường không giấu vợ điều gì, nhưng riêng việc này tôi ngần ngại không dám kể. Cứ thế này Axen cũng đã lo lắng nhiều cho tôi rồi. Và lại tôi tuyệt nhiên không có ý định tái diễn những trò như thế. Trong đời người chỉ xảy ra một lần thôi; tôi đã thi gan đọ sức với đèo Độ Long thế là đủ rồi. Và lại lẽ ra chỉ sau ngày hôm sau tôi đã quên khuấy việc này đi, nếu trên đường về tôi không lăn ra ốm. Té ra hôm ấy tôi đã bị cảm. Vừa lê về được đến nhà là tôi ngã lăn đùng ra. Tôi không biết gì nữa, lúc nào cũng chỉ mơ màng thấy mình đang kéo chiếc xe trên đèo Độ Long. Bão tuyết cứ tấp vào mặt nóng bỏng, trong người hết sức khó chịu, như không có không khí mà thở nữa, vô lăng như làm bằng băng, ra sức lái mà nó cứ nhẽo nhèo ra trong tay. Phía trước mặt là một ngọn đèo cao ngất không thấy bờ, không thấy đỉnh ở đâu cả, chiếc xe cứ ghéch mũi lên trời, gầm gừ leo lên, rồi lại lao thẳng xuống... Chắc hẳn đó là “ngọn đèo” của cơn bệnh. Ốm đến ngày thứ ba tôi mới qua được ngọn đèo ấy. Tôi bắt đầu bình phục. Tôi nằm hai ngày nữa, thấy trong người đã khỏe khoắn, muốn dậy, nhưng Axen cứ một mực bắt tôi nằm xuống giường. Tôi nhìn nàng và nghĩ bụng: tôi ốm hay nàng ốm? Tôi không nhận ra nàng được nữa, nàng hốc hác hẳn đi, mắt có quầng thâm, người gầy xọp, tưởng chừng như gió thổi bay được. Lại thêm đứa con đại trên tay. Không được, tôi nghĩ bụng, thế này không xong. Tôi không có quyền nằm ườn ra thế này. Phải cho Axen nghỉ ngơi, tôi rời giường đứng dậy mặc quần áo.

- Axen! tôi gọi khê; - thằng bé đang ngủ. Em nhờ bên hàng xóm trông hộ thằng Xamát, ta đi xem chiếu bóng.

Axen chạy đến cạnh giường, đẩy tôi ngã xuống gối, nhìn chăm chăm như thể trông thấy tôi lần đầu, cô nén khóc nhưng nước mắt cứ trào ra long lanh trên đôi hàng mi, môi run lẩy bẩy. Axen úp mặt vào ngực tôi và khóc òa lên.

- Em làm sao thế Axen? Làm sao thế? - tôi thảng thốt hỏi.

- Có sao đâu, em mừng vì anh đã khỏi.

- Thì anh cũng mừng, nhưng việc gì phải cuống lên thế? Ủ thì anh có ốm thật, nhưng lại được ở nhà với em, tha hồ chơi với thằng Xamát. - Bấy giờ cháu nó đã biết bò, đang chập chững tập đi: đúng vào cái tuổi ngộ nghĩnh nhất. - Em ạ, giá có ai bắt ốm thêm một trận nữa anh cũng không phản đối! - tôi nói đùa.

- Anh chỉ nói bậy! Em không muốn thế! - Axen khẽ kêu lên.

Vừa lúc ấy thằng bé thức dậy. Axen bế nó ra, người nó nằm trong chăn hãy còn ấm. Ba chúng tôi nô đùa với nhau như hóa dại, thằng Xamát giống một chú gấu con bò khắp giường, dẫm cả lên chúng tôi.

- Đấy em xem, có vui không nào! - tôi nói. - Còn em thì sao? Ít nữa ta sẽ về làng thăm hai ông bà cụ em. Hai ông bà thử không tha thứ xem. Các cụ mà trông thấy thằng Xamát nhà ta kháu khỉnh thế này, các cụ sẽ quên hết.

Phải, chúng tôi vốn có ý định về làng xin lỗi cha mẹ nàng như người ta vẫn thường phải làm trong những trường hợp như thế này. Dĩ nhiên, cha mẹ nàng giận chúng tôi lắm. Họ lại còn nhờ một người cùng làng hay tới Narun đánh tiếng là họ sẽ không đời nào tha thứ hành động của con gái. Họ bảo họ không thèm biết đến đời sống của chúng tôi. Nhưng Axen vẫn hy vọng mọi việc sẽ ổn thỏa khi nào chúng tôi về làng xin cha mẹ tha thứ.

Song trước hết phải xin nghỉ phép, chuẩn bị đi đường: thế nào cũng phải mua quà biếu khắp họ hàng. Về hai tay không thì tôi chẳng muốn.

Trong khi đó trời đã sang đông. Mùa đông vùng Thiên Sơn rất ác liệt, mưa tuyết, bão tuyết liên miên, trong núi lại hay có những trận tuyết lở. Dân lái xe chúng tôi thêm nhiều nỗi vất vả, mà anh em công nhân chữa đường lại càng gian truân hơn. Máy hôm nay họ đang làm công tác chống sụt tuyết. Ở những nơi hiểm nghèo có thể xảy ra sụt tuyết, họ nổ mìn cho tuyết lở trước đi rồi dọn đường lại. Quả tình mùa đông năm ấy tương đối yên tĩnh, hay cũng có lẽ chỉ vì tôi không để ý thấy gì: nghề lái xe lúc nào cũng bận bịu. Và đến đây, trạm xe hơi đột nhiên nhận được nhiệm vụ mới ngoài kế hoạch.

Nói cho đúng hơn, chính anh em lái xe chúng tôi tự nguyện nhận lấy nhiệm vụ đột xuất, và tôi là người đầu tiên xung phong nhận. Ngay đến bây giờ tôi cũng không ân hận, nhưng thật ra có lẽ chỉ vì việc này mà tôi phải chịu bao nhiêu chuyện không may. Số là thế này.

Có một hôm vào buổi tối, tôi đang lái xe về trạm. Axen có gửi tôi đưa cho vợ Alibêk Gianturin một cái gói nhỏ. Tôi rẽ ngoặt ghé ngang nhà họ, bóp còi. Vợ Alibêk ra. Chị ấy cho tôi biết rằng anh em công nhân ở nhà máy điện Tân Cương có đánh điện sang trạm xe, yêu cầu chờ ngay các bộ phận thiết bị nhà máy sang.

- Thế anh Alibêk đâu? - tôi hỏi.

- Còn ở đâu nữa? Ở ga dỡ hàng. Anh em đều ra đấy cả. Nghe nói đoàn xe lửa chờ hàng đã đến.

Tôi ra đấy. Tôi nghĩ bụng phải biết cho rõ tình hình ra sao. Tôi đánh xe đến. Ga dỡ hàng của chúng tôi ở trong một hẻm núi trông ra hồ. Đó là ga tận cùng của đường xe lửa. Chung quanh, bóng hoàng hôn chập chờn, thảng thốt. Gió từ trong khe núi giạt thốc ra từng cơn xô các ngọn đèn lắc lư trên cột, thổi tuyết bay lất phất trên đường sắt. Mấy cái đầu máy chạy tới chạy lui để dồn toa. Trên dải đường sắt ngoài cùng, một chiếc cần trục đang quay, bốc từ các toa xuống những cái thùng gỗ chằng tôn và dây thép: hàng xuất biên sang Tân Cương, dành cho nhà máy điện. Công cuộc xây dựng bên ấy đang tiến hành trên một quy mô lớn, ít lâu nay chúng tôi cũng đã chờ thiết bị sang được ít nhiều.

Xe vận tải tập trung lại rất đông, nhưng chưa có ai bốc hàng cả. Người ta có vẻ như đang chờ đợi một cái gì. Anh em người thì ngồi trong buồng lái, người ngồi trên bậc xe, người thì lại đứng lựa vào các thùng gỗ cho khuất gió. Tôi chào hỏi, thì chỉ được đáp lại những tiếng ậm ừ lơ đãng. Ai nấy đều im lặng rít thuốc lá. Alibêk đứng riêng ra một nơi. Tôi đến gặp anh.

- Có chuyện gì thế? Vừa nhận được điện à?

- Phải. Anh em bên ấy muốn cho nhà máy bắt đầu vận hành trước thời hạn.

- Thế thì sao?

- Việc ấy còn tùy chúng mình có làm được không... Cậu cứ xem biết bao nhiêu hàng để ngổn ngang dọc các đường sắt, lại còn một số nữa sắp đến.

Liệu đến bao giờ mới chở hết được? Trong khi đó anh em họ chờ đợi, họ trông mong vào mình!.. Mỗi ngày đối với họ đều rất quý!..

- Sao cậu lại gắt mình! Mình có dính dáng gì...

- Không dính dáng là thế nào! Cậu là cái gì, người ngoại quốc chắc? Hay cậu không hiểu đây là việc gì?

- Cậu này lạ thật! - tôi ngạc nhiên nói và bỏ đi chỗ khác. Vừa lúc ấy đồng chí Amangiôlôv, trưởng trạm xe, lạng lẽ đến cạnh một người lái xe, lấy vạt áo che đầu để châm thuốc lá hút. Đồng chí nhìn cả bọn chúng tôi một lượt.

- Tình hình như thế đây các đồng chí ạ, - Amangiôlôv nói, - tôi sẽ điện lên Bộ, có lẽ trên ấy sẽ bổ sung lực lượng cho ta. Nhưng không nên ỷ vào đấy. Làm cách nào thì hiện nay chính tôi cũng không biết...

- Phải, nhưng trường hợp này nghĩ ra không phải dễ, đồng chí Amangiôlôv ạ, - một người lên tiếng. - Hàng thì công kênh, mỗi xe chở được hai ba thùng là nhiều. Dù có tổ chức chuyển tải liên tiếp suốt hai mươi bốn tiếng thì nhờ trời cũng phải sang đến mùa xuân mới hết.

- Vấn đề chính là ở chỗ ấy đấy, - Amangiôlôv đáp. - Mà phải làm cho được. Thôi bây giờ hăng về nhà đã, mọi người cứ cố nghĩ cách đi!

Đồng chí thủ trưởng lên chiếc xe “Gát” nhỏ ra về. Anh em lái xe không ai nhúc nhích. Trong một xó tối, có một giọng ồ ồ nói bâng quơ:

- Mẹ kiếp! Một tấm da cừu mà cứ đòi cắt cho được hai áo! Phải nghĩ cho sớm chứ! - người ngồi trong xó nói dứt lời đứng dậy đập tắt mẩu thuốc lá và ra xe.

Một người khác hưởng ứng:

- Ta thì bao giờ cũng thế, cứ để nước đến chân rồi mới cuống lên - các đồng chí lái xe ơi, giúp cho với!

Xung quanh ồ lên một lượt:

- Việc này là việc của anh em, Ixmain ạ, thế mà mày cứ kêu ầm lên như một mụ đàn bà ở ngoài chợ ấy!

Tôi không tham dự vào cuộc tranh luận. Nhưng tôi bỗng sực nhớ đến hôm tôi kéo chiếc xe trên đèo, và chột hăng tiết lên như mọi khi. Tôi nhảy ra giữa đám công nhân.

- Còn nghĩ gì nữa? Phải móc rơ-moóc vào mà kéo!

Không ai nhúc nhích. Có nhiều người thậm chí cũng không thèm nhìn tôi nữa. Chỉ có một thằng ngốc thâm căn cố đế mới có thể xì ra một ý kiến khó nghe như vậy.

Giantai khẽ huýt sáo lên một tiếng:

- Hay đấy nhỉ! - Tôi không trông thấy hắn, nhưng nhận ra giọng nói của hắn.

Tôi đứng nhìn quanh, những toan kể lại việc dạo nọ, thì một anh chàng khỏe như vâm từ phía sau một thùng hàng bước ra, cởi bao tay trao cho người đứng cạnh, đến trước mặt tôi nắm lấy cổ áo kéo sát tôi vào người, gần chạm mặt nhau:

- Nào, thử ra xem nào!

- Hà-à! - tôi thử vào mặt hắn.

- Hắn tỉnh anh em ạ! - anh chàng to lớn kinh ngạc buông cổ áo tôi ra.

- Thế thì hắn là một thằng ngốc! - bạn tay kia đỡ lời, và cả hai ra xe mở máy đi mất. Những người còn lại cũng lặng lẽ đứng dậy sửa soạn ra về. Tôi chưa bao giờ phải biến thành một trò cười như vậy! Tôi đỏ bừng mặt lên vì nhục.

- Khoan đã, đi đâu thế! - tôi chạy giữa đám công nhân lái xe. Tôi nói thật đấy mà. Có thể mắc rơ-moóc...

Một bác lái xe già, một ácxakan, bước lại gần tôi, vẻ tức giận:

- Khi tôi bắt đầu lái xe ở đây, thì anh còn ở trường tổng ngồng chạy chơi giữa đường ấy, anh bạn trẻ ạ, Thiên Sơn không phải là cái sân khiêu vũ. Tôi thấy thương hại cho anh lắm, đừng làm trò cười cho thiên hạ...

Anh em vừa cười vừa tản về các xe. Tôi liền quát vang cả nhà ga:

- Toàn là công tử bột, chứ lái xe gì cái thứ ấy!

Tôi đã nói bừa, chỉ tổ chuốc vạ vào thân.

Mọi người đứng phất dậy, rồi xông vào tôi cả một lượt:

- Mà nói gì! Mà muốn thí mạng kẻ khác phỏng!

- Ra điều phát huy sáng kiến đây! Muốn kiếm món tiền thưởng mà! - Giantai đem theo.

Họ thi nhau mắng nhiếc, dồn sát tôi vào đông thùng. Tôi nghĩ bụng không khéo họ già tôi chết mất. Tôi liền vớ lấy một tấm ván.

Bỗng có tiếng còi, rồi có ai xô đám đông ra.

- Xê ra nào! - đó là Alibêk, anh quát: - Khẽ chứ! Còn cậu, Ilyax, ăn nói cho tử tế một tí! Nói nhanh lên!

- Nói gì nữa! - tôi vừa thở hổn hển vừa đáp. - Các cậu ấy giật đứt hết cúc áo của tôi rồi còn gì. Trên đèo tôi đã có lần kéo một chiếc xe đến trạm coi đường. Kéo một cái xe chở nặng hẳn hoi. Chỉ có thế.

Anh em im lặng, ngừng vục.

- Thế sao, có kéo qua được không? - có ai hỏi, giọng nghi hoặc.

- Có chứ. Qua hết đèo Độ Long, đến tận trạm coi đường.

- Ghê thật! - có ai tỏ vẻ ngạc nhiên.

- Chỉ nói phét! - một người khác bẻ lại.

- Có chớ nó thèm nói phét. Chính Giantai có trông thấy. Ê, Giantai, mày ở đâu rồi? Nói đi nào! Mày nhớ đây, chúng ta gặp nhau ở...

Nhưng không thấy Giantai thừa. Như thể hắn đã độn thổ đi đâu mất. Nhưng lúc bấy giờ cũng chẳng ai nghĩ đến hắn. Anh em bắt đầu bàn cãi. Có mấy người đã đứng về phía tôi. Nhưng một người thiếu tin tưởng làm cho họ thay đổi ý kiến ngay.

Hắn nói, giọng bi quan:

- Việc gì cứ đi tán nhảm mất thì giờ. Thiếu gì trường hợp như thế: có người làm được một lần, nhưng như thế chưa có nghĩa gì hết. Chúng ta không phải là trẻ con. Trên đường này cấm không được kéo rơ-móc. Và không ai cho phép làm như vậy đâu. Cứ thử nói với đồng chí kỹ sư phụ trách an toàn lao động xem, lại không được một mẻ chữa đến già ấy à! Đồng chí ấy chả dại gì nghe các bố để rồi ra tòa đâu... Đây chỉ có thế.

- Thôi đi ông! - một người khác xen vào, - không cho phép là thế nào! Đây có bác Ivan Xtêpanôvits năm ba mươi đã lái chiếc xe tấn rưỡi mở đường lên đèo lần đầu tiên đấy. Có ai cho phép bác ấy đâu? Tự bác ấy đi. Đây, bác vẫn còn sống sờ sờ ra đấy thôi...

- Phải, quả có thế, - bác Ivan Xtêpanôvits xác nhận. - Nhưng tôi ngờ lắm: đường này ngày mùa hạ cũng chẳng ai dám kéo rơ-móc, huống hồ

bây giờ đang mùa đông...

Alibêk, nãy giờ vẫn lặng thinh, lên tiếng:

- Thôi đừng bàn cãi nữa. Việc này dù khác thường cũng cứ nên suy nghĩ xem sao. Có điều là không thể làm như cậu được đâu: Ilyax ạ: cứ thế lắp rơ-moóc vào rồi hấp, đi luôn! Phải chuẩn bị, suy nghĩ cho chín, bàn bạc, thí nghiệm xem đã. Chỉ nói suông thì không chứng minh được cái gì hết.

- Tôi chứng minh cho mà xem! - tôi đáp. - Trong khi các anh ngồi nghĩ hết nước hết cái, tôi sẽ chứng minh! Đến lúc ấy các anh sẽ thấy rõ!

Mỗi người một tính. Dĩ nhiên phải biết điều khiển cá tính, nhưng không phải lúc nào cũng điều khiển được. Tôi ngồi vịn lái mà không cảm thấy mình đang ngồi trên xe, đi trên đường nữa. Lòng tôi sôi sục lên vì đau xót, giận hờn và đấng cay, uất ức. Lòng tự ái bị xúc phạm mỗi lúc một thêm cay cú. Được, tôi sẽ làm cho các anh sáng mắt ra, cho các anh bỏ cái thói không tin người, chế nhạo người ta, cho các anh chừa cái lối rụt rè e ngại!.. Alibêk cũng hay lắm đấy cần suy nghĩ, chuẩn bị, thí nghiệm! Cậu ấy thông minh, chín chắn! Nhưng tôi thì tôi nhỏ toẹt vào. Tôi cứ làm phăng cho họ biết tay!

Cho xe vào ga-ra xong, tôi còn loay hoay hồi lâu ở bên cạnh. Tâm trí tôi căng thẳng đến cực độ. Tôi chỉ nghĩ đến một điều: phải kéo rơ-moóc qua đèo Độ Long. Dù có thế nào cũng mặc, tôi phải làm cho bằng được. Nhưng liệu có ai cho tôi rơ-moóc?

Tôi đi đi lại lại trong sân nghĩ mãi những chuyện ấy. Bấy giờ đã khuya. Duy ở phòng điều vận là còn thấy ánh đèn ở cửa sổ. Tôi dừng lại: phải rồi! Người phụ trách điều vận có thể dàn xếp xong xuôi hết! Hôm nay hình như Kađitsa trực nhật. Càng tốt, Kađitsa sẽ không từ chối. Cô ấy không được từ chối. Mà xét ra có phải tôi định làm việc gì tội lỗi đâu, ngược lại, nếu cô ấy bằng lòng, tức là cô ấy chỉ giúp tôi làm một việc có ích, cần thiết cho mọi người.

Trong khi bước về phía phòng điều vận tôi chợt nghĩ rằng đã lâu tôi không vào cửa phòng như hồi trước, mà chỉ đứng ở ghi-sê. Tôi ngần ngại. Cánh cửa mở ra. Kađitsa đứng trên ngưỡng cửa.

- Tôi đến gặp cô đây, Kađitsa ạ. May mà cô chưa về.

- Tôi đang sắp sửa về đây.

- Thế thì cùng đi, tôi đưa cô về nhà.

Kađitsa ngạc nhiên giương cao đôi mày lên, nhìn tôi có vẻ nghi hoặc, rồi mỉm cười:

- Ta đi thôi.

Chúng tôi ra khỏi trạm xe. Ngoài đường tối mịt. Từ phía hồ vẳng lại tiếng sóng vỗ, gió lạnh thổi vù vù. Kađitsa nắm lấy khuỷu tay tôi, nép người vào tôi cho khuất gió.

- Lạnh à? - tôi hỏi.

- Gần anh thì chẳng sợ chết cóng! - cô ta đùa lại.

Mỗi phút trước tôi còn lo lắng cuống cuồng lên, mà bây giờ không hiểu sao đã thấy yên lòng.

- Mai cô trực nhật vào lúc nào, Kađitsa?

- Phiên thứ hai. Thế sao?

- Tôi có một việc rất cần. Thành hay bại là tùy cô cả đấy...

Lúc đầu Kađitsa chối quây quây, nhưng tôi cứ một mực thuyết phục. Chúng tôi dừng chân cạnh một cột đèn ở góc đường.

- Chao ôi, Ilyax! - Kađitsa lo sợ nhìn vào mắt tôi nói. - Sao anh lại đi bày chuyện ra như thế cho khổ!

Nhưng tôi đã hiểu rằng Kađitsa sẽ làm theo yêu cầu của tôi. Tôi cầm lấy tay cô ta:

- Kađitsa hãy tin tôi! Mọi việc sẽ đâu vào đấy cả. Sao, đồng ý chứ?

Kađitsa thở dài:

- Thôi, đối với anh thì còn biết làm thế nào nữa! - đoạn cô gạt đầu.

Tôi bất giác ôm choàng lấy vai Kađitsa.

Giá Kađitsa sinh ra làm một chàng gighit thì phải hơn.

- Thôi, đến mai nhé! - tôi siết chặt tay cô. - Đến chiều cô nhớ chuẩn bị giấy tờ cho đủ nhé, hiểu chưa?

- Khoan đã! - Kađitsa thốt lên, không buông tay tôi ra. Rồi cô bỗng quay phắt đi. - Thôi anh đi đi... Hôm nay anh ngủ ở nhà tập thể à?

- Ủ.

- Ngủ ngon nhé!

Hôm sau ở trạm chúng tôi kiểm tra kỹ thuật. Anh em đều lo lắng bút rút: mấy ông thanh tra ấy lúc nào cũng đến bất chợt, động tí gì cũng moi móc, cũng lập biên bản. Họ gây ra bao nhiêu chuyện rầy rà, phiền phức. Nhưng các ông tướng ấy thì cứ lạnh như tiền.

Về phần xe tôi thì tôi yên trí lắm, nhưng tôi cứ đứng xa xa làm ra vẻ như đang bận chữa. Phải trì hoãn cho đến phiên Kaditsa trực nhật. Không ai bắt chuyện với tôi, không ai nhắc nhở đến việc hôm qua. Tôi biết các cậu ấy chẳng hơi đâu mà nghĩ đến tôi: ai nấy đều cố sao qua cuộc kiểm tra kỹ thuật cho nhanh để lên đường cướp lại thời gian đã mất. Tuy vậy nỗi uất ức trong lòng tôi vẫn không nguôi.

Quá trưa mới đến lượt tôi kiểm tra kỹ thuật. Các cán bộ kiểm tra đã ra về. Trong trạm bấy giờ im lặng và vắng hẳn đi. Ở cuối sân có mấy cái rơ-moóc để giữa trời. Thỉnh thoảng nó vẫn được dùng khi đi đường đồng bằng, những chuyến vận tải nội địa. Tôi chọn lấy một chiếc kiểu thông thường: một thùng bốn bánh. Bao nhiêu mưu mẹo chung quy chỉ có thế. Có gì đâu mà phải vật vã khổ sở mãi... Lúc ấy tôi chưa biết những gì đang chờ tôi. Tôi bình thản trở về nhà tập thể để ăn cho chắc bụng và ngủ lấy một tiếng đồng hồ cho khỏe: đường đi sẽ khó khăn. Nhưng tôi cứ trần trọc mãi không chớp mắt được. Khi trời bắt đầu sẩm tối, tôi trở về trạm xe.

Kaditsa đã ở đấy. Mọi thứ đều chuẩn bị xong xuôi. Tôi cầm lấy công lệnh và bước vội ra ga-ra. “Bây giờ bọn mày phải coi chừng!” Tôi mở máy, đánh xe đến chỗ xếp rơ-moóc, cho về số một, bước ra ngoài đưa mắt nhìn quanh. Không có lấy một bóng người. Chỉ nghe tiếng máy tiện chạy rè rè trong xưởng sửa chữa và tiếng sóng dào dạt ở ngoài hồ. Trời có vẻ quang quang, nhưng vẫn không trông thấy sao. Bên cạnh, máy kêu xình xịch khe khẽ, trống ngực tôi hình như cũng hòa theo. Tôi châm thuốc hút nhưng rồi lại vút ngay: sau hăng hút.

Ra đến cửa, bác thường trực chặn tôi lại.

- Đứng lại; đi đâu?

- Đi bốc hàng, ácxakan ạ, - tôi nói, cố làm ra vẻ thản nhiên. - Giấy ra cửa đây.

Ông già chúi đầu vào tờ giấy; dưới ánh đèn lồng ông ta chẳng mò ra được chữ gì.

- Nhanh lên không muộn mất, ácxakan ạ! - Tôi sốt ruột quá, giục. - Công việc không trì hoãn được đâu.

Việc bốc hàng diễn ra một cách bình thường. Xe chở đến mức tối đa: hai kiện trên thùng xe, hai kiện trên rơ-moóc. Chẳng ai nói gì hết - tôi cũng phải lấy làm lạ. Xe ra đến đường cái rồi tôi mới châm thuốc hút. Tôi ngồi lại cho thoải mái, bật đèn pha lên và thả hết ga. Bóng tối trên đường nghiêng ngả, chập chờn trước mắt tôi. Đường quang, không có gì ngăn trở tôi tận hết tốc lực. Xe chạy bon bon, cái rơ-moóc lịch kịch ở phía sau hầu như không có ảnh hưởng gì. Quả tình ở những chỗ ngoặt, xe hơi lảng sang một bên, trả lại có khó hơn nhưng tôi nghĩ đó là vì lâu nay không kéo rơ-moóc; rồi sẽ quen dần thôi. “Nào, tiến lên Độ Long, tiến về Tân Cương!” - tôi tự ra lệnh và cúi lom khom trên tay lái như một kỵ sĩ cúi mình trên bờm ngựa. Trong khi đường còn bằng phẳng phải chạy dấn vào. Tôi trù tính đến nửa đêm sẽ bắt đầu tiến lên chiếm lĩnh Độ Long.

Tôi đã chạy nhanh hơn cả dự tính ít nhiều, nhưng khi bắt đầu vào núi đành phải lái thận trọng hơn. Không phải vì máy không đương nổi sức chở nặng. Những khi lên dốc không khó mấy, xuống dốc mới gay. Cái rơ-moóc cứ chồm chồm trên sườn dốc, kêu âm âm, thúc vào chiếc xe, không cho xuống dốc một cách êm thấm; phút phút lại phải sang số, hãm phanh, trả vô lăng. Lúc đầu tôi giữ vững tinh thần, cố không lưu ý tới. Nhưng càng đi lại càng khó, rốt cục tôi bắt đầu hoang mang, cáu kỉnh. Trên đường đi bao nhiêu là dốc lên, dốc xuống, chưa hề có ai nghĩ đến chuyện đếm thử! Nhưng tôi vẫn không nản lòng. Chưa có gì đáng cho tôi phải sợ cả, nhưng sức tôi cứ kiệt dần. “Không sao! - tôi tự an ủi. - Trước khi lên đèo ta sẽ nghỉ một lát. Nhất định sẽ qua được!” Tôi không hiểu tại sao lần này lại vất vả hơn nhiều so với dạo mùa thu, hôm tôi kéo chiếc xe kia.

Đã sắp lên đến đèo Độ Long. Hai luồng ánh sáng của đèn pha lướt trên những vách đá đồ sộ của hẻm núi đen ngòm. Những tảng đá khổng lồ đầu phủ tuyết cheo leo ở trên đường đi. Những bông tuyết lớn chập chờn trước cửa kính. “Hẳn là gió từ trên đèo thổi xuống”, - tôi thầm nghĩ. Nhưng các bông tuyết bắt đầu bám vào cửa kính và từ từ tụt xuống: thế tức là trời đang mưa tuyết. Tuyết không dày lắm, nhưng ẩm ướt. “Chỉ còn thiếu có thể nữa thôi!..” - tôi càu nhàu qua kẽ răng. Tôi cho que gạt kính chạy.

Đã lên đến những đoạn đường dốc đứng của đèo Độ Long. Máy xe bắt đầu điệu hát quen thuộc. Tiếng ro ro đều đều, nhúc tai bò dọc đường cái tối

tăm. Cuối cùng xe đã lên đến đỉnh dốc. Bây giờ trước mắt còn cả một con đường xuống dốc dài. Máy nấc lên từng đợt. Xe bắt đầu lao xuống. Nó lập tức trùng triềng từ bên này sang bên nọ. Sau lưng, tôi cảm thấy cái rơ-moóc giở chứng lồng lộn lên, thúc vào xe, tôi nghe tiếng xúng xoảng, tiếng sắt nghiêng ken két ở chỗ nối rơ-moóc. Cái tiếng ken két ấy như cửa sập vào lưng tôi, khiến hai bả vai tôi nhức buốt ê ẩm. Bánh xe không chịu ăn phanh nữa, cứ trượt trên lớp tuyết ướt át phủ trên đường. Xe cứ chuôi xuống, cả cái khối nặng rung chuyển nhẩy lên chồm chồm, giật vô-lăng ra khỏi tay tôi và toài ra nằm chéo giữa đường. Tôi lái trả lại và dừng xe. Không thể đi được nữa, tôi kiệt sức rồi. Tôi tắt đèn, khóa máy lại. Hai tay tê dại hẳn đi, cứ như tay gỗ. Tôi ngả người vào lưng tựa và nghe thấy tiếng thở khò khè của mình. Tôi ngồi như thế mấy phút cho lại sức, châm thuốc hút. Xung quanh bóng tối dày đặc, im lặng một cách hoang dã. Chỉ có tiếng gió thổi hun hút qua các khe hở của buồng lái. Tôi không dám hình dung đoạn đường phía trước. Từ đây trở đi là những đoạn dốc chữ chi cheo leo trên vực thẳm. Leo những đoạn dốc ngoằn ngoèo vô tận ấy thật là một cực hình cho xe và cho hai bàn tay. Nhưng không thể do dự được nữa, tuyết đang xuống mỗi lúc một dày đặc.

Tôi mở máy. Chiếc xe gầm gừ nặng nề leo lên dốc. Tôi nghiên rằng lái một thôi không nghỉ qua các đoạn đường chữ chi, hết đoạn này đến đoạn khác. Đoạn đường chữ chi đã hết. Bây giờ là một đoạn xuống dốc thẳng đứng, rồi đến con đường bằng phẳng, xuống thoải thoải dẫn đến tận chỗ rẽ vào trạm coi đường và sau đó là đỉnh đèo. Tôi khó nhọc lái xuống. Trên con đường thẳng kéo dài khoảng bốn cây số, tôi cho xe lao vun vút và luôn đà phóng lên dốc. Xe leo lên, leo lên nữa... Nhưng chẳng mấy chốc đã hết đà. Xe bắt đầu giảm tốc độ một cách đáng sợ, tôi chuyển sang số hai, rồi số một. Tôi tựa hẳn vào lưng ghế, xiết chặt vô-lăng. Qua một khoảng hở giữa các đám mây, mấy ngôi sao lấp lánh chiếu vào mắt - xe đứng yên không chịu nhích tới nữa. Bánh xe bắt đầu quay không, dạt sang một bên. Tôi dận hết ga.

- Nào, cố lên! Tí nữa thôi! Cố lên! - tôi quát, giọng lạc hẳn đi.

Tiếng máy rên rỉ kéo dài chuyển thành một tiếng sắt rung lạnh lạnh, rú lên, rồi tắt hẳn. Chiếc xe từ từ tụt xuống. Hãm máy cũng không ăn thua nữa. Dưới sức nặng của chiếc rơ-moóc, xe lăn xuống dốc, rồi húc vào đá đứng phắt lại. Xung quanh im phăng phắc. Tôi đẩy cửa xe nhìn ra ngoài. Tôi

đoán không sai! Thật đến khổ! Chiếc rơ-moóc đã tụt xuống hố. Bây giờ không có sức mạnh nào có thể lôi nó lên được. Trong cơn hoảng hốt, tôi lại mở máy dẫn về phía trước. Bốn bánh xe quay tít, chiếc xe cố sức lên gân, rướn thẳng tới, nhưng không hề nhích lên được chút nào. Tôi nhảy xuống đất chạy đến cạnh rơ-moóc. Bánh nó đã lún sâu xuống hố. Làm thế nào bây giờ? Không suy nghĩ gì hết, như điên như dại, tôi xông vào chiếc rơ-moóc, bắt đầu dùng hai tay và tì cả người vào đẩy. Rồi tôi ghé vai xuống dưới thùng rơ-moóc, gằm lên như con thú dữ, hì hục lên gân đến nổi đầu buốt như kim châm, cố sức đẩy rơ-moóc lên đường cái, nhưng đẩy làm sao được! Kiệt sức, tôi ngã sấp mặt xuống đất, hai tay cào lớp tuyết lẫn bùn, và khóc lên vì uất ức. Một lát sau tôi đứng dậy, lão đảo đến ngồi ở bậc xe.

Từ xa vọng lại tiếng động cơ. Hai đốm sáng đang lướt xuống dốc, đi về phía đoạn đường thoai thoải. Tôi không biết người lái xe ấy là ai, tại sao, số phận dun dủ đi đâu mà lại qua đèo vào lúc đêm hôm khuya khoắt như thế, nhưng tôi hoảng lên như thể hai ngọn đèn ấy sắp đang đuổi theo tôi, sắp bắt lấy tôi. Như một thằng kẻ trộm, tôi chạy đến tháo xích móc vít xuống đất nhảy lên buông lái và cho xe phóng lên dốc, bỏ chiếc rơ-moóc lại trong hố.

Một nỗi sợ hãi vô lý, rùng rợn đang truy bức tôi. Tôi cứ có cảm giác như chiếc rơ-moóc đang đuổi tới sát gót, sắp kịp đến nơi. Tôi phóng nhanh chưa từng thấy, và sở dĩ không lao xuống vực có lẽ cũng chỉ vì tôi đã thuộc lòng đường này.

Gần tảng sáng tôi về đến trạm chuyển tải. Không còn hay biết gì nữa, như một thằng điên, tôi nện cả hai quả đấm lên cửa. Cửa mở, không nhìn Axen, tôi vào nhà, bần lấm bê bết từ đầu đến chân. Thở hổn hển, tôi ngồi lên một cái gì ươn ướt. Đó là một đồng quần áo đã giặt để trên chiếc ghế đầu. Tôi lục túi tìm thuốc lá. Tay tôi chạm phải chòm chìa khóa xe. Tôi dang tay vít mạnh sang một bên, gục đầu xuống và ngồi thừ ra, kiệt sức, bần thiu, ngây dại. Đôi chân không của Axen dẫm dẫm bên cạnh bàn. Nhưng tôi biết nói gì với Axen bây giờ? Axen nhặt chòm chìa khóa vít giữa đất để lên bàn.

- Em lấy nước anh rửa nhé? Nước em hâm từ chập tối, - Axen nói khẽ.

Tôi từ từ ngẩng đầu lên. Axen, người rét cóng, đang đứng trước mặt tôi, mình mặc mỗi chiếc áo sơ-mi, hai cánh tay mảnh dẻ áp trước ngực. Đôi mắt nàng hốt hoảng nhìn tôi, lo lắng và ái ngại.

- Rơ-moóc bị sụp ở trên đèo rồi, - tôi nói, giọng thần thờ, không biểu lộ một cảm xúc gì cả.

- Rơ-moóc nào? - Axen không hiểu.

- Chiếc bằng sắt sơn xanh, chiếc số 02-38 ấy! Rơ-moóc nào mà chả thế! - tôi gất gồng quát lên. - Anh lấy trộm rơ-moóc em hiểu chưa? Anh lấy trộm.

Axen khẽ kêu lên một tiếng, ngồi xuống mép giường hỏi:

- Nhưng để làm gì?

- Sao, để làm gì à? - tôi nổi cáu lên vì cái óc chậm hiểu của vợ. Anh muốn kéo rơ-moóc qua đèo! Rõ chưa? Anh định chứng minh ý kiến của anh là đúng... Thế rồi anh đã thất bại!...

Tôi lại úp mặt vào lòng bàn tay. Cả hai chúng tôi im lặng một lát. Axen bỗng quả quyết đứng dậy mặc áo.

- Anh còn ngồi đấy làm gì? - nàng hỏi, giọng nghiêm nghị.

- Thế biết làm gì bây giờ? - tôi lẩm bẩm.

- Trở về trạm xe.

- Sao! Không có rơ-moóc ấy à?

- Về đấy anh sẽ nói hết.

- Em nói gì lạ thế! - tôi phát khùng lên, loạng choạng chạy khắp phòng. - Mặt mũi nào mà lôi rơ-moóc về đấy? Ấy, xin lỗi các đồng chí, tôi trót sai lầm, xin các đồng chí tha thứ cho! Bò lê bò la theo họ mà van xin ư? Không đời nào! Họ muốn làm gì thì làm. Nhỏ toẹt vào!

Tôi quát to quá làm thằng bé thức giấc. Nó khóc thét lên. Axen bế nó lên, nó lại càng khóc to hơn.

- Anh hèn nhất! - nàng bỗng nói, giọng khẽ nhưng rần rỏi.

- Sa-a-ao? - Tôi điên tiết xông lại, vung quả đấm lên, nhưng không dám đánh. Đôi mắt nàng mở to vì kinh ngạc đã chặn tay tôi lại. Trong đôi con ngươi của Axen tôi đã trông thấy khuôn mặt dúm dỏ, khủng khiếp của tôi.

Tôi phũ phàng gạt Axen ra một bên, bước ra khỏi nhà và đóng cửa đánh sầm một tiếng.

Ngoài trời đã sáng hẳn. Dưới ánh sáng ban ngày tôi càng thấy những sự việc xảy ra hôm qua sao mà đen tối, xấu xa, không phương cứu vãn. Hiện

nay chỉ có một lối thoát: ít nhất cũng đem đến tận nơi chỗ hàng chờ trên xe. Còn sau đó sẽ làm gì nữa thì tôi không biết...

Trên đường về tôi không ghé qua nhà. Không phải vì tôi đã xích mích với Axen, mà vì tôi không muốn giờ mặt ra cho ai thấy hết, tôi không muốn gặp ai hết. Tôi không biết người khác thì thế nào, nhưng riêng tôi thì trong những trường hợp như thế thì cô độc một mình còn hơn. Tôi không muốn bày ra cho người khác thấy nỗi buồn của mình. Ai người ta cần biết đến nó? Có giỏi thì hãy chịu đựng đến cùng cho mọi sự tiêu tan hết...

Tôi nghỉ đêm ở dọc đường, trong quán trọ. Tôi nằm mơ thấy mình đi tìm chiếc rơ-moóc ở trên đèo. Không phải là một giấc mơ thường, mà là một cơn ác mộng. Tôi trông thấy vết bánh xe, nhưng rơ-moóc thì chẳng còn tăm hơi. Tôi vật vã tự hỏi nó biến đi đằng nào, ai kéo nó đi?..

Quả nhiên trên đường về tôi không trông thấy chiếc rơ-moóc ở cái chỗ oan nghiệt ấy nữa. Sau này tôi mới biết Alibêk đã kéo nó về trạm xe.

Sáng hôm sau tôi cũng về trạm. Mấy ngày qua da tôi đen sạm đi; nhìn vào chiếc gương ở trước buồng lái mà không nhận ra mặt mình nữa.

Ở trạm xe cũng như mọi khi, cuộc sống bình thường vẫn trôi qua. Chỉ có mình tôi, như một người ở đâu mới đến, ngần ngừ cho xe chạy vào cổng, lạng lẽ lái vào sân, dừng lại cách ga-ra một quãng xa, trong một góc sân. Tôi không xuống xe ngay. Tôi đảo mắt nhìn quanh một lát. Mọi người ngừng việc ngẩng lên nhìn tôi. Chao ôi, tôi chỉ muốn mở máy cho xe quay lại chạy biến đi đâu thì chạy. Nhưng không còn biết rúc vào đâu nữa, đành phải bước xuống. Tôi cố thu hết nghị lực đi qua sân đến phòng điều vận. Tôi cố làm ra vẻ điềm tĩnh, nhưng thật ra tôi bước như một quân nhân phạm tội ra trước hàng ngũ, tôi biết rằng mọi người đều hằm hằm nhìn theo tôi. Chẳng ai gọi tôi, chẳng ai thềm chào hỏi. Và chẳng giá ở địa vị họ, chắc chắn tôi cũng sẽ làm như thế.

Tôi vấp chân ở ngưỡng cửa, và tim tôi như cũng giật thót lên: tôi đã quên mất Kađitsa, tôi đã báo hại cô.

Trong hành lang, tờ báo tường “Tia chớp” đập ngay vào mắt tôi. Một chữ “Nhục” viết to tướng ở trên báo tường, phía dưới có vẽ một chiếc rơ-moóc bỏ chơ vơ giữa núi...

Tôi quay đi. Mặt tôi nóng ran lên như vừa bị tát. Tôi vào phòng điều vận. Kađitsa đang nói chuyện qua điện thoại.

Trông thấy tôi, cô ta bỏ ống nghe xuống.

- Đây! - tôi ném tờ công lệnh tai hại lên bàn.

Kađitsa ái ngại nhìn tôi. Tôi chỉ mong cô ta đừng bu lu bù loa lên. “Sau hãy hay, bây giờ khoan đã”, tôi thăm van xin Kađitsa. Và Kađitsa cũng hiểu ý, không nói gì hết.

- Âm ỹ lắm phải không? - tôi hỏi khẽ.

Kađitsa gật đầu.

- Không sao! - tôi nói qua kẽ răng, cố an ủi cô ta.

- Anh bị đình chỉ công tác rồi đấy, - Kađitsa nói.

- Đình chỉ hẳn à? - tôi mỉm một nụ cười mỉu máo.

- Ở trên cũng định đình chỉ hẳn, cho về xưởng sửa chữa... Nhưng anh em đã xin hộ... Tạm thời anh bị đưa về đường nội địa. Anh đến gặp đồng chí trạm trưởng đi. Đồng chí ấy gọi đấy.

- Tôi không đến! Cứ để cho họ giải quyết, không cần có mặt tôi. Tôi sẽ chẳng tiếc nuối gì...

Tôi bỏ ra ngoài, cúi đầu bước dọc hành lang. Có ai đi ngược lại phía tôi. Tôi muốn lách sang một bên, nhưng Alibêk đã chặn ngang lối.

- Khoan đã, cậu đứng lại tôi bảo! - Alibêk dồn tôi vào góc tường. Mắt nhìn thẳng vào mắt tôi, anh nói, giọng thì thầm giận dữ rít lên: - Sao, anh hùng nhỉ, chứng minh được rồi chứ? Chứng minh rằng cậu là đồ chó đẻ!

- Mình định làm cho hết sức, - tôi lúng búng.

- Nói láo! Cậu muốn chơi trội. Cậu làm vì cá nhân cậu. Thế là hỏng hết cả việc chung. Bây giờ cứ thử đi mà thuyết là có thể kéo rơ-moóc qua đèo nữa đi! Đồ ngu! Đồ hám danh!

Có lẽ giá phải người khác thì nghe những lời này chắc phải nghĩ lại, nhưng bấy giờ tôi còn bụng dạ đâu nữa: tôi không hiểu gì hết, tôi chỉ thấy mỗi một nỗi uất ức riêng. Tôi mà là một kẻ hám danh, tôi mà lại muốn chơi trội, muốn đi tìm danh vọng? Không đúng chút nào!

- Cậu đi đi! - tôi gạt Alibêk ra. - Không có cậu tớ cũng đã lợm mưa lên rồi.

Tôi bước ra thêm. Một luồng gió lạnh thấu xương quét tuyết bay lất phất trong sân. Mấy người đi ngang qua, im lặng liếc nhìn tôi. Biết làm gì bây

giờ? Tôi đút hai bàn tay nắm chặt vào túi quần và đi ra cổng. Những vũng nước đóng băng kêu rảng rặc ở dưới chân. Tôi đâm phải một cái hộp đựng dầu nhờn cũ. Tôi lấy hết sức đá mạnh nó qua cổng ra đường và bước ra theo.

Suốt ngày hôm ấy tôi đi lang thang không chủ đích trên các đường phố của thị trấn, thơ thẩn, men theo bến thuyền vắng ngắt. Gió bão thổi trên hồ Ixúc-kun, mấy chiếc sà-lan dập dờn dưới bến.

Rồi tôi bỗng bất chợt thấy mình ngồi trong một quán trà. Trên chiếc bàn đặt trước mặt tôi là chai nửa lít vốt-ca đã vơi và một đĩa đồ nhắm gì đấy. Choáng váng ngay từ cốc đầu, tôi thần thờ ngồi nhìn xuống chân.

- Sao lại rầu rĩ thế, chàng gighit? - bỗng bên cạnh tôi có ai nói to, giọng niềm nở hơi thoáng ý giấu cợt. Tôi khó nhọc ngẩng đầu lên: Kađitsa.

- Sao, không có bạn uống mất ngon phỏng? - nàng mỉm cười ngồi xuống một bên. Thế thì ta cùng uống nhé!

Kađitsa rót rượu ra hai cốc, đẩy một cốc lại cho tôi.

- Cầm lấy! - cô ta nói và nháy mắt tinh nghịch, làm như thể chúng tôi đã đến đây cốt để ngồi chơi uống rượu.

- Cô vui cái nỗi gì thế? - tôi hỏi, có ý không bằng lòng.

- Thì việc gì mà buồn? Có anh, em chẳng sợ gì cả, Ilyax ạ! Thế mà em cứ tưởng anh vững hơn kia đây. Thôi, chả việc gì mà sợ! - Kađitsa cười khe khẽ, kéo ghế lại gần, chạm cốc, âu yếm nhìn tôi với đôi mắt đen thẫm.

Chúng tôi uống cạn cốc. Tôi châm thuốc hút. Lòng thấy nguôi nguôi, và lần đầu tiên trong ngày hôm ấy, tôi mỉm cười.

- Cô khá lắm, Kađitsa ạ! - tôi nói đoạn siết chặt tay cô ta.

Sau đó chúng tôi ra phố. Trời đã tối. Một cơn gió cuồng dại từ ngoài hồ thổi vào làm rung chuyển cây cối và đung đưa những ngọn đèn treo ngoài đường. Mặt đất như đưa vông dưới chân. Kađitsa nắm tay tôi dắt đi, ân cần bẻ cổ áo lên cho tôi.

- Anh có lỗi với em, Kađitsa ạ! - tôi thốt lên, lòng chan chứa ân hận và biết ơn. - Nhưng anh sẽ không để em bị rầy rà đâu... anh sẽ chịu lấy trách nhiệm...

- Quên chuyện ấy đi, anh yêu! - Kađitsa đáp, - Anh chẳng chịu sống yên ổn gì cả, lúc nào cũng xông xáo, em cứ lo thay cho anh. Chính em trước kia

cũng thế. Được đến đâu, hay đến đấy, chẳng bon chen với cuộc đời được đâu... Trêu người số phận làm gì...

- Cũng tùy cách quan niệm! - tôi cãi, rồi ngẫm nghĩ một lát, tôi nói thêm: - Mà có khi em nói đúng cũng nên...

Chúng tôi dừng lại trước căn nhà Kađitsa ở. Cô sống một mình từ lâu. Không biết vì sao cô đã ly dị với người chồng trước.

- Thôi, em đến nhà rồi, - Kađitsa nói.

Tôi ngần ngừ không bước đi ngay. Đã có một cái gì như thể ràng buộc chúng tôi lại. Và chẳng cũng không muốn đi về nhà tập thể bây giờ. Sự thật vẫn hay đấy, nhưng đôi lúc nó đáng cay quá chừng và người ta bất giác cố lẩn tránh nó.

- Lại nghĩ ngợi gì thế, anh yêu? - Kađitsa hỏi. - Mệt à? Hay ngại đi xa?

- Không sao, rồi cũng sẽ lần về đến nơi được. Thôi anh về.

Kađitsa cầm lấy tay tôi.

- Ôi, anh bị cồng rồi còn gì! Đứng đây em ử cho! - Kađitsa nói, ử tay tôi vào trong áo măng-tô của cô và lật bật ghi siết vào ngực. Tôi không dám rút tay ra, không dám cưỡng lại cử chỉ âu yếm nồng nàn ấy. Tim Kađitsa đập dưới lòng bàn tay tôi, đập dồn dập như đang đòi hỏi điều mình vẫn hằng mong đợi bấy lâu. Tôi đang say, nhưng chưa đến nỗi không còn hay biết gì. Tôi thận trọng nhấc tay ra.

- Anh đi à? - Kađitsa nói.

- Ừ.

- Thôi, tạm biệt anh! - Kađitsa thở dài và vội quay đi. Trong bóng tối có tiếng cánh cổng đóng sập lại. Tôi cũng đã bỏ đi, nhưng chỉ được mấy bước tôi dừng lại. Tôi cũng chẳng hiểu ra sao, chỉ thấy mình đã lại đứng bên cánh cổng. Kađitsa đang chờ tôi. Cô ôm chầm lấy cổ tôi, ghi thật chặt và hôn lên môi tôi.

- Anh đã quay lại! - cô thì thầm, rồi nắm tay tôi dẫn vào nhà.

Đến đêm tôi tỉnh giấc và mãi hồi lâu không tài nào hiểu được mình đang nằm ở đâu. Đầu tôi nhức buốt. Chúng tôi đang nằm cạnh nhau. Kađitsa nửa mình để trần, người nóng hổi, nép sát bên tôi và thở đều đều vào vai tôi. Tôi định đứng dậy, đi khỏi nơi này ngay lập tức. Tôi cự mình. Kađitsa, mắt vẫn nhắm, lại ôm chặt lấy tôi.

- Anh đừng đi! - cô khẽ van xin. Sau đó cô ngẩng đầu lên nhìn vào mắt tôi trong bóng tối và nói thì thầm từng câu dứt quãng: - Bây giờ em không thể nào sống thiếu anh được rồi... Anh là của em! Từ trước đến nay bao giờ anh cũng vẫn là của em!.. Ngoài ra em không cần biết gì nữa. Chỉ cần anh yêu em là đủ, Ilyax ạ! Em không đòi hỏi gì hơn nữa. Nhưng em sẽ không chịu lùi bước đâu, anh hiểu không, em nhất định sẽ không lùi bước!.. - Kađitsa bật lên khóc, nước mắt chảy rờn rờn trên mặt tôi.

Tôi đã không bỏ đi. Gần sáng chúng tôi ngủ thiếp đi. Khi thức giấc thì ngoài trời đã sáng bạch. Tôi vội vã mặc quần áo. Một cảm giác lạnh buốt, day dứt, đâm nhói vào tim tôi. Tôi vừa đi vừa xỏ tay vào chiếc áo da lông cừu, bước vội xuống sân và lẩn nhanh ra khỏi cổng. Phía trước mặt có một người đội chiếc mũ da cáo đo đờ xù lông đang đi thẳng lại phía tôi. Ôi, giá mắt tôi có thể bắn ra những luồng đạn! Giantai đang đi làm, nhà hấn ở gần đây. Cả hai chúng tôi đứng ngẩn người ra trong giây lát. Tôi làm ra vẻ như không trông thấy hấn. Tôi quay ngoắt lại và rảo bước về phía trạm xe hơi. Giantai ném theo một tiếng đằng hắng đầy ý nghĩa. Chân hấn bước trên tuyết lạo sạo, không gằn lại mà cũng chẳng xa thêm. Chúng tôi cứ đi theo chân nhau như thế về đến tận trạm xe hơi.

Tôi không rẽ vào ga-ra mà đi thẳng đến văn phòng. Trong phòng làm việc của kỹ sư trưởng, chỗ vẫn thường hội ý buổi sáng, đang có những tiếng nói râm ran khẽ vẳng ra. Sao tôi thấy muốn được vào đây thế: giá được ngồi lên một bậu cửa sổ, vắt chéo chân lên chêm thuốc hút, nghe anh em lái xe cãi cọ và mắng nhiếc nhau không hề có ác ý. Chưa bao giờ tôi tưởng tượng con người có thể ao ước điều đó thiết tha như vậy. Nhưng tôi không dám vào. Không, quả tình không phải tôi sợ. Lúc này nổi hần học, cơn bướng bỉnh đầy ý thách thức, liều lĩnh, bất lực, vẫn sôi sục trong người tôi. Và thêm vào đấy là tâm trạng rối loạn sau cái đêm ở nhà Kađitsa... Mà mọi người tuyệt nhiên chưa hề có ý muốn quên việc thất bại của tôi: chính họ đang bàn chuyện tôi trong phòng ấy. Có ai quát lên:

- Không còn ra thể thống gì nữa! Phải đưa hấn ra tòa mới đúng, đằng này các anh lại cứ xuê xoa! Lại còn cả gan nói là ý kiến hấn đúng nữa chứ! Chiếc rơ-móc thì vút lại trên đèo!.

Tiếng một người khác ngắt lời:

- Đúng! Chúng mình đã thừa biết những tay như thế. Thông minh lắm. Muốn làm âm ỉ lên để lĩnh tiền thưởng, ra cái điều ta đã ra tay giúp cho trạm xe thoát khỏi nước bí đây... Rốt cuộc lại xôi hỏng bỏng không!

Họ bắt đầu cãi nhau âm ỉ. Tôi bỏ đi: chả nhẽ lại đứng sau cánh cửa mà nghe trộm.

Nghe có tiếng mấy người nói đằng sau, tôi càng rảo bước thêm. Anh em vẫn còn bàn cãi xôn xao, Alibêk đang vừa đi vừa nói rất hăng, hình như đang chứng minh điều gì cho một người nào không rõ:

- Còn các phanh rơ-moóc thì chúng mình sẽ làm lấy ở trạm, bắc tuy-ô từ bộ phận ép hơi ra, đặt má vào, có phải là việc gì khó khăn lắm đâu!.. Ilyax kia hay sao ấy nhỉ? Ilyax, đứng lại đã! - Alibêk gọi tôi.

Tôi cứ thẳng đến ga-ra. Alibêk đuổi kịp, túm lấy vai tôi.

- Rõ đồ quý! Cậu hiểu không, thế mà mình cũng đã làm cho các cậu ấy tin rồi đấy. Chuẩn bị đi, Ilyax! Cậu đi với mình làm lái kếp nhé? Đi thí nghiệm kéo rơ-moóc!

Nỗi hần học lại tràn vào lòng tôi: định ra tay cứu giúp, kéo cái thẳng bạn bại cuộc này theo đấy. Làm lái kếp! Tôi hất tay anh chàng ra khỏi vai:

- Cút mẹ nó đi với thứ rơ-moóc ấy của cậu!..

- Sao lại cáu kỉnh thế? Chính cậu có lỗi... À mà mình quên khuấy mất. Vôlôđka Súrriev không bảo gì cậu à?

- Không, không gặp. Sao?

- Còn sao nữa! Cậu đi đâu mất tăm thế? Axen cứ đứng chờ ngoài đường, hỏi anh em trạm ta xem cậu đi đâu, đang lo đấy! Mà cậu thì...

Chân tôi muốn khuyu xuống. Trong lòng bỗng thấy nặng trĩu, ngán ngẩm không sao chịu được, đến nỗi giá được chết ngay đi tại chỗ tôi cũng vui lòng. Alibêk vẫn cứ níu tay áo tôi mà giảng giải về những bộ phận phụ gì lắp thêm vào rơ-moóc... Giantai đang đứng cạnh lắng tai nghe.

- Lui ra! - tôi giật phắt tay lại. - Sao các người cứ bám lấy tôi là cái cóc khô gì? Xin đủ! Đây chẳng cần rơ-moóc nào cả. Và cũng chẳng đi làm kếp lái phụ gì hết... Đã rõ chưa?

Alibêk nhú mày, nghiêng răng lại, làm những thớ thịt dưới hai mang tai nổi lên cuộn cuộn:

- Chính cậu bắt đầu, chính cậu làm hỏng việc, rồi chính cậu lại định chuồn trước hả? Có đúng thế không?

- Cậu muốn hiểu thế nào thì hiểu.

Tôi đến cạnh xe, hai tay cứ run bần bật, không còn nghĩ được gì nữa, rồi bỗng dưng nhảy xuống cái hố xây bên dưới xe, nằm vật ra thêm gạch cho mát đầu.

- Này, Ilyax! - có tiếng thì thầm bên tai.

Tôi ngẩng đầu lên: lại ai nữa thế này? Giantai đầu đội mũ lông đang ngồi xổm bên miệng hố trông như một cái nấm, nhìn tôi bằng đôi mắt ti hí xảo quyệt.

- Cậu cho hấn một trận là phải lắm, Ilyax ạ!

- Cho ai?

- Cho Alibêk, cái ông tích cực ấy! Thật như một hòn đá giáng vào giữa hàm răng! Nhà phát minh phải tịt ngay.

- Thì việc gì đến cậu nào?

- Việc gì thì chắc cậu cũng thừa hiểu ra rồi: bọn lái xe chúng mình cần quái gì những cái rơ-moóc ấy. Bọn mình biết thừa là sự thể sẽ như thế nào mà: tăng hiệu suất vận chuyển lên, giảm bớt được chuyến đi, thế là cứ việc nai lưng ra, còn tỷ lệ tiền cước hàng chở một cây số thì họ sẽ hạ xuống, vậy tội gì mà chịu thiệt như thế. Danh giá được một ngày, còn sau đó thì sao? Bọn mình không giận cậu đâu, cậu cứ thế mà...

- Bọn mình là những ai? - tôi cố hỏi cho thật thản nhiên. - Bọn mình đây là cậu à?

- Có phải mình tớ đâu. - Giantai bắt đầu chớp mắt lia lịa.

- Nói láo, đồ trứng rận ghẻ kia! Tao sẽ cứ đi kéo rơ-moóc cho mày biết tay... Có toi mạng thì tao cũng sẽ làm kỳ được. Còn bây giờ cú! Mày sẽ còn biết tay tao!

- Thôi thôi, đừng quá quắt! - Giantai hầm hè đáp. - Tao biết tỏng mày rồi, trong sạch lắm đây... còn về chuyện kia thì một khi còn chơi bởi được hãy cứ chơi đi...

- A, cái thằng này!.. - tôi giận quá gầm lên và lấy hết sức tông vào quai hàm hấn.

Giantai đang ngồi như thế nào trên miệng hố, thì cứ thế mà ngã nhào ra. Chiếc mũ lông lăn lóc trên mặt đất. Tôi nhảy ra khỏi hố, chồm lên người hắn. Nhưng Giantai đã đứng lên được, nhảy sang một bên và gào văng cả sân:

- Đồ du côn! Đồ ăn cướp! Muốn đánh nhau à? Sẽ có kẻ trị được mày! Mày tưởng mày có thể tha hồ trút giận lên đầu tao phỏng?..

Người từ bốn phía đổ xô lại, cả Alibêk cũng chạy đến.

- Làm sao thế? Sao cậu lại đánh nó?

- Vì tôi nói sự thật đấy! - Giantai hết sức rống lên, - Vì tôi đã nói thẳng sự thật vào mặt nó!.. Chính mình lấy trộm chiếc rơ-móc, đánh đổ trên đèo, ỉa bậy ra đấy, đến lúc người ta thực tâm bắt tay vào sửa chữa lỗi lầm thì lại gây sự đánh nhau! Bây giờ thì việc này không có lợi cho hắn mà, đánh sống mất danh vọng rồi còn gì!

Alibêk đến cạnh tôi, mặt trắng nhợt ra, giận quá nói lắp bắp:

- Đồ khốn nạn! - anh hích vào ngực tôi. - Phá bình, trả thù vì chuyện trên đèo đấy hắn! Không sao, không có anh chúng tôi cũng vẫn xoay sở được. Chả cần đến các vị anh hùng!

Tôi nín lặng, không đủ sức nói được điều gì nữa. Những lời bịa đặt trắng trợn của Giantai làm tôi đờ người ra không nói được câu nào. Anh em đứng chung quanh hằm hằm nhìn tôi.

Trốn! Phải trốn khỏi nơi này... Tôi nhảy vọt lên xe hơi và phóng ra khỏi trạm.

Dọc đường tôi uống rồ say. Tôi chạy vào một quán nhỏ bên đường: chưa ăn thua gì cả; tôi lại đổ xe, nốc cạn một cốc đầy. Hơi men bốc lên, những đoạn cầu, những tấm biển tín hiệu và những chiếc xe ngược chiều chỉ còn thấy vút qua loang loáng. Lòng tựa như vui lên. “Chà! tôi nghĩ. Đã đi tong hết thì thôi! Mình còn cần gì nữa, ngồi lái xe thì cứ việc lái đi. Còn Kađitsa... Cô ta thua kém gì mọi người? Trẻ đẹp. Yêu mình tha thiết, chẳng còn tiếc gì... Mình thật đã ngốc lại vô ơn!”

Tôi về đến nhà thì trời đã tối. Tôi đứng trong khung cửa, người lão đảo. Chiếc áo ngoài đeo một bên vai lủng lẳng sau lưng. Nhiều khi tôi vẫn không xỏ áo vào tay phải, để ngồi lái cho thoải mái. Thuở nhỏ, những khi đi ném đá tôi vốn đã có thói quen như thế.

Axen bỏ nhà ra đón tôi:

- Ilyax, anh làm sao thế? - rồi hình như nàng đã đoán được sự tình, - Sao anh cứ đứng đấy thế? Anh bị mệt, lạnh cóng rồi phải không? Cởi áo ngoài ra đi!

Axen toan giúp tôi cởi áo, nhưng tôi lặng lẽ ẩy ra. Phải thật phũ phàng để che đậy nỗi xấu hổ. Tôi loạng choạng bước đi trong phòng, vấp phải cái gì đổ đánh rầm một tiếng, rồi nặng nề rơi phịch xuống ghế.

- Có việc gì thế, anh Ilyax? - Axen lo lắng, nhìn vào đôi mắt say lờ đờ của tôi.

- Sao, còn không biết nữa à? - Tôi cúi đầu: thà đừng nhìn còn hơn. Tôi ngồi yên đợi Axen lên tiếng trách móc, than thân trách phận và nguyên rủa. Tôi sẵn sàng nghe hết, không biện bạch. Nhưng vợ tôi cứ lặng yên như không có mặt trong phòng vậy. Tôi rụt rè ngước mắt lên. Axen đang đứng bên cửa sổ, quay lưng về phía tôi. Và tuy không trông thấy mặt, tôi cũng biết nàng đang khóc. Một niềm xót thương da diết cấu xé lòng tôi.

- Em biết không, anh muốn nói với em, Axen ạ, - tôi ngập ngừng mở đầu. - Anh muốn nói... - Tôi nghẹn ngào không nói được nữa. Tôi không đủ can đảm thú nhận. Không, tôi không thể giáng cho Axen một đòn như vậy được. Tôi thấy ái ngại, mà đáng lẽ không nên như thế mới phải... - Có lẽ chúng mình chưa về làng thăm thầy mẹ được ngay đâu, - tôi nói lảng sang chuyện khác. - Ít lâu nữa hăng hay. Bây giờ thì chưa nghĩ đến việc ấy được...

- Chúng mình hoãn lại vậy, chẳng đi đâu mà vội... - Axen đáp, lau nước mắt và đến bên tôi. - Giờ đây đừng nghĩ đến việc ấy nữa, Ilyax ạ. Rồi sẽ êm đẹp cả thôi. Anh nên nghĩ đến mình thì hơn. Anh bỗng đâm ra khác thường thế nào ấy. Em không nhận ra anh được nữa, Ilyax ạ.

- Thôi được rồi! - tôi ngắt lời Axen, lòng tức giận vì đã tỏ ra hèn yếu. - Anh mệt lắm, muốn ngủ một tí.

Hôm sau trên đường về tôi gặp Alibêk ở bên kia đèo. Anh ta kéo theo chiếc rơ-moóc. Đèo Độ Long đã phải khuất phục.

Trông thấy tôi, Alibêk nhảy ra khỏi buồng lái trong khi xe vẫn chạy, giơ tay lên vẫy. Tôi cho xe chạy chậm lại, Alibêk đứng trên đường, gương mặt hớn hờ đắc thắng.

- Chào cậu, Ilyax! Xuống đây hút thuốc đã, - anh ta gọi.

Tôi hãm xe lại. Trong buồng xe Alibêk có một cậu lái kếp trẻ măng ngồi sau tay lái. Bánh xe được quấn những sợi xích vắn chéo lại. Chiếc rơ-moóc có lắp phanh hơi. Điều đó tôi trông thấy ngay. Nhưng không, tôi chẳng dừng lại. Anh thành công ư? Hay lắm! Còn tôi thì xin đừng đụng đến.

- Đổ lại, đổ lại! - Alibêk chạy theo tôi, - Tớ có việc bảo cho cậu, dừng lại, Ilyax! Chà, thằng quý, làm sao thế?.. Thôi được...

Tôi phóng xe đi. Kêu thì cứ việc kêu. Tôi với anh không còn có việc gì nữa hết. Việc của tôi hỏng bét từ lâu rồi. Tôi đã đối xử không hay, tôi đã để mất Alibêk, người bạn tốt nhất của tôi. Vì Alibêk đúng, đúng hoàn toàn, giờ thì tôi đã hiểu. Nhưng lúc ấy tôi không thể dung thứ được: Alibêk đã thành công một cách quá nhanh chóng và đơn giản trong khi tôi phải căng thẳng tột độ tốn bấy nhiêu hơi sức, bấy nhiêu tinh lực mà vẫn không xong.

Alibêk xưa nay vẫn là người chín chắn, biết suy nghĩ. Anh không đời nào đi vượt đèo kiểu du kích như tôi. Mang theo lái kếp đi cũng là rất đúng. Dọc đường hai người có thể thay nhau lái, để đến khi vượt đèo sức vẫn còn nguyên. Trên đèo thì máy xe, ý chí và bàn tay con người quyết định tất cả. Hơn nữa Alibêk cùng với tay lái kếp lại đã giảm thời gian vận chuyển xuống gần một nửa. Tất cả những điều đó anh đều suy tính. Anh lắp vào rơ-moóc những chiếc phanh ăn vào buồng hơi ép ở máy xe và cũng không quên những sợi xích tầm thường nhất, đem quấn vào hai bánh phát động. Nói chung anh đã vũ trang đầy đủ để chiến đấu với đoạn đường đèo, chứ không hò hét xông bừa ra trận địa.

Sau Alibêk, những người khác cũng bắt đầu kéo theo rơ-moóc. Vì bất cứ việc gì, cái chính vẫn là khi khởi sự. Trong khi ấy số xe cũng được tăng lên: trạm bên cạnh đã gửi đến giúp thêm. Con đường cái Thiên Sơn âm ì tiếng bánh xe hơi suốt ngày suốt đêm trong một tuần rưỡi. Tóm lại, tuy gặp khó khăn, chúng tôi cũng đã thực hiện được đúng hạn lời đề nghị của nhà máy điện, không lỡ việc. Tôi cũng góp sức vào đấy...

Giờ đây, qua bấy nhiêu năm trời và mọi việc đã lắng vào dĩ vãng, tôi kể lại chuyện đó một cách bình thản như thế này, nhưng trong những ngày sóng gió ấy, tôi đã không ngồi được vững trên yên. Tôi đã không biết cầm cương cuộc sống...

Nhưng để tôi kể tiếp cho tuần tự.

Sau khi gặp Alibêk, tôi về đến trạm xe thì trời đã tối. Tôi đi bộ về nhà tập thể, nhưng dọc đường lại rẽ vào quán rượu. Suốt mấy ngày ấy tôi cứ muốn uống cho thật say mềm để quên hết mọi sự đời mà ngủ như chết, một ý muốn điên cuồng, phi nhân tính, không tài nào cưỡng lại được. Uống đã nhiều mà rượu vốt-ca vẫn như không có tác dụng gì cả. Tôi bước ra khỏi quán, lòng càng thêm bực tức, trí óc càng thêm rối loạn. Tôi đi lang thang khắp thành phố giữa đêm khuya, và không còn ngần ngại gì nữa, tôi rẽ ra phố Bờ sông đến nhà Kađitsa.

Sự việc cứ thế mà tiếp diễn. Tôi cuống cuồng lên như người rơi vào giữa hai luồng đạn. Ban ngày đi làm, ngồi sau tay lái, rồi đêm đêm lại lập tức đến với Kađitsa. Ở bên Kađitsa tôi thấy thoải mái, yên tâm hơn. Tôi như đang trốn tránh chính mình, trốn mọi người và trốn lẽ phải. Tôi cảm thấy như chỉ có Kađitsa mới hiểu tôi và yêu tôi. Về đến nhà là tôi lại cố bỏ đi cho mau. Axen, Axen yêu quý của tôi! Giá Axen biết được rằng chính lòng tin cậy, chính tâm hồn trong trắng của nàng đã xua đuổi tôi đi! Tôi không lòng nào lừa dối, biết rằng mình không xứng đáng với Axen, không đáng hưởng những gì nàng đã làm cho tôi. Mấy lần tôi về đến nhà say bí tỉ. Thế mà Axen cũng không hề có lấy một lời trách móc. Cho đến nay tôi vẫn không sao hiểu được: đó là vì thương hại, vì nhu nhược, hay trái lại, vì kiên nghị và tin tưởng ở con người? Phải, tất nhiên là Axen đã chờ đợi, đã tin tưởng rằng tôi sẽ tự chủ, sẽ chế ngự được mình và trở thành con người như trước. Nhưng giá Axen cứ chửi mắng, bắt tôi phải thực thà nói hết sự thật ra còn hơn. Có lẽ nếu Axen biết tôi không phải chỉ bị những nỗi buồn phiền trong công tác giày vò mà thôi, thì nàng đã bắt tôi phải nói rõ ngọn ngành. Axen đã không hình dung được những gì đã xảy ra với tôi trong những ngày ấy. Còn tôi thì cứ thương hại nàng, lần nữa gác mãi chuyện này sang hôm sau, đến bận khác, thế rồi chẳng kịp làm được điều tôi có bổn phận phải làm vì Axen, vì tình yêu của chúng tôi, vì gia đình chúng tôi...

Lần cuối cùng Axen gặp tôi nàng vui mừng, phấn chấn. Má nàng ửng hồng, mắt nàng sáng long lanh. Mặc dù tôi còn mặc áo ngoài và đi ủng, Axen cũng cứ lôi thẳng tôi vào phòng trong.

- Xem kìa, anh Ilyax! Xamat đứng được rồi!
- Thế à! Nó đâu?
- Dưới gầm bàn kia kìa!

- Nó đang bò dưới đất đấy chứ.

- Rồi anh xem! Nào con, đứng lên cho ba xem! Nào, đi, đi Xamát!

Xamát hình như cũng hiểu được là mọi người đang muốn nó làm gì. Nó vui vẻ bò ra khỏi gầm bàn, vịn vào thành giường, khó nhọc đứng lên. Nó đứng một lúc, mỉm cười gan dạ, loạng choạng trên đôi chân mềm mại, bé tí, rồi ngã bổ chửng xuống nền nhà, môi vẫn nở nụ cười gan dạ như cũ. Tôi nhảy tới, bế xốc nó lên xiết chặt vào người và hít lấy hít để mùi sữa thơm thơm trên da thịt nó. Cái mùi mới thân thuộc làm sao, thân thuộc như Axen vậy.

- Anh làm con chết ngạt mất, Ilyax, cẩn thận chứ! - Axen bế lấy thằng bé. - Sao, anh bảo thế nào? Anh cởi áo ngoài ra đi. Nó sắp lớn đến nơi rồi, bấy giờ thì mẹ nó cũng sẽ đi làm việc. Mọi việc sẽ ổn thỏa, tất cả sẽ tốt đẹp. Đúng thế phải không nào, con nhỉ? Còn anh thì cứ... - Axen nhìn tôi, đôi mắt buồn buồn và tư lự. Tôi ngồi xuống ghế. Tôi hiểu rằng vợ tôi đã dồn tất cả những điều muốn nói, tất cả những gì tích tụ lại trong lòng suốt những ngày vừa qua vào mấy lời ngắn ngủi ấy. Đó vừa là lời cầu mong, vừa là lời trách móc, vừa là niềm hy vọng. Giờ đây tôi phải lập tức kể cho vợ tôi nghe hết mọi sự hoặc là bỏ đi ngay. Thôi, thà đi còn hơn. Axen đang vui sướng lắm, nàng không hề hay biết gì cả. Tôi rời ghế đứng dậy.

- Anh đi đây.

- Anh đi đâu bây giờ? - Axen giật mình. - Hôm nay mà anh cũng không ở nhà ư? Không thì cũng uống nước đi đã chứ.

- Không được. Anh phải đi, - tôi lẩm bẩm. - Mình cũng biết đấy, công việc bây giờ như thế...

Không, không phải công việc đã thúc bách tôi ra khỏi nhà. Mãi đến sáng mai tôi mới phải lên đường.

Leo lên buồng lái, tôi gieo mình rơi phịch xuống đệm và rên lên vì đau khổ, loay hoay mãi không cắm được chìa khóa vào ổ mở điện. Sau đó tôi đánh xe ra đường và phóng đi cho đến khi khuất hẳn những ánh đèn trên các cửa sổ. Đến chỗ hẻm núi ngay bên kia cầu, tôi lái sang vệ đường, đánh xe vào giữa những bụi rậm và tắt đèn pha đi. Tôi quyết định ngủ lại đây. Tôi rút thuốc lá ra. Trong hộp diêm chỉ còn lại mỗi một que. Nó bùng lên trong khoảng khắc rồi vụt tắt. Tôi lẳng cả hộp diêm lẫn thuốc lá ra cửa sổ, kéo chiếc áo ngoài trùm đầu và co chân lên nằm còng queo trên ghế.

Mặt trăng rầu rĩ treo trên những triền núi tối tăm lạnh lẽo. Gió trong hẻm núi buồn bã rít lên từng hồi, lay động cánh cửa buồng lái khép hờ khiến nó kêu cọt két. Chưa bao giờ tôi cảm thấy thấm thía cảnh trơ trọi một mình, xa cách mọi người, xa cách gia đình và bè bạn ở trạm xe đến thế. Không thể tiếp tục sống thế này được nữa. Tôi tự hứa: hễ về đến trạm tôi sẽ gặp Kađitsa ngay, xin cô tha thứ cho tôi và quên đi hết những gì đã có giữa hai người. Như vậy ngay thật và phải lẽ hơn.

Nhưng cuộc sống đã xoay vần cách khác. Tôi không ngờ, không hề nghĩ rằng sự thế lại xảy ra như thế. Sáng hôm sau nữa tôi mới quay về trạm chuyển tải. Không có ai ở nhà, cửa để ngỏ. Thoạt tiên tôi tưởng Axen vừa chạy đi xách nước hay lấy củi ở đâu đấy. Tôi nhìn quanh. Trong phòng đồ đạc ngổn ngang. Chiếc bếp lò đen sì nguội ngắt tỏa ra một mùi lạnh lẽo hoang vắng. Tôi bước lại chiếc giường con của Xamát: chiếc giường trống không.

- Axen! - tôi hoảng hốt thì thầm. - Axen! - bốn bức tường thì thầm đáp lại.

Tôi cầm đầu lao ra cửa.

- Axen!

Không một ai thưa. Tôi chạy sang các nhà bên cạnh, đến cột bơm xăng: chẳng ai hiểu đầu đuôi ra sao cả. Họ nói hôm qua vợ tôi đi đâu cả ngày, gửi thằng bé ở nhà người quen, mãi đến đêm mới về. “Bỏ đi rồi, biết chuyện rồi!” - tôi giật thót người lên vì điều phỏng đoán khủng khiếp ấy.

Có lẽ chưa bao giờ tôi phải lao xe đi trên triền núi Thiên Sơn như cái ngày oan nghiệt ấy. Tôi luôn luôn tưởng chừng như sắp đuổi kịp Axen ở sau chỗ ngoặt phía trước, hay trong hẻm núi xa xa kia, hoặc ở nơi nào đó dọc đường. Như một con chim ưng, tôi phóng theo các xe đi trước, hãm lại, chạy ngang hàng, đưa mắt nhìn vào buồng lái, thùng xe rồi lại dận hết ga vọt lên trước, giữa những tiếng chửi rủa của các tay lái xe ném theo sau. Tôi cứ lao đi như thế ba tiếng đồng hồ liền không nghỉ, mãi cho đến khi nước trong két sôi lên sùng sục mới thôi. Tôi nhảy ra khỏi buồng lái, vốc tuyết ném lên két nước và rót thêm nước vào. Két nước bốc hơi nghi ngút, chiếc xe thở ra như một con ngựa vừa rong ruổi đường xa. Tôi vừa định ngồi vào lái thì bỗng trông thấy chiếc xe của Alibêk đang kéo rơ-moóc. Tôi mừng quá. Tuy tôi với anh ta lâu nay không chuyện trò và chào hỏi gì nhau, nhưng nếu có

Axen ở đằng ấy thì thế nào anh ta cũng nói. Tôi chạy ra giữa đường giơ tay lên:

- Đổ lại, đổ lại, Alibêk! Dừng lại!

Người lái kếp đang ngồi sau vô-lăng đưa mắt hỏi Alibêk. Anh hầm hầm quay mặt đi. Chiếc xe chạy vụt qua. Tôi cứ đứng trên đường, mình đầy bụi tuyết, tay vẫn giơ cao. Mãi hồi lâu tôi mới bỏ tay xuống lau mặt. Biết làm thế nào được, có vay thì có trả. Nhưng tôi chẳng còn bụng dạ nào mà bực tức nữa. Như vậy nghĩa là Axen không đến đấy. Thế lại càng nguy hơn. Vậy thì Axen đã về làng, ngoài ra chẳng còn đi đâu được nữa. Axen làm thế nào bước qua được ngưỡng cửa nhà bố mẹ, nàng đã nói được những gì? Và gia đình đã nhìn nhận sự trở về nhục nhã của nàng ra sao? Về một mình, tay bế con thơ!

Phải về làng ngay mới được.

Tôi hối hả dỡ hàng rồi để xe ngoài đường, chạy vào phòng điều vận nộp giấy tờ. Trong phòng thường trực, tôi vấp phải Giantai, chà, nụ cười khẩy của hắn mới trông tráo, khả ố làm sao!

Kađitsa nhìn tôi một cách lạ lùng khi tôi thò đầu vào cửa ghi-sê ở phòng điều vận và ném giấy tờ lên bàn.

Có điều gì lo lắng, ân hận thoáng hiện trong mắt cô.

- Nhận đi, mau lên! - tôi nói.

- Có việc gì thế?

- Axen không có nhà. Bỏ đi rồi!

- Anh nói gì thế? - Kađitsa tái mặt đi, đứng nhồm dậy từ sau bàn giấy và cắn môi, thốt ra: - Tha lỗi cho em, Ilyax! Chính em đã... đã...

- Thế nào, em cái gì? Nói cho có đầu có đuôi, kể hết ra xem nào! - tôi lao vào trong cửa.

- Chính em cũng không biết mọi sự đã xảy ra thế nào. Em nói thật đấy, Ilyax ạ. Hôm qua bác thường trực đến gõ vào cửa sổ báo có cô nào muốn gặp em. Em nhận ngay ra Axen. Chị ấy lặng lẽ nhìn em rồi hỏi: “Có thật thế không?”. Còn em, em bỗng không còn biết gì nữa, buột ra: “Phải, có như thế. Tất cả đều có thật. Anh ấy ở với tôi đấy!” Chị ấy vụt lùi ra xa cửa sổ. Em thì ngã gục xuống bàn khóc nức lên, nhắc đi nhắc lại như một con ngốc:

“Anh ấy là của tôi! Của tôi!” Em không gặp lại chị ấy nữa... Tha lỗi cho em!

- Khoan đã, sao Axen biết được?

- Đó là tại Giantai. Chính tại hắn, hắn vẫn thường dọa em. Chả nhẽ anh lại còn không biết rõ cái thằng khốn nạn ấy nữa! Anh đi đi, Ilyax, về với Axen, tìm chị ấy đi. Em sẽ không quấy rầy hai người nữa, em sẽ bỏ đi nơi khác...

Chiếc xe đưa tôi đi trên cánh thảo nguyên đang giữa mùa đông. Mặt đất tê cứng lại, một màu xám ngắt. Gió uốn quẩn nhưng bụi cây lòa xòa trên các đống tuyết như bờm ngựa, lôi từ dưới các con mương lên những chiếc hoa cù gai* vô gia cư và lừa chúng đi. Xa xa, những bức tường đất dãi dầu mưa gió và các khu vườn trơ trụi trong làng vẽ thành những vệt đen xẫm.

Vào khoảng chập tối, tôi về đến làng. Tôi dừng xe bên cái sân quen thuộc, vội vàng châm thuốc lá hút lấy hút để, hòng xoa dịu nỗi lo âu, đoạn dập tắt đầu mẩu rồi bấm còi. Nhưng Axen chẳng thấy đâu, chỉ thấy mẹ nàng khoác chiếc áo bông lên vai bước ra. Tôi bước ra bậc xe khẽ nói:

- Chào mẹ!

- A, ra mày còn dám vác mặt đến đây? - bà đáp, vẻ dữ tợn. - Và sau những việc như thế mà mày còn dám gọi tao là mẹ nữa ư? Cút đi, cút ngay cho rảnh mắt! Quân đầu đường xó chợ! Mày đã quyến rũ con tao, bây giờ lại còn đến đây! Đồ mặt dày mày dạn! Mày đã làm hại cả đời chúng tao...

Bà cụ không để cho tôi kịp mở miệng ra nữa. Bà cụ không ngớt mồm chửi bới, mắng nhiếc tôi hết sức nhục nhã. Nghe tiếng bà cụ, người lớn trẻ con từ các sân nhà bên cạnh bắt đầu chạy sang.

- Xéo đi ngay, không thì tao gọi làng nước đến bây giờ! Mày thật đáng nguyên rủa! Đừng để tao nhìn thấy mặt mày lần nào nữa! - người đàn bà đang cơn giận dữ xông đến gần tôi, ném chiếc áo bông xuống đất.

Tôi không còn cách gì khác là ngồi vào tay lái. Phải đi thôi, một khi Axen cũng không còn muốn nhìn mặt tôi nữa. Sỏi đá và gậy gộc ném tới tấp vào xe. Đó là lũ trẻ con tiễn tôi ra khỏi làng...

Đêm hôm ấy tôi đi lang thang mãi trên bờ hồ Ixúc-kun. Mặt hồ tràn ngập ánh trăng, đang nổi sóng cuộn cuộn. Ôi Ixúc-kun! Từ ngàn xưa nước hồ vẫn ấm áp, nhưng đêm ấy hồ đã trở nên giá buốt lạnh lùng. Tôi ngồi trên đáy

một con thuyền lật sập. Từng đợt sóng hung hăng tràn lên bãi cát, xô vào cổ giày ủng và rút đi với một tiếng thở dài nặng trĩu...

...Có ai bước đến bên cạnh, nhẹ nhàng đặt tay lên vai tôi: đó là Kađitsa.

* * *

Mấy ngày sau chúng tôi ra đi về Frunze, xin được vào một đội đi thăm dò những cánh đồng cỏ có thể khai khẩn để chăn nuôi súc vật ở thảo nguyên Anarkhai. Tôi làm lái xe còn Kađitsa làm công nhân. Thế là đã bắt đầu một cuộc sống mới.

Chúng tôi đã cùng đội thăm dò đi sâu mãi vào trong lòng thảo nguyên Anarkhai, đến tận vùng ven hồ Bankhas. Đã đoạn tuyệt với dĩ vãng thì phải đoạn tuyệt đến cùng.

Thời gian đầu tôi lao vào công tác để dập tắt nỗi buồn. Mà việc ở đây thì không phải là ít. Chúng tôi đã lấn bánh ngang dọc khắp vùng Anarkhai mênh mông hơn ba năm, khoan giếng, mở đường, đặt trạm. Tóm lại, bây giờ nơi đây không còn là miền Anarkhai hoang dại khi xưa, nơi giữa ban ngày cũng có thể lạc lối và lang thang cả tháng giời trên vùng thảo nguyên mọc đầy ngải đắng, ngổn ngang những gò, đụn. Bây giờ nơi đây đã là một vùng chăn nuôi súc vật có nhiều trung tâm văn hóa và những ngôi nhà đầy đủ tiện nghi... Người ta đang gieo lúa mì và dự trữ cả cỏ khô nữa. Công việc trên Anarkhai đến nay cũng vẫn còn ùn ra, nhất là đối với dân lái xe chúng tôi. Nhưng tôi đã quay về. Không phải vì tại ở các vùng đất vẫn còn hoang vắng quá ư gian khổ, chuyện đó chỉ là tạm thời thôi. Tôi với Kađitsa không hề sợ khó khăn và phải nói rằng chúng tôi sống với nhau cũng không đến nỗi tồi tệ, biết trọng nể nhau. Nhưng trọng nể là một chuyện, mà tình yêu lại là chuyện khác. Dù cho một người có yêu, nhưng người kia không yêu lại thì theo tôi đó chưa phải là một cuộc sống thật sự. Không biết có phải con người vốn dĩ như thế, hay do bản chất tôi như vậy, nhưng tôi cứ luôn luôn thấy thiếu một cái gì. Và dù công tác, tình bạn, lòng tốt hay sự chăm sóc của một người đàn bà yêu mình, cũng đều không đền bù lại được sự thiếu thốn ấy. Đã từ lâu tôi vẫn âm thầm ân hận rằng mình bỏ đi quá hấp tấp, không thử cố gắng lần nữa để lấy lại được Axen. Và trong nửa năm trời sau cùng tôi đã thực sự thấy nhớ vợ nhớ con. Đêm đêm tôi không ngủ. Tôi dường như thấy Xamat đang mỉm cười, đứng không vững trên đôi chân nhỏ xíu còn yếu ớt, mùi sữa thơm tho trên người nó dường như đã thấm vào

tôi suốt đời. Tôi chỉ muốn về với những ngọn Thiên Sơn thân thuộc, với hồ nước Ixúc-kun xanh biếc của tôi, với dải thảo nguyên dưới chân núi, nơi tôi đã gặp được mối tình đầu và cũng là mối tình cuối cùng của tôi. Kađitsa biết thế, nhưng không hề trách móc gì tôi. Cuối cùng chúng tôi đã hiểu ra rằng không thể cùng sống chung được nữa.

Mùa xuân năm ấy đã về rất sớm trên vùng Anarkhai. Tuyết tan nhanh chóng để lộ ra những ngọn đồi xanh rờn, bắt đầu đâm chồi nảy lộc. Thảo nguyên đang sống lại, hút lấy hơi ấm và khí ẩm. Đêm đêm không khí trở nên trong suốt, bầu trời vàng vạc những vì sao.

Hai chúng tôi nằm trong chiếc lều bên cạnh tháp khoan, trần trọc mãi không ngủ được. Bỗng trong cảnh tĩnh mịch của thảo nguyên không biết từ nơi nào có tiếng còi xe lửa xa xôi vẳng lại. Khó lòng nói rõ làm sao tiếng còi lại vẳng đến tận đây được. Từ đây ra đến đường xe lửa phải mất nửa ngày đi xe trên thảo nguyên. Hay là tôi mừng tượng ngộ chừng nghe thấy thì không biết. Chỉ biết là tim tôi bỗng bồi hồi xao xuyến và giục giã lên đường. Tôi nói:

- Tôi sẽ đi, Kađitsa ạ.

- Phải đấy, anh Ilyax. Chúng mình đành phải chia tay, - cô đáp.

Thế rồi chúng tôi chia tay nhau. Kađitsa lên vùng Bắc Cadăcxtan, nơi đang khai hoang.

Tôi rất mong cho Kađitsa được hạnh phúc. Tôi muốn tin rằng cuối cùng cô sẽ gặp được con người đang đi tìm cô mà không biết. Cô đã chẳng được may mắn với người chồng trước, cuộc sống với tôi cũng lại không thành. Giá tôi chưa từng biết thế nào là một tình yêu thực sự, thế nào là yêu và được yêu thì tôi đã ở lại với Kađitsa rồi. Quả tình đó là một điều khó lòng giải thích nổi.

Tôi đánh xe cho Kađitsa ra ga xép, đưa cô lên xe lửa. Tôi chạy theo bên toa xe cho đến khi xe chạy nhanh quá phải tụt lại sau. “Lên đường may mắn nhé, Kađitsa, có nhớ lại thì đừng nghĩ tệ cho tôi nhé!..” - tôi thì thầm lần cuối cùng.

Đàn sếu bay trên miền Anarkhai về phương nam, còn tôi lên đường về miền bắc, về Thiên Sơn...

* * *

Tôi đến nơi, và không ghé vào đâu hết, lập tức đi ngay về làng. Tôi ngồi trên thùng sau một chiếc xe gập ở dọc đường, cố không suy nghĩ gì hết. Tôi vừa sợ lại vừa mừng. Xe đi trên cánh thảo nguyên dưới chân núi, dọc theo con đường thuở trước tôi với Axen vẫn gập nhau. Nhưng bây giờ đó không còn là một con đường làng nữa, mà là một con đường cái lớn trải đá. Có nhiều cầu bê tông và những biển hiệu đi đường. Tôi đâm ra tiếc con đường thảo nguyên trước kia. Tôi không còn nhận ra được đoạn đường chạy qua con mương, nơi xe tôi đã bị sa lầy, không tìm thấy tảng đá trên đấy Axen đã ngồi đợi tôi.

Xe chưa chạy đến đầu bản tôi đã gõ vào buồng lái.

- Gì thế? - người lái xe thò cổ ra hỏi.

- Đỗ lại, cho tôi xuống đây.

- Ở giữa đồng thế này à? Sắp đến nơi bây giờ đây mà!

- Cám ơn! Đây chẳng còn xa mấy nữa, - tôi nhảy xuống đất. - Tôi đi bộ một tí, - tôi nói và chìa tiền ra.

- Thôi! - anh ta nói, - Chỗ anh em đồng nghiệp với nhau ai lại lấy tiền.

- Cầm lấy, có đóng dấu lên trán đâu mà biết.

- Cứ trông dáng điệu thì biết.

- Thôi đã vậy thì cũng được. Mạnh khỏe nhé.

Chiếc xe bon đi. Tôi vẫn đứng trên đường, chưa định thần lại được. Tôi quay lưng che gió và châm thuốc hút. Mấy ngón tay cứ run run khi đưa điếu thuốc lên môi. Tôi rít vài hơi, dấm tắt mẩu thuốc lá và bước đi. "Thế là đến nơi rồi!" tôi lẩm bẩm trong miệng. Tim đập mạnh đến nỗi tai ù lên, đầu như có ai lấy búa gõ liên hồi.

Xóm làng thay đổi rõ rệt, lớn hơn trước, rất nhiều ngôi nhà mới lợp đá đen đã xuất hiện. Những sợi dây điện chằng dọc theo các phố, loa phóng thanh đang nói trên cây cột, canh trụ sở ban quản trị nông trang. Lũ trẻ con chạy đến trường học. Một đoàn thiếu niên lớn hơn đang đi với người giáo viên trẻ tuổi chuyện trò gì đó. Có lẽ trong bọn chúng có cả những đứa đã lấy đá và gậy ném tôi... Thời gian vẫn trôi đi, mãi không hề ngừng lại.

Tôi rảo chân bước vội. Cái sân có mấy cây liễu và dãy tường đất đây rồi. Tôi dừng chân để thở lại cho đều. Tôi ngập ngừng bước đến cổng, người lạnh toát đi vì lo âu và sợ hãi. Tôi gõ cổng. Một cô bé tay xách cặp chạy ra.

Chính là cô bé đã thè lưỡi ra nhạo tôi dạo trước, bây giờ đã đi học. Cô bé đang vội đến trường, ngõ ngàng nhìn tôi nói:

- Không có ai ở nhà cả!

- Không có ai à?

- Vâng. Mẹ đi sang chơi bên lâm trường. Còn bố đi chở nước cho máy kéo.

- Thế Axen đâu? - tôi rụt rè hỏi, miệng như bống khô hằn đi.

- Axen à? - cô bé ngạc nhiên. - Axen đi từ lâu rồi...

- Thế không về đây lần nào à?

- Năm nào hai vợ chồng chị ấy cũng về đấy. Mẹ bảo anh ấy tốt lắm!..

Tôi không hỏi thêm gì nữa. Cô bé chạy đến trường và tôi quay trở lại.

Tin này làm tôi ngẩn cả người ra, đến nỗi chẳng còn thiết hỏi xem Axen lấy ai, lúc nào và đi đâu. Biết mà làm gì? Không hiểu sao tôi chưa bao giờ nảy ra cái ý là Axen có thể tìm thấy một người khác. Mà lẽ ra, tất nhiên phải như thế. Chả nhẽ suốt trong từng ấy năm nàng cứ ngồi đấy mà chờ tôi dẫn xác về ư?

Tôi bước đi trên đường cái, không chờ gặp xe qua đường nữa.

Phải, con đường tôi đang đi đã thay đổi: nó đã được đầm phẳng và trải đá. Chỉ có thảo nguyên là vẫn như xưa, cũng vẫn cánh đồng cày ải tối sẫm và những gốc rạ bạc trắng. Thảo nguyên chạy dài từ các dãy núi xuống tận chân trời thành những triền đất thoải thoải, rồi nhường chỗ cho những dải cát loang loáng bao quanh hồ Ixúc-kun xa tím. Mặt đất đã sạch hết tuyết, trải rộng ra trơ trụi, ẩm ướt. Đâu đây đã có tiếng máy kéo xình xịch trên cánh đồng cày xuân.

Đêm hôm ấy tôi lần về đến huyện lỵ. Đến sáng hôm sau tôi quyết định sẽ đi về trạm xe. Tất cả đều đã chấm dứt, đã mất hết. Nhưng phải sống và làm việc, rồi sau đó sẽ ra sao thì không biết...

Con đường Thiên Sơn vẫn ầm ì tiếng máy như mọi khi. Xe hơi chạy nối đuôi nhau từng đoàn, nhưng tôi cứ cố nhìn cho ra được một chiếc xe của trạm nhà. Cuối cùng tôi giơ tay lên.

Chiếc xe đang dờ dờ chồm qua trước mặt rồi phanh rít lại. Tôi nắm lấy quai va-li, người lái xe từ buồng lái bước xuống. Tôi trông mặt thì ra Ermêk,

một người bạn đồng ngũ đã trải qua thời kỳ nghĩa vụ quân sự ở tiểu đội tôi phụ trách. Hồi ấy cậu còn là một thiếu niên vừa mới lớn lên. Ermêk đứng lặng thinh mỉm cười bỏ ngõ.

- Cậu không nhận ra được à?

- Đồng chí trung sĩ... Ilyax! Ilyax Alabaiev! - cuối cùng anh ta đã nhớ ra.

- Chính thị! - tôi mỉm cười mà trong lòng thấy chua xót: hẳn là tôi đã thay đổi rất nhiều, nên mọi người mới khó nhận ra như vậy.

Chúng tôi lên xe đi, nói hết chuyện nọ sang chuyện kia, nhớ lại hồi tòng ngũ. Tôi cứ lo mãi: chỉ mong anh chàng đừng hỏi đến cuộc sống của tôi. Nhưng Ermêk xem ra không biết gì hết. Tôi thấy yên dạ.

- Cậu về nhà từ bao giờ?

- Tôi làm đây đã được hai năm rồi?

- Thế Alibêk Gianturin bây giờ ở đâu?

- Tôi không rõ. Tôi không được gặp anh ấy. Nghe nói anh ta bây giờ làm trưởng ban cơ khí của một trạm xe nào trên Pamir...

“Giỏi lắm, Alibêk ạ! Giỏi lắm, bạn của tôi ạ! Anh thật là một tay gighet cừ khôi!..” - tôi thấy mừng thầm trong bụng. Thế là anh ấy dù sao cũng đã đạt được ý nguyện rồi, - hồi con ở bộ đội anh đã học hàm thụ trường chuyên nghiệp ô tô - cầu đường rồi sau lại sửa soạn thi tốt nghiệp đại học hàm thụ.

- Amangiôlôv vẫn làm trưởng trạm chứ?

- Không, có trưởng trạm mới. Amangiôlôv được thăng chức về bộ rồi.

- Cậu nghĩ sao, liệu họ có lấy mình vào làm không?

- Sao lại không, thế nào cũng lấy chứ. Anh là lái xe ưu tú, ngay hồi ở bộ đội cũng đã được xếp vào loại giỏi cơ mà.

- Trước thì thế đấy! - tôi lẩm bẩm trong miệng. - Cậu có biết Giantai không?

- Ở trạm không có ai như thế cả. Cũng chưa nghe nói đến bao giờ.

“Phải, ở trạm cũng đã thay đổi không phải là ít...” tôi nghĩ thầm rồi hỏi:

- Còn chuyện rơ-moóc thì sao, vẫn kéo qua đèo đấy chứ?

- Thường vẫn kéo, - Ermêk thản nhiên đáp. - Cũng tùy loại hàng. Nếu cần họ sẽ lắp vào và cứ việc kéo. Xe bây giờ khỏe lắm.

Cậu ta không biết những chiếc rơ-moóc ấy đã bắt tôi phải trả bằng giá nào.

Dù sao tôi cũng đã quay về trạm xe thân thuộc. Ermêk mời tôi về nhà, thiết cơm, mời uống rượu mừng cuộc gặp gỡ, nhưng tôi từ chối: đã lâu nay tôi không uống.

Tại trạm xe anh em đón tiếp tôi cũng khá vồn vã. Tôi rất cảm ơn những anh em biết tôi khi trước đã không hỏi chuyện lồi thối. Họ thấy một người đi lưu lạc ra ngoài, nay trở về làm ăn tận tình, thế là tốt rồi, việc gì còn phải khuấy động đến quá khứ nữa? Tôi cũng cố sức quên, quên vĩnh viễn. Đi ngang qua trạm chuyển tải, chỗ gia đình tôi ở ngày trước, là tôi phóng như bay, mắt không nhìn sang hai bên, thậm chí cũng chẳng ghé vào cột lấy xăng nữa. Song không có cách gì cứu giúp được tôi, tôi đã không tự lừa dối được.

Tôi làm việc đã được khá lâu, sống đã quen, đã bắt mạch được chiếc xe, đã thử thách động cơ trên mọi tốc độ và đường dốc. Nói tóm lại là đã nắm được việc...

Ngày hôm ấy tôi bình thản cho xe chạy, không nghĩ ngợi gì, tay cầm bánh lái, mắt nhìn ngó hai bên. Bấy giờ là mùa xuân, cảnh vật chung quanh đang đẹp. Xa xa, lác đác có những mái lều mới dựng lên: những người chăn súc vật đã ra các đồng cỏ mùa xuân. Những làn khói xám bốc lên từ mái lều. Ngọn gió đưa lại tiếng ngựa hí xốn xang. Những bầy cừu đi quanh quẩn bên cạnh đường. Lòng bỗng nhớ lại thời trẻ thơ và thấy buồn man mác... Chợt đến chỗ rẽ ra hồ tôi giật thót người lên: những con thiên nga!

Lần thứ hai trên đời tôi được trông thấy bầy thiên nga mùa xuân bay về trên hồ Ixúc-kun. Đàn chim trắng cứ lượn vòng trên mặt hồ Ixúc-kun xanh biếc. Không hiểu sao tôi bỗng rẽ ngoặt ra khỏi đường cái; và cũng như lần ấy cho xe chạy qua dải đất hoang ra thẳng bờ hồ.

Ixúc-kun, Ixúc-kun, bài ca dang dở của tôi!.. Sao tôi còn nhớ lại ngày hôm ấy, khi cũng tại mỏm núi cheo leo trên mặt nước này, tôi đã dừng lại với Axen? Phải, mọi vật vẫn như xưa: những đợt sóng xanh bạc đầu như thể nắm tay nhau chạy từng hàng lên bờ cát vàng. Mặt trời đang khuất dần sau rặng núi, và những khoảng nước phía xa như nhuộm hồng. Bầy thiên nga đang lượn đi lượn lại, cất tiếng kêu rộn rã thẳng thốt. Chúng bay vút lên cao, dang rộng đôi cánh vun vút chao xuống nước làm loang ra những vòng rộng

sủi bọt. Đúng, mọi vật đều như xưa, chỉ không có Axen ở bên tôi. Bây giờ em ở đâu, cây phong nhỏ bé trùm khăn đỏ của tôi?

Tôi đứng hồi lâu trên bờ, rồi quay về trạm xe và không ghìm được nữa, tôi lao vào thói cũ... Tôi lại vào quán rượu để dập tắt nỗi đau buồn tê tái trong lòng. Mãi đến khuya tôi mới ra về. Bầu trời tối mịt phủ đầy mây đen. Gió từ hẻm núi thổi ra hun hút, hung dữ vạn cong cây cối, rít lên trên những sợi dây điện, đập vào mặt như những vốc sỏi lớn. Hồ nước kêu rên than vãn. Khó nhọc lắm tôi mới lần về được đến nhà tập thể và cứ để nguyên quần áo lăn ra ngủ.

Sáng hôm sau tôi không sao nhắc đầu dậy được, cơn say làm người đau như dầm. Ngoài cửa sổ, mưa rơi lâm thâm xen kẽ với tuyết, trông mà phát ngán. Tôi nằm lì đến ba tiếng đồng hồ không muốn dậy đi làm. Đây là lần đầu tiên tôi như thế: đến cả công việc cũng không còn đem lại nguồn vui nữa. Nhưng sau tôi tự thấy xấu hổ và dậy đánh xe đi.

Chiếc xe chạy uể oải, đúng hơn là chính tôi uể oải, và thời tiết cũng chẳng ra gì: những chiếc xe chạy ngược lại đều lốm đốm bụi tuyết, thế nghĩa là tuyết đã xuống nhiều trên đèo. Tuyết thì tuyết, tôi cần gì, dù cho có nổi cơn bão tuyết cũng mặc kệ, tôi chẳng còn gì mà sợ nữa, chết là hết...

Tâm trạng tôi lúc này thật đen tối. Tôi nhìn vào chiếc gương con mà thấy tởm: râu dầm tua tủa, mặt sưng phù lên, nhão ra như sau một cơn ốm. Lẽ ra phải ăn dăm ba miếng dọc đường vì từ sáng đến giờ chưa có gì lót dạ cả, nhưng tôi chẳng thấy đói, chỉ muốn uống rượu. Xưa nay vẫn thế: đã một lần thả lỏng cho mình thì sau khó lòng mà giữ được. Tôi đỗ xe lại bên quán điểm tâm. Sau cốc đầu tôi thấy phấn chấn lên và tỉnh người ra. Chiếc xe bon đi vui hơn. Một lát sau tôi lại rẽ vào nơi nào dọc đường, uống hết trăm gam rượu, rồi lại gọi thêm nữa. Con đường vút qua loang loáng, hai que gạt nước đưa đi đưa lại trước mắt. Tôi cúi gò xuống, răng nhai nhai điều thuốc lá. Chỉ còn trông thấy những chiếc xe ngược chiều chạy vút qua làm các vũng nước bắn tung lên mặt kính. Tôi cũng mở hết tốc lực vì trời đã muộn. Đêm xuống bất chợt tới giữa núi, âm thầm, dày đặc. Và đến bây giờ rượu vốt-ca mới ngấm. Người tôi choáng váng. Tôi đã thấm mệt. Những vệt đen chập chờn trước mắt. Trong buồng lái ngọt ngào, tôi bắt đầu thấy buồn nôn. Chưa bao giờ tôi say đến thế. Mồ hôi vã ra ướt đẫm cả mặt. Tôi tưởng chừng như không phải đang đi trên xe mà là đang cưỡi lên hai luồng ánh sáng từ đèn pha dọi ra đang chạy ở đằng trước đưa tôi đi đâu không rõ. Cùng với hai

luồng ánh sáng ấy, khi thì tôi chúc đầu lao xuống một vực sâu tràn ngập ánh sáng, khi thì bò lên cao trên những ánh lửa rung rinh trườn theo các vách đá, khi thì lại bắt đầu chạy ngoằn ngoèo theo hai luồng ánh sáng lia từ bên này sang bên nọ. Tôi mỗi lúc một kiệt sức, nhưng tôi không dừng lại vì biết rằng chỉ cần buông tay lái ra là sẽ không thể nào lái xe đi được nữa. Tôi cũng không biết đích xác mình đang đi ở chỗ nào, chỉ nhớ là đang ở đâu trên đèo. Ôi, Độ Long, Độ Long, con quái vật khổng lồ của giải Thiên Sơn! Người thật ghê gớm! Nhất là đang giữa đêm khuya, nhất là đối với một người lái xe đang say rượu!

Chiếc xe hơi khó nhọc leo lên một đoạn dốc nào đó rồi lại bon xuống chân núi. Bóng đêm quay cuồng nghiêng ngả trước mắt. Hai bàn tay không còn tuân theo ý tôi nữa. Chiếc xe bon trên đường mỗi lúc một nhanh thêm, lao thẳng xuống dốc. Rồi bỗng nghe đánh rầm một tiếng nặng trĩu, có cái gì nghiêng cốt kết ánh đèn pha lóe lên, rồi bóng tối trùm lên mắt. Ở một nơi nào rất sâu trong tiềm thức lóe lên ý nghĩ: “Tai nạn!”.

Tôi không nhớ mình đã nằm đấy bao nhiêu lâu. Chỉ biết là đột nhiên có tiếng nói từ đâu xa lẩm vẳng lại như qua hai lỗ tai bịt bông: “Nào, soi vào đây!” Hai tay ai sờ vào đầu, vào vai, vào ngực tôi. “Còn sống, chỉ say mềm thôi”, - tiếng người ấy lại nói. Người kia đáp: “Phải dẹp vào lấy đường cho xe đi”.

- Nào, ông bạn, thử nhúc nhích một tí xem. Ta sẽ đánh xe sang bên, - hai bàn tay lại khế ẩy vào vai tôi.

Tôi rên lên một tiếng, khó nhọc nhấc đầu lên. Một dòng máu chảy từ trán xuống mặt. Chỗ ngực có gì vướng làm tôi không ngồi thẳng lên được. Người kia quệt diêm lên nhìn tôi. Sau lại quệt thêm một que nhìn tôi lần nữa như thể chưa tin ở mắt mình...

- Thế ra anh đấy à, anh bạn! Làm sao lại như vậy hở? - anh ta buồn bã thốt ra trong bóng tối.

- Cái xe... bị hỏng tợn à? - tôi vừa nhổ máu ra vừa hỏi.

- Không, chẳng hư hại lắm. Chỉ nằm quay ngang ra giữa đường thôi.

- Vậy thì để tôi đi bây giờ, buông tôi ra! - tôi đưa hai bàn tay tê dại run run ra định mở công-tắc và ấn đề-ma-rơ.

- Khoan đã! - Người ấy giữ chặt lấy tôi. - Đừng giở quẻ nữa. Xuống đi. Cậu ngủ đây đêm nay rồi sáng mai sẽ hay...

Họ lôi tôi ra khỏi buồng lái.

- Đánh xe lui sang vệ đường ấy, Kêmen ạ, ta sẽ xem sau!

Anh ta kéo cánh tay tôi choàng qua vai và dìu tôi đi trong bóng tối đến một nơi nào cách xa đường cái. Chúng tôi đi mãi mới đến một cái sân nhà ai không rõ. Người ấy đỡ tôi bước vào nhà. Trong gian phòng ngoài có một ngọn đèn dầu hỏa đang cháy. Người ấy đặt tôi ngồi xuống ghế đầu và bắt đầu cởi chiếc áo ngoài ra. Lúc bấy giờ tôi mới nhìn lên mặt anh ta. Tôi đã nhớ ra. Đấy chính là người trạm trưởng cầu đường Baitêmir, người đã cùng với tôi kéo chiếc xe trên đèo đạo trước. Tôi thấy ngỡ ngàng, nhưng dù sao cũng mừng, muốn xin lỗi, cảm ơn anh ta, nhưng giữa lúc đó có tiếng những thanh củi rơi xuống đất làm tôi phải quay lại. Tôi ngược mắt nhìn và khó nhọc đứng dậy từ từ như thể có một vật gì nặng ghê gớm vừa trút xuống đôi vai. Trong khung cửa, cạnh những thanh củi rơi lán lóc, Axen đang đứng thẳng đờ ra như súc gỗ, nhìn tôi với đôi mắt không hồn.

- Sao thế này? - Axen khẽ thì thầm trong miệng.

Suýt nữa thì tôi bật kêu lên tiếng “Axen”, nhưng đôi mắt xa lạ, cách vờ của nàng làm tôi không thốt ra được nửa lời. Người tôi nóng ran lên vì tủi nhục. Một khoảnh khắc im lặng rợn người bao trùm lấy căn phòng. Tôi không hiểu nếu không có Baitêmir ở đây thì sự việc sẽ kết thúc ra sao. Anh ta dìu tôi ngồi xuống như không có chuyện gì xảy ra cả.

- Có gì đâu, Axen, - Baitêmir thản nhiên nói. - Anh lái xe bị sây sát chút ít, nằm một lát sẽ lại sức thôi... Em mang hộ lọ i-ốt vào đây.

- I-ốt à? - giọng nàng trở nên ấm áp và lo lắng. - Bên hàng xóm mượn mốt lọ i-ốt rồi... Em đi lấy về bây giờ! - nàng sức nhớ và chạy ra ngoài cửa.

Tôi cắn môi ngồi yên không nhúc nhích. Hơi men như bay đi đâu hết, tôi tỉnh hẳn trong nháy mắt. Duy máu vẫn còn rần rật hai bên thái dương.

- Phải rửa sạch đi đã, - Baitêmir vừa xem những vết sây sát trên trán tôi vừa nói. Anh ta cầm chiếc thùng xách nước đi ra ngoài. Từ phòng bên, một thằng bé trạc năm tuổi, chân đi đất, mình mặc mỗi chiếc áo sơ-mi nhỏ xíu, lộ đầu ra. Nó giương đôi mắt to đứng nhìn tôi đầy vẻ tò mò. Tôi nhận ra đứa bé ngay. Tôi không hiểu bằng cách nào, nhưng dù sao tôi cũng đã nhận ra nó, lòng tôi đã nhận ra nó.

- Xamat! - tôi nén giọng thì thầm và vươn người tới phía con. Vừa lúc ấy Baitêmir hiện ra trong khung cửa và không hiểu sao tôi bỗng thấy hoảng sợ.

Có lẽ anh ta đã nghe thấy tôi gọi tên con. Tôi đâm ra lúng túng như tên kẻ trộm bị bắt quả tang. Để đỡ ngượng, tôi bỗng vừa lấy tay che vết xước trên mắt vừa hỏi:

- Con anh đấy à? - sao tôi lại phải hỏi thế làm gì? Cho đến nay tôi vẫn không tài nào tha thứ cho mình được câu hỏi đó.

- Con tôi đấy! - Bailemir đáp với cái giọng quả quyết của một người chủ nhân. Anh ta đặt chiếc thùng xuống đất, bế Xamát lên tay. - Dĩ nhiên là con tôi, con đẻ của tôi đấy, phải không Xamát? - Anh ta vừa nói vừa hôn thẳng bé và cọ rìa vào má nó. Trong tiếng nói và cử chỉ của Baitêmir không hề thoáng có chút gì giả tạo. - Sao con không ngủ đi? Chà, con ngựa con của bố, cái gì cũng muốn biết cơ, thôi chạy vào giường!

- Thế mẹ đâu? - Xamát hỏi.

- Mẹ về ngay bây giờ. Đây rồi. Thôi con đi ngủ đi.

Axen chạy vào, lặng lẽ nhìn vội chúng tôi có vẻ lo lắng, đưa cho Baitêmir lọ i-ốt và dẫn con vào ngủ.

Baitêmir nhúng ướt khăn, lau mặt tôi cho hết máu.

- Chịu khó một tí nhé! - anh ta nói đùa và bôi thuốc xốt vào những chỗ bị sây sát rồi nghiêm mặt nói: - Phải cho cậu xốt nữa vào mới đáng tội, nhưng thôi, cậu đang là khách ở đây... Thôi, xong rồi, sẽ lên da. Axen, giá cho bọn này được ấm trà nhỉ?

- Có ngay đây.

Baitêmir trái chần bông lên tấm nỉ và đặt lên đấy một chiếc gối.

- Cậu sang đây mà nghỉ đi một lát, - anh ta nói.

- Thôi được, cảm ơn! - tôi lẩm bẩm.

- Ngồi xuống, ngồi xuống, cứ tự nhiên như ở nhà vậy, - Baitêmir cố nài.

Tôi đứng ngồi như trong giấc mơ. Trái tim như thể có ai bóp chặt lại trong ngực. Mỗi thớ thịt trong người tôi đều căng thẳng trong cơn lo lắng và chờ đợi. Chao ôi, không biết mẹ tôi đã sinh tôi ra trên đời này làm gì!

Axen bước ra và cố không nhìn chúng tôi, cầm lấy chiếc ấm xamôvar đem ra sân.

- Để anh giúp cho một tay, Axen ạ, - Baitêmir nói với theo. Anh đã toan ra sân với vợ thì Xamát lại chạy ra. Nó không muốn đi ngủ tý nào.

- Sao thế, Xamát? - Baitêmir hiền từ lắc đầu.

- Chú ơi, chú ở trong phim ảnh bước ra đấy à? - đứa con chạy lại gần, nghiêm trang hỏi tôi.

Tôi bần khoản cố đoán xem như thế là thế nào, còn Baitêmir thì cười phá lên.

- Chà chà, thằng bé ngu si của bố! - Baitêmir cười, ngồi xồm xuống bên cạnh thằng bé. - Làm người ta cười đến vỡ bụng... Vợ chồng tôi vẫn sang bên mở xem chiếu bóng, - anh quay lại phía tôi. - cả nó cũng đi theo...

- Đúng rồi, chú ở trong phim ra đấy! - tôi nói để góp phần vào cảnh vui chung.

Nhưng Xamát lại cau mặt.

- Không phải! - nó tuyên bố.

- Sao lại không phải?

- Thế thanh kiếm để chú đánh nhau đâu?

- Chú để ở nhà...

- Chú sẽ cho cháu xem chứ? Mai chú cho xem nhé?

- Chú sẽ cho xem. Nào, lại đây. Tên cháu là gì, Xamát có phải không?

- Xamát! Thế gọi chú là gì?

- Gọi là... - tôi im bật. - Gọi là chú Ilyax, - tôi khó nhọc thốt ra.

- Đi vào ngủ đi, Xamát, muộn rồi! - Baitêmir nói xen vào.

- Bố ơi, con ở đây tí tẹo nữa nhé! - Xamát xin phép bố.

- Thôi được! - Baitêmir bằng lòng. - Bố mẹ sẽ mang nước chè vào bây giờ.

Xamát bước đến chỗ tôi. Tôi vuốt bàn tay nó: thằng bé giống hệt tôi, giống quá thể. Đến hai bàn tay cũng thế, cái miệng cười cũng y như tôi.

- Lớn lên cháu sẽ làm gì? - tôi hỏi cốt để bắt chuyện với con.

- Cháu sẽ làm lái xe.

- Cháu thích đi ô tô à?

- Thích lắm ấy... Nhưng những lúc cháu giơ tay lên thì chẳng có ai chịu chở cả...

- Mai chú sẽ chở cháu đi, có thích không?

- Có. Cháu sẽ cho chú mấy con xúc xắc của cháu!

Nó chạy vào buồng lấy xúc xắc.

Bên ngoài cửa sổ, ống khói chiếc xamôvar đã phụt lửa lên. Axen và Baitêmir đang nói chuyện gì với nhau.

Xamát mang cái túi nhỏ bằng da cừu núi đựng xúc xắc ra.

- Chú chọn đi, chú! - nó đổ ra trước mặt tôi mở tài sản sơn đủ màu của nó.

Tôi muốn nhặt lấy một quân xúc xắc để làm kỷ niệm, nhưng không dám. Cánh cửa mở rộng và Baitêmir bưng chiếc xamôvar đang sôi vào. Axen vào theo. Nàng bắt đầu pha trà, còn Baitêmir đặt lên tấm thảm dạ chiếc bàn tròn nhỏ đóng chân thấp và trải khăn ra. Tôi cùng Xamát nhặt những quân xúc xắc bỏ giả vào trong chiếc túi nhỏ.

- Mang của cải ra khoe đấy, rõ hợm hĩnh! - Baitêmir âu yếm búng vào tai Xamát.

Một phút sau chúng tôi đã quây quần bên chiếc ấm xamôvar. Tôi và Axen làm như chưa hề biết nhau. Chúng tôi cố sức thản nhiên, và hẳn là vì thế nên đều ít nói. Xamát ngồi lên đầu gối Baitêmir, nép sát vào người bố, đầu ngo ngoàng:

- Eo ôi, râu của bố lúc nào cũng chích đau đau là! - và nó lại rúc vào, chìa má ra dưới hàng râu.

Tôi thật khổ tâm khi ngồi cạnh đứa con, không dám gọi nó là con mà phải nghe nó gọi một người khác là bố. Thật khổ tâm khi biết rằng Axen, Axen yêu dấu của tôi, đang ở ngay bên cạnh mà tôi không có quyền được nhìn thẳng vào mặt. Sao nàng lại đến đây? Nàng đã yêu, và đã lấy chồng? Tôi còn có thể biết được gì, một khi nàng không còn muốn tỏ ra là có biết tôi, như thể tôi là người hoàn toàn xa lạ, chưa hề quen biết? Chẳng lẽ nàng thù ghét tôi đến thế? Còn Baitêmir? Lẽ nào anh ta lại không đoán ra được tôi là ai? Lẽ nào anh ta lại không nhận thấy Xamát giống tôi? Vì sao anh ta lại không nhắc đến cuộc gặp gỡ trên đèo khi kéo chiếc xe tải ngày trước? Hay đã quên thật rồi? Khi đi ngủ lại càng thấy khổ tâm hơn nữa. Họ dọn chỗ cho tôi ngủ trên tấm nỉ ở ngay đấy. Tôi nằm quay vào tường, dưới ánh sáng tù mù của ngọn đèn vụn nhỏ. Axen thu dọn ấm chén.

- Axen! - Baitêmir khẽ gọi qua cánh cửa phòng bên để ngủ.

Axen bước lại.

- Em chịu khó giặt đi một chút.

Nàng cầm lấy chiếc sơ-mi kẻ ô vuông dính đầy máu của tôi và bắt đầu giặt, nhưng rồi bỗng dừng tay lại. Tôi nghe thấy nàng đi lại phía Baitêmir.

- Thế đã tháo nước ra khỏi két chưa? - nàng khẽ hỏi. - Nhỡ nó đóng băng lại...

- Tháo ra rồi, Kêmen tháo ra rồi! - Baitêmir đáp, giọng cũng khẽ như thế. - Chiếc xe hầu như chưa việc gì... Đến sáng mai ta sẽ giúp một tay...

Thế mà tôi đã quên khuấy đi: chẳng còn bụng dạ nào nghĩ đến những két nước với mô-tơ nữa.

Axen giặt nốt chiếc áo và, khi treo nó lên trên bếp lò, buông một tiếng thở dài nặng trĩu. Nàng tắt đèn và đi ra.

Trong nhà tối hẳn lại. Tôi biết rằng cả ba chúng tôi đều không ngủ, mỗi người riêng một tâm tư. Baitêmir nằm chung giường với thằng bé. Anh ta lẩm bẩm nựng con, đôi lúc lại ôm lấy Xamát mỗi khi nó trở mình, giã đập trong giấc mơ. Axen thỉnh thoảng lại thở dài một tiếng ảm ức. Tôi tưởng như đang nhìn thấy đôi mắt long lanh của nàng trong bóng tối, hẳn là ướt đầm nước mắt. Axen đang nghĩ gì, nghĩ đến ai? Giờ đây nàng đang có ba người bên cạnh... Có khi nàng cũng như tôi, đang điếm lại trong ký ức tất cả những gì tươi đẹp và đau thương đã từng ràng buộc hai chúng tôi. Nhưng bây giờ nàng đối với tôi đã vô cùng cách biệt, cả tâm tư của nàng cũng thế. Qua mấy năm nay Axen đã thay đổi nhiều, mắt nàng đã khác trước... Đó không còn là đôi mắt tin cậy, sáng ngời lên vì trong trắng và vô tư như trước nữa. Chúng đã nghiêm khắc hơn. Nhưng đối với tôi Axen vẫn là cây phong bé nhỏ của thảo nguyên trụi khăn đỏ xưa kia. Trong mỗi nét mặt, mỗi cử chỉ của nàng tôi đều tìm thấy một cái gì gần gũi, thân thuộc. Và trong lòng tôi lại càng thấy cay đắng, càng thấy tủi hờn và đau xót. Tôi tuyệt vọng cắn răng vào mép gối, mãi cho đến sáng không hề chớp mắt.

Ngoài cửa sổ, vầng trăng trôi bèo bọt, khi hiện khi ẩn trong những đám mây đen đang kéo tới.

Sáng sớm khi Axen và Baitêmir ra sân sửa soạn nấu nướng thì tôi cũng dậy. Đã đến lúc phải đi rồi. Tôi rón rén bước đến cạnh giường Xamát, hôn thằng bé và vội vàng ra khỏi buồng.

Ngoài sân, Axen đang đun nước trong một cái nồi lớn bắc trên mấy hòn đá. Baitêmir đang bổ củi. Tôi cùng anh ta đi ra chỗ xe đỗ. Chúng tôi vừa lặng lẽ bước đi vừa hút thuốc.

Thì ra hôm qua xe đã đâm phải những cây cọc trồng bên lề đường. Có hai chiếc bị bật lên cùng với cả bệ bê tông. Chiếc xe bị vỡ một đèn pha, cánh chắn bùn và pa-rơ-sốc bị oằn, một bánh xe bị nghẽn trục không quay được. Chúng tôi lấy xà-beng và búa gõ tạm lại. Sau đó bắt đầu một công việc vất vả khá lâu. Máy bị đóng băng lại, cầm chặt. Chúng tôi đốt một bó sợi gai để sưởi hộp biên, rồi cùng chung sức quay ma-ni-ven. Vai hai người chạm sát vào nhau, bốn bàn tay cùng nóng lên trên một chiếc tay quay, chúng tôi thở vào mặt nhau, cùng làm một việc và có lẽ cũng đang cùng chung một ý nghĩ.

Máy xe mãi vẫn không chịu nổ. Chúng tôi bắt đầu thở hổn hển. Lúc này Axen đã đem hai thùng nước nóng đến. Nàng lặng lẽ đặt xuống trước mặt tôi rồi đứng sang một bên. Tôi rót nước vào két rồi cùng Baitêmir quay lần nữa, lần nữa. Cuối cùng máy bắt đầu chạy. Tôi ngồi vào buồng lái. Máy chạy không đều, nổ phành phạch. Baitêmir cầm búa chui đầu vào hòm máy kiểm tra lại các bu-gi. Giữa lúc đó Xamát thở hổn hển chạy đến, mình mặc chiếc áo choàng phanh khuy ra. Nó chạy quanh chiếc xe: thằng bé đang muốn đi ô-tô. Axen túm lấy con không cho chạy đi nữa và đứng cạnh buồng lái. Nàng nhìn tôi đầy vẻ trách móc, cái nhìn đau đớn và xót thương đến nỗi giây phút ấy tôi sẵn sàng làm bất cứ điều gì miễn sao chuộc được lỗi, lấy lại được nàng và đứa con. Tôi chồm ra ngoài cửa xe để ngó, cúi xuống phía nàng.

- Axen! Bé con ngồi lên đây! Anh sẽ đưa đi như trước, đi mãi mãi! Ngồi lên đây! - Tôi van xin nàng trong tiếng máy nổ xình xịch.

Axen không nói gì, lặng lẽ đưa cặp mắt nhòa lệ nhìn đi nơi khác, lắc đầu từ chối.

- Đi đi, mẹ! - Xamát kéo tay nàng, - Ta đi ô tô nào!

Nàng bước đi không hề ngoái lại, đầu cúi gằm. Xamát vẫn vùng vằng không muốn về.

- Xong rồi! - Baitêmir gọi to, đóng nắp hòm máy lại và đưa đồ nghề vào buồng lái cho tôi.

Tôi đánh xe đi. Cầm bánh lái trong tay, lại đường trường và đồi núi, chiếc xe hơi cứ đưa tôi đi, chẳng hề hay biết gì...

Thế là tôi đã tìm thấy lại Axen và con tôi trên đoạn đèo, thế là chúng tôi đã lại gặp nhau, rồi lại chia tay. Suốt dọc đường tới biên giới, rồi suốt dọc đường về tôi cứ suy nghĩ mãi mà không tìm được cách gì nữa. Tôi mệt lử vì những ý nghĩ không có lối thoát... Bây giờ lại phải bỏ đi thôi, đi cho thật xa, đi đâu cũng được, không thể ở lại đây được nữa.

Tôi đã quyết định dứt khoát như vậy, và trên đường về tôi vẫn giữ những ý nghĩ ấy. Lúc đi qua trạm coi đường tôi trông thấy Xamát. Thằng bé đang chơi bên cạnh đường với một đứa con trai và một con bé lớn hơn nó chút ít. Chúng chơi tas-cargon: lấy đá làm chuồng và sân thả súc vật. Có khi trước kia tôi vẫn trông thấy chúng chơi cạnh đường... Hóa ra hầu như ngày nào tôi cũng đi qua ngay trước mặt con mà không hề ngờ tới. Tôi dừng xe lại.

- Xamát! - tôi gọi. Tôi muốn trông mặt thằng bé một tí. Lũ trẻ chạy ùa tới.

- Chú ơi, chú đến chỗ chúng cháu đấy à? - Xamát chạy đến gần.

- Ủ, chú chờ một tí tẹo thôi! - tôi nói.

Bốn trẻ theo nhau trèo cả lên buồng lái một lượt.

- Chú ấy quen với nhà mình đấy! - Xamát khoe với hai đứa bạn.

Tôi chỉ chờ chúng đi một đoạn ngắn, nhưng lòng thấy vui sướng biết chừng nào, có lẽ còn vui hơn cả mấy đứa trẻ. Sau đó tôi cho chúng xuống.

- Bây giờ chạy về nhà đi! - Ba đứa trẻ toan chạy đi, tôi giữ con lại:

- Khoan đã, Xamát, chú bảo cái này! - tôi bế nó lên, nhắc bổng ngang đầu, nhìn vào mặt thằng bé, đoạn ôm ghì vào ngực, hôn nó và thả xuống đất.

- Thế kiếm đâu, chú có mang đến không? - Xamát bỗng nhớ ra.

- Chà, thế là quên mất con ạ, lần sau ta sẽ mang đến! - tôi hẹn.

- Lần sau thì chú không quên chứ? Chúng cháu sẽ vẫn chơi ở chỗ ấy đấy.

- Được rồi, bây giờ chạy mau lên!

Về trạm xe tôi vào xưởng mộc đẽo ba thanh kiếm làm đồ chơi và đem đi theo.

Bọn trẻ chờ tôi thật. Tôi lại chở chúng đi một quãng.

Thế là tôi bắt đầu làm bạn với con và bạn bè nó. Chúng rất chóng quen tôi. Từ xa chúng đã ùa nhau chạy ra đường:

- Ô tô, ô tô của chúng mình kia rồi!

Tôi như sống lại, trở thành con người. Tôi đi chở hàng mà tâm hồn xán lạn hẳn lên: tôi mang theo một cảm xúc thật tốt đẹp. Tôi biết rằng con tôi đang đợi tôi ở bên đường. Tôi sẽ được ngồi bên cạnh con trong buồng lái, dù chỉ vài phút. Giờ đây tôi chỉ còn lo nghĩ làm cách nào đến với con cho kịp. Tôi trù tính thời giờ để đi qua đèo ban ngày. Bấy giờ đang lúc trời xuân ấm áp, bọn trẻ thường xuyên chơi ngoài ngõ nên tôi gặp chúng bên đường luôn. Tôi sung sướng đến nỗi tưởng chừng như mình chỉ vì mục đích ấy mà làm việc. Nhưng đôi khi tim tôi vẫn như lặng đi vì pháp phông lo sợ. Có thể ở trạm coi đường họ biết là tôi hay cho bọn trẻ đi xe, cũng có khi không biết, nhưng họ có thể cầm thẳng bé gặp tôi, không cho nó ra chơi ngoài đường. Tôi rất lo ngại, thậm chí van xin Axen và Baitêmir đừng làm điều đó, đừng lấy nốt của tôi dù chỉ là những lần gặp gỡ ngắn ngủi ấy. Nhưng rồi một ngày kia việc ấy đã xảy ra...

Sắp tới ngày mừng một tháng Năm. Tôi quyết định cho con một món quà nhân ngày lễ. Tôi mua chiếc ô tô chạy bằng dây cót, một chiếc xe tải bé tí. Ngày hôm ấy tôi có việc giữ lại ở trạm xe hơi, đánh xe ra muôn nên rất vội. Có lẽ vì vậy mà tôi linh cảm thấy điều gì chẳng lành, cứ hốt hoảng lo âu vô cớ. Chạy đến gần khu coi đường, tôi lấy gói quà ra để bên cạnh, hình dung xem Xamát sẽ mừng rỡ thế nào. Đồ chơi thì nó vẫn có những thứ thích hơn, nhưng đây là món quà đặc biệt - món quà của người lái xe quen biết trên đường cho một chú bé đang mơ ước trở thành lái xe. Song lần này không thấy Xamát ở vệ đường. Trong đám trẻ chạy đến không có nó. Tôi rời buồng lái bước xuống.

- Thế Xamát đâu?

- Ở nhà, nó bị ốm, - thằng bé đáp.

- Ốm à?

- Không, nó chẳng ốm đâu! - đưa con gái ra vẻ hiểu biết giảng giải. - Mẹ nó không cho ra đấy!

- Sao thế?

- Cháu không biết. Mẹ nó bảo không được ra.

Tôi sa sầm mặt xuống: thế là hết.

- Này đem lại cho nó, - tôi đã đưa cho thằng bé gói quà, nhưng lại thay đổi ý kiến. - Hay thôi, không cần. - Tôi cầm lại, rầu rĩ bước về xe.

- Sao chú ấy không chở chúng mình nhỉ, - thằng bé hỏi chị nó.

- Chú ấy bị ốm, - đưa con gái cau mặt đáp.

Đúng, con bé đã đoán đúng. Tình trạng tôi còn trầm trọng hơn bất cứ bệnh nào. Suốt dọc đường tôi cứ ngẫm nghĩ xem vì sao Axen lại có thể tàn nhẫn với tôi đến mức ấy. Chẳng nhẽ trong lòng nàng không còn giữ lấy một chút gì, dù chỉ là lòng thương hại, dù cho tôi có tệ đến đâu chăng nữa. Không, tôi không thể tin được... Axen không phải con người như thế. Ở đây chắc là có chuyện gì khác. Nhưng chuyện gì? Tôi làm sao mà biết được... Tôi cố làm cho mình tin rằng con tôi quả có hơi ốm thật. Vì sao tôi lại không thể tin lời thằng bé kia! Tôi quả quyết như thế và bỗng hình dung thấy con tôi đang vật vã trong cơn sốt, đang mê sảng... Nhỡ cần phải giúp đỡ gì, cần đi mua thuốc hay chở đi nhà thương thì sao? Ở đây là giữa đoạn đường đèo chứ có phải một đại lộ nào ở thành phố đâu! Bút rút không sao chịu được nữa, tôi vội vã quay lại, cũng chưa hình dung ra được mình có thể làm gì. Sẽ đối xử ra sao, tôi chỉ biết một điều: sao cho chóng trông thấy mặt con. Chóng lên... Tôi tin rằng tôi sẽ gặp nó, lòng tôi mách bảo tôi như vậy. Nhưng dầu xăng trong bầu lại hết như thể trên người, đành dừng lại cột bơm xăng ở trạm chuyển tải...

* * *

Anh bạn đồng hành Ilyax im lặng. Anh lấy bàn tay xoa khuôn mặt nóng bừng, buông một tiếng thở dài nặng trĩu, nâng cửa sổ lên đến hết cỡ và lại châm thuốc hút, không biết lần này là lần thứ mấy nữa.

Đã quá nửa đêm từ lâu. Ngoài chúng tôi ra, trên xe lửa chắc mọi người đều ngủ cả. Bánh xe gõ mạnh trên đường sắt bài ca đường trường vô tận của nó. Ngoài cửa sổ, bóng đêm mùa hè đang tan dần, ánh đèn của các ga xếp vút qua loang loáng. Đầu tàu giật giọng rúc còi lên.

- Ấy chính lúc bấy giờ agai đến hỏi tôi, agai ạ, và tôi đã từ chối. Bây giờ chắc agai đã rõ là vì sao? - anh bạn đồng hành nhếch mép cười tư lự. - Agai ở lại chỗ cột xăng rồi sau đó đuổi kịp tôi trên chiếc "Pôbêđa". Tôi có trông thấy... Phải, tôi đánh xe đi, lòng hồi hộp lạ lùng. Linh tính tôi báo quả

không sai. Xamát đang chờ bên cạnh đường. Vừa trông thấy chiếc xe nó đã chạy ra đón:

- Chú! Chú lái xe!..

Thằng con tôi vẫn khỏe mạnh! Chao ôi, tôi mừng rỡ không biết chứa đâu cho hết.

Tôi đỗ xe lại, nhảy ra khỏi buồng lái, chạy lại đón con.

- Sao cháu bị ốm à?

- Không, mẹ cháu không cho ra. Mẹ bảo cháu không được đi xe của chú nữa, nhưng cháu khóc mãi, - Xamát phàn nàn.

- Thế sao bây giờ cháu lại ra đây được?

- Bố cháu bảo là người ta đã muốn chở trẻ con đi chơi thì cứ để cho người ta chở.

- Ra thế đấy!

- Cháu lại bảo cháu sẽ làm lái xe...

- Cháu sẽ lái, mà còn lái rất cừ ấy chứ! Cháu có biết chú mang cho cháu cái gì không? - Tôi lấy chiếc xe trẻ con chơi ra. Cháu xem chiếc xe vận tải vận đầy cốt này, chính là thứ thích hợp nhất cho các chú lái xe tí hon!

Thằng bé mỉm cười, mặt tươi rói lên.

- Cháu sẽ còn được đi mãi, đi mãi với chú, chú nhé? - nó nhìn tôi với cặp mắt cầu xin.

- Đúng rồi, đi mãi chứ! - tôi nói cho nó tin. - Nếu cháu thích, chú sẽ chở cháu ra dự ngày mồng một tháng Năm ở thành phố, chúng mình sẽ treo nhiều cờ lên xe, xong chú lại đưa cháu về.

Bây giờ thì khó lòng mà giải thích được vì sao tôi lại nói như thế, tôi nào có quyền gì, và nhất là không hiểu sao tôi lại bỗng tin chắc mình sẽ làm như vậy. Thế cũng chưa đủ, tôi còn đi xa hơn nữa:

- Mà nếu cháu thích thì cứ ở hẳn với chú! - tôi nói với thằng con, hết sức nghiêm trang, - chúng mình sẽ ở trong buồng lái, chú sẽ chở cháu đi theo khắp nơi và không bao giờ rời bỏ cháu. Cháu có thích không?

- Có! - Xamát bằng lòng ngay. - Chúng mình sẽ sống trên ô tô! Ta đi đi chứ, đi ngay bây giờ nào!

Có nhiều lúc người lớn cũng hóa ra như trẻ con. Chúng tôi ngồi vào buồng lái. Tôi ngáp ngừng mở điện, dặn đề-ma-rơ. Xamát thì vui thích bám lấy tôi nũng nịu, nhảy cẫng lên trên ghế. Chiếc xe chạy đi. Xamát lại càng thích, nó cười, nói với tôi những gì gì, tay chỉ vào bánh lái, vào các nút bấm ở trên bảng máy. Tôi đang làm gì thế này? Tôi từ từ hãm xe, song Xamát không chịu cho tôi dừng lại.

- Nhanh nữa đi chú, chạy nhanh lên nữa đi! - nó nói.

Tôi làm sao từ chối được đôi mắt ngây thơ vui sướng ấy? Tôi dặn thêm ga. Vừa phóng đi được một quãng thì trông thấy chiếc máy san đất đang lăn xình xịch ở phía trước. Chiếc máy quay lại, đi thẳng về phía chúng tôi. Baitêmir đứng ở cuối vạt đất phía sau chiếc máy. Anh ta đang lấy xẻng xúc nhựa đường ở chỗ ngoặt. Tôi sững sờ cả người. Muốn đỗ xe lại, nhưng đã muộn rồi: tôi đã chở thẳng bé đi xa quá. Tôi cúi đầu xuống và điên cuồng dặn ga. Baitêmir không để ý gì cả. Anh ta đang cắm cúi làm việc: ở đấy phút nào chẳng có bao nhiêu xe qua lại. Nhưng Xamát đã nhìn thấy anh ta.

- A bố kia kia! Chú ơi, cho cả bố cháu đi nữa nhé? Đỗ lại để cháu gọi bố cháu!

Tôi lặng thinh. Dừng lại bây giờ thì không được, tôi sẽ ăn nói thế nào? Xamát bỗng ngoái nhìn phía sau, hoảng hốt kêu lên và bắt đầu khóc:

- Cháu muốn đến với bố cháu! Đỗ lại cho cháu đến với bố! Đỗ lại, cháu không thích nữa! Mẹ ơi!..

Tôi phanh lại, lái xe vào sau một tảng đá ở một chỗ rẽ. Tôi vội quay sang dỗ dành thằng bé:

- Đừng khóc, Xamát, đừng khóc nào! Chú sẽ chở cháu quay lại ngay bây giờ. Nhưng cháu đừng khóc nữa!

Nhưng thằng bé sợ quá không còn muốn biết gì nữa.

- Không, cháu không thích! Cháu lại chỗ bố cháu cơ! Mở cửa ra! - nó đập tay vào cửa xe. - Mở ra để cháu chạy đến với bố cháu! Mở ra!

Sự thế như thế có khổ không.

- Nhưng cháu đừng khóc mới được! - tôi van xin nó. - Chú mở cửa ngay bây giờ đây, nhưng phải nín đi chứ! Chú sẽ dẫn cháu đến với bố. Thôi, xuống đi, ta đi nào!

Xamát nhảy xuống đất và vừa khóc vừa chạy ngược về phía sau. Tôi giữ nó lại:

- Khoan đã! Cháu lau nước mắt đi. Cháu đừng khóc. Chú xin cháu, bé ngoan của chú, đừng khóc nữa! Thế còn cái ô-tô của cháu thì sao? Xem đây này! - Tôi với lấy cái đồ chơi, tay run run lên dây cót. - Xem nó chạy đến chỗ cháu đây này, bắt lấy! - Chiếc ô-tô con chạy trên đường, đâm phải hòn đá và đổ chổng kèn xuống một cái hố bên đường.

- Cháu không thích! - Xamát lại càn gào to và chạy khỏi chỗ tôi đứng không hề ngoái lại.

Một cái gì nóng ran trào lên nghẹn ngào trong cổ tôi. Tôi cầm đầu đuổi theo thằng bé:

- Khoan đã, cháu đừng khóc nữa, Xamát! Khoan đã, chú với cháu là... cháu có biết không... - nhưng tôi không nói hết câu được.

Xamát cầm đầu chạy một mạch rồi khuất vào sau chỗ ngoặt. Tôi chạy đến vách núi, dừng lại và nhìn theo thằng bé.

Tôi trông thấy Xamát chạy đến gần chỗ Baitêmir đang làm việc trên đường và bỏ nhào lại với bố. Baitêmir ngồi xuống ôm lấy nó, ghì chặt vào lòng. Thằng bé cũng ôm choàng cổ bố, sợ sệt nhìn lại phía tôi.

Sau đó Baitêmir dặt tay nó đứng dậy vác xẻng lên vai, và hai người bước đi trên đường - một lớn một bé.

Tôi đứng đấy hồi lâu, người tựa vào vách đá, rồi quay lại. Tôi dùng chân bên chiếc ô tô trẻ con chơi. Nó nằm chổng bốn bánh lên trời. Nước mắt chảy giàn giụa trên mặt tôi. “Thế là hết!” - tôi nói với chiếc xe lớn của mình, tay vuốt trên nắp máy. Hơi nóng trong máy tỏa sang người tôi. Bây giờ ngay cả trong chiếc xe này cũng có một cái gì thân thuộc: nó đã chứng kiến buổi gặp con lần cuối cùng...

* * *

Ilyax đứng dậy đi ra hành lang.

- Tôi ra ngoài thở một lúc cho thoáng, - anh ta đứng ở cửa nói.

Tôi ngồi lại trong buồng toa. Bầu trời sắp rạng đông đung đưa ngoài cửa sổ thành một dải trắng trắng. Những cột dây thép mờ mờ vút qua. Đã có thể tắt đèn được rồi.

Tôi nằm trên giá ngủ và nghĩ xem có nên kể cho Ilyax nghe những chuyện tôi đã rõ mà anh ta còn chưa biết không? Nhưng mãi anh ta vẫn không quay vào. Thế là tôi cũng không kể lại được gì cho anh ta biết hết.

* * *

Tôi đã có dịp làm quen với anh trạm trưởng cầu đường Baitêmir vào lúc Ilyax đã biết rằng Axen cùng đứa con trai sống ở trên đèo.

Người ta đang sửa soạn đón đoàn đại biểu cán bộ cầu đường xứ Kirghizia sắp lên Pamir. Nhân dịp đó có một tờ báo của nước Cộng hòa Tatgikixtan giao cho tôi viết một bài về các cán bộ cầu đường.

Trong số những đoàn viên có Baitêmir Kulôv, một trong những cán bộ cầu đường xuất sắc nhất.

Tôi đi lên Độ Long để tìm gặp Baitêmir.

Chúng tôi gặp nhau một cách bất ngờ và lúc đầu rất thuận lợi cho tôi. Đến một nơi trên đoạn đường đèo, chiếc ô-tô-buýt của chúng tôi bị một công nhân cầm cờ đỏ ngăn lại. Thì ra vừa có chỗ núi lở và bây giờ họ đang dọn đường. Tôi bước xuống xe đi lại chỗ núi lở. Quãng này đã được nẹp rất chắc. Chiếc máy ủi đang đùn đất xuống bờ dốc. Ở những chỗ máy không quay đầu được công nhân đang dùng xẻng và đầm san đất. Một người mặc áo tơi vải bạt đi ủng cao-su bước cạnh chiếc xe ủi và ra hiệu cho người lái:

- Sang trái tí nữa! Lái vào lần nữa! Chạy qua chỗ nẹp kia! Thế! Thôi! Lùi lại...

Đường sửa đã gần xong, chỗ qua lại đã dọn sạch. Các tay lái xe từ hai phía bóp còi tới tấp, chửi ầm lên đòi mở đường, nhưng người khoác áo tơi vẫn không để ý đến, vẫn bình tĩnh chỉ huy. Anh ta cứ bắt chiếc máy ủi chạy đi chạy lại mãi qua chỗ đường ấy, nén chặt chỗ đất đóng nẹp xuống. “Đây đích thị là Baitêmir rồi. Thật là người biết làm chủ công việc!” tôi quyết đoán như vậy. Và tôi đã không nhầm, đúng là Baitêmir Kulôv. Cuối cùng đường đã mở, xe từ hai ngả chạy qua.

- Sao anh lại đứng đây, ô-tô-buýt chạy mất rồi còn gì? - Baitêmir bảo tôi:

- Tôi đến gặp đồng chí đây!

Baitêmir không tỏ vẻ ngạc nhiên. Anh ta bắt tay tôi, vẻ giản dị và chững chạc:

- Có khách đến thăm tôi rất mừng.

- Tôi có việc cần hỏi đồng chí, Bakê ạ - tôi nói, xưng hô với anh ta bằng tên gọi thân mật. - Đồng chí có biết là các cán bộ cầu đường Kirghizia ta sắp đi thăm Tatgikixtan không?

- Tôi có nghe nói.

- Ấy thế cho nên tôi muốn được nói chuyện với đồng chí ít nhiều trước khi đồng chí lên đường đi Pamir.

Trong khi tôi nói rõ mục đích cuộc tới thăm, Baitêmir mỗi lúc một sa sầm mặt xuống, tư lự mân mê hàng ria mép cứng màu nâu sẫm.

- Đồng chí đến đây là rất hay, - anh ta nói, - nhưng tôi sẽ không lên Pamir, và cũng chẳng cần phải viết về tôi.

- Vì sao vậy? Đồng chí bận việc, hay ở nhà làm sao?

- Công việc là con đường này, đồng chí cũng thấy đấy. Còn ở nhà? - anh ta nín bặt, lấy thuốc lá ra. - Ở nhà thì... tất nhiên cũng có công chuyện như mọi người, tôi có gia đình... Song tôi sẽ không lên Pamir.

Tôi bèn bắt đầu thuyết phục Baitêmir, giảng giải cho anh thấy rõ cần có một cán bộ cầu đường như anh trong thành phần đoàn đại biểu như thế nào. Baitêmir đứng nghe hầu như chỉ vì giữ xã giao và rốt cục tôi đã không thuyết phục được anh ta.

Tôi rất bực, và trước hết là bực với mình. Cái linh tính nghề nghiệp đã phản bội tôi, tôi đã tìm đến con người này không đúng cách. Tôi chỉ còn có việc ra về tay không, không hoàn thành được nhiệm vụ của tòa soạn giao cho.

- Làm thế nào được, thôi xin lỗi Bakê, tôi đi về. Chắc sắp có chiếc xe nào qua đường bây giờ...

Baitêmir chăm chú nhìn tôi bằng đôi mắt đằm đằm thông minh, mỉm cười sau hàng ria:

- Người Kirghizia ra ở thành phố quên mất phong tục rồi. Tôi còn có nhà, có gia đình, có mâm cơm thết khách và chốn ngủ. Anh đã đến đây với tôi thì mai anh mới có thể ở nhà tôi ra đi, chứ không thể bỏ đi giữa đường được. Thôi ta đi, tôi đưa anh về chỗ nhà tôi và cháu. Anh đừng giận, tôi còn phải đi xem xét một lượt trước khi trời tối. Tôi sẽ quay về ngay. Công việc như thế đấy...

- Khoan đã, Bakê ạ, - tôi đề nghị. - Tôi cũng cùng đi xem đường với đồng chí.

Baitêmir hóm hỉnh nheo đôi mắt, ngắm nghía bộ y phục tỉnh thành của tôi.

- Chỉ sợ anh không tiện cùng đi với tôi. Hai đầu đường cũng xa, lại lắm dốc.

- Không sao!

Và hai người cùng đi. Chúng tôi dừng lại bên mỗi chiếc cầu, mỗi chỗ ngoặt, cạnh mỗi vực sâu và những ghềnh đá cheo leo. Dĩ nhiên là chúng tôi cùng trò chuyện. Cho đến nay tôi vẫn không sao đoán ra tôi đã tranh thủ được lòng tin và cảm tình của Baitêmir từ lúc nào, bắt đầu từ câu nói nào anh ta đã kể cho tôi nghe hết chuyện đời anh và chuyện gia đình anh.

Câu chuyện của người cán bộ cầu đường

Anh có hỏi tại sao tôi không muốn lên Pamir. Bản thân tôi chính là người Kirghizia vùng Pamir mà rốt cục lại ở trên dãy Thiên Sơn này. Hồi lên làm ở công trường xây dựng đường cái qua Pamir tôi hầu như chỉ là một thằng bé con. Tôi đi theo lời kêu gọi của Đoàn Thanh Niên Cộng sản. Chúng tôi làm việc hăng hái, đầy nhiệt tình, nhất là bọn thanh niên. Còn phải nói, làm đường lên vùng Pamir khét tiếng là hiểm trở chứ có phải chuyện thường đâu! Tôi đã trở thành lao động tiên tiến, thường được thưởng tiền và các phần thưởng khác. Nhưng đó là tiện thể nói thế thôi.

Lên đấy tôi gặp một thiếu nữ ở công trường, tôi đã yêu cô, yêu tha thiết. Cô đẹp và thông minh. Cô đã bỏ làng lên công trường. Hồi bấy giờ việc đó đối với một cô gái Kirghizia không phải là chuyện dễ làm. Ngay đến bây giờ đường đời của một người con gái cũng chưa phải đã thông dong anh cũng biết đấy, vẫn bị các phong tục cũ ràng buộc. Gần một năm trôi qua. Công trình làm đường đã sắp xong. Lúc bấy giờ cần có cán bộ để trông nom con đường. Xây dựng chỉ là một nửa việc, có thể chung sức khắc phục được, nhưng sau đó lại phải biết cách theo dõi trông nom đường sá nữa. Khi ấy chỗ chúng tôi có một kỹ sư trẻ là Huxainôv - bây giờ anh ấy vẫn làm công tác cầu đường, thành một cán bộ cỡ lớn rồi. Khi ấy tôi kết thân với anh ta.

Chính Huxainôv đã mách cho tôi nên đi học các lớp huấn luyện. Tôi tưởng Gulbara sẽ không chờ đợi tôi được, bị đưa về làng mất, nhưng không, cô đã chờ tôi. Chúng tôi sống yên vui, hòa thuận. Phải nói rằng đối với các cán bộ cầu đường sống trên núi đèo, thì có một gia đình vững chãi, một người vợ, là một điều đặc biệt quan trọng. Về sau tôi đã có dịp được thể nghiệm điều đó. Và nếu tôi đã yêu thích được công việc của mình đến trọn đời, thì trong đó công lao của vợ tôi không phải là nhỏ. Chúng tôi sinh được một đứa con gái rồi sau lại thêm đứa nữa, và đúng ngay khi ấy chiến tranh đã bùng nổ.

Con đường cái Pamir như dòng sông giữa trận mưa rào. Người đi nhập ngũ tuôn xuống núi nườm nượp.

Tôi cũng đã đến lượt. Sáng hôm ấy cả nhà tôi ra đường cái. Tôi bế đứa con gái trên tay, chị nó đi bên cạnh, bám lấy tôi. Gulbara của tôi, Gulbara tội nghiệp! Vợ tôi lấy hết nghị lực, cố bình tĩnh, mang chiếc ba-lô cho tôi, nhưng tôi thì tôi hiểu rõ tình cảnh vợ tôi phải ở lại khi con đường trên núi vắng vẻ với hai đứa con thơ. Tôi vẫn định gửi vợ con về làng với họ hàng, nhưng Gulbara không muốn thế. “Em và các con sẽ chịu đựng được”, vợ tôi nói thế, “sẽ chờ anh, vả lại con đường cũng chẳng có thể bỏ mặc không người trông coi...”. Lần cuối cùng chúng tôi đứng bên vệ đường, tôi nhìn vợ, nhìn con, từ giã. Khi ấy tôi và Gulbara còn trẻ lắm, chỉ mới bắt đầu cuộc sống...

Tôi về một tiểu đoàn công binh. Trên miền đất chiến tranh chúng tôi đã xây dựng nên biết bao nhiêu con đường, bến sông, bao nhiêu nhịp cầu. Không đếm xuể nữa! Chúng tôi đã tiến qua sông Đông, sông Vixla* và sông Đunai*. Nhiều khi có người giữa dòng sông băng giá, da thịt cháy bỏng trong lửa khói, đạn đại bác nổ chung quanh, cầu phao vỡ tung tóe, bao nhiêu người hy sinh, không còn sức đâu chịu đựng được nữa, chỉ mong có chết thì chết quách cho xong! Nhưng cứ nhớ đến vợ con đang chờ mình trên núi là không biết lại lấy đâu ra bao nhiêu sức lực. Không, tôi nghĩ bụng, mình từ Pamir xuống đâu phải để chết dưới gậm cầu này. Cứ lấy răng vạy dây thép trên các khúc xà ghép, không chịu chùn bước. Và tôi đã không chết, tôi đã tiến sát tới gần Berlin.

Vợ tôi viết thư luôn, vì tuyến bưu vụ cũng đi qua đường ấy. Gulbara viết cặn kẽ mọi chuyện, nói cả đến con đường nữa. Vợ tôi đã ở lại làm cán bộ cầu đường thay tôi. Tôi biết Gulbara vất vả: đường trên Pamir chứ có phải ở chỗ nào khác đâu.

Nhưng đến mùa xuân năm bốn mươi lăm tôi bỗng bật tin nhà. Ôi, xưa nay ở ngoài mặt trận thiếu gì chuyện xảy ra, tôi tự an ủi như vậy. Thế rồi một hôm tôi được gọi lên ban chỉ huy trung đoàn. “Chuẩn úy ạ”, cấp trên nói, “thế là đồng chí đã tham gia chiến đấu, đồng chí được cảm ơn, khen thưởng. Bây giờ thì hãy về nhà, bây giờ ở nhà cần đến đồng chí hơn”. Tất nhiên là tôi mừng lắm. Còn đánh điện về trước nữa. Đang lúc vui sướng, tôi cũng không hề nghĩ xem vì sao lại được xuất ngũ trước thời hạn...

Tôi về đến chốn cũ, cũng chẳng rẽ vào Ủy ban quân chính nữa, còn kịp chán. Tôi chẳng đi đâu được nữa mà sợ. Về! Về nhà cho mau! Dọc đường tôi gặp được chiếc xe tấn rười và bò lên theo con đường núi Pamir.

Lúc ấy tôi chỉ mong được chấp cánh, tôi quen đi các xe hơi ngoài mặt trận rồi nên cứ quất vào buồng lái bảo anh lái xe:

- Dận khỏe vào, người anh em, đừng tiếc con mọt gỗ nhà cậu nữa! Mình đang mả hồi đây!

Và thế là gần đến nơi rồi. Sau chỗ rẽ kia là bắt đầu khu vực tôi trông coi. Sốt ruột không chịu được. Xe chưa kịp dừng tôi đã nhảy xuống, chiếc túi dết vắt sau vai, và cắm đầu chạy. Tôi cứ chạy, chạy mãi, qua chỗ rẽ và... không nhận ra được gì nữa cả. Cảnh vật dường như vẫn y nguyên: vẫn những dãy núi đứng kia, vẫn con đường này đây, nhưng chẳng thấy nhà cửa đâu hết. Chung quanh không một bóng người. Chỉ có những hòn đá nằm lán lóc. Nhà tôi trước xây hơi cách biệt, ngay dưới ngọn núi. Đất ở đây cũng chặt. Tôi nhìn lên núi và choáng người đi. Khối tuyết lớn từ mỏm núi cheo leo đã đổ xuống. Trên đường rơi nó đã quét sạch tất, không để lại một vật gì, tưởng chừng như một bàn tay đầy móng sắt đã cào đất khỏi sườn núi và đào lên một vực sâu hoắm tít dưới thung lũng. Trong lá thư cuối cùng vợ tôi có viết rằng tuyết đã rơi xuống nhiều và trời bỗng mưa liên miên. Đáng lẽ phải giạt mình phá khối tuyết cứng đi từ trước cho nó đổ xuống, nhưng đâu có phải việc đàn bà làm được...

Tôi đã gặp lại gia đình như thế đấy! Một nghìn lần tận mắt trông thấy cái chết, sống sót từ hỏa ngục trở về, thế mà vợ con ở nhà lại không còn nữa... Tôi cứ đứng đấy không sao bước đi nổi. Muốn hét lên, gào vang cho rung chuyển cả núi đồi mà không được, cả người tôi như đã hóa đá, dường như tôi không còn là người sống nữa. Tôi chỉ nghe thấy chiếc túi dết tuột khỏi vai rơi xuống chân. Tôi vút luôn nó lại đấy, tôi những tính mang quà cáp về

cho vợ và hai con, dọc đường tôi đã đổi ít đồ cũ lấy kẹo... Tôi cứ đứng mãi hồi lâu như chờ đợi một phép nhiệm mầu nào. Sau đó tôi quay lại và đi trở lui. Tôi dừng chân, nhìn lần nữa: dãy núi đung đưa qua lại, nhích đến gần và đang đổ xuống người tôi. Tôi rú lên một tiếng và cầm đầu chạy. Đi! Đi khỏi cái chốn đáng nguyên rủa này! Lúc bấy giờ tôi đã khóc...

Tôi không nhớ mình đã bước tới những đâu, và đi đứng ra sao. Đến ngày thứ ba thì tôi thấy mình đang ở nhà ga. Tôi lang thang giữa đám đông như một kẻ lạc đường. Một sĩ quan gọi tên tôi. Tôi nhìn lại, thì ra Huxainôv đã xuất ngũ đang đi về nhà. Tôi kể cho anh ta nghe điều bất hạnh của tôi. Anh nói: “Thế bây giờ cậu định đi đâu?”. Cái đó thì chính tôi cũng chưa biết! “Không, anh nói, như thế không được, phải cố chịu đựng. Tôi quyết không để cậu đi vật vờ một mình như thế. Ta đi lên Thiên Sơn làm đường, rồi sau đó sẽ hay...”

Thế là tôi lên đây. Mấy năm đầu tôi đi xây cầu trên đường vận tải. Thời gian trôi qua, đã đến lúc tôi phải có một chốn ở nhất định. Lúc bấy giờ Huxainôv đã làm việc ở Bộ. Anh thường về thăm tôi, khuyên nên làm lại công tác cũ, nhận phụ trách một trạm coi đường. Tôi vẫn phân vân. Cứ thấy sợ. Ở công trường tôi sống không phải chỉ một mình, có anh có em cũng khuây khỏa đi. Còn ở trạm coi đường thì khéo tôi đến chết buồn mất. Tôi vẫn chưa bình tâm lại được, tôi chưa quên được dĩ vãng, tưởng chừng như cuộc đời đã chấm dứt ở đây, và sau này chẳng còn gì nữa. Về chuyện lấy vợ khác thì tôi tuyệt nhiên không hề nghĩ đến. Tôi yêu Gulbara và lũ con quá đổi. Tưởng như không bao giờ và không ai có thể thay thế vợ con tôi được. Còn nếu cứ cưới vợ cho xong chuyện, chỉ cốt có một gia đình mà sống thì chẳng ra gì. Thà ở vậy một mình còn hơn.

Nhưng rồi tôi cũng quyết định nhận công tác coi đường: cứ thử xem, nếu không ổn thì lại đi chỗ khác. Họ cho tôi coi trạm này, ngay trên đèo. Rồi cũng xong, tôi sống được ít lâu cũng đã quen. Có lẽ tại khu này khá vất vả; đường đèo mà lại. Tôi thấy thế lại càng hay. Dần dần nỗi đau đớn trong lòng cũng nguôi bớt, lắng đi. Chỉ thỉnh thoảng tôi mới lại nằm mơ thấy mình đang đứng sững sờ ở chỗ trước kia là cái sân nhà và cảm thấy chiếc túi dết đang tuột khỏi vai... Vào những ngày như thế tôi thường ra đường từ sáng sớm và đến tận tối mịt mới về nhà. Thế là tôi cứ ở một mình. Quả tình cũng có lúc một ý nghĩ buồn buồn trỗi dậy trong óc: “Mình còn có thể có hạnh phúc được nữa chăng?”

Thế rồi hạnh phúc đã đến, một niềm hạnh phúc khó khăn, đau khổ, giữa lúc tôi ít có thể ngờ nó đến hơn cả.

Một lần cách đây khoảng bốn năm, bà mẹ anh hàng xóm bị ốm. Bản thân anh ta thì khó lòng mà rút ra khỏi nhà được: công việc, gia đình, con cái, mà bệnh tình bà cụ thì mỗi ngày một nặng thêm. Tôi bèn quyết định đưa bà cụ đi cho bác sĩ khám. Vừa lúc ấy có một chiếc xe hơi của Ty giao thông chở mấy thứ đến trạm coi đường. Thế là chúng tôi đáp xe ấy về thành phố. Các bác sĩ muốn thu xếp cho bà cụ nằm bệnh viện, nhưng không xong. “Tôi về chết ở nhà”, bà cụ bảo thế, “không muốn nằm lại đây. Chở tôi về, không thì tôi sẽ rửa cho”. Thế là đành phải chở về. Lúc bấy giờ trời đã tối từ lâu. Chúng tôi chạy qua trạm chuyển tải. Bỗng người lái xe hãm lại. Tôi nghe thấy anh ta hỏi:

- Chị về đâu?

Có tiếng phụ nữ trả lời một câu gì không rõ, rồi tiếng chân bước.

- Chị lên đi! Sao lại thế? - người lái xe nói và đánh xe chạy lại gần.

Một thiếu phụ tay bế con, vai đeo chiếc khăn gói nhỏ bước đến bên thành xe. Tôi giúp cô leo lên thùng xe, nhường cô chỗ ngồi sát buồng lái cho gió đỡ thốc vào, còn mình thì ngồi vào một góc.

Xe lại chuyển bánh. Rét đến ghê người. Gió tạt vào, ẩm ướt, lạnh thấu xương. Đứa bé khóc òa lên. Người mẹ ru nó trên tay, nhưng nó vẫn không nín cho. Thật đến khổ! Kể ra thì phải để hai mẹ con ngồi vào buồng lái, nhưng trong ấy đã có bà cụ sắp chết. Tôi khẽ đập vào vai cô:

- Nào chị đưa cháu cho tôi, may ra nó nín đấy, còn chị thì cúi đầu thấp xuống cho đỡ gió.

Tôi ủ đứa bé trong áo bông, ghì chặt vào người. Nó nín khóc, mũi thở phì phì. Đứa bé được độ mười tháng, trông kháu khỉnh lắm. Tôi ẵm nó dưới nách bên trái. Và bỗng nhiên không hiểu sao tim tôi cứ xao xuyến lên, đập loạn xạ như một con chim phải đạn. Lòng tôi vừa vui vừa chua xót. “Chà, chả nhẽ không bao giờ mình còn được làm cha nữa?” tôi nghĩ. Đứa bé thì đã rúc vào ngủ, không phải dỗ dành gì nữa.

- Cháu giai à? - tôi hỏi.

Cô gật đầu. Tôi thấy người phụ nữ tội nghiệp ấy đã lạnh cóng, chiếc măng-tô mặc trên người rất mỏng manh. Còn tôi thì mùa đông vẫn mặc cả

áo tôi ra ngoài áo lông, đi làm việc, không có nó không xong.

Tôi ôm chặt đứa bé, chìa tay áo để không về phía cô:

- Chị kéo lấy chiếc áo tôi của tôi mà khoác. Cứ ngồi thế thì chết công mất.

- Không, ai lại thế, anh đừng lo, - cô từ chối.

- Chị kéo đi, kéo đi! - tôi nằn nì. - Che vào cho kín gió. Cô trùm áo tôi lên kín người, tôi kéo vạt áo xuống cho cô kín mé chân.

- Chị đã ấm được tí nào chưa?

- Ấm rồi.

- Sao chị đi muộn thế?

- Sự thế phải như vậy, - cô khẽ đáp.

Giữa lúc đó, xe chạy vào hẻm núi. Chỗ này là xóm mỏ. Mọi người đều đã ngủ, các cửa sổ tối om. Máy con chó vừa chạy vừa sủa theo xe. Và tôi bỗng sực nghĩ không biết cô ta đi đâu thế này? Không hiểu tại sao tôi nghĩ chắc cô về mỏ, vì chẳng còn đi đâu được nữa: đã tới đèo, và đến đó là trạm chúng tôi rồi.

- Chắc chị đến nơi rồi? - tôi bảo cô và đập vào buồng lái. - Đã sắp tới chân đèo, xe chỉ chạy đến đấy thôi.

- Thế đây là chỗ nào? - cô hỏi.

- Mỏ. Không phải chị về đây à?

- Tôi... tôi về đây, - cô nói ngập ngừng, rồi hấp tấp đứng lên, đưa giả tôi chiếc áo tôi, đón lấy thằng bé. Nó lại bắt đầu khóc. Hẳn có cái gì không ổn đây, chắc cô gặp phải một chuyện không may. Chả nhẽ để cô lại một mình giữa đêm khuya hay sao?

- Chị chẳng có chỗ nào mà đi cả! - tôi nói thẳng ra, - Chị đừng có nghĩ gì xấu nhé. Đưa thằng bé đây cho tôi! - Tôi gần như giằng lấy đứa bé. - Chị đừng từ chối. Đêm nay chị nghỉ lại trạm chúng tôi đã, rồi sau đó tùy chị. Thôi xong rồi! Đi! - tôi gọi to bảo anh lái xe.

Chiếc xe chuyển bánh. Cô ngồi lặng lẽ, mặt úp vào lòng bàn tay. Tôi cũng không rõ thế nào, có lẽ cô khóc.

- Chị đừng sợ! - tôi khuyên giải. - Tôi sẽ không làm điều gì xấu cho chị đâu... Tôi là Baitêmir Kulôv, cán bộ cầu đường. Chị có thể tin tôi được.

Tôi thu xếp cho hai mẹ con nghỉ lại nhà tôi. Trong sân có một căn nhà xếp bỏ không, tôi ra đẩy ngủ trên tấm ghế dài. Mãi vẫn không chợp mắt được. Tôi cứ suy nghĩ mông lung, lòng không ổn định. Hỏi ra thì bất tiện, chính tôi cũng không ưa cái thói ấy, nhưng đằng nào thì cũng phải hỏi: nhờ người ta đang cần giúp đỡ thì sao? Cô trả lời khó khăn, miễn cưỡng. Song tôi cố đoán ra những điều cô không nói hết. Khi con người đang đau khổ thì phía sau mỗi một lời của họ ẩn hàng chục những lời không nói ra. Cô đã rời nhà, bỏ chồng ra đi. Hẳn phải là một người có lòng tự trọng. Cứ trông về mặt thì rõ ràng là cô đang đau buồn nhưng cố chịu đựng. Làm thế nào được, người ta ai cũng có quyền xử sự theo ý mình. Cô phải thấy rõ hơn người ngoài. Nhưng dầu sao tôi cũng ái ngại cho cô, một người đàn bà còn quá trẻ, thân hình thon thon nom như một thiếu nữ. Cô ăn nói dịu dàng, chắc là người trung hậu. Sao người ta lại có thể để cho cô phải phủ áo ra đi? Nhưng đấy là việc của họ. Sáng mai tôi sẽ để cho cô đáp một chiếc xe nào qua đường và từ biệt cô. Hôm ấy tôi mệt lắm. Tôi ngủ thiếp đi, và vẫn tưởng chừng như đang đi trên xe hơi, dưới làn áo lông có đứa bé con. Nó nằm ấm chỗ, rúc vào lòng tôi.

Tôi dậy lúc tờ mờ sáng, đi kiểm tra đường, nhưng rồi không hiểu sao lại về ngay. Tôi nghĩ mà băn khoăn không biết hai mẹ con người khách ở nhà ra sao. Tôi nhóm lò, đặt ấm xamôvar, cố làm thật khế để khỏi phá mất giấc ngủ của họ. Nhung hóa ra cô đã dậy và đang sửa soạn đi. Cô cảm ơn tôi. Chưa uống nước thì chưa thể để cho cô đi được, tôi bắt cô ngồi đợi một lúc. Người bạn đồng hành tí hon của tôi đêm qua xem ra rất ngộ nghĩnh. Được chơi với nó thật là một niềm vui lớn... Lúc ngồi uống trà tôi hỏi:

- Chị đi đâu bây giờ?

Cô nghĩ ngợi một lát rồi nói:

- Về Rubatsiê.

- Có người nhà ở đấy à?

- Không. Cha mẹ tôi ở trong làng, mé sau Tôxor.

- Ô, thế thì giữa đường lại phải chuyển sang xe khác. Thật bất tiện.

- Nhưng tôi cũng không về đấy. Mẹ con mình không thể về làng được, - cô nói với con, về tư lự. - Chính chúng mình có lỗi.

Tôi đoán hẳn là cô đi lấy chồng trái ý bố mẹ. Và sau mới biết là đúng thế thật.

Cô định đi ra đường, nhưng tôi đã khuyên được cô tạm ngồi chờ ở nhà để khỏi phải bế thằng bé ra trước gió. Đón xe thì tôi cũng có thể đón hộ được.

Tôi bước ra đường cái mà lòng nặng trĩu. Không biết vì đâu tôi bỗng cảm thấy buồn khi nghĩ rằng hai mẹ con cô sắp ra đi, và tôi sẽ lại thui thủi một mình.

Thoạt tiên không có xe qua đường. Sau đó tôi bỏ lỡ một chiếc, không giơ tay lên gọi. Và chính tôi cũng đâm hoảng. Sao tôi lại làm như vậy? Thế là tôi bắt đầu khổ sở day dứt. Bao nhiêu xe đã chạy qua, mà tôi thì cứ lần lữa mãi. Lần này, tôi nghĩ bụng, sẽ giơ tay lên chặn chiếc xe sắp tới, nhưng rồi cánh tay lại chẳng chịu giơ lên. Tôi nóng ran cả người. Cô ta thì đang đợi trong kia, đang mong ngóng. Tôi thấy tự căm ghét mình quá mà chẳng làm thế nào được. Tôi đi đi lại lại trên đường, tìm ra những lý do và những lời biện bạch này nọ. Nào là buồng lái bị lạnh và kính vỡ, nào là chiếc xe không thích hợp, nào là anh lái xe trông mất cảm tình, có vẻ ngông nghênh và chắc đã nốc ít nhiều rồi. Những khi thấy xe đi qua, mà thấy trong buồng lái đã chật chỗ thì tôi lại mừng rơn như đứa trẻ. Miễn là đừng cho đi ngay, cố rón thêm chút nữa, để hai mẹ con ngồi lại nhà tôi độ dăm phút nữa thôi. “Nhưng cô ấy biết đi đâu bây giờ?” tôi nghĩ. “Về làng thì không được, chính cô đã nói thế. Về Rubatsiê? Cô ta nách mang con mọn, về nhà ai ở đấy? Thằng bé đến chết mất thôi, đang giữa mùa đông thế này. Tốt hơn hết là cô ấy cứ ở lại đây ít lâu, suy nghĩ cho chín chắn đã. Có thể là cô sẽ quay về với chồng, hoặc anh chồng sẽ tìm đến cô ta...”

Ôi, thật là một hình phạt, giá tôi cứ đưa cô ra đường cho lên xe đi ngay còn hơn! Tôi đi lại loanh quanh trên đường mất ba tiếng đồng hồ. Tôi căm ghét mình hết sức. Không, tôi nghĩ, cứ đưa cô ấy ra đây và gọi xe ngay trước mặt cô. Nếu không thì chẳng còn ra làm sao nữa. Tôi quay về nhà. Cô đã bước ra ngoài, đang sốt ruột chờ đợi. Tôi thấy hổ thẹn, len lén nhìn cô ta như một đứa bé có lỗi.

- Chị chờ lâu lắm phải không? - tôi nói lúng búng. - Không có xe qua đường... không hẳn là không có, nhưng không tiện đi. Chị tha lỗi cho... chị đừng nghĩ gì... Thôi xin chị ghé vào nhà lát nữa. Hết lòng xin chị đấy!

Cô ngạc nhiên và buồn rầu nhìn tôi, lặng lẽ quay vào nhà.

- Anh thương hại tôi à? - cô hỏi.

- Không, không phải thế. Chị có hiểu không... Tôi lo thay cho chị. Sẽ khó khăn đấy. Chị sẽ sống ra sao?

- Tôi sẽ làm việc. Tôi đã quen lắm rồi.

- Làm ở đâu?

- Tôi sẽ thu xếp kiếm việc làm ở một nơi nào đó. Nhưng tôi sẽ không quay lại và cũng không về làng. Tôi sẽ làm việc mà sống.

Tôi nín lặng. Tôi còn biết nói gì để bác lại? Lúc này cô không suy nghĩ gì hết. Người cô đang bồng bồng cơn tức giận và lòng tự trọng. Những cảm xúc ấy đang xua đuổi cô đi không biết đến tận đâu. Nhưng cứ nói “tôi sẽ làm việc mà sống” thì cũng dễ thôi. Có phải muốn thế mà được ngay đâu. Nhưng không thể ép uống người khác được.

Đứa bé đòi tôi bế. Tôi bế nó lên. Tôi hôn nó và nghĩ bụng “Chao ôi, chú bé kháu khỉnh của ta, chúng mình đành phải chia tay thôi. Ta đã bắt đầu yêu quý chú mày như con đẻ...”

- Thôi, ta đi vậy, - tôi nói khẽ.

Chúng tôi đứng lên. Tôi bế thằng bé đi, nhưng ra đến cửa lại đứng lại.

- Công việc thì ở chỗ chúng tôi cũng có, - tôi thốt ra. - Chị có thể sống và làm việc ở đây. Nhà cửa thì cũng có tuy chẳng rộng rãi lắm. Thật thế, chị ở lại đi. Đừng hấp tấp quá. Chị muốn đi thì lúc nào đi cũng kịp. Chị thử nghĩ xem...

Thoạt tiên cô không bằng lòng, nhưng cuối cùng tôi đã thuyết phục được.

Thế là Axen cùng với thằng bé Xamat ở lại trạm coi đường của chúng tôi.

Ở căn buồng xép ngoài sân thì lạnh, nên tôi cố nài Axen cùng với con trai ở trong nhà tôi, còn tôi ra buồng xép. Đối với tôi như thế đã là đủ.

Từ đấy cuộc đời tôi khác hẳn. Bề ngoài dường như không có gì thay đổi cả, tôi vẫn sống độc thân như trước, nhưng con người trong tôi đã sống lại, tâm hồn tôi lại được sưởi ấm sau những ngày đàng đẵng cô đơn. Tất nhiên trước kia tôi cũng vẫn sống giữa mọi người, nhưng có thể cùng ở chung, kết bạn với nhau, cùng làm việc với nhau, giúp đỡ người và được người giúp đỡ lại, thế nhưng vẫn có một khía cạnh của cuộc sống không lấy gì thay thế được. Tôi quán quít lấy đứa bé. Khi đi kiểm tra đường tôi ủ nó thật ấm và bế

đi theo khắp các quăng đường. Hễ có thì giờ rồi là tôi ngồi chơi với nó. Tôi không sao hình dung nổi trước kia mình đã làm thế nào mà sống được. Hàng xóm nhà tôi là mấy người rất tốt, cư xử tử tế với cả Axen và Xamát. Ai mà chẳng mến trẻ con? Còn Axen là người thành thực, cởi mở, sống ở trạm ít lâu đã quen ngay. Tôi vỗ vập đứa bé cũng còn là vì cô, vì Axen nữa. Giấu mà làm gì, đến giấu mình cũng chẳng được, mặc dù tôi đã cố sức. Tôi đã yêu Axen. Yêu ngay cho đến trọn đời. Với tất cả tâm hồn. Bao nhiêu năm tháng sống cô đơn, bao nhiêu buồn tủi đau thương, tất cả những gì đã mất mát đều dồn vào mối tình ấy. Nhưng tôi không có quyền nói ra. Cô đang chờ đợi người ấy. Cô chờ đợi mãi, mặc dầu không hề để lộ ra. Tôi thường để ý thấy những lúc ra làm ngoài đường cô cứ đón nhìn và trông theo mỗi chiếc xe đi qua bằng đôi mắt đợi chờ. Có nhiều lúc cô bỗng con ra đường ngồi hàng giờ. Nhưng người ấy không hề xuất hiện. Không hiểu anh ta là ai và là người thế nào, tôi chưa hề hỏi, và Axen cũng không bao giờ nói tới.

Thời gian lần nữa trôi qua. Xamát lớn lên dần. Chà, cái thằng cu thật là khá khỉnh, tinh nhanh! Không biết có ai dạy hay tự nhiên nó thế, nhưng thằng bé đã bắt đầu gọi tôi là bố. Cứ trông thấy tôi là nó ôm choàng lấy cổ: “Ata! Ata!”, Axen mỉm cười tư lự nhìn nó. Còn tôi thì vừa mừng vừa tủi. Giá được làm bố nó tôi rất thỏa lòng, nhưng biết làm thế nào...

Mùa hè năm ấy có lần chúng tôi ra chữa đường. Những chiếc xe hơi chốc chốc lại chạy qua. Axen bỗng gọi một người lái xe:

- Này Giantai, đỗ lại!

Chiếc xe đang dở đà chồm lên và phanh lại. Axen chạy lại gặp người lái xe. Hai người nói gì ở đấy tôi cũng không rõ, nhưng bỗng nghe thấy cô kêu lên:

- Nói láo! Tôi không tin! Đi đi! Đi ngay đi!

Chiếc xe chạy đi, và Axen nhào qua mặt đường chạy về nhà. Hình như cô khóc.

Công việc cứ như tuột khỏi tay. Người ấy là ai? Hấn đã nói gì với cô? Những mối nghi ngờ, những điều dự đoán cứ ám ảnh tâm trí tôi. Tôi sốt ruột quá đi về nhà, nhưng không thấy Axen ra ngoài. Đến chiều tôi đành bước vào buồng cô.

- Xamát đâu? Nhớ nó quá!

- Đây, nó đây, - Axen uể oải đáp.

- Ata! - Xamát nhào người ra theo tôi. Tôi bế Xamát lên tay đùa với nó, còn Axen cứ ngồi buồn thiu và nín lặng.

- Có việc gì thế, Axen? - tôi hỏi.

Axen buông một tiếng thở dài nặng trĩu.

- Tôi đi thôi, Bakê ạ. Không phải vì tôi sống ở đây khổ cực gì. Tôi rất mang ơn anh, mang ơn anh lắm lắm. Nhưng tôi đành phải đi. Chân bước đi đâu thì đến đấy, tôi cũng còn chưa biết là tới đâu...

Tôi thấy cô có thể bỏ đi thật. Tôi không còn cách gì khác hơn là nói thật ra:

- Biết làm thế nào được, Axen, tôi không có quyền giữ cô. Nhưng nếu như vậy thì cả tôi cũng không sống ở đây được nữa. Lại phải đi thôi. Đã một lần rồi tôi phải lìa bỏ chỗ đất chỉ còn trống không. Chẳng cần phải nói dài dòng, chính Axen cũng biết đấy. Nếu Axen bỏ đi thì điều đó đối với tôi cũng sẽ lại như việc trước kia xảy ra trên Pamir. Thử nghĩ xem. Axen ạ. Nếu người ấy trở về và lòng Axen lại gọi về chốn cũ thì tôi sẽ không hề ngăn cản, lúc nào Axen cũng vẫn tự do làm theo ý mình.

Nói xong, tôi bế Xamát lên và ẵm nó đi trên đường. Tôi ôm nó đi mãi hồi lâu. Chú bé của tôi chẳng hay biết gì cả.

Axen tạm thời chưa đi khỏi chỗ chúng tôi. Nhưng cô nghĩ gì, đã quyết định ra sao? Tôi héo hon đi trong những ngày ấy, mặt xạm lại.

Một hôm vào buổi trưa tôi đang đi vào sân bỗng trông thấy Xamát đang cố tập đi hần hoi. Axen đỡ theo, sợ nó ngã. Tôi dừng lại.

- Bakê, con anh đã biết đi đấy, xem này! - cô mỉm cười sung sướng.

Axen vừa nói thế nào? Con anh! Tôi ném chiếc xẻng, ngồi xổm xuống và vẫy thẳng bé lại:

- Chật-chật-chật, chú lạc đà con của bố đâu, lại đây nào! Dẫm chân xuống đất đi, dẫm mạnh lên!

Xamát giang hai tay ra.

- Ata! - nó chập chững chạy đi. Tôi túm lấy nó ở giữa đường, nhấc bổng lên quá đầu rồi ôm ghì vào ngực.

- Axen! - tôi bảo cô. - Sáng mai ta gọi bọn trẻ sang làm lễ “cắt dây” đi. Cô bện một sợi dây bằng len đen pha trắng nhé.

- Được rồi, Bakê ạ! - cô cất tiếng cười.

- Đúng, đúng, nhất định là phải bằng len đen pha trắng đấy.

Tôi nhảy lên ngựa, phi đến chỗ những người bạn làm nghề chăn nuôi, mang kumux*, thịt tươi về và hôm sau chúng tôi mời bà con hàng xóm sang dự lễ “Cắt dây” trong nhà.

Tôi đặt Xamát xuống đất, quấn sợi dây đen trắng lẫn lộn vào chân như trói lại, để cái kéo bên cạnh và ra lệnh cho lũ trẻ đứng ở đầu sân đằng kia:

- Em nào chạy đến cắt được dây trước tiên thì được giải nhất, những em khác thì cứ lần lượt mà lĩnh giải. Nào, chạy đi! - tôi khoát tay.

Bọn trẻ reo lên thi nhau chạy.

Khi dây đã cắt xong, tôi bảo Xamát:

- Nào, bây giờ con tôi chạy đi! Các em dắt nó chạy đi!

Lũ trẻ cầm lấy tay Xamát, còn tôi đứng nhìn theo thốt ra, không nói với riêng ai:

- Thưa bà con, chú ngựa non nhà tôi đang chạy kìa! Chúc chú lớn lên thành con tuấn mã.

Xamát chạy theo bọn trẻ rồi quay lại gọi: “Ata” và ngã xuống. Tôi với Axen cùng vội chạy lại đỡ nó. Khi tôi nhắc thàng bé lên khỏi mặt đất, lần đầu tiên Axen nói với tôi:

- Anh của em!

...Chúng tôi đã nên vợ nên chồng như thế đấy.

Đến mùa đông vợ chồng tôi cùng đưa con về làng thăm ông bà nó. Hai cụ giận mãi. Tôi và Axen đã phải chịu lấy mọi tội. Tôi kể cho hai cụ nghe hết sự thật, tất cả những gì đã xảy ra. Và hai cụ đã tha thứ cho Axen, vì đứa cháu, vì tương lai của chúng tôi mà tha thứ.

Thời gian trôi qua lúc nào không biết, Xamát đã lên năm. Tôi và Axen sống rất hòa thuận, việc gì cũng hiểu nhau, chỉ có mỗi một điều không bao giờ chúng tôi đả động tới, mỗi điều không bao giờ chúng tôi nhắc đến. Chúng tôi tựa thế đã mặc ước với nhau như vậy: con người ấy không có đối với chúng tôi.

Nhưng trong cuộc sống không phải khi nào cũng được như ý muốn. Mới gần đây thôi, người ấy đã xuất hiện...

Có một tai nạn xảy ra trên đường cái. Vào lúc ban đêm. Tôi cùng anh hàng xóm là người phụ việc của tôi chạy ra xem có chuyện gì. Chúng tôi đến nơi thì thấy một chiếc xe tải đâm phải cọc rào ven đường. Người lái xe bị chấn thương, gằn ngất hẳn đi, và say bí tỉ. Tôi đã nhận ra anh ta, chỉ không nhớ được tên. Đã có lần anh ta giúp chúng tôi thoát khỏi khó khăn, kéo hộ chiếc xe lên đèo. Trên đỉnh Độ Long chứ có phải chuyện chơi đâu. Trước đó ở đây chưa có ai làm được như thế cả. Anh ta xem ra là tay gan dạ, dám nghĩ dám làm, liều lĩnh nữa; anh ta đã kéo được chúng tôi đến khu trạm. Lúc bấy giờ tôi rất thích anh ta, rất có cảm tình. Sau đó ít lâu có một người kéo được rơ-moóc lên đến đèo. Đã sắp thành công, chẳng còn mấy tí nữa, chắc là có gì trở ngại. Nhưng rồi người lái xe ấy đánh đổ rơ-moóc xuống hố và bỏ đấy mà đi. Lúc bấy giờ tôi đã nghĩ không biết có phải là anh chàng táo bạo kia không. Tôi thấy tiếc cho con người gan dạ đã không đạt được ý nguyện. Nhưng sau đó các xe hơi bắt đầu kéo rơ-moóc thường xuyên qua đèo. Anh em đã quen đã làm rất đúng cách.

Thật tình mà nói, lúc đầu tôi không biết đó là người ấy, người mà Axen đã rời bỏ. Nhưng dù có biết tôi cũng vẫn làm như thế. Tôi lôi anh ta về nhà và mọi sự rõ ràng ngay lập tức. Lúc ấy Axen đang khuôn củi vào. Cô vừa trông thấy anh ta là bao nhiêu củi rơi xuống đất hết. Nhưng trong cả ba chúng tôi không ai để lộ ra ý gì. Làm như đều mới gặp nhau lần đầu. Hơn nữa tôi lại phải hết sức tự chủ để khỏi vì một lời nói vô ý hay một câu bóng gió mà làm cho họ đau lòng hay ngăn trở họ hiểu lại nhau. Ở đây tôi không quyết định gì cả. Họ quyết định lấy: giữa họ có một quá khứ chung, giữa họ còn có đứa con trai đang nằm với tôi trên giường, đứa bé mà tôi đang ôm vào lòng vuốt ve âu yếm.

Đêm hôm ấy trong ba chúng tôi không có ai chợp mắt, mỗi người một tâm tư. Tôi cũng theo đuổi những ý nghĩ riêng.

Axen có thể cùng đứa con ra đi. Đó là quyền của họ. Cứ để họ làm theo trái tim và lý trí của họ. Còn tôi... thì nói làm gì, vấn đề chẳng phải ở tôi, chẳng lệ thuộc vào tôi, tôi không được ngăn cản...

Bây giờ anh ta vẫn ở đây, vẫn chạy trên con đường chúng tôi phụ trách. Anh ta ở đâu suốt bấy nhiêu năm anh ta đã làm gì? Nhưng điều ấy không

quan trọng... Đó là việc của họ...

* * *

Tôi cùng Baitêmir đi xem đường trở về. Trời đã xế chiều. Ánh hoàng hôn mùa xuân như màu khói xám tỏa xuống chân trời trên những đỉnh Thiên Sơn băng giá. Những chiếc xe hơi rú lên lao vun vút trên đường.

- Sự tình như thế đấy, - Baitêmir tư lự thốt ra sau một lát im lặng. Tôi không thể đi khỏi nhà vào lúc này. Nếu Axen quyết định ra đi thì cốt sao cho lương tâm cô được trong sạch, tôi mong cô cứ nói ra với tôi và nhận lấy lời tôi chúc đứa con lên đường lần chót. Vì đối với tôi nó còn quý hơn cả con đẻ. Nhưng tôi không thể lấy mất đứa con của họ... Vì thế nên tôi không đi đâu hết. Nhất là đi Pamir. Tất nhiên tôi kể ra đây không phải để đăng báo. Chỉ như một con người kể cho một con người...

Thay cho lời kết

Tôi chia tay với Ilyax ở Osơ. Anh ta lên Pamir.

- Đến nơi tôi sẽ đi tìm Alibêk. Tôi sẽ bắt đầu một cuộc sống mới! - Ilyax mơ ước. - Anh đừng cho tôi là người bỏ đi. Rồi một ngày kia tôi sẽ lấy vợ, sẽ có nhà cửa, gia đình, con cái nghĩa là mọi sự giống như mọi người. Bạn bè đồng chí rồi cũng có. Chỉ mỗi một điều tôi sẽ không có được là những gì đã mất đi, mãi mãi không bao giờ trở lại... Cho đến tận những ngày cuối cùng của đời tôi, cho đến tận hơi thở cuối cùng tôi sẽ còn nhớ mãi Axen.

Ilyax cúi đầu xuống nghĩ ngợi rồi nói tiếp:

- Hôm ra đi tôi lại đến bên hồ, đứng chỗ vách núi dựng đứng khi xưa. Tôi từ già rặng núi Thiên Sơn, từ già hồ Ixúc-kun. Vĩnh biệt Ixúc-kun, bài ca dang dở của tôi! Tôi muốn đem hồ cùng làn nước biếc và những bờ cát vàng đi theo mà chẳng được, cũng như tôi chẳng thể mang theo được mối tình của người tôi yêu quý. Vĩnh biệt Axen! Vĩnh biệt cây phong nhỏ bé trùm khăn đỏ của tôi! Vĩnh biệt người tôi yêu. Cầu mong em hạnh phúc!..

Nguyễn Ngọc Bằng và Cao Xuân Hạo dịch

Mắt lạc đà

1

Tôi vừa múc ở ngọn suối lên được nửa thùng nước đã nghe thấy tiếng réo vang trên thảo nguyên:

- E-ê! Viện sĩ! Tao quai cho vỡ hàm ra bây gi-ờ-ờ!

Tôi lặng người đứng nghe. Đúng ra thì tên tôi là Kêmen, nhưng ở đây họ gọi tôi là “viện sĩ”. Quả nhiên mà: chiếc máy kéo ở đằng kia đang im lặng, báo trước một điềm chẳng lành. Kẻ đang dọa quai vỡ hàm tôi là Abakir. Hắn lại sắp quát tháo, chửi mắng tôi, mà có khi còn vung quả đấm ra nữa. Máy kéo có những hai chiếc, mà tôi chỉ có một mình. Tôi phải đánh chiếc xe một ngựa kéo này chở đến cho chúng nào nước, nào dầu, nào mỡ, và mọi thứ linh tinh khác. Hai chiếc máy kéo ngày càng rời xa ngọn suối độc nhất trong cả vùng, ngày càng rời xa thêm khu nhà lưu động độc nhất trên đời này của chúng tôi, chỗ đặt thùng chứa nhiên liệu cho máy kéo. Họ đã toan dời khu này đi, nhưng đi đâu được: khu nhà cũng bị gắn liền với suối nước! Ấy thế mà tay Abakir này lại chẳng chịu hiểu cho: “Để máy đứng chờ thì tao quai vỡ hàm, có thể thôi! Không vạ mẹ gì mà tao đến đây để mất thì giờ vì một thằng sinh viên nhãi nhép!”

Tôi đâu có phải là thằng sinh viên nhãi nhép nào. Tôi cũng chưa hề có ý muốn lọt vào trường đại học là khác. Tốt nghiệp trung học xong là tôi đến đây, lên vùng Anarkhai ngay. Trong cuộc họp mặt tiến chân chúng tôi, người ta gọi chúng tôi mà trong đó có cả tôi là “những con người vinh quang đi chinh phục đất hoang, những kẻ tiên phong dũng cảm của những miền đất đai được đổi mới”. Ấy, lúc ban đầu tôi là như thế đấy. Còn bây giờ thì sao? Thật đến ngượng: “viện sĩ”. Abakir đã đặt tên cho tôi như vậy. Chính do lỗi tại tôi, tôi không biết giấu kín những ý nghĩ riêng tây, cứ nói ra miệng những điều mơ ước hết như một đứa bé con, để rồi người ta cười cho. Nhưng giá có ai biết được rằng trong việc này bản thân tôi cũng chưa có lỗi

bằng thầy dạy sử Andiarôv của chúng tôi. Một nhà địa phương học mà! Tôi đã quá nghe nhà địa phương học ấy, và bây giờ thì cứ chịu lấy tội...

Thế là chưa đổ đầy phuy nước tôi đã đánh xe từ dưới lòng lạch lên đường. Đúng ra thì đây chưa hề có đường sá gì cả chỉ là do tôi đánh đi thành ra đường thôi.

Chiếc máy kéo đỗ ở cuối cánh đồng mênh mông đen xạm. Ở đó, đứng trên mái buồng lá, là Abakir. Hắn vẫn đang múa may hai quả đấm mà chửi rủa tôi, văng ra đủ mọi thứ tục tĩu trên đời. Tôi quát ngựa. Nước trong thùng bắn tóe vào lưng tôi, nhưng tôi cứ thúc ngựa chạy thục mạng.

Chính tôi đã tự xin lên đây, không ai ép buộc cả. Các anh em khác đi Cadăcxtan, lên vùng khai hoang thực thụ đang được các báo chí nói đến. Còn lên vùng Anarkhai này thì chỉ có mình tôi. Ở đây người ta mới bắt đầu làm việc mùa xuân đầu tiên, mà cũng chỉ vắn vắn có hai chiếc máy kéo. Năm ngoái kỹ sư nông học Xôrôkin là người chỉ huy tất cả chúng tôi ở đây, có thí nghiệm giống lúa mạch cạn trên một đám đất nhỏ. Nghe nói giống lúa mạch thu được khá tốt. Nếu cứ như thế mà tiếp tục thì vấn đề thức ăn cho súc vật ở thảo nguyên Anarkhai có thể giải quyết được.

Nhưng hiện nay thì còn phải dè dặt. Về mùa hè Anarkhai khô cằn và oi ả quá chừng: đến những cây có gai mọc trên đá gọi là tas-tiken mà còn có khi chết khô chết héo. Những nông trang thường đưa súc vật đến đây từ mùa thu để chăn thả trong vụ đông vẫn chưa dám gieo hạt; họ còn chờ: để xem kẻ khác làm ăn ra sao đã... Vì thế mà bọn chúng tôi chỉ vắn vắn có mấy người đếm trên đầu ngón tay được: hai tay lái máy kéo, hai thợ phụ máy kéo, chị cấp dưỡng, tôi anh chàng chở nước và kỹ sư nông học Xôrôkin. Toàn bộ đoàn quân chinh phục đất hoang chỉ có thế. Khó lòng có ai biết đến chúng tôi, mà chúng tôi thì cũng mù mịt chẳng biết những chuyện gì đang diễn ra trên trần thế. Họa hoằn chỉ có Xôrôkin đem đến một tin gì mới. Ông ta thường cưỡi ngựa đi sang khu dân chăn cừu bên cạnh, báo cáo tình hình và quát tháo với cấp trên qua máy vô tuyến điện.

Ồ, ờ, thế mà tôi cứ tưởng là cả một vùng khai hoang, cả một quy mô rộng lớn; vả chẳng mọi sự đều tại thầy dạy sử Andiarôv của chúng tôi cả. Chính thầy đã tô vẽ vùng Anarkhai ra cho lũ học sinh chúng tôi: “Một dải thảo nguyên ngải mọc tốt tươi hàng bao nhiêu thế kỷ chưa có vết chân người, chạy dài từ cao nguyên Kurđai cho đến tận những bãi cỏi ở hồ

Bankhas! Tục truyền rằng thuở xưa đã có hàng đàn ngựa bị lạc trong các ngọn đồi ở Anarkhai và mất tích, rồi về sau những bầy ngựa đã trở thành thú hoang còn rảo vó qua lại mãi... Anarkhai đã im lặng chứng kiến bao nhiêu thời đại trôi qua, đó là sa trường của những trận đánh oanh liệt, nơi chôn rau cắt rốn của các bộ lạc du dân. Nhưng ngày nay cao nguyên Anarkhai sẽ phải trở thành một vùng chăn nuôi hết sức phong phú..." Và cứ đại loại như thế...

Lúc bấy giờ nhìn vùng Anarkhai trên bản đồ chỉ bé bằng bàn tay kẻ cũng hay hay. Còn bây giờ thì sao? Từ sáng tinh mơ tôi đã phải đánh chiếc xe chở nước ngu xuẩn này đi khắp chỗ nọ chỗ kia. Tối đến, chật vật lắm mới tháo được con ngựa ra khỏi xe và cho nó ít cỏ khô ép lại đã chở đến đây bằng xe hơi. Sau đó tôi ngồi ăn thứ gì đó do chị cấp dưỡng Aldây đưa cho, không còn biết ngon miệng chút nào, và lăn vào lều ngủ say như chết.

Nhưng nói rằng Anarkhai là một dải thảo nguyên ngải mọc tốt tươi thì quả không sai. Có thể lang thang hàng giờ ở đây mà ngắm cảnh đẹp, nhưng làm gì có thời giờ mà đi.

Mọi sự có lẽ cũng chẳng sao, duy có mỗi một điều tôi không hiểu nổi là sao tôi không vừa mắt được Abakir, tôi có tội tình gì mà hắn thù ghét tôi đến thế? Giá trước kia tôi biết được những gì chờ đón tôi ở đây... Tôi sẵn sàng chịu đựng mọi khó khăn của thiên nhiên. Tôi đến đây có phải để chơi đâu. Nhưng về những con người sẽ cùng sống và cùng làm việc với tôi thì không hiểu vì sao tôi lại chẳng hề nghĩ đến, đâu mà chẳng là người?..

Tôi đi xe hơi mất hai ngày hai đêm mới đến đây. Họ chở tôi trong thùng xe cùng với chiếc xe chở nước bốn bánh này, và khi đó tôi cũng chẳng hề ngờ rằng chính vì nó mà tôi sẽ phải hứng lấy bao nhiêu nỗi khổ ở nơi đây.

Vì chính ra tôi lên đây để làm thợ phụ máy kéo. Tôi nghĩ mình sẽ phải làm việc bên máy kéo qua một mùa xuân, học thêm ít nhiều rồi cũng trở thành công nhân lái máy kéo. Ở trên quận họ nói với tôi như vậy. Tôi đã lên Anarkhai với niềm ước mơ ấy. Nhưng khi tới nơi thì té ra thợ phụ có đủ rồi. Còn tôi, họ nói thế, được cử lên đây là để đi chở nước. Tất nhiên đáng lẽ phải từ chối ngay mà quay về mới phải. Hơn nữa tôi cũng chưa hề mó đến những thứ vòng cổ ngựa với càn xe này bao giờ. Mà nói chung thì tôi cũng chưa làm việc ở đâu cả, chỉ có những hôm lao động ngày thứ bảy tôi đi giúp mẹ tôi ở nhà máy đường. Cha tôi thì đã hy sinh ngoài mặt trận, tôi cũng

không còn nhớ rõ mặt nữa. Và thế là tôi quyết định bắt đầu một cuộc sống tự lập... Nhưng dầu sao cũng nên quay về ngay mới phải. Tôi sợ xấu hổ. Trong cuộc họp hôm ấy đã om sòm lên như thế! Cả mẹ tôi cũng không cho đi, mẹ tôi vẫn hằng mơ ước được thấy tôi trở thành một bác sĩ. Nhưng tôi cứ khăng khăng một mực, năn nỉ mãi, tôi bảo đi như vậy tôi sẽ giúp đỡ thêm được mẹ tôi. Tự tôi xông đi, lòng cứ mong cho chóng đến ngày lên đường. Bây giờ lại trở về ngay thì còn mặt mũi nào mà nhìn thấy bà con? Thôi đành ngồi vào cái xe chở nước vậy. Song những tai vạ của tôi xảy ra không phải bắt đầu từ cái xe ấy.

Lúc còn trên đường đi lên đây tôi đã đứng trong thùng xe mở to mắt nhìn ra: chính nó đây rồi, vùng Anarkhai cổ kính, vùng Anarkhai đã lưu danh trong truyền thuyết! Chiếc xe bon nhanh trên con đường chỉ trông thấy lờ mờ, mắt hút đi giữa vùng thảo nguyên xanh rờn nhấp nhô gò đụn, ở phía xa mờ dần trong làn sương biêng biếc. Hơi tuyết mới tan vẫn còn nghi ngút trên mặt đất, nhưng trong làn không khí ẩm ướt đã phân biệt được mùi hăng hắc của những cây ngải non vùng Anarkhai màu khói lam đang đâm chồi mọc lên trong đám rể những cây khô cằn từ năm ngoái. Ngọn gió thổi ngược chiều mang theo âm thanh trong trẻo của thảo nguyên mênh mông và hương xuân tinh khiết. Chúng tôi chạy đuổi theo chân trời, nhưng nó cứ lùi xa dần trên những triền đất bị nước xói mòn in hình mềm mại ở xa tít, luôn luôn mở ra sau các khoảng đồi những chân trời mới của vùng Anarkhai.

Và tôi mừng tượng như đang nghe tiếng nói của thời xưa vọng về. Mặt đất rung chuyển, vang rền tiếng rầm rập của ngàn ngàn vó ngựa. Đoàn kỵ binh du dân, tua tủa những ngọn giáo và những ngọn cờ chĩa ra phía trước, ồ ạt tràn lên như sóng đại dương, với những tiếng reo hò man rợ. Trước mắt tôi đang diễn ra những trận huyết chiến khốc liệt. Tiếng khí giới va chạm nhau loảng xoảng, tiếng người hò hét, tiếng vó ngựa cắn xé nhau, dồn dập. Và chính tôi cũng đang ở một nơi nào trong cảnh hỗn chiến sục sôi ấy... Nhưng rồi những chiến trận im ắng dần, và dọc theo thảo nguyên Anarkhai đang đón xuân về giăng ra những căn lều trắng, phía trên các khu trại lơ lửng những làn khói bếp đốt phân khô, những đàn cừu, ngựa đang ăn cỏ chung quanh, và hàng đoàn lạc đà thồ hàng bước đi trong tiếng lục lạc, không rõ từ đâu lại và đi đâu...

Một hồi còi tàu hỏa vang rền đã đưa tôi trở về với thực tại. Đoàn tàu chuyển bánh nhả ra những cuộn khói dày đặc trùm lên các toa, đứng xa

trông hệt như một con tuấn mã đang phi, đuôi vươn thẳng, bờm xõa tung. Đoàn tàu mỗi lúc một nhỏ dần biến thành một vệt đen rồi mất hút khỏi tầm mắt.

Xe chúng tôi chạy qua chỗ ngã ba đường sắt chìm vào giữa thảo nguyên và lại tiếp tục bon đi...

* * *

Ngay hôm vừa đến nơi tôi đã bị một phen hớ to. Tâm trí tôi vẫn còn lớn vờn những ảo ảnh hiện lên dọc đường, ở gần khu nhà lưu động có bức tượng đá cổ dựng trên một gò đất. Khối đá hoa cương xám xịt đẻo gọt thô sơ đã đứng đây hàng thế kỷ như thể đứng canh, mình cắm sâu xuống đất và dương con mắt đờ dại, không hồn nhìn về phía xa. Con mắt bên phải hơi xéch, bị gió mưa làm sứt sẹo trông như đã tuột tròng, trống hoác ra, đang nheo lớp mi bằng đá nặng trĩu một cách hung ác như muốn nuốt người. Tôi ngắm nghía bức tượng mãi rồi bước lại lều hỏi Xôrôkin:

- Đồng chí kỹ sư này, không biết ai là người đã dựng bức tượng ở đây nhỉ?

Xôrôkin bây giờ đang sửa soạn đi đâu không rõ.

- Chắc hẳn là những người Kanmưc, - ông đáp và ngồi lên yên quất ngựa đi.

Giá lúc ấy tôi cứ cho như thế là xong thì đã sao nào! Không! Tôi như thể bị ai uốn lưỡi, bèn quay lại nói với những người lái máy kéo và thợ phụ mà tôi còn chưa kịp làm quen cho hẳn hoi:

- Không, như thế cũng chưa đúng hẳn. Người Kanmưc ở đây vào thế kỷ thứ mười bảy. Còn bức tượng đặt trên mộ này lại thuộc thế kỷ thứ mười hai. Đúng là do người Mông Cổ dựng lên trong thời kỳ mở cuộc đại viễn chinh sang phía tây. Cùng với họ, có chúng ta, dân Kirghizia đã từ lưu vực sông Ênixêi đến đây, tới miền Thiên Sơn này. Trước chúng ta, cư dân ở đây là những bộ lạc người Kiptsac, và trước họ là những giống người mắt xanh, tóc đỏ.

Có lẽ tôi còn bối sâu nữa vào lịch sử, nếu không bị một người mặc bộ đồ công nhân áo liền quần đứng bên chiếc máy kéo ngắt lời. Đó chính là Abakir.

- Này ông nhóc! - Hấn gườm gườm nhìn tôi, vẻ bực tức, - ông thông thái quá đấy. Thôi đi vào lều mang bơm ta-vốt ra đây.

Thì ra tôi lại mang cho hấn ống bơm dầu đặc.

- Chà, ông viện sĩ! - hấn ném ra mấy tiếng khinh bỉ, đưa cặp mắt sắc hần những tia máu đỏ lườm tôi. - Mà đúng đây lên lớp cho chúng tao là những người thất học, thế mà ngựa cái với lạc đà thì lại không biết đường phân biệt.

Cái tên “viện sĩ” chính là từ đó mà ra.

Và bây giờ đây, tôi đã đưa xe chở nước sắp đến nơi rồi mà hấn vẫn chưa chịu thôi cho. Hấn chạy lại gần tôi, chân thụt trong đám đất xốp mới cày lên.

- Mà làm gì mà bò ra như con rận chết dí thế! Còn bắt người ta chờ bao nhiêu lâu nữa? Đồ nhãi nhép, rồi tao bóp cổ mày đi cho trên đời này bớt được một thằng viện sĩ thò lò mũi xanh!

Tôi lặng thinh đánh xe đến gần chiếc máy kéo. Mà tôi con biết nói gì để bào chữa cho mình được? Vì quả tình chiếc máy kéo phải đứng không là lỗi tại tôi, sự thật là như thế. Cũng may mà chị thợ phụ Kalipa lên tiếng bênh tôi:

- Thôi, đừng nóng, đừng nóng nữa, Abakir! Cứ quát tháo mãi phỏng có ích lợi gì đâu? Cứ nhìn mặt thằng bé xem, không phải quát cũng đã đủ tái nhợt đi rồi. Tội nghiệp, thằng bé đến là khổ. - Chị đỡ chiếc thùng trên đôi tay run run của tôi và rót vào két nước ở đầu máy. - Không phải quát nó cũng đã cố gắng hết sức. Thử nhìn xem, người thằng bé ướt đầm đìa đến vắt ra nước...

- Thì việc gì đến tao nào! - Abakir cục cằn đáp lại. - Nó cứ ngồi nhà mà nghiền sách có hơn không.

- Thôi đi! - chị Kalipa khuyên hấn. - Sao anh độc địa quá chừng. Như thế không nên đâu, Abakir ạ.

- Cứ bỏ qua, dung túng cho những của này rồi có ngày chết mất ngáp. Kế hoạch thực hiện được không, người ta trách cứ ở tôi chứ có ai hỏi cô đâu. Cái thằng học giả ngu xuẩn này có đưa tôi vào chỗ chết thì cũng có ai biết không!

Sự thông thái của tôi làm hẳn khó chịu. Tôi đã học hành để làm gì và làm sao lại gặp phải thầy dạy sử Andiarôv cơ chứ!

Tôi cố đánh xe đi khỏi nơi này cho mau. Vì họ đang còn chờ tôi ở đầu cánh đồng bên kia nữa. Lái máy kéo ở đằng ấy là bác Xađabêk, một người đã có tuổi, rất đứng đắn. Bác ta dẫu cũng có khi nổi cáu, nhưng không quát inh lên.

Tiếng động cơ bắt đầu nổ sau lưng tôi. Chiếc máy kéo của Abakir chuyển mình chạy đi. Tôi thở dài nhẹ nhõm và co ro dưới chiếc áo sợi dệt ướt sũng. Sao mà gã Abakir lại có thể tai quái, độc địa đến thế? Hẳn đã nhiều tuổi đâu, chỉ ngoài ba mươi là cùng, khuôn mặt kẻ ra cũng hơi nặng nề, đôi gò má nhô cao, hai cánh tay gân guốc khuỳnh ra như càng cua. Nhưng người trông cũng có thớ. Riêng cặp mắt thì nham hiểm chẳng lành, động một chút là các tia máu đỏ ngầu lên, lúc bấy giờ thì liệu hồn, những lúc như thế hẳn chẳng còn kiên nhẫn gì đâu.

Mới đây trong bọn chúng tôi đã xảy ra một chuyện không hay. Mưa bắt đầu đổ xuống từ chiều, rơi lâm thâm suốt đêm, tiếng rì rầm chán chường đơn điệu, nước mưa chảy theo mái lều bằng nỉ ướt sũng, ả ra. Và mãi đến sáng vẫn chưa tạnh. Chúng tôi ngồi bó chân trong căn lều, chán ngán vì cảnh vô công rồi nghề bất đắc dĩ. Kỹ sư Xôrôkin đi vắng: ngay lúc trời mưa ông ta cũng có khối việc phải làm. Ông phải chịu trách nhiệm cả về chăn nuôi, nên chẳng lúc nào được thanh thoi, suốt ngày trên yên ngựa.

Khi mưa đã hơi ngớt, thợ phụ máy kéo Exirkep là em trai Xađabêk đóng yên vào con ngựa của tôi và cưỡi đi đâu sang bên xóm những người chăn cừu. Aldây và Kalipa xách thùng ra suối lấy nước. Trong lều chỉ còn lại ba chúng tôi: Abakir, Xađabêk và tôi.

Chúng tôi lằm lì yên lặng, ai nấy bận nghĩ đến việc mình. Abakir chống khuỷu tay nằm ngửa người ra hút thuốc, chân duỗi thẳng. Xađabêk ngồi trên miếng dạ lót yên bên cạnh bếp, tay cầm dùi và chỉ sắp loay hoay với chiếc ủng rách. Tôi chúi vào một góc đọc sách.

Trong lều ẩm ướt, chán ngắt. Tắm nỉ thấm nước tỏa ra một mùi lông cừu khét lẹt. Thỉnh thoảng từ trên nóc nhỏ xuống những giọt nước to vàng khè như nước chè. Bên ngoài mưa vẫn không ngớt tiếng rì rào và réo tung trong các vũng nước.

Abakir uể oải ngáp dài, vươn vai, vắn người kêu răng rắc, cau mày và ném bừa mẩu thuốc lá vào mép tấm nỉ. Lập tức chỗ len bắt lửa bốc khói lên. Xađabêk nhặt mẩu thuốc lá vút vào đống tro.

- Phải cẩn thận chứ, - bác vừa nói vừa kéo sợi chỉ sấp qua lớp da. - Khó nhọc lắm sao mà không đứng lên được?

- Thì đã sao nào? - Abakir vênh mặt lên thách thức.

- Tấm nỉ vừa bén lửa xong thôi.

- Tưởng là của quý lắm đấy! - Abakir khinh bỉ cười nhạt. - Vá ủng rách thì cứ vá đi, đừng giây vào việc khác làm gì!

- Đây không phải là chuyện của quý hay không. Anh ở đây không phải chỉ có một mình, mà cũng có phải ở nhà anh đâu.

- Tao vẫn biết là đây không phải như ở nhà mày. Nếu ở nhà thì tao đã chẳng thèm nói chuyện với mày. Đã hiểu chưa hử thằng mặt mọt mặc quần da kia? Đúng là giới phạt nên tao mới phải ngồi ở cái xứ Anarkhai đọa đày này, ở cái chỗ dành cho những kẻ ngu ngốc như vợ chồng mày ấy!

Xađabêk kéo mạnh sợi chỉ. Chiếc dùi bật khỏi tay bác rơi ra phía sau lưng. Bác nhìn Abakir hồi lâu, đôi mắt đầy căm tức, rồi hằm hằm nhô người ra phía trước, một tay nắm chặt chiếc ủng, tay kia kéo căng sợi chỉ ra như dây đàn.

- Thôi được, cứ cho rằng tao là đồ ngu và vợ tao cũng ngu nốt nên mới theo tao lên đây nấu nướng cho cả lũ chúng ta ăn! - bác vừa nói, vừa thở hổn hển. - Thế những người dân Anarkhai khác mày cũng cho là những kẻ phải đi đày cả đấy hử? Dễ mày đã lừa họ đến đây chắc? Nào, nói đi, quân khốn kiếp! - Xađabêk quát lên và đứng bật dậy, tay phải cầm lấy cổ chiếc ủng da được đóng đinh sắt.

Abakir nhảy xổ lại vớ lấy chiếc mỏ-lét ở cạnh đấy và rứt đầu lại, sẵn sàng đáng xuống.

Tôi đâm hoảng. Thế này thì khiếp thật. Họ có thể giết nhau mất.

- Đứng, Abakir! - tôi lao người về phía họ. - Đứng đánh bác ấy! Đứng, bác Xađabêk, đừng giây vào nữa! - tôi van xin, chạy luẩn quẩn quanh chân họ.

Xađabêk ấy tôi sang một bên, và họ quay tròn đi quanh lều, gườm gườm nhìn nhau như cặp báo đang giữ miếng. Rồi bỗng họ cùng nhảy lên, và

chiếc mỏ-lét rít lên trong không khí ngay trên đầu Xadabêk. Vừa lúc ấy bác né kịp và đưa cả hai tay giằng lấy chiếc mỏ-lét. Nhưng Abakir khỏe lắm. Hắn đề lên đối thủ, và cả hai lăn tròn trên mặt đất, vừa thở hồng hộc vừa chửi rửa nhau. Tôi nhảy bổ lại, toài người ra đề lên chiếc mỏ-lét Abakir đánh rơi và cuối cùng nhặt lên được, bỏ chạy ra khỏi lều.

- Aldây! Kalipa! - tôi gào to gọi hai người phụ nữ đang đi lấy nước về. - Mau lên, mau! Họ đánh nhau kia kia họ giết nhau mất...

Hai người phụ nữ đặt thùng xuống và đâm bổ về phía tôi. Khi chúng tôi chạy vào lều, Xadabêk và Abakir vẫn đang lăn lộn trên mặt đất. Chúng tôi gỡ họ ra, cả hai người đều bê bết máu, quần áo rách tả tơi, Aldây đã định kéo chồng ra cửa, nhưng Abakir lại vùng ra khỏi cánh tay Kalipa đang ôm chặt lấy hắn.

- Cứ đợi đấy, con chó què kia! Rồi mày sẽ phải lạy van và xin tha, đồ giẻ rách, mày còn biết tay Abakir này!

Aldây người nhỏ bé mảnh khảnh bước sát lại, nói xối xả vào mặt hắn:

- Mày cứ thử đụng đến xem! Tao thì móc mắt ra, cho mày không còn nhận được cái mặt mày nữa đấy!

Xadabêk bình tĩnh cầm lấy tay vợ:

- Không cần, Aldây ạ. Hạng người ấy không đáng để mình phải làm thế...

Lúc ấy tôi đi ra khỏi lều tìm nhặt chiếc mỏ-lét tôi đã quẳng đi trong lúc hốt hoảng, bước xa căn lều và giấu vào cạnh bức tượng đá. Đoạn tôi ngồi xuống và bỗng bật lên khóc. Những tiếng nấc nghẹn ngào làm người tôi rung lên. Không ai nom thấy tôi, và chính tôi cũng chẳng hiểu ra mình làm sao nữa. Duy có bức tượng đá hình như đang vụng trộm lắng nghe nỗi đau khổ của tôi, giận dữ lườm tôi từ trong hốc mắt đen ngòm trống rỗng. Cánh thảo nguyên chìm trong sương mù ẩm ướt tỏa ra chung quanh, lặng lẽ và mệt mỏi. Không có qua một tiếng động nào phá vỡ cảnh tĩnh mịch thăm thẳm tự ngàn xưa của thảo nguyên, chỉ có mình tôi vẫn ngồi sụt sùi lau nước mắt. Tôi ngồi đấy rất lâu, mãi cho đến khi trời tối hẳn...

Đây, tôi đang sống ở giữa vùng thảo nguyên ngải hoang tươi tốt này như thế đấy... Tôi gắng làm hết sức, thế mà vẫn chưa ăn thua gì cả. Vừa rồi lại bị Abakir cho một mẻ. Rồi đây sẽ ra sao, tôi cũng chưa biết nữa. Song cũng

không thể nản chí. Đã đứng đâu cứ phải đứng cho vững. Chưa ngã gục thì cứ cố mà đứng.

- Mau lên chứ, Xerkô! Khẩn trương lên nào! Chúng mình không uể oải được, công việc có chờ ta đâu...

2

Ngày hôm sau, tôi dậy sớm hơn thường lệ, từ lúc mới tảng sáng. Ngay từ hôm qua, lúc còn nằm trong lều tôi đã thầm quyết định: dù có kiệt sức rồi, tôi cũng sẽ cố sao để đừng ai có thể chửi mắng mình đã đành, nhưng cũng đừng ai có thể chê trách gì mình được nữa. Dù sao thì cũng phải chứng minh được rằng mình chẳng thua kém gì mọi người.

Việc đầu tiên là tôi chở nhiên liệu đến cho hai chiếc máy kéo và tự tay rót vào các thùng chứa. Sau đó tôi đánh xe chở thùng ra suối lấy nước để kịp đổ vào các két nước ở máy kéo trước khi bắt đầu làm việc. Rồi còn phải kịp về ăn sáng và lại đi chở nước, không để mất một phút nào. Công việc cứ được tiến hành đúng như tôi dự tính.

Lúc này mặt trời đã bắt đầu ửng lên sau làn sương trắng mờ như khói ở chân trời, nhưng hồi lâu vẫn chưa mọc lên, chân chừ mãi như ngại phải nhìn xuống khắp khoảng không gian dài rộng bao la của miền Anarkhai. Sau đó mặt trời nhô lên một chút và hé một vành mắt nhìn ra. Còn gì đẹp hơn cảnh thảo nguyên trong ánh nắng ban mai! Dường như một vùng biển cả màu thiên thanh đã tràn lên và ngưng đọng lại với từng đợt sóng xanh rờn, đôi chỗ điểm màu vàng, màu lục sẫm.

Hỡi Anarkhai, hỡi thảo nguyên bao la hùng vĩ! Sao người lại yên lặng, người đang nghĩ gì vậy? Người đang giấu kín những gì của thời xưa trong lòng, và những gì còn chờ đón người mai sau?

Tôi chỉ làm anh chàng đi chở nước cũng chẳng sao. Rồi tôi sẽ thống trị được cả miền đất này lẫn các máy móc. Vì hai chiếc máy kéo và những gì chúng tôi đang làm ở đây mới chỉ là bước khởi thủy của buổi ban đầu. Tôi đã có lần đọc thấy ở đâu là những người đi thăm dò đã phát hiện ra tại vùng Anarkhai có những con sông lớn chảy ngầm dưới đất. Cũng có thể đó mới chỉ là điều dự đoán. Nhưng dù sao đi nữa tôi vẫn tin rằng rồi đây người ta sẽ

tươi nước được miền đất này, và trên vùng Anarkhai sẽ có những vườn cây xanh lá lay động, nước sẽ tuôn chảy trong các lòng mương mát rượi và những ngọn gió qua miền sẽ lướt trên bao nhiêu đồng lúa vàng tươi. Các thành phố và làng mạc sẽ mọc lên trên đất này và con cháu chúng ta sẽ gọi vùng thảo nguyên này là đất nước Anarkhai diễm phúc. Rồi qua bao năm sau, khi có một gã thanh niên giống như tôi đến đây, hẳn là anh chàng sẽ không phải suốt ngày giong ruổi trên thảo nguyên với chiếc xe chở nước và nghe những lời chửi rủa của một kẻ độc đoán.

Ấy thế mà tôi cũng không hề ghen tị với gã thanh niên đó, vì tôi đã là người đầu tiên tới đây!..

Tôi dừng chiếc xe chở nước lại ngắm nhìn quang cảnh phóng khoáng buổi sớm mai. Trong giờ phút này tôi là con người hạnh phúc nhất, mạnh nhất và cũng là đẹp nhất trên thế gian. Sao cho miền Anarkhai trở thành cái xứ sở diễm phúc mà tôi hằng mơ ước!..

Cuối cùng mặt trời đã từ chân trời bon lên cao, to lớn, rạng rỡ.

Ngày hôm ấy bắt đầu khá tốt đẹp. Ít ra thì hai máy cũng không bị tắt vì tôi vẫn chở nước đến kịp. Nhưng còn lâu lắm mới đến chiều...

Trong những chuyến đánh xe đi ngang dọc trên thảo nguyên, có lần tôi trông thấy bên ngọn suối có một bầy cừu không đông lắm với cả lũ cừu non. Một người con gái lừa chúng đến đây. Cô ta để cừu uống nước ở suối, ngăn không cho chúng đến đầu ngọn nước. Người ở đâu đến đây nhỉ? Chắc là từ cánh rừng nằm bên cạnh chúng tôi, sau quả đồi hai đỉnh. Dân chăn cừu cư trú ở đấy. Tôi thấy khuôn mặt người con gái có vẻ quen quen. Có lần tôi đã thấy ảnh một cô gái Việt Nam trong tờ họa báo nào đó, cũng có lớp tóc xén ngang phủ trước trán như cô này. Chắc hẳn chính vì thế mà tôi có cảm tưởng đã gặp cô ở đâu.

Chúng tôi im lặng nhìn nhau. Trông thấy tôi đến, cô cũng ngạc nhiên không kém gì tôi khi thấy cô. Nhưng tôi cứ nhảy từ trên xe xuống coi như không có chuyện gì xảy ra cả, và chăm chú mức nước dưới suối lên đổ vào thùng.

Lúc này bầy cừu đã uống nước xong và thiếu nữ bắt đầu lừa chúng đi. Đi qua gần chỗ tôi đứng, cô hỏi:

- Suối này gọi là suối gì nhỉ?

Tôi ngấm nghĩ một lát, mắt nhìn xuống vũng nước tròn tròn vừa bị tôi khuấy đục đang ánh lên mờ mờ. Đúng, con suối độc nhất này của chúng tôi phải có một tên gì chứ. Trong khi tôi đứng nghĩ nước đã lắng đi, mặt nước ánh lên trong trẻo và dưới đáy tối lại.

- Mắt lạc đà! - tôi ngoảnh về phía cô gái nói.

- Suối Mắt lạc đà? - Cô thiếu nữ hất mở tóc trước trán lên, mỉm cười. - Cái tên đẹp nhỉ! Mà giống Mắt lạc đà thật, cũng tư lự như thế...

Chúng tôi bắt chuyện với nhau. Hóa ra cô gái cũng ở quanh vùng nhà tôi. Cô còn biết cả tên thầy giáo Andiarôv dạy tôi nữa. Chà, thích biết mấy khi được nghe nói đến tên người thầy giáo quý mến ở đây, trên cánh thảo nguyên này, từ miệng một thiếu nữ chưa quen mà tôi chắc đã lên Anarkhai có lẽ cũng không khỏi có phần do ảnh hưởng của thầy. Cô học xong trường trung học từ năm ngoái, không phải trường chúng tôi mà là một trường khác, và bây giờ phụ việc chăn cừu.

- Bên chúng tôi ở nước giếng là nước mặn, - cô gái nói. - Tôi nghe nói có một con suối ở đâu đây, cứ muốn đến nhìn dòng nước chảy và cho lũ cừu non uống để chúng biết mùi nước thật sự là thế nào. Bao giờ nuôi chúng lớn lên tôi sẽ đem góp vào đàn và đến đầu mùa thu lại về học đại học...

- Tôi cũng định rồi ra sẽ học, - tôi nói. - Nhưng tôi sẽ đi theo ngành cơ khí. Tôi được cử lên trên này làm việc tại máy kéo cơ, còn đây là... - tôi chỉ vào thùng nước, - tạm giúp họ ít lâu... Họ sẽ cử một người chở nước khác đến đây...

Tất nhiên đó là tôi trót lỡ lời, chính mình cũng không biết làm sao lại buột miệng tuôn ra nữa. Tôi hổ thẹn quá, người nóng ran lên, nhưng bỗng tôi lại thấy lạnh toát đi.

- E-ê! Viện sĩ! Tao quai cho vỡ hàm ra bây giờ-ờ! - tiếng gọi khả ố của Abakir từ xa vẳng lại.

- Thôi chết, mình tán gẫu mãi!

- Chuyện gì đằng ấy thế? - cô gái không hiểu sự thể ra sao liền hỏi.

- Có gì đâu, - tôi đỏ mặt nói ấp úng. - Phải chở nước lại.

Cô gái lùa cừu đi. Còn hẳn, Abakir, thì vẫn đứng trên mái buồng lái máy kéo ở đầu luống cày đằng xa mà gào tướng lên, múa may hai quả đấm.

- Tao đến ngay đây, đến ngay đây! Mày cầm mõm đi nào! Không được quát tháo trước mặt người ngoài chứ! - tôi tuyệt vọng thì thầm và quát ngựa phóng lên.

Nước trong thùng phuy sóng ra ngoài, bắn tung tóe làm tôi ướt hết từ đầu đến chân. Mặc! Cứ thế không còn lấy giọt nước nào trong thùng cũng được! Tôi không còn chịu đựng nổi những lời lăng nhục như thế nữa!

Abakir nhảy từ trên buồng lái xuống, và cũng như lần trước, lại xông đến trước mặt tôi. Tôi gò ngựa lại:

- Nếu anh còn quát tháo lên như thế nữa, tôi sẽ bỏ việc đi ngay!

Hắn sững sốt vì bất ngờ, rồi huýt lên một tiếng và tuôn ra mấy câu chửi tục tũu.

- Không có mày, thằng viên sĩ thò lò mũi kia, thì trước đây vẫn có Anarkhai và bây giờ nó cũng chẳng mất đi đâu được mà sợ! Đi, cuốn gói ngay! Mày mà cũng học đòi cãi bướng à, thằng sinh viên mặc quần thụng dít kia!

Tôi nhảy từ trên xe xuống, lẳng cái roi ra sau chiếc máy kéo và đi thẳng.

- Đứng lại, Kêmen, không làm như vậy được! Đi đâu thế, dừng lại! - Kalipa hét lên gọi tôi. Nhưng tiếng gọi chỉ càng thúc giục tôi bước nhanh hơn.

- Không phải giữ, cứ để cho nó cút đi! - tiếng Abakir nói vẳng đến tai tôi. - Đếch cần!

- Sao anh ác thế, rõ đồ thú dữ chứ không phải là người nữa, ai lại làm như thế! - Kalipa nhiếc hấn.

Tôi còn nghe thấy hai người quát tháo chửi bới nhau ở đằng ấy mãi hồi lâu.

Chân vẫn không bước chậm lại, tôi đi mỗi lúc một xa. Đi đâu mà chẳng được. Không có ai, không có một bóng người nào chung quanh, và những nẻo đường trước mặt tôi mở ra khắp bốn phía. Tôi đã đi khỏi con suối, khu nhà lưu động, men theo chân gò chỗ có bức tượng. Mụ già bằng đá cười hả hê thâm độc, tiến tôi bằng con mắt trống rỗng đen ngòm và đứng lại phía sau, nặng nề cắm sâu xuống đất, vẫn như bao nhiêu thế kỷ về trước.

Tôi cứ đi, không hề nghĩ ngợi gì. Lòng tôi chỉ mong muốn có mỗi một điều: đi, đi thật mau khỏi nơi này, mặc cho cái xứ Anarkhai chết tiệt này chỉ

còn trông thấy đằng sau gáy tôi thôi.

Thảo nguyên trống trải hững hờ giải ra trước mắt tôi. Mọi ngọn đồi, triền đất, hẻm núi, mọi vật chung quanh đều giống nhau đến phát ngấy. Ai là người đã tạo ra cảnh đờn điệu im lìm, buồn thảm này? Vì sao tôi lại phải ôm mối tủi nhục bước qua những vùng bàng bạc mênh mông mọc toàn ngải đắng này? Nhìn đi đâu cũng chỉ thấy toàn một cảnh hoang sơ chết chóc. Thử hỏi con người cần gì mà phải đến đây? Chẳng lẽ trên đời này còn thiếu nơi sinh sống hay sao? Những ước mơ hồi sáng bây giờ đối với tôi thật quái gở lố lăng hết chỗ nói.

“Mày đã thấy vùng thảo nguyên ngải hoang tươi tốt, đã thấy đất nước Anarkhai chưa!” - tôi tự giễu cợt, và trong từng đường gân thớ thịt, tôi cảm thấy mình bất lực, bơ vơ và chán nản quá chừng.

Trên đầu tôi cao lồng lộng, chung quanh là mặt đất rộng mênh mông, còn tôi chỉ là một thằng người hết sức bé nhỏ cô đơn, mình mặc chiếc áo cổ chui, chân đi đôi ủng bạt, đầu đội chiếc mũ lưỡi trai cũ đã bạc phếch, không biết từ đâu lạc lõng tới đây.

Tôi cứ thế mà đi. Không một con đường, không một lối mòn. Tôi cứ xăm xăm bước tới. “Cứ đi mãi thế này mình sẽ gặp con đường sắt, - tôi nghĩ, - bước trên các thanh tà vẹt và đến chỗ tàu tránh sẽ bám vào toa chở hàng. Mình sẽ trở về với những con người...”

Khi sau lưng bỗng có tiếng vó ngựa và tiếng hí, tôi cũng chẳng buồn ngoái lại. Đó là Xôrôkin. Chẳng còn ai khác được nữa. Lại sắp bắt đầu trách móc, đổ dành tôi đây, nhưng mặc xác, tôi sẽ không quay lại, cũng chẳng buồn nghĩ ngợi nữa là đằng khác.

- Đứng lại! - Xôrôkin khẽ gọi tôi.

Tôi dừng chân, Xôrôkin cười con ngựa đầm đìa mồ hôi đến gần. Ông lạng lẽ đưa đôi mắt xanh dưới đôi lông mày bạc phếch chăm chú nhìn tôi, thò tay vào túi dết lấy ra một tờ bìa đỏ: lệnh của đoàn thanh niên cộng sản cấp mà hôm mới đến tôi đã trao cho ông một cách kiêu hãnh.

- Cầm lấy, cái này không thể bỏ lại được, - ông thản nhiên đưa tờ công lệnh cho tôi.

Trong cái nhìn của ông tôi không hề thấy có ý trách móc hay khinh miệt. Ông không phê phán mà cũng chẳng thương hại gì tôi. Đó là cái nhìn nghiêm trang của một con người bận bịu công việc đã từ lâu quen thấy mọi

chuyện bất ngờ. Xôrôkin đưa bàn tay lên vuốt khuôn mặt mệt mỏi lấp sau bộ râu hung hung.

- Nếu muốn ra chỗ tàu tránh thì cứ đi về bên phải, dọc theo rãnh đất kia kia, - ông chỉ cho tôi rồi quay ngựa lại, thông thả đi về.

Tôi ngỡ ngàng nhìn theo ông. Vì sao Xôrôkin không mắng mỏ tôi, không dỗi dành tôi quay lại? Sao ông lại ngồi ủ rũ như vậy trên lưng con ngựa đã mệt nhoài kia? Gia đình, vợ con ông đang ở một nơi nào xa lắm, còn ông một mình lặn lội hàng năm trời trên thảo nguyên này. Ông ta là người như thế nào, những gì giữ chân ông lại trên miền Anarkhai hoang vắng này?

Chính tôi cũng chẳng hiểu tại sao tôi lại chậm rãi bước về theo sau ông.

Tối đến chúng tôi tụ tập cả trong lều. Mọi người đều lặng thinh. Xung quanh im phăng phắc, chỉ nghe thấy tiếng củi nổ lép lép khô khan trong bếp lửa. Chẳng qua tại tôi hết. Cuộc nói chuyện chưa bắt đầu, nhưng cứ xem vẻ mặt đăm chiêu tư lự của Xôrôkin cũng thấy rõ là ông đang định nói một điều gì.

- Đấy, bây giờ làm ăn thế nào? - cuối cùng Xôrôkin thốt ra, không nói riêng với ai cả.

- Thì làm sao nào, miền Anarkhai này đang sắp bị nạn hồng thủy chắc? - Abakir vắn lại, giọng thâm độc.

Nghe những lời nói ấy, Xadabêk lặng lẽ đứng lên và đi ra khỏi lều. Sau trận đánh nhau hôm trước bác không chuyện trò gì với Abakir nữa, và lúc này hẳn là không muốn nhúng vào câu chuyện. Em trai ông là anh thợ phụ Exirkep cũng toan đứng lên, nhưng rồi thay đổi ý kiến và ngồi lại.

Abakir cũng đã sinh sự cả với anh chàng này. Có lần nghe tôi khấn khoản, Exirkep đã nhượng bộ để tôi làm việc một ngày trên giống cày của anh sau chiếc máy kéo do Xadabêk lái, còn anh thì ngồi sang đánh xe nước. Thế rồi anh chở nước đến chậm một chút, và Abakir đã gây gổ với anh. Nhưng Exirkep đã không chịu lép: anh cũng có thể đánh nhau được. Thế mà anh chàng chỉ hơn tôi có ba tuổi thôi đấy.

Không ai đáp lời Abakir cả.

- Có gì phải nghĩ ngợi nữa? - hẳn nói tiếp. - Ai bỏ việc thì kẻ ấy phải chịu trách nhiệm.

- Vấn đề không phải ở chỗ ai có lỗi với ai không có lỗi! - Xôrôkin đáp, không nhìn vào mặt hắn. - Số phận một người thanh niên đang được quyết định ở đây, phải xem anh ta nên làm gì bây giờ.

- Số với phận! - Abakir cười khẩy. - Số phận những kẻ thông thái như thế đã được quyết định từ lâu rồi, cái thứ người đốn mạt không được cái tích sự gì ấy! - Hắn khinh bỉ khoát tay một cái, - Xôrôkin, anh cứ thử nghĩ mà xem, thứ người như thế liệu làm được cái gì? Trong khi chúng ta nai lưng ra làm, bọn chúng cứ ung dung đi học suốt mười năm giời, có khi còn hơn nữa. Chúng ta cho bọn chúng cơm ăn, áo mặc, thế rồi được cái gì, chúng học được những gì? Máy móc không biết, cổ ngựa cũng chẳng biết, đường giống, dây đai không chẳng được cho ra hồn... Vì sao tôi lại phải chuốc lấy những tội nợ của chúng nó? Cái mớ kiến thức của nó phỏng có ích gì cho tôi! Gớm, sành chơi tượng đá lắm! Ấy thế mà công việc thì lại chẳng biết đường làm. Đã thế thì cứ xéo mẹ nó đi, đừng có làm người khác mất công lỗ việc! Còn tôi thì anh đừng thuyết tôi làm gì, Xôrôkin ạ. Tôi làm không cần người thay kíp và không bao che cho ai hết. Nếu tôi không được việc thì chỉ đến ngày mai sẽ không còn thấy vết chân tôi ở đây nữa. Nhưng những gì tôi đã nói thì tôi sẽ nói mãi: những hạng thông thái này thì tôi...

- Thôi! - Xôrôkin đột ngột cắt lời Abakir, vẫn không nhìn vào mặt hắn. - Cái đó anh không phải nói chúng tôi cũng biết. Vấn đề không phải ở chỗ ấy. Nào, Kêmen, nghĩ gì thử nói đi xem?

Tôi không trả lời ngay. Ngồi nghe Abakir, tôi phải nhận rằng trong những lời nói của hắn cũng có phần nào đúng. Nhưng sao những điều ấy hắn nói ra một cách cay độc, thù hận đến thế! Vì lẽ gì? Phải đâu tôi tàn tật hay ngu ngốc đến nỗi không bao giờ hiểu thấu những việc Abakir vẫn làm được? Hay học thức của tôi đang ngăn trở tôi? Tôi không sao hiểu nổi. Tuy vậy tôi vẫn cố trả lời Xôrôkin thật bình tĩnh:

- Tôi đến đây để làm thợ phụ máy kéo. Điều đó đối với tôi là quan trọng. Còn những cổ ngựa và dây đai thì bây giờ tôi cũng đã quen. Ai nấy đều biết thế, cả Abakir cũng rõ, kể ra cứ làm như thế nữa cũng được. Nhưng tôi sẽ không đi chở nước nữa. Nhất quyết là không.

- Ở đây không có việc gì khác cả, - Xôrôkin nói.

- Nếu thế thì tôi phải đi thôi, - tôi kết luận.

Kalipa ngược mắt lên nhìn tôi và thở dài buồn bã.

- Kêmen ạ, kể ra tôi có thể nhường chỗ cho cậu, còn tôi đi chỗ nước cũng được, nhưng cậu cũng chẳng chịu đâu...

Những lời đó nói ra thật bất ngờ. Do lòng tốt của chị hay do lúc nào chị cũng phải sượng mặt vì Abakir, dường như chị xấu hổ mỗi khi thấy hắn quát tháo chửi mắng tôi, và luôn luôn tìm cách làm dịu bớt những cách cư xử cực cần của hắn; không biết có phải vì thế không, nhưng chị đã nói ra câu đó, và tôi chưa kịp suy nghĩ gì đã vội nói luôn:

- Tôi sẽ làm!

Trong căn lều ắng lặng hẳn đi. Chỉ có tiếng củi cháy xèo xèo, nổ tí tách. Mọi người đều ngơ ngàng nhìn tôi. Có lẽ ai nấy đều chờ tôi nghĩ lại và từ chối chẳng? Nghĩa là tự tôi đã dán thân vào nanh vuốt kẻ vẫn thù hận tôi và chỉ chực hại tôi. Nhưng tôi cứ nín lặng. Đã nói là làm, Xôrôkin nhìn tôi dò xét một lần nữa.

- Có đúng thế không? - ông hỏi vẫn tắt.

- Đúng.

- Đây thì thế nào cũng được! - Abakir nhổ toẹt vào đồng lửa. - Nhưng báo trước cho mà biết: lơ mơ một chút là sẽ ăn bạt tai ngay. - Và đôi mắt hắn lạnh lùng ánh lên trong bóng tối lơ mơ, đầy vẻ chế giễu và thách thức.

- Lơ mơ một chút là thế nào? Sao lại phải dọa dẫm như vậy? - Exirkep nãy giờ vẫn ngồi im lặng cuối cùng, cũng không nhin được. - Cậu ấy làm được đấy, có gì ghê gớm lắm đâu! Cậu ấy đã làm việc ở giống cày của tôi rồi.

- Không ai hỏi đến anh. Đừng có nhúng vào việc của người khác. Chúng tôi sẽ dàn xếp lấy. Tôi phải chịu trách nhiệm về máy kéo, về công việc...

- Thôi đi! - Xôrôkin lại bực tức ngắt lời Abakir lần nữa và bảo tôi: - Sáng mai bắt đầu nhận việc. - Ông đứng dậy bước ra cửa. - Còn bây giờ đã đến lúc phải đi nghỉ...

Đêm hôm ấy tôi hầu như không chợp mắt. Câu chuyện giữa tôi và Abakir sẽ ra sao đây? Vì từ trước đến nay chỉ thỉnh thoảng tôi mới phải đụng chạm với hắn, nhưng từ mai trở đi, suốt ngày đêm lúc nào tôi cũng ở dưới quyền hắn. Nhiệm vụ của người thợ phụ cũng không đến nỗi làm tôi sợ lắm, tuy nó đòi hỏi sức chịu đựng và chí kiên nhẫn. Tất nhiên là phải phối hợp thật chính xác, lưỡi cày phải nhanh tay nâng lên hạ xuống cho đúng

chỗ, để đừng ngăn trở sự di chuyển của máy kéo một phút nào. Nhưng ngoài ra, còn phải giúp đỡ người lái máy kéo trong mọi việc, cả trong việc trông nom và sửa chữa máy. Cứ thử đưa cho Abakir không đúng chiếc mỏ-lét, chiếc bù-loong, cái ê-cu hấn đang cần, hoặc thứ gì khác xem...

Hóa ra cả Aldây cũng không ngủ. Chị bước trong bóng tối lại gần tôi, ngồi xuống bên cạnh vuốt tóc tôi.

- Chú thử nghĩ lại xem, Kêmen ạ. Chú với hấn không làm chung với nhau được đâu. Chú là người hiền lành. Hấn ăn thịt chú mất, chú không chiều ý hấn được đâu...

- Nhưng tôi cũng có ý định chiều ý hấn đâu. Còn về chuyện hấn ăn thịt thì tôi đã quen lắm rồi.

- Cứ liệu xem, chú thấy rõ hơn, - chị nói khẽ rồi thở dài một tiếng quay về chỗ nằm.

3

Cuộc chiến đấu tay đôi giữa tôi và Abakir bắt đầu ngay từ hôm đầu tiên.

- Hễ ngủ gật mà ngã xuống dưới lưỡi cày thì tao không chịu trách nhiệm đâu nhé! - hấn buông xàng xích một câu trước lúc bắt đầu cày.

Nhưng dĩ nhiên tôi đâu có ngủ gật được. Tôi đang tập trung hết sức chú ý, chuẩn bị làm việc cho thật chính xác không thể nào chê trách được. Chú nếu còn nghĩ rằng có thể sảy chân ngã xuống dưới lưỡi cày thì thà cứ từ chối ngay đi còn hơn.

Đúng thế, bên dưới khung máy chỗ tôi ngồi dạng chân ra có một dãy lưỡi cày thép bắt vào các gióng ngang. Chúng lần lượt kéo đi thành một hàng nghiêng nghiêng, cày xuống và lật sang bên một lớp các vĩa đất hoang chằng chịt những rễ cỏ nghi ngút bụi. Chiếc máy kéo liên tục chạy đi, đè rạp những cây ngải xuống đất, rú lên nặng nề và khua các vòng xích kêu loảng xoảng.

Abakir không hề ngoái đầu lại lần nào, chẳng buồn để ý gì đến tôi. Tôi chỉ trông thấy cái gáy của hấn, gân guốc, căng lên một cách bướng bỉnh. Chỉ riêng điều đó thôi cũng đủ cho tôi hay rằng Abakir sẽ thử thách tôi cho

đến khi nào hoặc tôi phải tự xin thôi hoặc hẳn thấy rõ rằng tôi sẽ chịu đựng được. Và rất có thể là hẳn đang cố tình lái máy đi không hề dừng lại nghỉ cốt để làm cho tôi kiệt sức, buộc tôi phải lùi bước. Ai chứ Abakir lại không thừa biết rằng ngồi trên chiếc ghế sắt không có lấy một bộ phận giảm xóc nào, ngạt thở vì bụi và hơi đốt tuôn ra cũng chẳng phải dễ chịu gì cho lắm. Nhưng tôi cũng không hề có ý định đầu hàng. Dây thần kinh căng thẳng đến tột độ, mắt, tai tay đổ dồn cả vào chỗ điều khiển giống cày, tình trạng của tôi khi làm việc là như thế đấy. Suốt trong thời gian này tôi không hề thốt ra một lời nào, cả những khi hẳn hung hăng lái máy vào những chỗ có đá làm máy cày chốc lại bật ra khỏi luống, những lưỡi thép xiết vào đá cứng tóe lửa ra khét lẹt, và người tôi bị lắc lư chao đi chao lại trên ghế sắt, tôi cũng vẫn im lặng. Chiều đến, khi Abakir dừng máy lại, tôi mệt lả ra, một nỗi mệt nhọc khủng khiếp xưa nay tôi chưa nếm trải bao giờ. Mũi mồm, tai, mắt, chỗ nào cũng đầy những bụi và cát. Muốn lăn ngay ra đất mà ngủ luôn. Nhưng tôi vẫn không hề nhúc nhích tôi chờ xem Abakir bảo làm gì.

- Nâng lưỡi cày lên! - hẳn lộ đầu ra khỏi buồng lái gọi tôi. Đoạn hẳn lái ra khỏi đường cày, tắt máy đi và bước lại giống cày. Hẳn cúi xuống các lưỡi cày, luồn tay sờ thử các mũi thép. - Phải thay đi, cùn mất rồi. Làm thế nào đến sáng mai cho xong! - hẳn nói.

- Được rồi, - tôi đáp. - Để các lưỡi thay lại đây và đánh xe lui ra khỏi giống cày đi.

Hẳn làm theo đề nghị của tôi và lặng thinh bước về khu nhà lưu động. Tôi nhìn theo và bất chợt thấy mình không những chẳng cảm tức Abakir, mà còn ghen tị hẳn nữa. Hẳn vẫn khệnh khạng bước đi như chẳng hề mệt mỏi chút nào hết. Tất nhiên là hẳn đã quần cho tôi mệt lử, nhưng chính bản thân hẳn cũng không nghỉ ngơi phút nào cả. Cái thằng cha khốn kiếp ấy thật biết cách làm việc!

Tôi thở dài và bắt đầu đi nhặt củi khô để thành từng ôm cạnh giống cày. Tôi sẽ phải đốt lửa lên để đêm nay kịp thay xong các lưỡi thép. Sau khi dọn được một đống lớn, tôi đi về ăn tối.

Chị Aldây thật tốt bụng, đáng mến quá. Trong lúc tôi lặng lẽ ăn vội vàng món besbarmak* chị đã cẩn thận để phần lại cho tôi, chị nhìn tôi rầu rĩ biết bao nhiêu. Nhưng tôi cũng không có thì giờ ngồi nấn ná lại được nữa. Tôi hỏi mượn chị chiếc đèn chúng tôi vẫn giữ để phòng khi cần thiết.

- Chú lấy làm gì? - chị đưa chiếc đèn và hỏi.

- Cần lắm. Tôi phải đi thay lưỡi cày.

- Thế là nghĩa lý gì, sao lại như thế được! - Chị to tiếng lên với Abakir. - Tôi không cho phép làm như vậy! Tôi không để cho anh được hành hạ thằng bé!

- Thì cứ việc không cho phép, đây có cần đâu, - Abakir vừa sửa soạn đi ngủ vừa đáp cộc lốc.

- Mình đừng giây vào! - Xadabêk ngăn vợ. - Kêmen cũng biết tự suy xét lấy được chứ.

- Không hề gì, bọn mình sẽ giúp cậu, Kêmen ạ. Nào đi, Exirkep! - Kalipa đứng lên định đi với tôi.

- Không cần, - tôi nói. - Đừng lo, tôi làm lấy cũng được.

Nói đoạn tôi bước ra khỏi lều, vừa soi đèn vừa đi.

Bóng đêm yên tĩnh và vô tận đang trùm lên cảnh vật chung quanh. Tôi rẽ xuống suối uống nước. Con suối khẽ róc rách chỗ miệng ngòi, tỏa ra một cái gì thanh thản, mát rượi. Nước ánh lên lờ mờ từ dưới lòng suối sâu tối xẫm, tư lự. Đúng là giống con mắt lạc đà thật. Tôi bỗng nhớ lại cô gái chần chừ. Khi ấy tôi cũng chưa kịp hỏi xem tên cô là gì nữa. Lúc này cô đang ở đâu, cô gái dễ thương có mớ tóc phủ trước trán ấy?

Ra đến chỗ máy cày, tôi bắt tay ngay vào việc. Tôi nâng cao các lưỡi cày đến hết cỡ và đốt lửa lên. Ngọn đèn tất nhiên là rất được việc. Tôi tháo các ê-cu ra rồi vạy ngay vào bù-loong và đặt lên chiếc mũ lưỡi trai cho khỏi thất lạc mất. Suốt đêm tôi bò lổm ngổm dưới máy cày. Lấp các ê-cu rất chật vật, và nhất là rất trái tay. Chúng vạy vào những khe hở hiểm hóc khó lòng thò tay vào được. Đóng lửa lại cứ tắt luôn. Tôi phải bò từ dưới gióng cày ra và nằm toài dưới đất mà thổi lửa lên. Không biết là mất bao nhiêu lâu, nhưng mãi cho đến khi thay xong hết các lưỡi cày tôi mới yên lòng. Sau đó tôi lần đến chiếc máy kéo như đi trong sương mù và lăn vào buồng lái ngủ. Đôi bàn tay sây sạt, ngay trong giấc ngủ vẫn còn nhức buốt.

* * *

Sáng sớm Kalipa đánh thức tôi dậy. Chị đã đánh xe chở nước đến đây.

- Tôi đã đổ nước vào két nước rồi đấy! Ra rửa mặt đi, Kêmen, - chị gọi tôi, - tôi dội nước cho mà rửa.

Chị không hỏi han gì tôi hết, và tôi rất biết ơn chị về điều đó. Không phải lúc nào người ta thương hại mình cũng đều thấy thích cả. Khi tôi rửa mặt xong, chị mang ở xe lại cho tôi gói thức ăn và một chai giarma*. Được uống thứ nước cơ-vát chua chua làm bằng gạo rang này, thật thích biết mấy! Đúng là Aldây đã chăm nom cho tôi đấy.

Abakir đến. Hấn không nói gì cả. Vả lại cũng chẳng có gì để sinh sự được. Hấn lạng lẽ lùi xe tới gần máy cày, tôi nối móc vào và chúng tôi lại chuyển đi trên cánh đồng.

Nhưng hôm nay tôi đã ngồi được vững vàng trên máy cày. Tôi đã tin ở mình. Một khi đã chịu được thử thách đầu tiên thì tôi sẽ giữ vững đến cùng!

Phía trước tôi, trong cửa sổ buồng lái, vẫn thấp thoáng cái gáy gân guốc, bướng bỉnh ấy. Chiếc máy kéo vẫn chuyển đi không hề có lúc nghỉ, nặng nhọc rú lên và khua động xích sắt. Và tôi vẫn ngồi, tay không rời bộ phận điều khiển.

Đến giữa trưa Abakir bỗng nhiên tắt máy.

- Xuống, - hấn nói, - nghỉ đã.

Chúng tôi yên lặng ngồi dưới đất trong bóng râm của chiếc máy kéo. Abakir hút thuốc một lúc, bực tức cắn nát đầu điếu thuốc rồi cởi chiếc quần yếm và sơ-mi ra rồi nằm sấp lên đồng quần áo phơi nắng. Lưng hấn rộng, gân guốc và bóng nhoáng lên. Tôi cũng muốn phơi nắng một chút. Tôi cởi áo sơ-mi định trải ra nằm, nhưng giữa lúc đó Abakir ngẩng bộ mặt cau có, lừ đừ lên nhìn tôi.

- Gãi lưng cho tao! - hấn ra lệnh, rồi yên trí rằng tôi sẽ nhanh nhẩu chiều ý hấn, hấn lại gục đầu xuống đôi cánh tay.

Tôi nín lặng.

- Có nghe thấy không? - hấn hùng hổ cựa hai vai, đầu vẫn không ngẩng lên.

- Tôi không gãi!

- Tao bảo là mày phải gãi! - Hấn bật người lên chống tay chồm về phía tôi. - Thế nào, bắt tao chờ đến bao giờ nữa?

Tôi hơi nhích người ra xa hấn một chút.

- Lúc nào anh cũng vĩ ngược: tôi là công nhân, tôi nuôi nấng hết thầy mọi người... Nhưng anh chỉ là công nhân vì anh có việc làm, chứ xét tâm

địa thì anh không phải là công nhân, giá anh là địa chủ thì phải hơn.

- Ủ đây! Mà mày cũng đừng có đụng vào tâm địa tao! - Hấn thình lình búng vào mũi tôi một cái.

Tôi đứng bật dậy và vung hai quả đấm xông vào hấn. Abakir hình như chỉ chờ có thế. Hấn dồn hết mỗi hần thù và căm ghét tích tụ lại trong những ngày vừa qua vào một đòn khủng khiếp quật tôi ngã quay lơ xuống đất. Khó khăn lắm tôi mới quỳ lên được, và căm giận không còn biết suy xét gì nữa, tôi cứ thế lao vào Abakir. Hầu như mỗi đòn hấn đánh đều làm tôi ngã nhào xuống.

- Tao sẽ cho mày biết mùi quả đấm của tao! Tao sẽ cho mày xem tâm địa của tao! - hấn day đi day lại, tay giáng xuống những quả đấm nặng trĩch.

Nhưng tôi vẫn chồm dậy hết lần này đến lần khác, và lặng lẽ, uất ức xông vào đánh hấn. Tôi cứ nhằm vào mặt hấn, vào bộ mặt thú vật ấy mà nện, còn hấn toàn đánh những đòn chính xác, có tính toán, vào bụng, vào sườn, vào ngực tôi.

Lần này tôi lại đứng lên và chậm chạp bước tới gần hấn. Hấn giơ tay ra, thở hồng hộc như một lão đồ tể, thẳng cánh giáng quả đấm vào cổ tôi. Tôi khuyu xuống đất, nằm cắn môi để đừng bật ra một tiếng rên nào.

- Cứ nằm đấy ông viện sĩ ạ! Thử ngửi xem đất có mùi gì! - hấn thở hổn hển nói và nhổ mõi chỗ máu chảy ở đôi môi bị toác ra. - Đối với mày thì đây không phải là chuyện lên lớp về các pho tượng đá đâu.

Hấn bước lại đóng quần áo đã bị hai người dấm bữa lên, rũ sạch và bắt đầu thông thả mặc vào, ung dung như vừa làm xong một nhiệm vụ. Nhưng dầu sao hấn cũng không thể ngờ rằng trong trận này kẻ đã chiến thắng là tôi. Đúng, tôi vẫn không bị bại trận, tuy phải nằm sóng soài trên mặt đất. Tôi đã thấy rõ rằng có thể dùng cả quả đấm mà đánh nhau để bảo vệ lẽ phải. Tôi đã hiểu được là có thể và cần thiết phải đánh lại kẻ nào đánh mình. Đối với tôi, đó là một thắng lợi...

Trong lúc Abakir mặc sơ-mi và xỏ quần yếm, tôi đứng dậy, nhanh chóng mặc áo và ngồi vào chỗ của mình trên máy cày.

Chiếc máy kéo rú lên và chuyển bánh dọc theo đám đất cày. Vẫn chiếc gáy bướng bỉnh, gân guốc thấp thoáng trong cửa sổ buồng lái, và tôi lại vẫn là người thợ phụ đang nắm chắc lấy tay điều khiển lưỡi cày.

4

Trong cuộc sống của chúng tôi đã có một vài thay đổi. Người ta dùng xe hơi chở đến cho chúng tôi chiếc xe hai ngựa kéo, kèm theo cả ngựa, để chở hạt giống đến chỗ đất đã cày. Lại thêm cả một người nữa mới đến để đánh xe. Bây giờ thì việc đánh xe chở nước cũng đã nhẹ nhàng hơn. Chiếc máy kéo của Xadabêk và Exirkep được điều sang gieo hạt, còn tôi và Abakir vẫn tiếp tục cày.

Lại còn một việc rất quan trọng nữa.

Cách đây mấy hôm, tôi ăn cơm trưa xong đang đi xe ngựa ra đồng thì bỗng trông thấy cô gái chặn cừ. Tôi nhảy từ trên xe xuống. Người đánh xe định kìm ngựa, nhưng Abakir không cho dừng lại.

- Đi đi, đừng có dùng dằng, - hấn càu nhàu ra lệnh.

Tôi chạy về phía người con gái, và cô cũng bỏ cừ đấy chạy lại gặp tôi. Nhưng rồi tôi cũng chẳng chạy được đến nơi: còn phải đuổi theo chiếc xe cho kịp lúc bắt đầu làm việc. Tôi đứng lại.

- Chào chị! - tôi gọi to.

- Chào anh! - cô đáp và cũng dừng lại.

- Gặp cô tôi rất mừng, nhưng tuyệt nhiên không biết nói gì được.

- Sao lâu nay không thấy anh đánh xe chở nước, bây giờ anh làm ở đâu?

- Bây giờ tôi làm ở máy kéo! - tôi kêu to trả lời, không khỏi có ý tự hào.

- Chúng tôi làm trên cánh đồng đằng kia kìa! Xin lỗi nhé, tôi đang vội lắm!

- Chạy đi, chạy đi! - cô vẫy tôi.

Tôi cầm đầu đuổi theo chiếc xe ngựa, chỉ ngoái nhìn lại có một lần. Người con gái vẫn đứng nguyên chỗ cũ trông theo

Chiếc xe ngựa dừng lại, nhưng tôi chạy rất nhẹ nhàng và thoải mái. Tôi sung sướng lắm. vì cô đã vẫy tôi, vì tôi đang chạy trên cánh thảo nguyên mênh mông giữa mùa xuân...

Ngày hôm sau cô xuất hiện bên cánh đồng của chúng tôi. Cô đứng trên gò đất gần đấy trông lũ cừ mẹ và bầy con. Tôi rất muốn đến bên cô dù chỉ

một phút thôi, nhưng đời nào Abakir cho phép, đời nào hấn lại có thể làm được một việc như thế? Tôi chẳng buồn hỏi xin phép hấn nữa.

Đến lần sau, khi người con gái xuất hiện trên gò đất thì tôi với Abakir đang đứng bên chiếc máy kéo nổ xinh xịch, hấn đang kiểm tra lại một bộ phận nào đấy trong động cơ.

- Sao con bé hay đến đây thế nhỉ? - Abakir hỏi.

- Tôi không biết.

- Nó tên là gì?

- Tôi cũng không biết.

- Chà, ông viện sĩ! - Hấn nhỏ nước bọt, vẻ chế giễu, và liếc mắt nhìn về phía cô gái. - Con bé kháu đấy.

Tôi giận dữ nhìn hấn.

- Đi, ngồi vào chỗ! - hấn quát to, và chúng tôi lại tiếp tục chuyển đi.

Trong khi đó người con gái lùa bầy cừu từ trên gò xuống một chỗ đất quang cách đồng của chúng tôi chừng trăm bước. Ước gì được chạy đến bên cô, ngồi cạnh nhau chuyện trò một lát và nhìn mớ tóc xinh xinh trên trán cô...

Chiếc máy kéo bỗng dừng lại. Abakir thò đầu ra khỏi buồng lái.

- Gài chắc cần lại! Lên đây!

Tôi bước từ trên cày xuống, hoang mang đi lại chỗ Abakir. Mọi khi trong lúc làm việc hấn vẫn không cho tôi được vào buồng lái.

- Ngồi đây. - Hấn nhường chỗ cho tôi. - Học lái đi!

Tôi hết sức kinh ngạc. Tôi không thể ngờ hấn có thể làm một việc như thế. Sao hấn bỗng dừng lại quay ra xử tốt với tôi như vậy? Song, chẳng phải suy nghĩ lâu, tôi chuẩn bị làm theo lệnh hấn.

- Ấn bàn đạp xuống. Dận côn đi. Thế. Bây giờ từ từ nhả bàn đạp ra. Giữ lấy hai cần điều khiển răng trực...

Chiếc máy kéo nổ máy xinh xịch chuyển đi và chúng tôi chạy dọc theo luống cày. Tôi vui sướng đến nghẹn thở. Tôi không còn suy nghĩ gì cả, không có việc gì trên đời này làm tôi bận tâm đến nữa. Tâm trí tôi dồn hết vào mỗi một điều mong ước: làm sao điều khiển được chiếc máy kéo, hiểu được cơ chế của nó. Đã bao lâu nay, tôi vẫn mơ ước như vậy! Và đây, chiếc

máy kéo dững mãnh đang tuôn theo tay tôi, ngoan ngoãn tiến về phía trước, các xích sắt khua loảng xoảng lún sâu xuống đất. Và bản thân tôi cũng hầu như biến vào cơ chế máy; chỉ tập trung vào mỗi một việc làm các động tác cần thiết cho chính xác.

Đến cuối luống cày tôi lái vòng lại cũng khá chỉnh. Kể ra không có thợ phụ thì ở đầu ngoặt còn bỏ sót những khoảng đất khá lớn không bén lưỡi cày. Nhưng cũng chẳng đến nỗi tai hại gì cho lắm: dễ thường đất Anarkhai này ít lắm hay sao! Nhưng bù lại, tôi sẽ học lái được máy kéo!

Chúng tôi làm được vài vòng như thế. Tim tôi không còn đập mạnh như trước nữa, tôi đã cảm thấy vững dạ hơn.

- Đừng hốt, viện sĩ nhé! - Abakir quát vào tai tôi. - Tao ra đây một lát. Có chuyện gì cứ tắt máy đi!..

Hắn nhảy xuống trong lúc máy kéo đang chạy và vừa rũ bụi, sửa sang lại quần áo, vừa bước tới chỗ cô gái chặn cừu. Lúc này cô đã ở ngay bên cạnh. Đến bây giờ tôi mới vỡ lẽ hắn có chủ định gì. Thì ra hắn cho lên buồng lái cũng chẳng phải vô tư.

Abakir đứng cạnh người con gái và chuyện trò huyền thuyên với cô. Có gì mà hắn phải lo!.. Công việc vẫn chạy, chiếc máy kéo ngay bên cạnh, có chuyện gì thì lúc nào mà chẳng chạy đến ngay được.

Tôi rất khó chịu với cái mẹo của Abakir. Nhưng đồng thời tôi cũng thấy sung sướng, vì chính tôi đang lái máy kéo đây này! Tôi muốn vẫy cô từ trong buồng lái, nói to lên với cô một câu gì thật ôn tồn. Chà, giá không có Abakir ở đấy! Hắn nói gì với cô và cô trả lời hắn những gì? Cô nên cẩn thận, nghiêm nghị hơn với hắn mới được...

Tôi ngồi liền trên máy kéo khoảng một tiếng rưỡi, cho đến khi cô gái lừa cừu về. Trên mặt Abakir tôi không nhận thấy một nét gì tỏ ra hắn đã thành công. Không, ngoài vẻ dương dương tự đắc một cách đần độn thường ngày ra, nét mặt hắn chẳng nói lên gì hết.

- Đi, viện sĩ, về chỗ! - Hắn vờ vai tôi và nhếch mép cười khẩy.

Tôi lặng thinh nhảy từ trên máy kéo xuống.

Hôm sau, cô thiếu nữ của chúng tôi lại đến. Abakir lại để tôi ngồi trong buồng lái và bước lại gần cô. Giá cô đừng đến nữa còn hơn. Tôi không thể bỏ chiếc máy kéo, nhưng cũng không thể đứng đứng trước cảnh ấy được.

“Làm cách nào báo trước cho cô ấy đề phòng? - tôi thầm nghĩ, thỉnh thoảng lại từ trong buồng lái ném những cái nhìn lo âu về phía hai người. - Cô không nên gặp hắn. Nhưng làm sao có thể cấm người ta trò chuyện với nhau được? Con người phải tự biết mình đang tiếp xúc với ai...”

Lần này chỉ được một lát người con gái đã bỏ đi. Thấy thế, tôi mừng lắm. Cô chạy đi trên thảo nguyên, không hề ngoái lại, xua cừu đi mỗi lúc thêm nhanh. “Tha thứ cho tôi, cô bé ạ, - tôi thầm gửi tới cô những lời xin lỗi. - Cô bỏ đi ngay như vậy là rất tốt. Nhưng chúng mình sẽ còn gặp nhau. Lần sau tôi sẽ không ngồi lì trên máy kéo nữa, mà sẽ chạy đến gặp cô. Còn bây giờ thì cứ đi đi, đừng dừng lại, cô bé đáng yêu có mớ tóc rũ trước trán ạ... Tôi đã biết tên cô là gì đâu...”

Nhưng tôi đã uống công tính đến cuộc gặp gỡ lần sau. Cô gái không đến nữa. Ba ngày liền hai chúng tôi cùng chờ đợi cô, tất nhiên là chẳng ai nói ra. Abakir cúi kính và cục cằn hơn mọi ngày. Hắn lại nhìn tôi bằng con mắt hằn thù ra mặt. Nhưng tôi bây giờ cũng chẳng giấu vẻ khinh miệt đối với hắn. Tôi hiểu rằng hắn có làm điều gì xúc phạm đến người con gái, tôi cảm thấy có lỗi với cô, như thế đã không che chở được cho cô tránh khỏi một việc gì bất lương, đen tối. Tôi tự hứa bao giờ có dịp sẽ đi tìm cô ngay và thẳng thắn nói hết cho cô rõ. Tôi bắt đầu mơ ước tới cuộc gặp gỡ ấy, tôi mong muốn như vậy và chứa chan hy vọng.

Đúng vào những ngày ấy, có lần chúng tôi gặp mưa ở ngoài đồng. Trận mưa như trút thành linh ập tới. Một trận mưa rào dữ dội ở thảo nguyên có chen cả mưa đá. Không khí rít lên ào ào, chỉ trong nháy mắt trên mặt đất đã đầy những vùng nước tràn trề réo sùng sục. Nhưng Abakir vẫn không dừng máy. Ngược lại, hắn càng cho chạy nhanh hơn và không hề ngoái lại tôi lần nào, mà tôi thì đang ngồi dưới trận mưa rào lẫn mưa đá.

Những lớp đất sũng nước bị xối lên không còn lật ra sau các lưỡi cày nữa. Chúng bết vào cày, đùn lên khung máy, lên chân tôi. Chắc hẳn Abakir sẽ chẳng dừng lại thật nếu như các vòng xích không bị những hòn đất quánh dính chặt lấy không chạy được nữa. Hắn bèn tắt máy và châm thuốc hút, nằm ngả người ra trong buồng lái, chắc là đang chờ tôi xin hắn cho vào trú dưới mái che. Nhưng bây giờ tôi còn thiết gì nữa. Tôi đã bị ướt sũng từ đầu đến chân. Tôi không bỏ máy cày bước xuống, cứ ngồi dưới mưa, tay vuốt sạch những chỗ bẩn. Vật duy nhất mà tôi cố giữ cho khỏi ướt là quyển sổ

tay đã ghi được ít nhiều và có chép những đoạn trích trong các cuốn sách tôi từng đọc qua. Tôi đút quyển sổ vào trong cổ giày ủng.

Trận mưa bỗng tạnh hẳn, như bị cắt ngang. Và tức khắc bầu trời ửng lên một màu ngọc bích trong suốt sâu thăm thẳm. Nền trời tựa như tiếp tục vẻ đẹp tinh khiết của vùng thảo nguyên bao la được trận mưa xuân dồi dào tưới xuống. Nhưng khoảng rộng vô biên của miền Anarkhai lại càng bát ngát mênh mông. Một dải cầu vồng bắc ngang nền trời Anarkhai, vươn từ hai đầu tận cùng của thế giới và sừng sững trên cao, kết tinh lại tất cả những màu sắc êm dịu trên đời. Tôi hân hoan đưa mắt nhìn quanh. Bầu trời lằng lằng một màu xanh vô tận, dải cầu vồng muôn sắc lung linh và cánh thảo nguyên bàng bạc mọc toàn ngải đắng! Mặt đất khô đi rất nhanh, và cao tí trên nền trời, một con đại bàng lượn vòng, đôi cánh im lìm căng rộng. Tưởng chừng như không phải tự con đại bàng bay trên đôi cánh của nó, mà chính là nhịp thở mãnh liệt của thảo nguyên, những luồng hơi ấm của đất này đã đưa chim lên cao đến thế.

Và tôi lại cảm thấy mình có sức mạnh, tôi đã lấy lại được tinh thần, những ước mơ về đất nước Anarkhai lại trỗi dậy trong lòng tôi. Phải, giờ đây tôi đã đứng vững vàng trên mặt đất. Và không còn ai có thể gieo bóng tối vào những mơ ước của tôi, ngăn cản tôi tin tưởng vào tương lai tươi đẹp vô ngần của vùng thảo nguyên Anarkhai. Tôi không phải là thi sĩ, nhưng trước đây thỉnh thoảng tờ bích báo ở trường vẫn đăng thơ tôi. Bây giờ tôi cũng lại rút quyển sổ ghi trong ống giày ra. Và như sẵn đà, tôi cứ thế ghi ngay những dòng đầu tiên đòi được viết ra giấy:

Một vùng không vết chân ai
Năm đây sau rặng Kurđai bao đời;
Anarkhai đồng cỏ xa vời,
Nắng hun cháy đất, tuyết vùi mênh mông.
Ta biết, một ngày, không xa nữa,
- Ngày ấy đang đi giữa đoạn đường -
Thảo nguyên ngải mọc mênh mông
Phải thành đất nước tươi hồng Anarkhai.

Tôi không nghĩ đến chuyện mình đã làm ra những vần thơ vụng về lủng củng. Tôi thấy khổ tâm vì một lẽ khác: chúng không diễn đạt nổi lấy một

phần trăm những điều đang chen chúc, đang dấy lên mãnh liệt trong tâm hồn tôi. Tôi khổ sở ngồi bối rối mãi không biết làm thế nào tìm ra được những lời lẽ duy nhất xác thực để nói lên những ước mơ của tôi đúng như tâm hồn tôi vẫn ấp ủ. Nhưng bỗng có ai giật cuốn sổ ra khỏi tay tôi. Tôi quay lại nhìn.

- Làm thơ tình à! - Abakir bước sang một bên cất tiếng cười gần hiềm độc. - Định đem thơ đi tán gái chăng?

- Đưa đây! - tôi phần uất chồm về phía hắn. - Đọc của người khác là không tốt!

- Mà đừng có lên lớp với tao: tốt, không tốt! Tao có cái tốt của tao! Xê ra!

- A, thế hả! - Tôi chạy lại máy kéo và vợ lấy chiếc tay quay.

- Này, này! Abakir lên tiếng đe tôi. - Thôi cầm lấy, rõ vợ vẫn. - Hắn trả tôi cuốn sổ, và một phút sau bỗng cười phá lên rống vang cả thảo nguyên. - Đất nước Anarkhai! Ha-ha-ha! Mà thật là đồ ngu, thằng viện sĩ ạ! Những đứa như mày thì phải lừa hết lên đây cho biết mùi đời!.. Đất nước Anarkhai, chỉ mơ ước hão huyền! Ha-ha-ha! Nó sẽ còn cho mày xem nó là thứ đất nước gì! Cứ ở lại đây một mùa đông rồi mày khắc phải hót sang điệu khác ngay cho mà xem...

- Tôi sẽ không hỏi anh xem tôi có nên ở lại hay không! Anh cứ nghĩ đến cái thân mình đi đã!

- Tao còn có gì mà phải nghĩ? - Abakir tiến lại gần tôi với nụ cười u ám. - Ý nghĩ của tao nằm trong cái đầu này. Ở đâu thì tao cũng vợ được những thứ của tao. - Hắn đã toan bước đi, nhưng lại sực nhớ ra điều gì, hắn dừng lại và đến bên tôi hạ giọng nói: - còn mày, thằng viện sĩ, không được nghĩ đến con bé nữa. đừng có mơ tưởng... Tao sẽ quật chết.

- Cứ để đấy rồi xem!

- Nhưng tao cấm mày, dù chỉ nghĩ đến thôi cũng không được!

Tôi bỗng thấy thương hại con người quá quắt, mất cả lý trí vì hần học, thâm thù tất cả những gì có một cuộc sống khác mình. Tôi bình tĩnh bảo hắn:

- Anh là người lớn; đôi khi anh cũng nói được những điều đúng đắn. Nhưng đó rõ ràng chỉ là ngẫu nhiên, bất thần nói ra thôi. Anh nên nhớ rằng

không ai có thể cấm ai suy nghĩ, mong muốn, ước mơ. Con người ta khác với giống vật chính là ở chỗ biết suy nghĩ.

Không biết những lời tôi nói có tác động tới hấn không, nhưng hấn lặng thinh, chỉ sa sầm mặt bước về máy kéo và xoay mạnh chốt mở máy. Động cơ bắt đầu chạy một cách dễ dàng, lại phải bắt tay vào việc...

Từ giờ phút đó tôi không hề rời bỏ những mơ ước của mình nữa. Tôi đã giành được chúng, tôi đã lại có quyền áp ử chúng. Và từ đây chúng không lia bỏ tôi nữa, chúng cùng sống với tôi.

Buổi tối, khi mọi người bắt đầu sửa soạn đi ngủ, tôi bước ra khỏi lều đi đến ngọn suối. Không hiểu có sức mạnh nào kéo tôi đến đây, tôi muốn một mình ngồi riêng lại với mình một lát.

Sao ở trên trời chật quá, nên phải chạy xuống chân trời sát tận mặt đất. Nhưng có rất nhiều sao, mà có lẽ là tất cả các vì sao đang lơ lửng trên đầu đều thu gọn một cách lạ lùng vào ngọn suối, in bóng xuống vũng nước tròn lúc này tưởng chừng như sâu vô tận. Chúng lấp lánh, lung linh trên mặt nước, dường như có thể mọc lên gieo thành từng nắm vụn lửa trên bờ. Ở chỗ suối chảy chúng cũng trôi theo dòng nước và vỡ tung tóe trên lòng đá sỏi. Nhưng chỗ suối nước ngưng lại, trầm tư, lặng lẽ, thì chúng lại long lanh như ở trên trời, và tôi đã nghĩ rằng ngọn suối giữa thảo nguyên đôi lúc có một cái gì giống như tâm trạng con người khi đang trong sáng và dào dạt những ước mơ, khi nó trở nên sâu thẳm tới mức có thể chứa hết cả thế giới chung quanh.

Tôi cứ ngồi bên ngọn suối, nhìn, nghe, tiếp cảm bằng từng đường gân thớ thịt, hấp thụ lấy cánh thảo nguyên đang nấu mình trong đêm và biến đổi nó đi theo ý riêng trong các ước mơ của mình. Biết kể cho ai nghe những ước mơ ấy, biết chia sẻ tâm tình với ai? Khó lòng mà giải thích được vì sao, nhưng tôi cảm thấy người ấy chính là cô thiếu nữ có mớ tóc rủ trước trán mà tôi chưa biết tên ấy. Cô sẽ hiểu được tôi, cô sẽ cùng chia sẻ những niềm xúc động trong lòng tôi. Phải chăng vì lần đầu tiên chúng tôi đã gặp nhau ở đây, bên ngọn suối này, và đặt tên cho nó là suối Mắt lạc đà?

Giờ đây cô ở đâu, liệu có biết rằng tôi đang nghĩ đến cô không? Chúng tôi sắp sửa cày xong, và khi đó tôi sẽ tìm gặp cô, dẫn cô đến đây, bên ngọn suối này, và kể cho cô nghe về đất nước Anarkhai. Không phải bằng thơ - không, cô sẽ cười cho nữa ấy! - tôi sẽ kể rất giản dị, bằng những lời lẽ bình

thường, những điều tôi hình dung về cuộc sống mai sau trên thảo nguyên Anarkhai.

Trước khi về, tôi lại đưa mắt nhìn bầu trời điểm sao lần nữa. Đôi mắt tôi vui mừng với hết thấy những gì có thể nhìn thấy được. Nhưng trên gò đất, bức tượng đá hình thù cổ quái vẫn sừng sững như mọi khi, bóng đen lơ mơ trong đêm tối. Tôi hình dung thấy lúc này bức tượng cũng đang đứng đây, vẫn giữ vẻ thờ ơ lãnh đạm đối với hết thấy mọi sự đời, con mắt đục nhất không hồn nhìn về phía xa.

Trăng đã lên, và dưới ánh trăng tôi trông thấy hai bóng đen đang dò dẫm đi phía bên kia vạt đất cày. Đó chính là hai con giây-ran - giống hươu vùng thảo nguyên. Chúng đi đâu? Có lẽ là đến uống nước suối. Hai con giây-ran tới sát cánh đồng và đứng sững lại, không dám bước vào chỗ đất đã xối tung lên sức mùi xăng, mùi sắt lạ lẫm. Chúng đứng như thế hồi lâu không nhúc nhích. Ánh trăng mạ một lớp bạc mỏng lên mình chúng. Con đực với đôi sừng có nhiều nhánh trên đầu và con cái thấp hơn, cổ có yếm, đôi mắt to lóng lánh trong bóng đêm. Nó cũng vươn cái đầu nhẹ nhõm lên như con đực và nép sát vào mình bạn. Chúng cứ đứng lặng đi như vậy. Tất cả giáng điệu của chúng lộ vẻ hãi hùng và băn khoăn: “Những gì đã xảy ra với thảo nguyên? Lối mòn xưa đã mất đi đâu? Sức mạnh nào lật đất này lên vậy?”

Thế rồi hai con giây-ran không dám đi qua cánh đồng. Chúng quay lại và lặng lẽ bỏ đi, mang theo trên đôi lưng mềm mại những mảnh bạc từ vầng trăng rầu rĩ hắt xuống.

Tôi ngồi thêm chút nữa để đôi giây-ran có thể yên dạ quay đi. Sau đó tôi trở về lều, lần mò tìm chỗ trong bóng tối và nằm mãi hồi lâu, mắt mở thao láo.

Và tôi bỗng nghe thấy có tiếng thì thầm. Abakir và Kalipa đang nằm cạnh nhau. Có lẽ trước đây cũng vẫn thế mà tôi không biết. Kalipa sục sùi nói gì nhưng tôi không nghe rõ.

- Thôi đi, đủ rồi, - Abakir làu nhàu, giọng ngái ngủ. - Rồi chúng mình sẽ ra tỉnh và đến đây sẽ thu xếp ổn thỏa hết. Cô chỉ phải nằm độ hai ngày... Có gì mà phải làm khổ thân vô ích nào?

Kalipa đáp lại, giọng chua xót:

- Chẳng phải tôi cực thân về chuyện ấy. Tôi tự cảm ghét, khinh miệt tôi... Tại sao lại đi yêu một người như anh? Tôi đã tìm thấy ở anh những gì,

thật không sao hiểu nổi... Anh đã làm được một điều gì có thể gọi là tốt lành cho người khác chưa? Không, tôi thật chỉ như một con chó quẩn lầy anh thôi...

- Cô sẽ không phải hối tiếc đâu. Làm xong việc ở đây là tôi sẽ đưa đi.

- Không, tôi sẽ còn hối tiếc. Tôi biết tôi sẽ còn ân hận suốt đời. Nhưng dù sao tôi cũng sẽ đi. Tôi không muốn ở lại một mình...

- Khế chứ nào. Nằm dịch lại đây. Đấy, cứ như thế từ nãy có hơn không, khỏi phải làm ướt cả chiếc gối thế kia.

Tôi trùm chăn kín đầu. Muốn ngủ đi cho mau để khỏi phải nghe câu chuyện nao lòng ấy.

5

Mặt trời càng ngày càng gay gắt, nồng nực hơn. Xôrôkin đến xem xét tình hình nhiều hơn trước. Cần phải làm gấp, thời hạn dồn đến nơi, đất khô lại. Chúng tôi còn phải cày độ năm hôm nữa, công việc gieo hạt cũng còn độ ngàn ấy.

Xôrôkin nói từ mùa thu chúng tôi sẽ bắt đầu cày ải, còn sang năm họ sẽ đưa đến đây rất nhiều máy kéo và sẽ xây dựng ở đây một trạm sửa chữa máy kéo. Mọi việc đều đã được Xôrôkin tính toán kỹ càng. Ông ta chạy khắp thảo nguyên, đi khắp mọi vùng, xem xét mọi lòng khe, hẻm đất không hề biết mệt. Không những ông chỉ biết rõ thảo nguyên, mà cả dải thảo nguyên đều nằm gọn trong đầu ông, được nghiên cứu kỹ càng đến từng hạt cát.

Đã đến lúc có thể bãi bỏ việc chở thức ăn đến cho súc vật bằng xe hơi hay máy bay như thường vẫn phải làm trên vùng Anarkhai trong những mùa đông gian khổ. Và Xôrôkin biết rõ phải làm thế nào để thực hiện được việc ấy.

Bây giờ tôi cùng Abakir cày đến tận đêm khuya. Chúng tôi thường ngủ lại ngoài đồng và sáng sớm lại bắt tay vào việc. Công việc nặng nhọc đến nỗi Abakir đành để cho tôi yên. Dường như hẳn không còn nhận thấy tôi, không hề chú ý gì đến tôi nữa. Nhưng mối ác cảm ngấm ngấm đối với tôi vẫn còn đọng trong đôi mắt lăm lăm li của hắn. Nhưng tôi cũng chẳng vì thế mà

khổ thêm chút nào. Tôi làm phận sự của tôi và sống bằng những ước mơ ấp ủ trong lòng. Tôi đợi ngày tôi sẽ đến xóm những người chần cừ ở bên kia ngọn đồi tìm cô gái có mớ tóc rũ trước trán.

Mấy hôm nay chúng tôi bắt đầu cày vỡ một vạt đất mới khá rộng. Bắt tay vào một cái gì mới mẻ bao giờ cũng thấy thích, khi đó là một công việc mình vẫn mong muốn, một công việc sẽ làm mình hài lòng. Hồi còn đi học tôi vẫn thích viết dòng chữ đầu tiên trên trang giấy mới trắng tinh. Tôi thích dậy sớm ra chạy trên lớp tuyết còn nguyên vẹn, để lại trên tuyết những vết chân đầu tiên. Tôi thích khi xuân đến, đi vào chân núi hái những bông kim hương chưa một ai nhìn thấy. Trong những việc ấy, cái mới mẻ, tinh khiết có một sức quyến rũ lạ lùng. Ở đây, trên đất Anarkhai này, một luống cày mới trên cánh đồng hoang đối với tôi cũng là dòng chữ đầu tiên, lớp tuyết còn nguyên vẹn hay những bông kim hương chưa ai hái.

Tôi ngồi trên máy cày và ngắm nhìn những lưỡi cày bén dưới chỗ tôi ngồi đang rạch những luống đầu tiên. Các lưỡi thép được mài nhẵn, bóng lộn lên, kiên trì đâm mạnh vào lòng đất, nhẹ nhàng lật ra các lớp vữa.

Bỗng có một vật gì ánh lên dưới lưỡi cày ngoài cùng, tựa như một con cá nhảy lên trên ngọn sóng; vật đó dội ánh lửa vào lưỡi cày bóng như gương rồi bị vùi ngay xuống dưới luống. Tôi nhảy vọt từ trên cày xuống, bổ nhào lại chỗ ấy và lôi từ dưới đất lên một khúc kim loại nặng hình thuẫn thuẫn. Không biết đó là cái gì, nhưng trông đẹp lắm, làm tôi mừng rỡ giơ cả hai tay lên reo to:

- Vàng!

Abakir nghe tiếng reo ngoái lại, hăm máy và nhảy ngay xuống đất:

- Mà bắt được cái gì thế?

- Vàng! Abakir xem này, vàng!

Hắn đi về phía tôi, lúc đầu còn bước thong thả, nhưng rồi mỗi lúc một vội vã thêm. Tôi chìa bàn tay ra cho hắn xem cái vật óng ánh vàng xinh đẹp ấy.

- Xem nào! - Hắn ngừng vục cầm lên tay vật tôi bắt được, vừa ngắm nghía vừa chùi vào tay áo. - Mà làm sao lại có vàng ở đây được? - Hắn thốt lên, giọng ngắc ngứ, mặt tái đi như trước một cơn sợ hãi vừa đột ngột tràn vào lòng. Không có lẽ, - hắn gượng gạo cười khẩy, lấy móng tay cạy đất ở

những chỗ sút mẻ, rồi không nhìn vào mắt tôi, hấn đưa trả lại thỏi kim khí, vể bực mình ra mặt.

- Sao lại không! - tôi hăng hái cãi lại. - Thử nhìn xem, nặng thế này cơ mà, phải đến tám trăm gờ-ram ấy chứ. Vào thế kỷ thứ mười hai. người Mông cổ đã từng ở vùng này, mà trước khi tới đây, họ đã xâm lược Trung Quốc và lấy đi nhiều vàng. Như vậy ở đây cũng có thể có vàng lắm chứ! - Tôi nói thế là vì tôi rất mong vật tôi tìm thấy là vàng thật. Say mê với ý muốn ấy, tôi cứ tiếp tục bịa thêm để thuyết phục cả tôi lẫn Abakir đang ngần ngại đứng sững ra đấy. - Anh có biết vật này đã nằm bao nhiêu thế kỷ dưới đất không? Giá như thứ kim khí khác thì đã bị gỉ ăn mòn hết từ lâu rồi, nhưng vật này vẫn không việc gì, vì nó là vàng nguyên chất. Trên đất Anarkhai này trước kia các bộ lạc du dân vẫn thường xung đột với nhau. Anh có biết ở đây đã diễn ra những trận đánh ác liệt như thế nào không? Thời bấy giờ kiếm của các vị hãn* vẫn đánh chuôi vàng. Vật này chính là cái chuôi kiếm bằng vàng của một vị hãn. Anh cầm lấy mà xem, nắm rất vừa tay.

Abakir cầm lấy thỏi kim khí, nắn nắn nhấc nhấc thử xem nặng nhẹ ra sao.

- Dù chẳng là vàng thì cũng phải đưa cho những người hiểu biết, để cho biết thế thôi! - Hấn bỏ vật nặng vào trong túi. - Mày ngồi trên cây có thể đánh rơi mất. Để tao giữ.

- Cũng được, - tôi đồng ý.

Abakir bước lại máy kéo, vừa đi vừa lấy tay vuốt chỗ túi lúc này nặng trĩu.

Chúng tôi lại tiếp tục đi. Tôi nghĩ đến chuyện sau này sẽ mang vật bắt được về cho thầy Andiarôv làm kỷ niệm. Thầy sư tầm được rất nhiều thứ như thế. Và tất nhiên là thầy sẽ kể cho nghe một chuyện gì rất hay về vật tôi bắt được. Sau đó tôi mệt quá, quên bẵng cả thỏi vàng kia. Chiếc máy kéo chạy không đều làm tôi mệt lử. Không hiểu sao lúc này Abakir lái máy rất lạ: khi thì phân vân giảm tốc độ, khi lại dận ga cho máy chồm lên, tiếng máy rú vánh cả tai. Luồng khói đen từ ống khói tuôn ra kéo thành một đám mây xám đục lơ lửng đọng trên vạt đất mới xới lên, bay là là dưới khung sắt và đầy lưỡi cày.

Chúng tôi cứ làm việc như thế cho đến tận chiều. Mặt trời đã lặn, nhưng trời hãy còn sáng. Abakir ngồi trong buồng lái ngoái đầu lại nhìn tôi mấy lần, không rõ ý ra sao cả. Nhưng hắn bỗng hãm máy lại.

- Lên đây! - hắn vẫy tôi.

Tôi trèo lên buồng lái. Abakir mặt tái mét, đôi mắt nhón nhác đảo quanh. Hắn quệt mồ hôi trán, nói qua tiếng máy nổ âm âm.

- Không hơi sức đâu mà gọi cho mày nghe thấy được nữa! Mày đi gài cần máy cày lại rồi quay lên đây, ngồi lái đi một lúc. Tao thấy khó chịu làm sao ấy, không khéo lại ốm mất. Tao ra ngoài một lát may ra có đỡ chẳng...

- Đi đi! - tôi đáp.

Trong lúc tôi chạy lại máy cày và quay lên, Abakir đã bước xuống đất. Hắn trông lơ đãng, người như thể bật ra. Hắn lạng lẽ đi sang một bên, lưng cúi gò xuống.

“Thôi xem chừng hắn bị ốm nặng rồi. Chắc lại đau bụng hắn, rúm cả người lại thế kia”, - tôi nghĩ và mở máy cho xe chạy.

Chiếc máy kéo chuyển đi với tốc độ khẩn trương, đều đặn. Giờ đây nó lại phải tuân theo ý muốn của tôi. Cũng như những lần trước, tôi hồi hộp cố điều khiển máy cho chính xác. Đến cuối luống cày tôi lái máy kéo đi ngược trở lại. Hoàng hôn đã buông dần xuống mặt đất, khí trời mát lạnh. “Hai vòng nữa là phải bật đèn pha”, - tôi nghĩ và nhìn ra phía trước. Phía trước, men theo sườn đồi, có ai đang lúi lúi đi rất nhanh. Đến chỗ trũng yên ngựa người ấy chạy xuống và khuất hẳn. Tôi chỉ trông thấy được sau lưng. Đó là Abakir. Hắn làm sao thế? Hắn chạy đi đâu? Chắc là trông thấy cái gì hắn. Ra đến giữa cánh đồng, tôi thò đầu ra ngoài buồng lái và nhòm dậy nhìn một lát nhưng không trông thấy Abakir. Hắn đi đường nào rồi? Hắn đang ốm cơ mà. Lạ thật. Tôi dừng chiếc máy kéo lại và để động cơ chạy ở số nhỏ nhất.

- Abaki-ir! - tôi gọi to. - Abaki-ir!

Hắn không thưa. Tôi bèn tắt máy hắn để nghe cho rõ hơn.

- Abaki-ir! Ở đâu thế? Thưa đi chứ! - tôi réo vào thảo nguyên.

Nhưng các triền đất chìm trong bóng hoàng hôn vẫn im lặng.

Nhỡ hắn ngụy đến nơi thì sao? Tôi hình dung thấy hắn đang gò người lại lăn lộn trên mặt đất không sao nằm thẳng ra được. Tôi nhảy từ trên máy kéo

xuống và cắm đầu chạy. Qua chỗ sườn đồi trũng xuống, tôi nhìn quanh. Không có ai cả. Tôi bèn chạy lên mỏm đồi cao và trông thấy Abakir đang bước trên đồng bằng. Hắn đi đã xa.

- Abakir! Đi đâu thế? - tôi hét to, nhưng hắn không hề quay lại, và chẳng mấy chốc biến mất hẳn như đã chui tọt xuống đất.

Tôi dừng thêm một chút nữa và tần ngần quay lại. Trên nền trời, những vệt ánh sáng nhợt nhạt cuối cùng của hoàng hôn đang tắt dần. Bóng tối âm thầm ngả xuống các ngọn đồi và lan rộng trên đồng bằng.

Tôi ngơ ngàng, bối rối bước đi. Tôi bỗng thấy cảnh im lặng rầu rĩ, âm u này kỳ lạ, khác thường quá. Tựa hồ như cánh thảo nguyên đang lắng nghe tiếng chân tôi bước, lắng nghe những ý nghĩ của tôi. Tôi đang nghĩ về Abakir. Trước đây những khi tôi kể lại những điều có thật đã xảy ra tại các vùng này, hắn không tin và đã chế nhạo tôi. Nhưng lúc tôi bịa chuyện nói huyền thuyên về cục vàng phải gió ấy thì hắn lại mất cả trí khôn... Không. Những kẻ như thế chẳng mất trí khôn đâu! Rõ ràng là hắn rắp tâm từ lâu và đã nhiều lần nói lộ ra, nhưng tưởng như chỉ để dọa Xôrôkin thôi. Vì ở đây hắn thù ghét hết thảy, cãi cọ, đánh nhau với mọi người. Còn Kalipa? Chị ta thì hắn lại càng muốn rũ ra hơn ai hết. Hắn cần gì đến chị, bụng mang dạ chửa như vậy, hắn cần gì mối tình của chị! Nhưng dù sao thì hắn cũng chẳng bỏ đi trước ngày lĩnh lương một tuần đâu. Đẳng này hắn lại vừa lĩnh lương hôm qua, tiền chẳng phải là ít. Xưa nay không lúc nào hắn để tiền lại ở lều, bao giờ cũng mang theo, - nghĩa là chỗ việc làm không công cũng chưa đáng bao nhiêu, mới có một ngày thôi, mà biết đâu, nhờ vật bắt được lại là vàng thật...

Tiếng Kalipa gọi cắt ngang dòng ý nghĩ của tôi.

- Abaki-ir! Kêmen! Các người ở đâu thế?

Chị chờ các bi-đông dựng nước đến cho chúng tôi để làm việc ban đêm.

- Đi đằng nào thế? - Kalipa gập tôi lo lắng hỏi. - Sợ quá đi mất! Tôi cứ đợi mãi này giờ, máy kéo thì đỗ đây mà người lại chẳng thấy đâu!

Tôi còn biết trả lời chị thế nào được? Tôi nói thẳng sự thật:

- Abakir bỏ việc đi rồi.

- Thế... vì sao... để làm gì? - chị lấp bắp hỏi.

- Tôi không rõ.

Tôi không đả động gì đến chuyện cục vàng, tôi thấy xấu hổ thay cho Abakir.

- Thế là đi rồi?.. - chị nín lặng giây lát rồi lôi chiếc bi-đông ra khỏi xe và nặng nề đặt xuống đất. - Tôi chờ nước đến làm gì thế này? - chị ngơ ngẩn nói bâng quơ.

Tôi bung chiếc bi-đông lại kết nước, Kalipa gục mặt vào cạnh buồng lái và khóc nức nở. Tôi xốn xang cả người lên. Tôi không biết làm thế nào để an ủi chị được.

- Có khi anh ta lại quay về đây, - tôi quay lại Kalipa, ngập ngừng nói lúng búng.

- Có phải vì hấn mà tôi khóc đâu, - chị nấc lên và quay phắt bộ mặt đầm đìa nước mắt về phía tôi. - Tôi đã tin, tôi đã mong ước! Nhưng tin vào cái gì? Mong ước những gì? - chị bồng thét, tiếng thét đau khổ réo lên mãnh liệt đến nỗi giữa thảo nguyên trống trải thế này mà cũng có tiếng vang rền rĩ dội lại. - Tôi nghĩ hấn là một kẻ chịu khó làm lụng, tôi tưởng rồi hấn sẽ bỏ được tâm địa độc ác. Tôi đã muốn đem lòng tốt, đem tình yêu sưởi ấm cho tâm hồn hấn. Thế mà hấn... Thôi tôi nói làm gì nữa... Con ngựa cũng biết làm việc, còn con người, sở dĩ người ta là con người trước hết cũng vì có một tâm hồn... có tâm hồn thì làm việc mới thấy hạnh phúc, công việc gì cũng có ý nghĩa... Nhưng hấn, hấn có hiểu gì đâu. Trước đây thế nào thì bây giờ ra đi cũng vẫn như thế. Tôi tủi nhục lắm, ôi, giá có ai biết được tôi tủi nhục đến nhường nào!

Tôi rầu rầu lặng thinh, lòng nặng trĩu. Tôi thấy thương Kalipa và đau đốn thay cho chị. Tôi vẫn không hiểu sao chị lại có thể đi yêu một con người như thế... Nhưng giá Abakir biết được, giá hấn hiểu được rằng hôm nay khi bỏ Kalipa ra đi hấn đã để mất một niềm hạnh phúc chân chính như thế nào, thì không phải là Kalipa, mà chính hấn sẽ phải rống lên như một con chó sói trong những ngày đông tháng giá.

Kalipa ngồi lên xe và lặng lẽ đánh xe đi.

Thảo nguyên Anarkhai đang ngủ yên lành. Văng vẳng từ xa có tiếng còi xe lửa ngập ngừng truyền qua những đợt hoa ngải vọng tới là là sát đất. Có khi Abakir đã bám được vào một toa xe chở hàng mà đi rồi chẳng?.. Thôi thì cứ đi, quân khốn kiếp, đường đi của mày đúng là như thế! Anarkhai vẫn cứ sống, và chúng tao cũng chẳng cần đến mày...

Tôi không muốn nghĩ đến hẳn làm gì nữa. Phải bắt tay vào việc. Tôi loay hoay mãi chiếc máy kéo mới cất tiếng nổ dọ nạt bóng đêm. Tôi ngồi vào buồng lái và bật đèn pha.

Bây giờ tôi phải chịu trách nhiệm về tất cả. Và tôi bỗng thấy muốn sao lúc này có được cô gái đáng yêu với mớ tóc trước trán ngồi bên cạnh mình, muốn cô tin rằng mai đây, trên vùng thảo nguyên ngải mọc hoang vu này, sẽ có một đất nước Anarkhai phồn vinh tươi đẹp.

Nguyễn Ngọc Bằng dịch

Người thầy đầu tiên

Tôi mở tung các cửa sổ. Một luồng gió mát lùa vào phòng. Trong ánh lê minh xanh nhạt đang sáng dần, tôi nhìn kỹ những bản nghiên cứu phác thảo của bức tranh tôi vừa khởi công làm. Những bức vẽ ấy nhiều lắm, và tôi đã nhiều lần vẽ đi vẽ lại từ đầu. Nhưng bây giờ mà nói đến toàn bộ bức tranh thì hãy còn sớm. Tôi vẫn chưa tìm được cái chính, cái mà giờ đây đang vụt đến với tôi một cách bất ngờ, không gì kìm hãm được, mỗi lúc thêm rõ rệt, với một âm vang mơ hồ khó hiểu trong tâm hồn, tựa như những tia sáng đầu tiên của buổi sớm hạ này. Tôi đi đi lại lại trong cảnh tĩnh mịch của buổi lê minh và cứ suy nghĩ, suy nghĩ mãi. Và lần nào cũng đều như thế. Lần nào tôi cũng lại thấy rõ rằng bức tranh của tôi mới chỉ là một ý đồ.

Tôi vốn không phải là kẻ ưa nói trước hay báo tin cho bạn bè, ngay cả bạn thân, biết trước về một tác phẩm còn dang dở. Chẳng phải vì tôi quá ư nâng niu tác phẩm của mình, mà chỉ vì tôi nghĩ khó lòng đoán biết được đứa bé hôm nay còn nằm trong nôi sẽ lớn lên thành người thế nào. Nói đến một tác phẩm dở dang, chưa hoàn thành, cũng khó như thế. Nhưng lần này tôi rời bỏ nguyên tắc: tôi muốn nói lên cho mọi người nghe thấy, đúng hơn là trao đổi với mọi người những ý nghĩ của tôi về bức tranh còn chưa vẽ xong.

Đó không phải là một ý muốn nông nổi. Tôi không thể làm khác, vì tôi cảm thấy một mình tôi không đủ sức đương nổi gánh nặng này. Câu chuyện đã làm rung động tâm hồn tôi. Câu chuyện đã thúc giục tôi cầm lấy bút vẽ, tôi thấy nó lớn lao đến nỗi chỉ riêng lòng tôi thôi thì không sao chứa đựng nổi. Tôi sợ làm sánh mất bát nước đầy, không trao được đến tận tay các bạn. Tôi muốn mọi người khuyên nhủ giúp tôi, mách bảo tôi cách giải quyết, tôi muốn mọi người, dù chỉ là trên dòng tư tưởng, dừng lại cạnh tôi bên giá vẽ, cùng rung cảm với tôi.

Xin đừng tiếc hơi ấm đang nồng nàn trong tim các bạn, hãy lại gần đây, thế nào tôi cũng phải kể lại câu chuyện này...

* * *

Làng Kurkurêu chúng tôi nằm ven chân núi, trên một cao nguyên rộng có những khe nước ào ào từ nhiều ngách đá đổ xuống. Phía dưới làng tôi là Thung lũng đất vàng, là cánh thảo nguyên Cadácxtan mênh mông nằm giữa các nhánh của rặng núi Đen và con đường sắt làm thành một dải thẫm màu băng qua đồng bằng chạy tít đến tận chân trời phía tây.

Phía trên làng tôi, giữa một ngọn đồi, có hai cây phong lớn. Tôi biết chúng từ thuở bắt đầu biết mình. Dù ai đi từ phía nào đến làng Kurkurêu chúng tôi cũng đều trông thấy hai cây phong đó trước tiên; chúng luôn luôn hiện ra trước mắt hệt như những ngọn hải đăng đặt trên núi. Thậm chí tôi cũng không biết giải thích ra sao: phải chăng người ta vẫn đặc biệt trân trọng nâng niu những ấn tượng thời thơ ấu, hay vì do có liên quan đến nghề họa sĩ của tôi, nhưng cứ mỗi lần về quê, khi xuống xe lửa đi qua thảo nguyên về làng, tôi đều coi bốn phận đầu tiên là từ xa đưa mắt tìm hai cây phong thân thuộc ấy.

Dù chúng có cao đến đâu chẳng nữa, đứng xa thế cũng khó lòng trông thấy ngay được, nhưng tôi thì bao giờ cũng cảm biết được chúng, lúc nào cũng nom rõ.

Đã bao lần tôi từ những chốn xa xôi trở về Kurkurêu và lần nào tôi cũng nghĩ thầm với một nỗi buồn da diết: “Ta sắp được thấy chúng chưa, hai cây phong sinh đôi ấy? Mong sao chóng về tới làng, chóng lên đồi mà đến với hai cây phong! Rồi sau đó cứ đứng dưới gốc cây để nghe mãi tiếng lá reo cho đến khi say sưa ngây ngất”.

Trong làng tôi không thiếu gì các loại cây, nhưng hai cây phong này khác hẳn: chúng có tiếng nói riêng và hẳn phải có một tâm hồn riêng, một tâm hồn chan chứa những lời ca êm dịu. Dù ta có tới đây vào lúc nào, ban ngày hay ban đêm, chúng cũng vẫn nghiêng ngả thân cây, lay động lá cành, không ngớt tiếng rì rào theo nhiều cung bậc khác nhau. Có khi tưởng chừng như một làn sóng thủy triều dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm chuyển qua lá cành như một đốm lửa vô hình, có khi hai cây phong bỗng im bặt một thoáng, rồi khắp lá cành lại cất tiếng thở dài một lượt như thương tiếc người nào. Và khi mây đen kéo đến cùng với bão giông, xô gãy cành, tía trụi lá, hai cây phong nghiêng ngả tẩm thân dẻo dai và reo vù vù như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực.

Về sau, sau khi nhiều năm đã qua, tôi mới hiểu được điều bí ẩn của hai cây phong. Chẳng qua chúng đứng trên đồi cao lộng gió nên đáp lại bất kỳ chuyển động khe khẽ nào của không khí, mỗi chiếc lá nhỏ đều nhạy bén đón lấy mọi làn gió nhẹ thoảng qua.

Nhưng việc khám phá ra chân lý giản đơn ấy cũng vẫn không làm tôi vỡ mộng xưa, không làm tôi bỏ mất cách cảm thụ của tuổi thơ mà tôi còn giữ đến nay. Và cho đến tận ngày nay tôi vẫn thấy hai cây phong trên đồi có một vẻ sinh động khác thường. Tuổi trẻ của tôi đã để lại nơi ấy, bên cạnh chúng như một mảnh vỡ của chiếc gương thần xanh...

Cứ vào cuối năm học, trước khi bắt đầu nghỉ hè là bọn con trai chúng tôi lại chạy ào lên đấy phá tổ chim, cứ mỗi lần chúng tôi reo hò, huýt còi âm ỉ chạy lên đồi là hai cây phong khổng lồ lại nghiêng ngả đung đưa muốn chào mời chúng tôi đến với bóng râm mát rượi và tiếng lá xào xạc dịu hiền. Và chúng tôi, lũ nhóc con đi chân đất, công kênh nhau bám vào các mắt mấu và cành cây trèo lên cao làm chấn động cả vương quốc loài chim. Hàng đàn chim hoảng hốt kêu lên, chao đi chao lại trên đầu. Nhưng chúng tôi vẫn chưa coi vào đâu, đến đây đã thám gì! Chúng tôi cứ leo lên cao nữa - nào, xem ai can đảm và khéo hơn! - và từ trên những cành cao ngất, cao đến ngang tầm cánh chim bay, bỗng như có một phép thần thông nào vụt mở ra trước mắt chúng tôi cả một thế giới đẹp đẽ vô ngần của không gian bao la và ánh sáng.

Chiều rộng không cùng của đất đai làm chúng tôi sửng sốt. Mỗi đứa chúng tôi đều nín thở ngồi lặng đi trên một cành cây và quên mất cả chim lẫn tổ chim. Chuông ngựa của nông trang mà chúng tôi vẫn coi là tòa nhà rộng lớn nhất trên thế giới, ngồi đây chúng tôi thấy chỉ như một căn nhà xép bình thường. Phía sau làng là dải thảo nguyên hoang vu mất hút trong làn sương mờ đục. Chúng tôi cố giương hết tầm mắt nhìn vào nơi xa thăm biêng biếc của thảo nguyên và nom thấy không biết bao nhiêu đất đai mà trước đấy chúng tôi không biết đến, thấy những con sông mà trước đây chúng tôi chưa từng nghe nói đến. Những dòng sông lấp lánh tận chân trời như những sợi chỉ bạc mỏng manh. Chúng tôi nép mình ngồi trên các cành cây suy nghĩ: đã phải đấy là nơi tận cùng thế giới chưa, hay phía sau vẫn còn có bầu trời ấy, những đám mây, những đồng cỏ và sông ngòi như thế này? Chúng tôi nín thở ngồi trên các cành cây, lắng nghe những tiếng gió ảo huyền, và

tiếng lá cây đáp lại lời gió, thì thầm to nhỏ về những miền đất bí ẩn đầy sức quyến rũ lẫn sau chân trời xa thẳm biêng biếc kia.

Tôi lắng nghe tiếng hai cây phong rì rào, tim đập rộn ràng vì thảng thốt và vui sướng, và trong tiếng xạc xào không ngớt ấy tôi cố hình dung ra những miền xa lạ kia. Thuở ấy chỉ có một điều tôi chưa hề nghĩ đến: ai là người đã trồng hai cây phong trên đồi này? Người vô danh ấy đã ước mơ gì, đã nói những gì khi vùi hai gốc cây xuống đất, người ấy đã ấp ủ những niềm hy vọng gì khi vun xới chúng nơi đây, trên đỉnh đồi cao này?

Quả đồi có hai cây phong ấy, không biết vì sao ở làng tôi họ gọi là “Trường Duysen”. Tôi còn nhớ hễ có ai lạc mất ngựa phải đi tìm và hỏi thăm: “Này, có thấy con ngựa tía nhà mình không!” là người ta thường hay đáp: “Chỗ trên kia kìa, gần Trường Duysen ấy, đêm qua ngựa vẫn còn ăn cỏ ở đấy, lên tìm may ra thấy”. Bất chước người lớn, bọn trẻ chúng tôi vẫn thường lấp lại không hề suy nghĩ gì: “Các cậu ơi, lên Trường Duysen trèo cây phong phá tổ chim sẻ đi”.

Người ta thuật lại rằng trước kia trên đồi này có một ngôi trường. Nhưng hồi ấy đến dấu vết của ngôi trường chúng tôi cũng chẳng hề tìm thấy nữa. Thuở nhỏ tôi đã mấy lần cố tìm cho được dù chỉ là những vết tích đổ nát của ngôi trường, tôi lang thang tìm kiếm mãi nhưng chẳng thấy gì cả. Về sau tôi bắt đầu lấy làm lạ, không hiểu sao người ta lại gọi quả đồi trụi ấy là “Trường Duysen”, và tôi đã có lần hỏi các cụ già xem Duysen là ai. Một người lơ đãng khoát tay đáp: “Duysen là ai à? Đấy cái lão bây giờ vẫn còn sống ở đây ấy mà, trong thị tộc Cừu thọt ấy. Đã lâu lắm rồi, Duysen bấy giờ còn là đoàn viên Côm-xô-môn. Thời ấy, trên đồi có một căn nhà kho của ai bỏ hoang. Duysen mở trường dạy trẻ ở đây. Mà nào có ra trường sở gì đâu chỉ được cái tên thôi. Chao ôi, thời buổi ấy cũng hay! Bây giờ hễ ai nắm nổi bờm ngựa, biết đút chân vào bàn đạp thì muốn làm gì chẳng được. Duysen cũng vậy. Nghĩ ra cái gì là làm cho được cái ấy. Bây giờ gian nhà chứa ấy chẳng còn được lấy một hòn đá nhỏ, được mỗi một việc là còn lại cái tên...”

Tôi rất ít biết Duysen. Chỉ còn nhớ đó là một người đã luống tuổi, vóc cao lớn, dáng xương xương, có đôi mày quăn rậm. Nhà ông ở bên kia sông, đường Đội hai. Dạo tôi còn ở làng thì Duysen trông coi hệ thống thủy lợi của nông trang và suốt ngày ở ngoài đồng. Thỉnh thoảng ông có đi qua phố tôi, trên yên ngựa buộc một chiếc cuốc lớn, và con ngựa của ông trông cũng giống chủ nó, cũng xương xẩu, vó chân thon nhỏ. Sau Duysen già đi, và

nghe nói ông đi đưa thư. Nhưng đó là nhân thể nói vậy thôi. Vấn đề ở chỗ khác. Theo quan niệm của tôi lúc đó thì người thanh niên Côm-xô-môn phải là một chàng gighit, nói hăng làm hăng hơn hết thầy mọi người trong thôn, thường phát biểu trong hội nghị, viết báo về bọn chây lười và bọn ăn cắp của công. Và tôi không tài nào hình dung ra được con người hiền lành râu rậm ấy trước kia đã có lúc là thanh niên Côm-xô-môn, mà hơn nữa, điều đáng ngạc nhiên nhất là lại dạy trẻ con học trong khi chính mình cũng chẳng biết được bao nhiêu chữ nghĩa. Không, những chuyện như thế tôi không tài nào hình dung nổi! Thành thực mà nói, tôi coi đó chỉ là một trong bao nhiêu chuyện cổ tích được truyền tụng trong làng mà thôi. Nhưng về sau mới biết là sự thể hoàn toàn không phải như thế...

Mùa thu năm ngoái tôi nhận được một bức điện từ làng tôi gửi đến. Bà con trong làng mời tôi về dự buổi khánh thành ngôi trường mới do nông trang xây dựng lấy. Tôi lập tức quyết định về làng, vì làm sao tôi có thể ngôi nhà trong một ngày vui của quê hương như thế được. Tôi còn về trước vài ngày nữa là khác. Tôi định bụng sẽ dạo quanh, ngắm cảnh và vẽ ít bức ký họa. Trong số những người được mời về dự hóa ra có cả bà viện sĩ Xulaimanôva. Tôi nghe nói bà sẽ về đây một hai hôm rồi đi thẳng lên Matxcôva.

Tôi biết rằng người đàn bà hiện nay đang nổi tiếng ấy đã rời làng ra tỉnh từ thuở nhỏ. Sống ở tỉnh thành được ít lâu, tôi cũng đã có dịp làm quen với bà. Bà đã nhiều tuổi, đầy đà, mái tóc chải mượt bạc đi nhiều. Người đàn bà đồng hương nổi tiếng của chúng tôi làm chủ nhiệm bộ môn ở trường đại học tổng hợp, lên lớp giảng triết học, làm việc ở viện hàn lâm, hay đi ra nước ngoài luôn. Bà thường bận nhiều công việc, và tôi vẫn chưa có dịp được quen biết thật gần gũi, nhưng bất cứ lần nào gặp tôi ở đâu bà cũng đều quan tâm đến cuộc sống tại quê hương và thế nào cũng bày tỏ ý kiến, dù là vắn tắt, về tác phẩm của tôi. Có lần tôi đánh bạo hỏi bà:

- Antúnai Xulaimanôvna, giá bà ghé về quê thăm bà con trong làng có lẽ hay đấy. Ở làng ai cũng biết bà, ai cũng hãnh diện vì bà, nhưng phần nhiều mọi người đều chỉ mới nghe danh tiếng thôi, nên có lúc họ nói rằng nhà bác học nổi danh của làng ta hình như muốn xa lánh chúng ta, quên mất đường về Kurkurêu rồi.

- Cố nhiên phải về chứ, - bà Antúnai Xulaimanôvna mỉm cười buồn buồn. Chính tôi vẫn mơ ước được về Kurkurêu từ lâu, đã bao nhiêu năm

không về làng rồi. Kể ra tôi cũng không còn họ hàng thân thích gì ở làng nữa. Nhưng vấn đề đâu phải ở chỗ ấy, thế nào tôi cũng về, tôi phải về; hay nhớ quê hương quá.

Bà viện sĩ Xulaimanôva về đến làng khi buổi lễ trọng thể khánh thành trường học sắp khai mạc. Các nông trang viên trông thấy bà qua kính cửa xe hơi, và mọi người đều đổ ra đường. Từ người quen cho tới người lạ, từ cụ già cho đến đứa trẻ ai cũng muốn bắt tay bà. Có lẽ Antunai Xulaimanôva cũng không ngờ sẽ được đón tiếp như vậy, thậm chí còn luống cuống nữa thì phải. Bà đặt tay lên ngực, cúi chào mọi người và khó khăn lắm mới lách được lên bục chủ tịch đoàn.

Chắc hẳn bà Antunai Xulaimanôva đã từng đi dự nhiều cuộc họp long trọng, và chắc ở đâu bà cũng được đón tiếp nồng nhiệt và kính cẩn, nhưng nơi đây, trong ngôi trường làng bình thường này, thái độ niềm nở ân cần của dân làng đã làm bà hết sức bồi hồi cảm động, và bà luôn cố giấu những giọt nước mắt bất giác trào ra.

Sau phần nghi lễ các em thiếu nhi thắt khăn quàng đỏ cho vị khách quý, mang tặng hoa và mở đầu quyển sổ danh dự của nhà trường mới lập bằng tên bà. Kế đó là cuộc biểu diễn văn nghệ rất vui vẻ hấp dẫn của học sinh, rồi ông hiệu trưởng mời chúng tôi, các tân khách, thầy giáo và lao động xuất sắc của nông trang về nhà ông.

Đến đây họ vẫn chưa thể hết mừng rỡ với cuộc về thăm của Antunai Xulaimanôva. Họ mời bà ngồi vào chỗ danh dự có trái thảm và cố tìm mọi cách để nêu rõ lòng kính trọng của họ đối với bà. Như trong tất cả những dịp như thế, bầu không khí hết sức náo nhiệt, khách khứa chuyện trò sôi nổi và luôn nâng cốc chúc mừng. Nhưng bỗng có anh thanh niên người làng đi vào đưa cho chủ nhân một tập điện tín. Các bức điện được truyền qua tay mọi người: các học sinh cũ chúc mừng bà con trong làng nhân dịp khánh thành nhà trường mới.

- Đây, những bức điện này là do ông lão Duysen mang về phải không? - ông hiệu trưởng nói.

- Vâng, người thanh niên đáp. - Ông cụ bảo suốt dọc đường quát ngựa luôn tay để về kịp buổi lễ, cho nhân dân được nghe đọc các bức điện. Ông cụ chậm mất một tý, đang buồn.

- Thế để ông ta đứng đấy làm gì, ra bảo ông lão xuống ngựa, mời vào đây!

Người thanh niên ra gọi Duysen. Bà Antunai Xulaimanôvna đang ngồi cạnh tôi, không hiểu sao bỗng giật mình và như chợt nhớ ra điều gì bà hỏi tôi xem họ đang nói đến Duysen nào thế, giọng bà nghe rất lạ.

- Đấy là người đưa thư của nông trang, bà Antunai Xulaimanôvna ạ. Bà có biết ông cụ Duysen à?

Bà gật đầu qua loa, rồi toan đứng dậy, nhưng giữa lúc ấy nghe có tiếng ai cưỡi ngựa đi ngang qua cửa sổ, và người thanh niên quay vào nói với chủ nhân:

- Ácxakan ạ, tôi gọi ông cụ vào đây nhưng ông ấy đi rồi, ông cụ còn phải đi phát nốt thư.

- Thì cứ để ông lão đi đưa thư, giữ lại làm gì. Sau rồi ngồi với các cụ già cũng được, - có người khó chịu thốt ra.

- Ô! Các vị không biết Duysen của chúng ta đấy thôi! Ông ấy là người rất nguyên tắc. Chưa làm xong việc thì không có rẽ vào đâu hết.

- Đúng đấy, tính ông cụ lạ thật. Sau chiến tranh, ở quân y viện ra, ông cụ xuất hiện tại Ukrain, rồi ở lại đấy, mới về làng được năm năm nay. Ông cụ bảo là về chết ở quê cha đất tổ. Suốt đời cứ sống độc thân thế thôi...

- Nhưng giá ông cụ ghé vào một tý lúc này vẫn hơn... Thôi cũng được. - Và chủ nhân khoát tay.

- Các đồng chí, nếu các đồng chí còn nhớ thì ngày xưa chúng mình đã từng học ở Trường Duysen. - Một trong số những người được kính nể nhất ở làng nâng cốc nói. - Mà chính ông ta thì hẳn là chưa biết hết mặt chữ cái. - Người phát biểu nheo mắt và lắc đầu. Tất cả dáng bộ ông ta lộ rõ ý ngạc nhiên và chế giễu.

- Ấy đúng như thế đấy, - mấy giọng nói hưởng ứng theo.

Cử tọa cười phá lên.

- Bây giờ thì còn phải nói gì nữa! Hồi ấy còn thiếu trò gì mà Duysen lại không bày vẽ ra. Chúng mình thì cứ tưởng ông ta là thầy giáo thật kia chứ!

Khi tiếng cười đã ngớt, người vừa nâng cốc nói tiếp:

- Bây giờ mọi người đều đã trưởng thành lên ngay trước mắt chúng ta. Bà viện sĩ Antunai thì cả nước biết tiếng. Hầu hết chúng ta đều có trình độ giáo dục phổ thông, và nhiều người có trình độ đại học. Hôm nay chúng ta làm lễ khánh thành trường trung học mới ở làng, chỉ riêng một điều đó thôi cũng đủ nói lên cuộc sống đã thay đổi biết chừng nào. Vậy thì, thưa bà con, chúng ta hãy cạn chén chúc cho mai này con cháu làng Kurkurêu sẽ trở thành những con người tiên tiến của thời đại.

Mọi người lại ồn ào và nhất tề hưởng ứng cốc rượu mừng, riêng bà Antunai Xulaimanôvna đỏ mặt, như có điều gì khiến bà rất ngượng ngùng, và chỉ nhấp môi vào cốc rượu. Nhưng mọi người đang lúc hoan hỉ và mãi mê trò chuyện nên không để ý thấy thái độ của bà.

Antunai Xulaimanôvna xem đồng hồ mấy lần. Rồi đến khi khách khứa đã ra đường, tôi thấy bà đứng riêng sang một bên, cạnh con kênh đào, cách hẳn mọi người và nhìn chăm chăm lên ngọn đồi chỗ hai cây phong sang độ thu đã ngả màu đỏ úa đang đung đưa trước gió. Mặt trời lặn xuống ngang vệt dài màu tím nhạt của thảo nguyên xa tắp trong buổi hoàng hôn. Từ phía ấy, ánh nắng đang tàn lụi nhuộm một sắc đỏ tía đùng đục, buồn thảm lên ngọn hai cây phong.

Tôi bước lại gần bà Antunai Xulaimanôvna.

- Bây giờ hai cây phong đang rụng lá. Giá bà nhìn chúng vào mùa xuân, lúc đang độ đâm chồi nảy lộc thì thích hơn. - tôi nói.

- Chính tôi cũng đang nghĩ thế đấy, -Antunai Xulaimanôvna thở dài, lặng thinh một lát rồi nói tiếp như tự nhủ mình: - Mà phải, sinh vật nào cũng có mùa xuân và mùa thu của nó.

Trên khuôn mặt luống tuổi đã có nhiều nếp nhăn nhỏ bé xung quanh mắt thoáng hiện vẻ ưu tư. Bà đứng nhìn hai cây phong với nỗi buồn u uất mà chỉ phụ nữ mới có được. Và tôi bỗng thấy như đứng trước mặt tôi không phải là viện sĩ hàn lâm Xulaimanôva nữa mà chỉ là một người phụ nữ Kirghizia bình thường, hết sức chất phác trong mọi nỗi khổ niềm vui. Người đàn bà thông thái ấy hẳn là giờ đây đang nhớ lại tuổi xuân của mình, cái tuổi xuân mà, như lời hát trong các bài dân ca của chúng tôi, đâu có đứng trên đỉnh núi cao nhất cũng không sao gọi thấu. Hình như trong khi nhìn lên hai cây phong bà muốn nói điều gì, nhưng rồi chắc bà nghĩ sao lại thôi và lật đật đeo cặp kính vẫn cầm ở tay lên mắt.

- Hình như xe lửa đi Matxcơva chạy qua đây vào mười một giờ phải không?

- Vâng, lúc mười một giờ đêm.

- Thế thì tôi phải sửa soạn ngay mới được.

- Sao lại đột ngột thế ạ! Antunai Xulaimanôvna, bà đã hứa ở lại vài ngày cơ mà? Dân làng không để bà đi đâu.

- Không, tôi có nhiều việc gấp phải đi ngay bây giờ.

Dù dân làng có cố vật nài đến đâu, có tỏ vẻ giận dỗi đến thế nào. Antunai Xulaimanôvna cũng vẫn một mực không đổi ý.

Trong khi đó trời bắt đầu sẩm tối. Dân làng buồn rầu đưa bà ra xe, sau khi được bà hứa rằng lần sau sẽ về một tuần lễ, có khi lâu hơn là khác. Tôi tiễn Antunai Xulaimanôvna đến tận ga.

Vì sao Antunai Xulaimanôvna lại vội ra đi một cách đột ngột như vậy? Làm phật ý bà con trong làng, nhất là vào một ngày như thế, tôi thấy quả không nên. Dọc đường đã mấy lần tôi định hỏi bà về chuyện đó, nhưng rồi lại không dám. Chẳng phải vì tôi sợ tỏ ra thiếu lịch thiệp, mà chỉ vì tôi hiểu rằng đằng nào bà cũng sẽ chẳng nói gì hết. Suốt dọc đường bà cứ lặng thinh, ưu tư suy nghĩ điều gì.

Tuy vậy, khi lên đến ga, tôi cũng hỏi bà:

- Bà Antunai Xulaimanôvna, hình như bà có điều gì bận tâm, hay chúng tôi đã làm bà giận?

- Sao anh lại nói thế! Anh không được nghĩ như vậy! Tôi còn có thể giận ai được chứ? Họa chẳng giận mình thì có. Phải, lẽ ra phải giận mình mới đáng.

Thế là bà Antunai Xulaimanôvna ra đi. Tôi trở lại thành phố và mấy hôm sau bỗng nhận được thư của bà. Bà cho biết là sẽ ở lại Matxcơva lâu hơn dự định và viết:

“Tuy có rất nhiều công việc quan trọng và khẩn cấp, tôi cũng đã quyết định gác hết lại và viết lá thư này cho anh... Nếu anh thấy điều tôi viết đây đáng được chú ý thì tôi khẩn khoản xin anh nghĩ xem làm thế nào cho mọi người cùng biết câu chuyện tôi sẽ kể. Tôi nghĩ không phải chỉ riêng bà con trong làng mà nói chung mọi người, nhất là lứa tuổi trẻ, đều cần biết câu chuyện này. Tôi đã thấy rõ như vậy sau bao lần đắn đo cặn kẽ. Đó là lời

xung tội của tôi trước mọi người. Tôi cần phải làm tròn bổn phận của tôi. Càng nhiều người biết được thì lương tâm tôi càng đỡ cắn rứt. Anh đừng sợ làm cho tôi lâm vào tình trạng khó xử. Anh đừng giấu giếm gì hết...”

Tôi đã mang nặng trong lòng những ấn tượng của lá thư ấy mấy ngày liền. Và tôi không nghĩ ra được cách gì hơn là thay mặt bà Antunai Xulaimanôvna để kể hết chuyện này.

* * *

Đó là vào năm 1924. Phải, đúng vào năm ấy...

Nơi hiện nay là nông trang chúng ta, bây giờ là một thôn nhỏ của dân nghèo định cư. Lúc ấy tôi mười bốn tuổi và sống ở nhà ông chú họ. Cha mẹ tôi đều đã qua đời.

Mùa thu năm ấy, chẳng bao lâu sau khi những nhà có máu mặt đã dời vào núi để trú qua mùa đông, có một thanh niên lạ mặt mặc áo choàng bộ đội về làng. Tôi còn nhớ chiếc áo choàng, vì không hiểu sao nó lại bằng da đen. Đối với thôn chúng tôi, một thôn hẻo lánh nép vào chân núi cách xa đường cái, sự xuất hiện của con người mặc áo nhà nước này là một sự việc quan trọng.

Lúc đầu người ta bảo rằng đó là một cấp chỉ huy trong bộ đội cho nên về làng cũng sẽ làm trưởng thôn, sau hóa ra anh ta chẳng phải là cấp chỉ huy gì cả, mà chính là con ông lão Tastanbek đã bỏ làng đi làm đường sắt từ dạo đói bao nhiêu năm trước đây, và từ đấy biệt hẳn tăm tích. Còn anh này là Duysen, con ông ta, hình như được cử về làng để mở trường dạy trẻ.

Thời bấy giờ những chữ như “nhà trường”, “học tập” hãy còn là những danh từ mới mẻ, chẳng mấy ai hiểu rõ cho lắm. Người thì tin những tiếng đồn đại, người thì cho đấy là những chuyện đàn bà tán nhảm, và có lẽ họ đã quên mất cái trường ấy, nếu mấy hôm sau không có lệnh gọi dân làng đi họp. Chú tôi càu nhàu mãi: “Lại còn họp hành gì nữa, cứ làm người ta bỏ công bỏ việc mãi vì những chuyện vô vẩn”, nhưng sau ông cũng thắng ngựa và đi họp như mọi người đàn ông khác biết tự trọng. Tôi cũng chạy theo chú tôi cùng với lũ trẻ con hàng xóm.

Lúc chúng tôi thở hổn hển chạy lên gò chỗ dùng làm nơi hội họp thì chính anh thanh niên xanh xao mặc áo khoác đen ấy đang phát biểu trước đám người đi bộ và cưỡi ngựa tập họp xung quanh. Chúng tôi không nghe

rõ lời anh nói nên định nhích lại gần, nhưng bỗng một cụ già mặc chiếc áo lông rách như vừa sức tỉnh, vội vã ngắt lời anh:

- Này cháu ơi, - ông cụ bắt đầu lắp bắp nói, - trước kia thì các pháp sư dạy trẻ con, mà bố cháu thì chúng ta biết rõ lắm: cũng khố rách áo ôm như chúng ta đây thôi. Cháu thử nói xem cháu đã thành pháp sư tự bao giờ?

- Cháu không phải là pháp sư, cụ ạ, cháu là thanh niên Côm-xômôn, - Đuysen đáp nhanh. - Mà bây giờ thì không phải pháp sư dạy trẻ con đâu, mà là các thầy giáo. Cháu đã được học chữ ở bộ đội và trước đó cũng vẽ vẽ ít nhiều. Đấy cụ xem cháu là thứ pháp sư gì.

- A, ra thế...

- Khá đấy! - có những tiếng reo cổ vũ.

- Như vậy là đoàn Côm-xômôn cử tôi về đây dạy con em các bà con. Nhưng muốn dạy thì phải có chỗ mà dạy. Tôi định làm nhà trường, cố nhiên là với sự giúp đỡ của bà con, ở chỗ chuồng ngựa cũ trên đồi kia. Bà con nghĩ sao?

Mọi người im lặng như thể đang cân nhắc trong óc: cái anh chàng lạ mặt này muốn gì nhỉ? Ông Xatưmkun-hay cái, được mệnh danh như vậy vì tính tình vốn bướng bỉnh, lên tiếng phá tan sự im lặng. Ông ta đã lắng nghe bà con bàn tán từ lâu, khuỷu tay chống vào mòm yên ngựa, và chốc chốc lại xì nước bọt qua kẽ răng.

- Này khoan đã cậu ơi, - Xatưmkun vừa nheo mắt như nhắm bắn vừa thốt lên. - Tốt hơn hết là cậu hãy nói xem là chúng ta cần cái trường ấy để làm gì?

- Sao lại để làm gì? - Đuysen ngỡ ngàng hỏi.

- Đúng đấy! - có ai trong đám đông phụ họa theo.

Và mọi người bỗng cùng nhốn nháo, ồn ào cả lên.

- Từ thượng cổ đến nay chúng ta chỉ sống bằng nghề nông, cái cuộc nuôi ta sống. Và con cái chúng ta cũng sẽ sống như thế thôi, học hành làm quý gì. Làm chỉ huy thì mới cần chữ nghĩa, chúng ta chỉ là dân thường thôi. Đừng tán chuyện vô vẩn nữa!

Những tiếng xôn xao lặng đi một lát.

- Chẳng lẽ bà con lại phản đối việc cho con em đi học hay sao? - Đuysen ngỡ ngác hỏi, nhìn chăm chặp vào mặt những người đứng quanh anh.

- Thế nếu phản đối thì sao, để anh bắt buộc được chúng tôi à? Thời buổi ấy đã qua rồi. Nhân dân chúng tôi bây giờ tự do, chúng tôi muốn sống ra sao thì sống!

Mặt Duysen nhột hần đi. Anh run run đưa tay lên tháo móc gài áo khoác ra, móc túi áo trong lấy ra một tờ giấy gấp tư và vội vã mở ra, giơ cao lên quá đầu:

- Nghĩa là các người chống lại tờ giấy này, tờ giấy nói về việc học hành của trẻ em, có đóng dấu của chính quyền Xô-viết. Thế ai cho các người đất cày, nước trời? Ai mang lại tự do cho các người? Nào, ai chống lại luật lệ của chính quyền Xô-viết, ai? Nói đi!

Anh thét lên hai tiếng “nói đi” bằng một giọng giận dữ rung lên sang sảng, nghe hùng dũng như một viên đạn xé tan cảnh ẩm cúng của bầu không khí tĩnh mịch trời thu, và như một tiếng nổ, giọng anh vang dội thành một tiếng vọng ngân trong vách núi. Không ai thốt ra lời nào. Mọi người im lặng, đầu cúi gằm.

- Chúng ta là những kẻ nghèo khổ, - Duysen nói, giọng đã khẽ hơn. - Suốt đời chúng ta đã bị chà đạp nhục nhã. Chúng ta đã phải sống trong cảnh tăm tối. Giờ đây chính quyền Xô-viết muốn cho chúng ta trông thấy ánh sáng, muốn cho chúng ta biết đọc biết viết. Muốn thế thì phải dạy trẻ em học...

Duysen ngừng lời chờ đợi. Và lúc đó chính ông cụ mặc chiếc áo lông rách đã hỏi anh làm thế nào mà lại thành pháp sư, lẩm bẩm bằng một giọng làm lành:

- Thôi được, anh đã muốn thì cứ dạy đi, còn chúng tôi đây thì... Chúng tôi không chống lại luật pháp.

- Nhưng tôi xin bà con giúp đỡ tôi. Chúng ta phải chữa lại cái chuồng ngựa của địa chủ trên đồi kia, phải làm cầu qua suối, nhà trường cần có củi...

- Này hợm đã, chàng gighit ơi, nhanh nhẩu quá đấy! - lão Xatưmkun hay cãi ngắt lời Duysen.

Lão xì nước bọt qua kẽ răng, rồi lại nheo mắt như nhắm bắn:

- Anh hét âm cả làng là: “Tôi sẽ mở trường!” Nhưng thử xem anh kìa: trên người chiếc áo lông chẳng có, dưới thân thì con ngựa cũng không, đến

mảnh đất cày bằng bàn tay thôi cũng không có nốt, chẳng có được mống súc vật nào trong sân! Vậy thì anh định sinh sống ra sao, anh bạn thân mến? Họa chẳng có đi chăn súc vật cho người khác... Nhưng khốn nỗi chúng tôi không có súc vật cho anh chăn đâu. Những kẻ có thì đã lên núi rồi.

Đuysen muốn trả lời một câu gì cho thật xằng, nhưng rồi nén giận nói khẽ:

- Tôi sẽ có cách sống. Tôi sẽ có lương.

- A, cứ nói ngay thế có phải hơn không! - Và Xatumkun hể hả ngồi thẳng người trên yên ngựa, vẻ đắc thắng rõ rệt. - Bây giờ thì mọi sự đã rõ. Anh bạn trẻ ơi, việc anh thì anh cứ làm lấy, cứ lĩnh lương mà dạy trẻ. Nhà nước thiếu gì tiền. Còn chúng tôi thì anh cứ để chúng tôi yên thân, nhờ giới công việc của chúng tôi cũng ngập đến cổ rồi...

Nói đoạn Xatumkun quay ngựa đi về nhà. Những người khác cũng theo lão kéo nhau về. Chỉ còn Đuysen vẫn đứng trở lại, tay cầm tờ giấy. Tội nghiệp anh không biết đi đâu bây giờ nữa...

Tôi thấy ái ngại cho Đuysen. Tôi cứ đứng nhìn anh không rời mắt cho đến khi chú tôi cưỡi ngựa đi qua quát gọi:

- Cái con đầu bù kia, làm gì mà đứng há hốc mồm ra đấy, có chạy mau về nhà không? - tôi đành cầm đầu đuổi theo các bạn. - Chà, cái con này, thú chúng nó mà cũng đã tập tễnh đi hạp rồi kia đấy!

Ngày hôm sau, bọn con gái chúng tôi đang đi lấy nước thì gặp Đuysen ở bờ sông. Anh đang lội sang bờ bên kia, tay cầm xẻng, cuốc, rìu, và một chiếc thùng cũ.

Từ hôm ấy sáng nào cũng thấy Đuysen mặc chiếc áo đen lủi thủi men theo con đường mòn leo lên đồi tới chỗ chuồng ngựa bỏ hoang. Và đến tối mịt Đuysen mới trở xuống về làng. Chúng tôi thường thấy anh mang một bó củi hay một bó rạ khô lớn trên lưng. Trông thấy anh từ xa, ai nấy đều rướn người trên bàn đạp và che tay lên phía trên mắt nhìn, ngạc nhiên bàn tán:

- Này, hình như thầy giáo Đuysen đang cõng củi kia phải không?

- Chính anh ta rồi.

- Chà, tội nghiệp. Nghề thầy giáo xem ra cũng chẳng phải nhẹ nhàng gì.

- Thế anh tưởng thế nào. Cứ xem anh ta cõng lấy bao nhiêu kia, chẳng kém gì thằng cố nông ở nhà địa chủ cả.

- Thế mà nghe anh ta diễn thuyết thì ra phết lắm.
- Ấy, là vì anh ta có tờ giấy đóng dấu, bao nhiêu sức mạnh ở đấy hết.

Có lần, mang những túi đựng đầy kigiắc nhặt ở chân núi mé trên làng trở về, chúng tôi vòng vào trường: xem thử thầy giáo đang làm gì ở đấy cũng hay. Căn nhà kho cũ bằng đất nện này trước kia vốn là chuồng ngựa của địa chủ. Trước kia, vào mùa đông, người ta thường nhốt những con ngựa cái đẻ con trong những ngày giá rét ở đây. Sau khi chính quyền Xô-viết lên, tên địa chủ bỏ đi đâu mất, và chuồng ngựa vẫn còn lại đó. Không ai bước chân đến đấy và chung quanh gai góc mọc lên rậm rạp. Bây giờ những cây cổ đại đã bị phạt đến tận rễ xếp thành đống nằm gọn một bên, cái sân đã được dọn sạch. Những bức vách xiêu vẹo dãi dầu mưa nắng nay đã được trát đất lại; cánh cửa ọp ẹp, trước đây chỉ còn bám lủng lẳng vào mỗi một chiếc bản lề, nay cũng được sửa lại và lắp vào cẩn thận.

Lúc chúng tôi đặt các bao kigiắc xuống đất để nghỉ một lát, Duysen từ trong cửa bước ra, người bê bết đất. Trông thấy chúng tôi, anh ngẩn người ra một lát, nhưng rồi lại mỉm cười niềm nở, lấy tay quạt mồ hôi trên mặt.

- Đi đâu về thế, các em gái?

Chúng tôi ngồi cạnh những bao kigiắc thẹn thò nhìn nhau. Duysen hiểu rằng chúng tôi im lặng vì bẽn lẽn nên nháy mắt động viên:

- Những cái bao kia to hơn cả người các em đấy. Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì? Còn trường của các em thì có thể nói là đã xong đến nơi rồi. Ta vừa đắp một thứ lò sưởi ở góc nhà và bắc cả ống khói trên mái, các em thử nhìn xem! Giờ chỉ còn phải trữ sẵn củi để sưởi trong mùa đông nữa thôi, nhưng không sao, chung quanh thiếu gì củi khô. Dưới nền nhà ta sẽ trải rơm thật nhiều, thế là có thể bắt đầu học được rồi. Thế nào, các em có thích học không, các em sẽ đi học chứ?

Tôi lớn hơn các bạn gái khác nên đánh bạo trả lời:

- Nếu thím em cho đi thì em sẽ đi.
- Sao thím em lại không cho, thế nào cũng cho chứ. Vậy tên em là gì?
- Antunai, - tôi vừa đáp vừa lấy tay che chỗ gấu váy thùng để hở một mảng đầu gối.
- Antunai, cái tên hay quá. - Duysen mỉm cười hiền từ khiến tôi thấy lòng ấm hẳn lại. - Thế em con ai?

Tôi lặng thinh; tôi vốn không thích có ai thương hại tôi.

- Chị ấy mồ côi ạ, chị ấy ở với ông chú, - mấy đứa bạn tôi đỡ lời.

- Thế này nhé, - Duysen lại mỉm cười nói với tôi, Antunai ạ, em sẽ dẫn các em khác đi học được chứ? Và các em gái kia, cũng đến nhé!

- Thưa chú được ạ.

- Các em cứ gọi ta là thầy. Các em có muốn xem trường không? Vào đây, các em đừng ngại gì cả.

- Không, chúng em phải về nhà đây, - chúng tôi rụt rè nói,

- Thôi được, các em chạy về nhà đi. Khi nào đến học các em sẽ xem sau vậy. Giờ chưa tối, thầy đi lấy rạ khô lần nữa đã.

Cầm lấy chiếc liềm và sợi dây, Duysen bước ra đồng. Chúng tôi cũng đứng dậy cõng những bao kigiắc lên lưng và rảo bước về làng. Tôi chợt nảy ra một ý nghĩ bất ngờ.

- Này các cậu ơi, - tôi gọi các bạn. Ta đổ kigiắc vào trong trường đi, đến mùa đông sẽ có được nhiều cái đốt sưởi hơn.

- Thế về nhà tay không à? Chà, khôn đấy nhỉ!

- Nhưng ta sẽ quay lại nhặt thêm nữa.

- Thôi muộn mất, về nhà lại phải mắng đấy.

Và bọn con gái không chờ tôi, cứ rảo cẳng về nhà.

Cho đến nay tôi vẫn không hiểu hôm ấy cái gì đã xui khiến tôi dám làm một việc như thế. Không biết vì tôi giận các bạn đã không nghe tôi nên cứ muốn làm theo ý mình, hay vì từ thuở bé mọi ước nguyện, mọi ý muốn của tôi đều bị chôn vùi dưới những lời mắng chửi, những cái bạt tai của những con người phũ phàng; chỉ biết là tôi bỗng thấy muốn làm một việc gì để cảm ơn con người thật ra không quen biết ấy, để đền đáp lại nụ cười đã sưởi ấm lòng tôi, đền đáp lòng tin cậy của người ấy đối với tôi, đền đáp mấy câu nói nhân từ ấy. Và giờ đây tôi biết rất rõ, tôi tin chắc rằng cuộc đời thật sự của tôi, tất cả cuộc sống với mọi niềm vui nỗi khổ của tôi đã bắt đầu chính từ ngày hôm đó, chính từ bao kigiắc ấy. Tôi nói như vậy bởi vì chính hôm đó, lần đầu tiên trong đời tôi đã không đắn đo, không sợ bị phạt, đã quyết định và làm điều tôi cho là cần thiết. Khi các bạn bỏ tôi lại, tôi chạy trở về trường Duysen, trút bao kigiắc xuống dưới cửa và cầm đầu chạy men theo các khe rãnh, các hẻm đá ở chân núi nhặt kigiắc.

Tôi cứ chạy mãi, không còn biết mình đi đâu nữa, như thế vì quá dư sức và tim tôi sung sướng đập rộn rã trong lồng ngực, tựa hồ như tôi đã làm nên công trạng gì vô cùng to lớn. Và cả mặt trời cũng như biết rõ vì đâu tôi sung sướng đến thế. Phải, tôi tin rằng mặt trời cũng biết vì đâu tôi lại chạy tung tăng nhẹ nhàng như thế. Bởi vì tôi đã làm được một việc nhỏ hữu ích.

Mặt trời đã xế bóng ngang các sườn đồi, nhưng tôi cảm thấy dường như còn chân chừ không muốn lặn, còn muốn nhìn tôi. Ánh mặt trời tô điểm con đường tôi đi: mặt đất rần mùa thu trải ra dưới chân tôi nhuộm thành màu đỏ, màu tím. Từng cụm bông lau khô vun vút bay hai bên như những tia lửa lập lòe. Mặt trời dọi lửa lên những chiếc cúc mạ bạc trên tấm áo đầy mụn vá tôi mặc. Và tôi cứ chạy đi, trong lòng hoan hỉ nói với đất trời, với gió mây: “Hãy nhìn tôi đây! Hãy nhìn xem tôi đáng kiêu hãnh chừng nào! Tôi sẽ học hành, tôi sẽ đến trường và sẽ dẫn cả các bạn khác đến..”

Không biết tôi chạy như thế bao lâu, nhưng rồi tôi bỗng sực nhớ ra là phải nhặt kigiắc nữa. Thế nhưng lạ thay, suốt mùa hè gần ấy súc vật thả ở đây, và lúc nào cũng thấy nhan nhản bao nhiêu kigiắc, vậy mà giờ đây tựa hồ như đất đã ngốn hết mất cả. Hay chỉ vì tôi không chịu tìm? Tôi chạy hết chỗ này sang chỗ kia, càng đi xa kigiắc càng ít đi. Bây giờ tôi mới nghĩ ra rằng từ giờ đến tối không thể nhặt kịp được đầy túi phân mất, tôi sợ hãi, chạy lung tung theo các bụi lau, tôi cuống cuống vội vã. Cuối cùng tôi cũng nhặt được nửa bao. Lúc ấy mặt trời đã lặn hẳn, trong hẻm núi trời bắt đầu sẫm tối rất nhanh.

Chưa bao giờ tôi ở ngoài đồng một mình muộn đến thế. Đêm đã buông cánh đen sẫm xuống những triền đồi yên lặng, không một bóng người. Sợ mất hồn, tôi vác chiếc bao lên vai và cầm đầu chạy về làng. Tôi khiếp đảm, và có lẽ tôi đã kêu lên, khóc lên, nếu không có một ý nghĩ, dù là lạ lùng, tự nhiên kìm tôi lại, là thầy Duysen sẽ nói sao, nếu trông thấy tôi yếu đuối thế này. Và tôi đã lấy lại can đảm, tự cấm mình không được ngoái nhìn lại nữa, như có thầy đang đứng một bên nhìn theo tôi vậy.

Tôi chạy về đến nhà, thở hổn hển, người đầy bụi và mồ hôi. Tôi vừa thở vừa bước qua ngưỡng cửa. Thím tôi đang ngồi cạnh bếp, đứng lên đón tôi, vẻ dọa nạt. Thím tôi vốn là người độc ác thô bạo.

- Mày đi đâu mất mặt thế? - thím bước lại gần tôi, và tôi chưa kịp thốt ra lời nào, thím đã giật lấy chiếc bao trên người tôi và lẳng sang một bên. -

Suốt ngày mà lượm được từng này đấy hở?

Thì ra tụi bạn gái đã hốt lẻo với thím tôi rồi.

- Con quỷ đen kia! Đứa nào xui mà ghé vào trường? Sao mà không chết rấp trên cái trường ấy đi cho rảnh. - Thím túm lấy tai tôi và bắt đầu đánh liên hồi vào đầu. - Quân không cha không mẹ! Chó sói có bao giờ lại thành chó nhà được. Con nhà người ta thì tha của về nhà, còn nó chỉ chực đem của nhà đi cho thiên hạ. Muốn xem trường thì rồi tao sẽ cho xem, mà cứ bèn mảng đến gần đấy là tao đánh què cẳng đi. Tao sẽ làm cho mà nhớ đời cái trường ấy...

Tôi nín lặng, chỉ cố sao đừng thét lên. Nhưng sau đó, vừa ngồi đẩy bếp tôi vừa lặng lẽ khóc vụng, tay sẽ vuốt ve con mèo mướp, còn con mèo thì lúc nào tôi khóc nó cũng biết và nhảy lên đầu gối tôi. Tôi khóc không phải vì những đòn thím tôi đánh, không, vì tôi đã quen chịu đòn quá rồi, tôi khóc vì hiểu rằng thím tôi không đời nào chịu cho tôi đi học...

Hai ngày sau, sáng sớm trong làng chó bỗng sủa ran lên và có những tiếng nói oang oang. Hóa ra là Duysen đi từng nhà gọi trẻ em đến trường. Lúc bấy giờ trong làng còn chưa có ngõ lối gì cả, những túp lều xám tối om dựng lung tung khắp xóm, ai tiện đâu thì làm nhà đấy. Duysen cùng bọn trẻ kéo theo sau thành một đám ồn ào đi hết nhà nọ sang nhà kia.

Nhà tôi ở tận cuối làng. Giữa lúc ấy tôi đang cùng thím tôi giã kê trong chiếc cối gỗ, còn chú tôi thì đang đào chỗ thóc để dưới hố gần nhà chứa đồ để mang ra chợ bán. Tôi và thím tôi đang đứng giã, lần lượt giáng những chày nặng nề xuống cối, nhưng tôi vẫn kịp lén nhìn xem thầy giáo còn xa không. Tôi sợ thầy không đi đến tận nhà chúng tôi. Dầu tôi biết thím tôi sẽ không cho đi học, tôi vẫn muốn Duysen đến, dù chỉ để thầy biết tôi ở chỗ nào. Và tôi thầm van thầy đừng quay trở lại trước khi đến nhà tôi.

- Chào bà chủ, cầu giới phù hộ cho bà! Mà giới không phù hộ thì cả bọn chúng tôi sẽ cùng ủa vào giúp một tay, bà xem chúng tôi có đông không này! - Duysen chào thím tôi bằng một câu pha trò kéo theo sau lũ học trò tương lai.

Thím tôi ậm ừ trả lời, còn chú tôi thì ở dưới hố để thóc cũng chẳng thò đầu lên.

Nhưng điều đó không làm Duysen bối rối. Thầy ngồi xuống khúc gỗ nằm ở giữa sân, vể bạn rợn, lấy bút chì và giấy ra.

- Hôm nay chúng tôi bắt đầu dạy học ở trường. Con gái bà bao nhiêu tuổi?

Thím tôi không đáp, giận dữ ném chày vào cối. Thím tôi rõ ràng không muốn tiếp chuyện. Người tôi như co rúm lại: rồi cơ sự sẽ ra sao đây? Duysen nhìn tôi và mỉm cười. Và cũng như lần ấy, tôi thấy lòng ấm hẳn lại.

- Antunai, em bao nhiêu tuổi? - thầy hỏi.

Tôi không dám trả lời.

- Việc gì mà anh phải biết nó bao nhiêu tuổi, anh là thanh tra gì thế? - thím tôi giận dữ nói. - Nó không học được đâu. Cái quân không cha không mẹ ấy thì học gì, đến những đứa có mẹ có cha hẳn hoi cũng còn không học nữa là. Anh cứ kéo cả cái lũ oắt kia đi mà dạy, không bận gì đến anh ở đây cả.

Duysen đứng phắt dậy.

- Bà hãy nghĩ lại xem bà nói gì thế? Nó mồ côi thì có tội tình gì? Hay có luật lệ nào không cho các trẻ mồ côi đi học?

- Luật lệ của anh thì tôi cần gì! Tôi có luật lệ riêng của tôi, anh không cần phải dạy tôi.

- Luật lệ là luật lệ chung. Và nếu bà không cần đến cháu gái, thì chúng tôi cần nó, chính quyền Xô-viết cần nó. Còn bà chống lại thì chúng tôi sẽ cho bà biết!

- Ô gớm nhỉ, anh là cái thá gì mà dám lên mặt với tôi! - thím tôi đứng chống nạnh, vẻ khiêu khích. - Theo anh thì ai là người có quyền cai quản nó? Thử hỏi tôi nuôi nấng nó hay anh, cái thứ cầu bơ cầu bất hết đời cha sang đời con kia?

Không biết rồi câu chuyện sẽ kết thúc ra sao, nếu lúc ấy chú tôi, mình trần trùng trục, không trèo lên khỏi hố thóc. Chú thường bực mình không sao chịu được khi thấy vợ cứ nhúng vào những công việc không phải của mình, quên mất rằng trong nhà thì người chồng làm chủ. Chú tôi thường đánh đập thím ấy tàn nhẫn vì những tội như vậy. Và lần này cũng có thể thấy rõ rằng chú đã điên tiết lắm rồi.

- Thôi đi, đồ đàn bà! - chú vừa quát tháo vừa leo lên. - Bà làm chủ trong nhà này từ bao giờ đấy, bà bắt đầu chỉ huy từ bao giờ thế hả? Bớt ba hoa đi

mà làm nhiều vào. Còn con ông Tastanbek kia, anh cứ đem con bé đi, muốn dạy nó học thì dạy muốn làm gì nó thì làm. Thôi cút đi!

- A, thế ra con bé sẽ đi lêu lổng ngoài trường học, còn công việc ở nhà thì ai làm cho? Để dồn cả cho tôi à? - thím tôi vừa hé miệng, chú tôi đã chặn ngay:

- Thôi, không lôi thôi gì nữa!

Chẳng có việc gì rủi mà lại không có một phần may. Chuyện tôi được đi học lần đầu là như thế đấy.

Từ hôm đó sáng nào thầy Duysen cũng đến từng nhà để gọi chúng tôi.

Lần đầu tiên chúng tôi tới trường, thầy giáo xếp sấp cho chúng tôi ngồi trên các ổ rơm trải giữa sàn nhà rồi phát cho mỗi đứa một quyển vở nhỏ, một cái bút chì và một chiếc bảng con.

- Các em tỳ bảng lên đầu gối mà viết cho dễ, - thầy Duysen giảng giải.

Rồi thầy chỉ lên bức chân dung của một người Nga dán trên vách nói:

- Đây là Lênin!

Suốt đời tôi vẫn nhớ bức chân dung ấy. Không hiểu tại sao về sau tôi không thấy nơi nào có bức đó nữa, và trong thâm tâm tôi vẫn thầm gọi nó là bức chân dung Lênin “của Duysen”. Lênin trên bức ảnh mặc chiếc áo dài quân nhân hơi rộng, má gầy hóp, bộ râu cằm lởm chởm. Cánh tay bị thương của người treo băng trước ngực, đầu đội mũ lưỡi trai hơi hất ra sau, đôi mắt chăm chú của người nhìn xuống một cách điềm đạm. Cái nhìn dịu dàng làm ấm lòng người đó dường như nói với chúng tôi: “Các cháu ơi, giá các cháu biết một tương lai đẹp đẽ đến nhường nào đang chờ các cháu!” Trong phút yên lặng ấy tôi cảm thấy như Người quả đang nghĩ đến tương lai của tôi thật.

Bức chân dung in trên loại giấy áp-phích thường, những đường gấp đã sờn và mép giấy đã nát bươm, chứng tỏ rằng thầy Duysen giữ bức ảnh đã lâu. Nhưng ngoài tấm chân dung ấy ra, trên bốn bức vách của lớp học không còn gì nữa.

Thầy Duysen nói:

- Thầy sẽ dạy các em biết đọc, biết đếm, hướng dẫn các em viết chữ cái, chữ số. Thầy sẽ dạy các em tất cả những điều mà thầy biết...

Và quả nhiên thầy đã dạy chúng tôi tất cả những gì thầy biết, và trong khi dạy bảo chúng tôi, thầy đã tỏ ra kiên nhẫn lạ thường. Cúi xuống sát từng học sinh một, thầy chỉ bảo từ cách cầm bút chì, rồi về sau lại say sưa giảng cho chúng tôi những chữ khó.

Giờ đây nghĩ lại tôi không khỏi ngạc nhiên tự hỏi: làm thế nào người thanh niên biết không được bao nhiêu chữ nghĩa, khi đọc còn phải đánh vần một cách chật vật, trong tay không có lấy một quyển sách giáo khoa, ngay đến cả sách vở lòng cũng không có, mà lại dám đảm nhận một công việc thật là to lớn như vậy? Dạy những đứa trẻ mà từ đời ông, đời cụ bấy tộc tổ tiên đều không biết lấy một chữ căn đòi có phải chuyện đùa đâu! Và tất nhiên Duysen cũng không hề có một khái niệm con con nào về chương trình, về phương pháp giảng dạy. Nói cho đúng hơn, Duysen cũng không hề ngờ rằng trên đời có những thứ đó.

Duysen đã đem hết năng lực dạy cho chúng tôi, biết được bao nhiêu, thầy dạy bấy nhiêu, dạy tất cả những gì thầy tự cho là cần thiết theo trực giác. Nhưng tôi tin chắc như đinh đóng cột rằng lòng nhiệt tình chân thành của thầy trong công việc dạy dỗ đã chẳng phí hoài.

Thầy Duysen đã lập một chiến công mà không hề biết. Thật vậy, đó là một chiến công, bởi vì chính hồi đó, dưới mái trường này, hay nói cho đúng hơn dưới mái nhà tranh vách đất hở hoác đến nỗi ngồi trong lớp lúc nào cũng nhìn thấy những đỉnh núi tuyết phủ một thế giới mới, chưa bao giờ nghe nói đến, chưa bao giờ nhìn thấy, đã mở ra trước mắt chúng tôi, những đứa trẻ của xứ Kirghidi chưa hề bước chân ra khỏi làng.

Chính khi ấy chúng tôi được biết là thành phố Matxcơva, nơi Lenin đang sống, lớn hơn Aulieata rất nhiều, lớn hơn cả Taskent nữa, và trên mặt đất còn có những biển cả rộng hơn cả bình nguyên Talax, trên mặt hồ có những chiếc tàu thủy qua lại to như những quả núi. Chúng tôi còn được biết rằng dầu hỏa mà người ta mua ở chợ về là phải lấy từ dưới đất lên. Và chúng tôi đã tin tưởng chắc chắn rằng sau này, khi dân ta đã giàu có hơn, trường chúng tôi sẽ được đặt trong một tòa nhà lớn quét vôi trắng có những cửa sổ rộng, và các em học sinh sẽ có bàn ngồi học.

Chúng tôi mới biết qua loa vần chữ cái, còn chưa biết viết những chữ “mẹ”, “bố”, đã viết được chữ “Lenin” lên giấy. Vốn từ chính trị của chúng

tôi gồm có những khái niệm như “địa chủ”, “cố nông”, “xô-viết”. Và, thầy Duysen hứa một năm sau sẽ dạy chúng tôi viết từ “cách mạng”.

Nghe thầy Duysen kể chuyện, chúng tôi ngỡ như mình đang cùng thầy đánh quân bạch vệ. Còn khi kể về Lênin, thầy bồi hồi xúc động như thể chính mắt thầy đã được thấy Người. Bây giờ thì tôi đã hiểu rằng nhiều điều thầy kể lại là những chuyện truyền khẩu đã hình thành trong dân gian về vị lãnh tụ vĩ đại, nhưng đối với chúng tôi, những người học trò của thầy Duysen hồi ấy, thì đó là những sự thật hiển nhiên, như thể sữa bao giờ cũng trắng.

Có lần chúng tôi hỏi thầy một câu hoàn toàn không có ẩn ý gì bên trong cả:

- Thưa thầy, thầy vẫn thường được bắt tay Lênin chứ ạ?

Thầy buồn bã lắc đầu đáp:

- Không, các em ạ, thầy chưa được nhìn thấy Lênin bao giờ cả.

Thầy thở dài ân hận như người có lỗi - thầy thấy ngượng với chúng tôi.

Cứ cuối mỗi tháng thầy Duysen lại lên huyện có việc. Thầy đi bộ và thường hai ba ngày sau mới về.

Trong những ngày đó, chúng tôi buồn lắm. Dù là anh ruột tôi, có lẽ tôi cũng chẳng nóng lòng mong ngóng như mong thầy Duysen về trong những ngày ấy. Tôi lén trốn thím tôi chạy ra sau nhà và đứng hồi lâu nhìn về phía con đường cái chạy qua thảo nguyên: bao giờ bóng thầy Duysen với chiếc dũ vải sau lưng mới hiện ra, bao giờ tôi mới được thấy nụ cười ấm áp của thầy, bao giờ mới được nghe những lời lẽ vẫn đem lại cho chúng tôi những hiểu biết mới mẻ?

Trong số học sinh của thầy tôi là đứa lớn nhất. Có lẽ vì thế nên tôi học khá hơn những học sinh khác, mặc dù tôi vẫn nghĩ đó không phải là nguyên nhân duy nhất. Mỗi lời thầy giảng, mỗi chữ thầy viết - tất cả đối với tôi đều thiêng liêng. Và trên đời này tôi không hề biết có gì quan trọng hơn là hiểu cho được những điều thầy dạy. Tôi muốn gìn giữ quyển vở của thầy, cho nên tôi đã lấy mũi liềm tập viết những chữ cái ra đất, dùng than viết lên vách, lấy que viết trên mặt tuyết, trên bụi đường. Tôi cảm thấy trên đời này không có ai học rộng và thông minh hơn thầy Duysen.

Tiết trời đã sắp sang đông.

Trước những trận mưa tuyết đầu mùa, mỗi khi đi học, chúng tôi phải lội qua một con suối lòng đá chảy róc rách dưới chân đồi. Nhưng về sau không thể nào lội qua được nữa, vì nước băng lạnh buốt cồng cả chân. Khổ nhất là những em nhỏ, thậm chí chúng phải phát khóc lên. Những lúc ấy, thầy Duysen đã bế các em qua suối. Lưng thì cồng, tay thì bế, và cứ như thế thầy lần lượt đưa hết các em sang.

Giờ đây nhớ lại cảnh xưa, tôi thấy khó lòng mà tin được rằng tất cả những điều đó là có thực. Nhưng lúc bấy giờ, không biết vì ngu dốt hay vì nông nổi, người ta đã cười thầy Duysen, nhất là bọn nhà giàu thường trú qua mùa đông ở trên núi và chỉ xuống làng khi cần xay thóc. Đã nhiều lần gặp chúng tôi ở chỗ lội qua suối, bọn họ, đầu đội mũ lông cáo màu đỏ, mình mặc những chiếc áo lông cừu quý, nghễu nghện trên lưng những con ngựa hung dữ no căng, giương mắt nhìn thầy Duysen khi đi qua. Một tên trong bọn cười nắc lên và huých tay tên đi cạnh nói:

- Đứa thì cồng, đứa thì bế, trông đã hay chưa!

Và tên kia ghìm con ngựa đang thở phì phì, nói thêm:

- Ôi, thật đáng tiếc, sao mình không biết trước, lấy vợ lẽ là phải chọn người như thế!

Rồi chúng quát cho ngựa chạy làm nước và bùn bắn tung tóe lên chúng tôi, cười phá lên rồi đi khuất.

Sao lúc đó tôi muốn đuổi theo những con người ngu xuẩn ấy thế, muốn nắm lấy cương ngựa và quát thẳng vào những bộ mặt láo xược của họ: “Các người không được nói về thầy giáo của chúng tôi như thế! Các người ngu lắm, các người tồi lắm!”

Nhưng liệu có ai chịu nghe lời một con bé thơ dại như tôi? Và tôi chỉ còn biết nuốt những giọt lệ căm uất đang trào lên, nóng hổi. Còn thầy Duysen thì dường như không để ý đến những lời lăng mạ đó, coi như không nghe thấy gì hết. Thường là thầy nghĩ ra một câu chuyện vui nào đó khiến lũ chúng tôi phá lên cười, quên mất mọi sự.

Thầy Duysen có cố gắng bao nhiêu cũng vẫn chưa kiếm đủ gỗ để bắc một chiếc cầu nhỏ qua suối. Có lần ở trường về, sau khi đã đưa hết các em nhỏ sang, tôi cùng với thầy Duysen dừng lại trên bờ suối. Chúng tôi quyết định lấy đá và những tảng đất cố đắp thành các ụ nhỏ trên lòng suối để bước qua cho khỏi bị ướt chân.

Thật ra thì bà con trong làng chỉ cần tập hợp lại và cùng nhau bắc qua suối đôi ba cây gỗ là trong nháy mắt đã có chiếc cầu cho các em đi học. Nhưng số là vì hồi ấy người ta vẫn còn u mê nên coi nhẹ việc học hành, và khá ra thì cũng chỉ cho thầy Duysen là một người hết sức gàn dở không biết làm gì khác nên phải bày trò nhì nhằng với bọn trẻ con. Thích thì dạy, không thích nữa thì đuổi chúng về nhà hết. Bản thân họ bao giờ cũng đi ngựa chẳng cần đến cầu. Nhưng dù sao dân làng chúng tôi tất nhiên rồi cũng phải suy nghĩ vì đâu người thanh niên ấy, vốn chẳng thua kém gì ai, và cũng không ngu ngốc hơn những người khác, lại phải chịu khó, chịu thiệt, phải nghe những lời châm chọc, nhạo báng để dạy cho con cái họ học, mà lại dạy với một chí kiên trì hiếm có, với một quyết tâm phi thường như thế?

Hôm chúng tôi xếp đá qua dòng nước, tuyết đã phủ đầy trên mặt đất và nước buốt đến chết cứng đi được. Tôi không tưởng tượng được thầy Duysen làm thế nào chịu nổi, vì thầy tôi đi chân không, làm không ngơi tay. Tôi chặt vật đặt chân xuống suối, tưởng chừng như lòng suối rải đầy than hồng nóng bỏng. Bỗng dừng đến giữa suối tôi bị chuột rút ở chân, người co rúm lại. Tôi không thể kêu lên một tiếng, cũng không thể đứng thẳng lên được nữa, và từ từ ngã xuống nước. Duysen lảng tảng đá đi, nhảy ngay lại bên tôi, đỡ tôi lên tay, rồi bế tôi chạy lên bờ và lột chiếc áo choàng đặt tôi ngồi vào đây. Thầy hết xoa hai chân đã tím bầm, cứng đờ như gỗ của tôi, lại bóp chặt đôi tay lạnh cóng của tôi trong lòng bàn tay mình, rồi đưa lên miệng hà hơi ấm cho tôi.

Thầy Duysen khẽ nói:

- Antunai, em ngồi đây cho ấm, đừng xuống nữa. Một mình thầy làm cũng đủ...

Cuối cùng khi những chỗ đặt chân đã xếp xong, Duysen vừa xỏ chân vào ủng, vừa nhìn nét mặt ỉu xìu, tái mét của tôi và mỉm cười hỏi:

- Thế nào, cô em giúp việc, đã đỡ rét chưa? Khoác cái áo choàng lên, thế... thế! - Thầy yên lặng một lát rồi hỏi: - Antunai, lần ấy có phải em trút lại kigiắc ở trường không?

- Vâng ạ, - tôi đáp.

Thầy hơi nhếch mép mỉm cười, như thể tự nhủ: “Mình đoán đúng mà!”

Tôi còn nhớ lúc ấy máu dồn lên má tôi nóng ran: như vậy nghĩa là thầy đã biết và chưa quên một điều tưởng như nhỏ mọn ấy. Tôi sung sướng quá,

lặng cả người đi, và Duysen cũng hiểu niềm hân hoan của tôi.

- Dòng suối trong trẻo của thầy, - thầy âu yếm nhìn tôi nói, - em thông minh lắm... Ôi, ước gì thầy được gửi em ra thành phố lớn. Em còn sẽ khá hơn biết chừng nào!

Duysen bước nhanh lên bờ.

Và giờ đây tôi mừng tượng thấy thầy đang đứng trước mặt tôi, như lúc bấy giờ thầy đã đứng gần dòng suối đá đang réo lên âm âm, hai tay để sau gáy và đôi mắt sáng long lanh đăm đăm nhìn theo những đám mây trắng xa tít đang bị gió thổi cuốn qua các ngọn núi.

Thầy nghĩ gì khi ấy? Có thể thầy đang mơ tưởng cho tôi ra một thành phố lớn học thật chẳng? Còn tôi, lúc bấy giờ cuộn tròn trong chiếc áo choàng của thầy Duysen, tôi thầm nghĩ: “Ước gì thầy là anh ruột của tôi! Ước gì tôi được bá cổ thầy, nhắm nghiền mắt lại và thủ thỉ với thầy những lời đẹp đẽ nhất! Trời ơi, ước gì thầy Duysen là anh ruột tôi!”

Chắc chắn tất cả đám học sinh chúng tôi đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩ tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai chúng tôi. Tuy chúng tôi còn bé, nhưng tôi nghĩ rằng lúc đó chúng tôi đều đã hiểu được những điều ấy. Còn có cái gì khác bắt chúng tôi ngày nào cũng đi xa, leo đồi lội suối, bạt hơi vì gió rét, chân ngập trong những cồn tuyết như vậy được nữa? Chúng tôi tự nguyện đến trường, không ai phải xua chúng tôi đến cả. Không ai có thể buộc chúng tôi phải chịu cồng trong căn nhà kho lạnh lẽo: tuy ngồi trong nhà, mà mỗi khi thở ra là hơi giá bám trắng xóa cả mặt mũi, tay chân, quần áo. Chúng tôi chỉ dám thay phiên nhau đứng sưởi cạnh lò, còn tất cả đành ngồi tại chỗ nghe thầy Duysen giảng bài.

Vào một trong những ngày giá buốt ấy - tôi còn nhớ là khoảng cuối tháng Giêng, - Duysen, vẫn như thường lệ, đến từng nhà tập hợp tất cả chúng tôi lại và dẫn tới trường. Thầy lặng lẽ bước đi, không nói một lời, vẻ nghiêm nghị, đôi lông mày nhíu lại như đôi cánh chim ưng, và nét mặt sắt lại như luyện bằng thép. Chưa bao giờ chúng tôi nom thấy thầy như vậy. Chúng tôi liếc nhìn thầy rồi cũng đều im lặng: chúng tôi cảm thấy có điều gì không lành.

Mỗi khi trên đường đi có những đống tuyết lớn là thầy Duysen thường đi trước để mở đường, tôi đi theo sau thầy, rồi đến các bạn khác. Lần này cũng thế; ở chỗ chân gò đê qua tuyết xuống nhiều nên Duysen lại đi trước. Đôi

khi chỉ cần nhìn vào lưng một người nào ta đã có thể đoán biết ngay được tâm trạng họ ra sao, có những cảm xúc gì đang diễn ra trong lòng họ. Lúc đó cũng vậy, có thể thấy rõ thầy Duysen đang có điều gì đau buồn vô hạn. Đầu thầy cúi gằm xuống, hai chân lê đi một cách khó nhọc. Cho đến bây giờ tôi còn nhớ mãi cái cảnh khủng khiếp của những màu đen, màu trắng lần lượt tiếp theo nhau trước mắt tôi. Chúng tôi nối đuôi nhau leo lên đồi. Dưới chiếc áo choàng màu đen, lưng thầy Duysen khom hẳn lại, và trên đỉnh dốc nhấp nhô những đống tuyết trắng trông như những cái bướu lạc đà, gió vẫn cuồn cuộn thổi hất tuyết từ các ụ đổ xuống. Và cao hơn nữa - trên bầu trời trắng nhờ nhờ lơ lửng một đám mây đen cô độc.

Khi chúng tôi tới trường, thầy Duysen không nhóm lò sưởi.

Thầy nói:

- Các em đứng dậy!

Chúng tôi đứng dậy.

- Bỏ mũ xuống.

Chúng tôi ngoan ngoãn nghe theo, và thầy cũng bỏ chiếc mũ kỵ binh ở trên đầu xuống. Chúng tôi không hiểu tại sao phải làm như thế. Lúc đó thầy cất giọng khàn khàn nói dứt quãng:

- Lênin đã mất. Giờ đây trên khắp quả đất đang mặc niệm Người. Các em cũng hãy đứng tại chỗ và yên lặng. Các em hãy nhìn lên đây, nhìn bức chân dung này. Các em hãy ghi nhớ lấy ngày hôm nay.

Toàn trường chúng tôi lặng ngắt đi, tưởng chừng như đã bị vùi kín dưới tuyết. Có thể nghe thấy tiếng gió lùa qua các kẽ hở. Có thể nghe thấy cả tiếng những bông tuyết rơi nhẹ nhàng xuống mái rơm.

Trong giờ phút ấy, trong khi tất cả các thành phố vốn nhộn nhịp đều đã lặng đi, trong khi những công xưởng vẫn làm rung chuyển cả đất đã im bật tiếng máy, trong khi những đoàn tàu đang lăn bánh âm âm bỗng đứng lặng yên trên các đường sắt, trong khi toàn thế giới đang chìm sâu trong tang tóc, - trong giờ phút đau thương đó thầy trò chúng tôi, một bộ phận nhỏ bé của toàn dân, cũng đang nín thở, nghiêm trang đứng mặc niệm trong căn nhà kho lạnh giá không ai hề biết tới được gọi là trường học ấy, để vĩnh biệt Lênin, thậm chí cho mình là những kẻ thân thuộc nhất của Người và thương tiếc Người hơn ai hết. Còn Lênin của chúng tôi vẫn vận chiếc áo quân nhân hơi rộng với cánh tay bị thương treo ngang trên ngực, vẫn từ trên vách nhìn

xuống chúng tôi, cái nhìn trong sáng vẫn như nói với chúng tôi: “Các cháu ơi, giá các cháu biết một tương lai đẹp đẽ nhường nào đang chờ các cháu!” Và tôi có cảm giác rằng trong giây phút yên lặng đó Người đang nghĩ về tương lai của tôi thật.

Sau đó thầy Duysen đưa ống tay áo lên lau nước mắt và nói:

- Hôm nay thầy phải lên huyện. Thầy đi để gia nhập Đảng. Ba ngày nữa thầy sẽ về.

Đối với tôi ba ngày đó mãi mãi là những ngày nặng nề nhất trong những ngày đông tháng giá mà tôi phải chịu đựng. Dường như có những sức mạnh hùng vĩ nào của thiên nhiên đang muốn ra sức thay thế trên mặt đất con người vĩ đại vừa đi khỏi thế giới của chúng ta: gió không ngừng thổi réo lên từng cơn, bão tuyết cứ quay cuồng không ngớt, băng giá kêu lạnh lạnh như tiếng sắt... Sức mạnh của thiên nhiên không sao yên được: nó lỏng lộn, vật vã trên mặt đất, khóc than nức nở...

Làng tôi chìm lặng dưới chân những ngọn núi lơ mờ tối xẫm giữa các tầng mây mù bay là là sát đất. Những làn khói trắng nhỏ tỏa ra từ các ống khói ngoằn nghèo. Không một ai lộ ra khỏi nhà. Hôn nữa lũ chó sói đói bỗng trở nên liều lĩnh. Ban ngày chúng trắng trợn hoành hành trên các ngã đường, tối đến chúng sục sạo ở ngay cạnh làng và suốt đêm cho tới sáng cứ tru lên đói khát, điên dại.

Không hiểu sao tôi cứ lo thay cho thầy của chúng tôi: không có áo lông, chỉ mặc phong phanh chiếc áo choàng bộ đội ấy thì thầy làm thế nào chịu được cơn rét này? Và đến ngày Duysen phải về, tâm can tôi cứ như lửa đốt: lòng tôi đã cảm thấy có điều gì chẳng lành. Chốc chốc tôi lại chạy ra sân, nhìn ra cánh thảo nguyên vắng vẻ phủ đầy tuyết trắng xem thầy giáo có xuất hiện trên đường cái không. Nhưng vẫn không có lấy một bóng người.

“Thầy ơi, thầy ở đâu? Em van thầy, thầy đừng về khuya đấy, về nhanh lên thầy! Chúng em đang đợi thầy đấy, thầy có nghe thấy không? Chúng em đang mong ngóng thầy về!” Nhưng vẫn không có lấy một bóng người.

Nhưng thảo nguyên không hề đáp lại tiếng gọi thầm lặng của tôi, và không hiểu sao tôi òa lên khóc nức nở.

Thím tôi đã phải bực mình vì tôi cứ ra vào mãi. Rồi thím giơ ngón tay lên đe tôi:

- Hôm nay mà có để cho cái cửa được yên không nào. Ngồi ngay vào một chỗ, cầm lấy ống sợi mà quay. Mà làm cho máy đưa trẻ chết công lên rồi đấy. Có giỏi cứ nhảy ra ngoài một lần nữa tao xem nào! - và thím không cho tôi ra khỏi nhà nữa.

Trời đã tối xẩm, thế là tôi không được biết thầy đã về hay chưa. Vì thế tôi không thể nào ngồi yên được. Khi thì tôi tự an ủi rằng Duysen chắc đã về đến làng rồi - vì chưa lần nào thầy trở về lỡ hẹn cả. Khi thì tôi lại chột nghĩ hay thầy bị ốm nên phải đi chậm, hễ trời nổi cơn bão tuyết lên là đêm hôm thế này chẳng may chốc thầy sẽ bị lạc trên thảo nguyên. Tôi không sao làm việc được nữa, không sao điều khiển nổi hai cánh tay, sợi cứ đứt luôn, làm cho thím tôi điên tiết lên.

- Hôm nay mà làm sao thế? Tay mà là tay gỗ hay sao? - thím tôi càng nói càng nổi xung, mắt lườm tôi. Cuối cùng, không sao chịu được nữa, thím quát: - Ô, sao mà không chết quách đi cho rảnh! Tốt hơn hết là mà xéo đi, mang trả cho bà cụ Xaikan cái bao tải.

Thiếu chút nữa tôi đã nhảy cẫng lên vì vui sướng. Thầy Duysen lại ở ngay nhà bà cụ Xaikan. Hai ông bà Kartanbai và Xaikan vốn có họ xa với mẹ tôi. Trước đây tôi vẫn thường lui tới chỗ hai cụ, đôi khi tôi còn ngủ lại đây nữa. Không hiểu thím tôi có nhớ tới chuyện đó hay trời xui khiến thím ấy. Thím vừa dúi cái bao tải vào tay tôi vừa nói thêm:

- Hôm nay mà làm tao phát ngấy lên, như trong những năm đói cứ phải ăn cám mãi ấy. Cút đi ngay, nếu ông cụ bà cụ cho ngủ thì ở quách lại đằng ấy. Đi cho khuất mắt tao...

Tôi chạy vụt ra sân. Gió cứ điên cuồng lồng lộn như một lão phù thủy hung dữ: nó sặc sụa một lát, rồi phân phát thổi hất tung những nắm tuyết lạnh buốt vào khuôn mặt nóng bừng của tôi. Tôi cặp chặt chiếc bao tải vào nách và chạy một mạch theo những vết chân ngựa thừa thớt còn mới nguyên đến cuối làng. Trong đầu tôi bấy giờ chỉ có một ý nghĩ duy nhất: "Đã về chưa, thầy giáo đã về chưa?"

Tôi chạy tới nơi, nhưng không thấy thầy đâu. Thấy tôi im thin thít đứng ngoài ngưỡng cửa, thở hổn hển, bà cụ Xaikan lo sợ hỏi:

- Cháu làm sao thế? Sao cháu phải chạy học tốc thế? Có chuyện gì chẳng lành phải không?

- Không ạ, chẳng sao đâu ạ. Cháu mang cái bao tải đến đây này. Bà cho cháu ở lại đây tối nay được không?

- Cháu quý của bà, cháu cứ ở lại đây. Trời ơi, con ranh này làm cho bà hoảng cả lên. Sao từ mùa thu đến giờ chả thấy cháu thò mặt đến? Cháu ngồi lại gần lửa mà sưởi cho ấm.

Ông cụ Kartanbai đang ngồi cạnh cửa sổ vá mấy chiếc ủng cũ nói vọng ra:

- Này, bà nó này, đem thịt rang lại cho cháu gái nó ăn đi. May ra Duysen cũng sắp về rồi đấy. Lẽ ra anh ấy phải về từ lâu rồi, nhưng không sao, anh ấy sắp về đấy, cũng mới bắt đầu tối thôi. Con ngựa nhà này phóng nước mã hồi nhanh lắm.

Ngoài cửa sổ trời đã tối sầm lại từ lúc nào không biết. Trong lòng tôi cứ thấp thỏm không yên. Mỗi khi nghe thấy tiếng chó sủa hay tiếng người nói vắng vắng là tim tôi lại lặng đi. Nhưng thầy Duysen vẫn chưa về. May sao bà cụ Xaikan luôn miệng nói chuyện này chuyện nọ, thành thử cũng đỡ sốt ruột.

Chúng tôi cứ thế đợi thầy Duysen hết giờ này sang giờ khác, nhưng tới gần nửa đêm ông cụ Kartanbai cũng đã mệt và bảo bà cụ:

- Thôi, bà nó trải giường đi. Anh ấy chả về tối nay đâu, khuya rồi. Các ông lãnh đạo ấy khối việc ra, chắc lại giữ anh ta lại thôi, không thì anh ấy đã về đến nhà từ lâu rồi.

Ông cụ lên giường ngủ.

Bà cụ dọn chỗ nằm cho tôi trong góc nhà sau lò sưởi. Nhưng tôi không tài nào chợp mắt được. Ông cụ cứ ho thúng thảng trở mình, thì thầm đọc kinh, rồi lo lắng lẩm bẩm:

- Chả hiểu con ngựa của mình ra sao? Đến nắm cỏ cũng chẳng ai cho không, còn lúa mạch thì dù có tiền cũng chẳng mua được cho nó ăn.

Chả mấy chốc cụ Kartanbai đã ngủ say. Nhưng ngoài trời gió vẫn không dịu xuống. Gió sục sạo trên mái nhà, lùa những đui mái tranh ở đầu hồi bay lất phất, quất từng trận vào cửa kính. Nghe thấy cả tiếng tuyết rơi đập vào tường ở mé ngoài.

Lời lẽ của ông cụ cũng chẳng làm tôi yên tâm được. Tôi cứ có cảm tưởng là thầy giáo sắp về đến nơi, và tôi cứ nghĩ mãi về thầy, hình dung thấy thầy

đang trên đường về, ở giữa cánh đồng tuyết phủ mênh mông. Tôi cũng không hiểu tôi chợp mắt ngủ được bao lâu, nhưng bỗng có cái gì khiến tôi phải cất đầu lên khỏi mặt gối. Có tiếng tru ú ớ chuyển đi trên mặt đất rồi mất hút trong thinh không. Chó sói! Và không phải chỉ một con, mà cả một bầy. Lũ chó sói gọi nhau ở tứ phía, rồi dồn lại rất nhanh. Những tiếng tru của bầy sói quyện lại với nhau thành một tiếng rống kéo dài hòa theo gió vang đi khắp thảo nguyên, khi xa dần, khi gần lại. Có khi lại tưởng chừng như chúng luẩn quẩn đâu đây, ngay bên cạnh, ngay ngoài đầu làng.

- Tiếng sói gọi bão đây! - bà cụ thì thầm.

Ông cụ im lặng lắng tai nghe, rồi nhảy từ trên giường xuống.

- Không, bà nó ạ, không phải chỉ có thế đâu? Chó sói đang rượt theo ai. Chúng nó đang vây người hay ngựa đấy. Thấy không? Cầu chúa phù hộ cho Duysen tai qua nạn khỏi. Anh ấy chẳng biết lo nghĩ gì cả, anh ấy còn trẻ người non dạ quá thôi! - Ông cụ Kartanbai đứng phắt dậy, tìm cái áo lông trong bóng tối. - Đèn đâu, bà nó ơi, thấp cái đèn lên! Trời ơi, nhanh lên!

Chúng tôi run cầm cập vì sợ hãi, và choàng dậy. Trong lúc bà cụ Xaikan tìm được đèn, đang thấp lên thì tiếng chó sói rống bỗng câm bặt, như bị cắt ngang.

- Lũ sói chết tiệt chộp được mồi rồi! - Ông cụ Kartanbai thét to lên, vớ lấy chiếc gậy, toan ra cửa, nhưng vừa lúc ấy lại có tiếng chó sủa. Có tiếng đế giày bước lạo sạo trên mặt tuyết, có ai chạy qua dưới các cửa sổ, rồi có tiếng gõ mạnh, dồn dập vào cánh cửa.

Hơi lạnh ở bên ngoài lùa vào phòng thành một đám mây dày đặc. Khi đám mây đó đã tan hết, chúng tôi mới nhìn thấy Duysen. Mặt xám ngắt, thở hổn hển, thầy lão đảo bước qua ngưỡng cửa, rồi ngả lưng dựa vào tường.

- Súng! - Duysen nói trong một tiếng thở phào.

Nhưng chúng tôi hầu như không hiểu thầy định nói gì. Mắt tôi tối sầm lại, rồi tôi chỉ còn nghe thấy hai cụ than thở.

- Xin cúng một con cừ đen, xin cúng một con cừ trắng! Thôi nhờ đức Baubêđin phù hộ cho anh. Có phải anh đấy không?

- Súng, đưa súng đây cho tôi! - thầy Duysen nhắc lại.

- Không có, anh định làm gì đấy, anh đi đâu?

Ông cụ và bà cụ mỗi người bám lấy một bên vai thầy Duysen.

- Đưa cho tôi cái gậy vậy!

Nhưng hai cụ khăn khăn nói:

- Chừng nào chúng tôi còn sống, anh không được đi đâu cả, không đi đâu nữa. Thà anh giết chúng tôi ngay tại chỗ còn hơn.

Tôi bỗng thấy người mỗi mệt rã rời, đành lặng lẽ nằm xuống giường.

- Tôi không kịp... chúng đã đuổi sát đến tận nhà, - thầy Duysen vừa thở hổn hển vừa nói rồi lẳng chiếc roi da vào góc nhà. - Dọc đường về ngựa đã kiệt sức, rồi lại bị chó sói đuổi, nó vừa chạy đến đầu làng thì ngã gục xuống. Lũ chó sói nhảy xổ ngay tới.

- Thôi kệ xác nó, quý hồ anh còn sống là được rồi. Con ngựa mà không quy xuống thì chúng nó cũng chẳng tha cho anh về đâu. May mà đức Baubêđin phù hộ cho, nên mới được như thế. Bây giờ cởi áo ra, ngồi lại gần lửa mà sưởi. Đưa tôi tháo ủng cho, - cụ Kartanbai lẳng xăng bên cạnh Duysen nói, - còn bà lão xem có gì ăn đem ra hâm lại đi.

Họ ngồi xuống cạnh lửa, và bây giờ cụ Kartanbai mới thở phào nhẹ nhõm.

- Thôi, cái gì trời đã định là không sao tránh khỏi. Nhưng sao anh lại ra về muộn thế?

- Thưa bác hội nghị ở ủy ban huyện bị kéo dài. Cháu vào Đảng rồi.

- Hay lắm. Nhưng sáng hôm sau hãy ra về có phải hơn không, nào có ai bắt anh phải về ngay đâu.

- Cháu đã trót hứa với các em là sẽ về hôm nay, - thầy Duysen đáp. - Mai phải bắt đầu học rồi.

- Ôi, thật là ngốc! - cụ Kartanbai nhòm người dậy và bực dọc lắc đầu. - Này, bà già nó ơi, thử nghe xem: anh ấy đã trót hứa với lũ trẻ con, với cái bọn nhãi ấy mất rồi! Thế nhờ mệnh hệ nào thì sao hả? Mà anh có hiểu là anh đang nói gì không?

- Đây là bốn phận của cháu, nhiệm vụ của cháu bác ạ. Nhưng còn cái này bác thử nghĩ xem: thường cháu vẫn đi bộ, thế mà lần này, không biết ma quỷ nào xui khiến cháu mượn của bác con ngựa để đem cúng cho lũ sói...

Cụ Kartanbai cúi kính nói:

- Nhưng tôi không nói chuyện ấy. Con ngựa chết tiệt ấy mất đi thì mặc xác nó. Coi như nó hiến thân để chuộc mạng cho anh! Trước kia hàng bao nhiêu năm tôi không có ngựa, thì bây giờ mất ngựa cũng chẳng sao. Chính quyền Xô-viết còn thì tôi còn làm ra được...

- Ông già nói phải đấy, - bà cụ Xaikan tiếp lời, giọng đầy nước mắt. - Chính quyền Xô-viết còn là ta sẽ còn làm ăn được... Này, ăn đi con, kéo nguội mắt.

Họ yên lặng. Một lát sau cụ Kartanbai vừa cời than hồng ra, vừa nói, vẻ trầm ngâm:

- Anh Duysen, tôi xem anh cũng không đến nỗi đàn độn, mà lại còn thông minh nữa là khác. Nhưng tôi vẫn không hiểu được tại sao anh cứ bịn rịn với cái trường này, với bọn trẻ con khờ dại ấy? Hay anh không kiếm được nghề nào khác? Anh cứ đi chăn cừu thuê cho người ta cũng sẽ được no ấm chán...

- Bác ạ, cháu hiểu rằng bác chỉ mong điều lành cho cháu. Nhưng nếu những trẻ em thơ dại kia sau này cũng cứ nói như bác: cần gì trường học, cần gì phải đi học, thì sự nghiệp của nhà nước Xô-viết sẽ chẳng nhích đi được bao xa. Thế nhưng bác lại muốn sao cho chính quyền Xô-viết đứng vững, sao cho nó sống mãi. Chính vì vậy nên đối với cháu trường học không phải là gánh nặng, bác ạ, giá cháu dạy được cho các em học thật tốt thì cháu không còn mơ ước gì hơn nữa. Chính Lênin đã từng nói...

- Ủ thì tiện anh nói... - cụ Kartanbai chặn lời Duysen, yên lặng một lát rồi nói tiếp: - Đấy anh cứ đau buồn thương tiếc mãi. Nhưng nước mắt cũng chẳng làm cho Lênin sống lại được! Hừ, giá có được phép lạ ấy! Hay là anh tưởng những người khác không hề buồn, không hề đau khổ chẳng?.. Anh thử nhìn vào tận trong lồng ngực tôi mà xem: tim tôi cũng ứa máu ra chứ có phải không đâu. Tôi không biết làm như vậy có hợp với cái chính trị của anh không, chứ mặc dầu Lênin là người khác tít ngưỡng, tôi cứ mỗi ngày năm lần cầu nguyện cho Người. Anh Duysen ạ, có khi tôi lại nghĩ rằng dẫu chúng ta khóc Người bao nhiêu chẳng nữa cũng chẳng được ích gì. Anh Duysen ạ, tôi cứ tự phán đoán theo lối các cụ già thế này: Lênin bao giờ cũng sống mãi trong nhân dân, và cứ theo dòng máu lưu truyền từ đời cha đến đời con...

- Thật cháu xin cảm ơn những lời bác nói. Bác nghĩ đúng lắm. Lênin tuy mất rồi, nhưng chúng ta sẽ noi gương Người mà sống...

Trong khi nghe cụ Kartanbai và Duysen nói chuyện với nhau tôi hoàn hồn dần; hồn vía tôi từ một nơi nào xa lắm từ từ trở lại. Thoạt đầu tất cả những việc xảy ra hết như một giấc mơ. Mãi tôi vẫn chưa tin được rằng Duysen đã về, vẫn còn sống và vẫn lành lặn. Rồi một nguồn vui bỗng bột, chan hòa như dòng nước lũ mùa xuân tràn vào tâm hồn tôi; rồi dường như chìm ngập trong dòng tình cảm nóng hổi đó, tôi òa lên khóc nức nở. Có lẽ chưa có ai sống qua những phút mừng rỡ như tôi lúc bấy giờ. Trong giây phút đó đối với tôi không còn gì tồn tại nữa: kể cả túp lều vách đất, cả đêm bão tuyết ngoài sân, cả đàn chó sói đang xâu xé con ngựa duy nhất của cụ Kartanbai ở đầu làng. Không có gì nữa hết! Tất cả tâm hồn, ý nghĩ, cả con người tôi đều tràn ngập một niềm hạnh phúc phi thường, không lường hết được, vô tận, vô cùng như vũ trụ. Tôi trùm chăn kín đầu và bịt chặt miệng lại để đừng ai nghe thấy tiếng khóc của tôi. Nhưng thầy Duysen đã hỏi:

- Ai khóc thút thít sau lò sưởi thế?

Bà cụ Xaikan đáp:

- Antunai đấy mà, lúc nãy nó sợ quá nên đang khóc đấy.

- Antunai à? Em ấy ở đâu đến đây? - thầy Duysen đứng phắt dậy, chạy lại quỳ xuống đất ngay cạnh đầu giường tôi rồi khẽ chạm tay vào vai tôi. - Antunai, làm sao thế? Tại sao em khóc?

Tôi quay mặt vào tường và càng khóc to hơn trước.

- Sao thế, sao em sợ đến thế? Em đã lớn rồi kia mà, sao lại thế... nào, nhìn thầy này...

Tôi ôm chặt lấy thầy Duysen, áp chặt đôi má nóng bừng, ướt đẫm nước mắt vào vai thầy giáo và khóc nức nở, không tài nào tự chủ được nữa. Niềm vui sướng tràn ngập tâm hồn tôi, tôi run lên như trong cơn sốt và không còn đủ sức để kìm lại nữa.

- Ủ... hẳn là con bé hồn xiêu phách lạc đi đâu hết. - Cụ Kartanbai cũng đâm lo và đứng dậy. - Kia, bà khẩn khứa cho nó một tí, nhanh lên nào...

Và cả hai cụ bỗng tíu tít cả lên. Bà cụ Xaikan thì thầm mấy câu thần chú, rồi vẩy hết nước lạnh đến nước nóng vào mặt tôi, xông hơi cho tôi và cũng khóc òa lên cùng với tôi.

Trời ơi, giá các cụ hiểu được rằng tôi “hồn xiêu phách lạc” vì một niềm hạnh phúc lớn lao mà tôi không đủ sức để kể ra và có lẽ cũng không tài nào diễn tả nổi.

Thầy Duysen vẫn ngồi cạnh tôi, đưa bàn tay mát lạnh vuốt nhẹ lên vầng trán nóng hổi của tôi cho đến lúc tôi nín hản và ngủ thiếp đi.

* * *

...Mùa đông đã du mục sang bên kia đèo. Mùa xuân đang lùa những đàn gia súc màu xanh của nó đến. Trên những cánh đồng băng, tuyết đã tan, mặt đất ướt như sừng phù lên từng chỗ. Từ miền ấy, những luồng hơi ấm bốc lên lùa vào núi, mang theo hơi thở mùa xuân của đất đai, hương vị của sữa đang lên hơi. Các cồn tuyết cũng xẹp xuống, những tảng băng trên núi đã chuyển mình, và các dòng suối bắt đầu lên tiếng, rồi tràn lên, cuộn cuộn chảy thành những thác nước dũng mãnh réo ầm ầm trong các thung lũng.

Có lẽ đó chính là mùa xuân đầu tiên trong thời niên thiếu của tôi. Dù sao đối với tôi nó cũng vẫn đẹp hơn tất cả các mùa xuân trước. Đứng ở trường chúng tôi, từ trên đỉnh đồi, có thể nhìn thấy cả cái thế giới tươi đẹp của mùa xuân mở rộng ra trước mắt. Mặt đất dường như dang tay chạy từ trên núi xuống, và không đủ sức dừng lại nữa, cứ lao vùn vụt vào các vùng xa tắp của cánh thảo nguyên đang lấp lánh như bạc dưới ánh nắng, bao phủ trong một làn hơi huyền ảo. Ở một nơi nào xa tít tận góc biển chân trời có những hồ nước băng tan xanh biếc, ở một nơi nào xa tít tận góc biển chân trời có những bầy ngựa đang hí lên, trên nền trời xanh đàn sếu bay qua, cánh nâng những làn mây trắng. Đàn sếu bay từ đâu tới và gọi lòng người về đâu mà cất tiếng kêu lạnh lạnh buồn buồn như vậy?

Mùa xuân tới, gieo vui vào lòng chúng tôi. Chúng tôi bày đủ các trò chơi, luôn cất tiếng cười vô cố, cứ đến giờ tan học, suốt dọc đường về làng, chúng tôi vừa chạy vừa gọi nhau ầm ĩ. Thím tôi rất ghét cái lối ấy, và không bỏ lỡ dịp mắng mỏ tôi:

- Con ngốc, mày làm gì mà cứ tốn tác lên thế? Mày làm bà cô thế mãi mà không biết dơ à? Con nhà có phúc như người ta mà bằng tuổi mày thì cũng đã có chồng có con vui nhà vui cửa từ lâu rồi, còn mày thì... Đẳng này lại thích đi học cơ! Nhưng cứ đợi đấy... bà sẽ cai quản mày...

Thật ra thì tôi cũng chẳng để tâm đến những lời dọa nạt của thím ấy lắm, vì đó không phải chuyện lạ - suốt đời thím ấy chỉ chửi mắng. Còn nói rằng

tôi làm bà cô thì thật không đúng chút nào. Có điều là mùa xuân năm nay tôi lớn như thổi.

Thầy Duysen nói đùa tôi:

- Em còn là một cô bé đầu bù tóc rối, mà hình như tóc em lại còn đỏ nữa kia chứ!

Những lời nói của thầy không làm tôi chạnh lòng chút nào cả. Tôi thầm nghĩ: “tất nhiên mình đầu bù tóc rối thật đấy, nhưng tóc mình đâu phải hoàn toàn đỏ. Rồi đến lúc mình lớn hơn ít nữa, mình sẽ là một cô gái đến tuổi đi lấy chồng, mình chả đầu bù tóc rối thế này nữa đâu. Lúc đó thím cứ thử nhìn xem mình có xinh không”. Thầy Duysen vẫn nói tôi có đôi mắt sáng như sao, có khuôn mặt cởi mở thật thà.

Có một lần, khi chạy ở trường về tôi thấy hai con ngựa lạ đứng ngoài sân. Cứ trông yên ngựa, dây thừng, cũng biết chủ của chúng là những người ở trên núi xuống. Và trước đây cũng có khi họ đã ghé vào nhà chú tôi mỗi khi đi chợ về hay mang thóc xuống xay.

Đứng ngoài ngưỡng cửa tôi đã nhói tai lên vì tiếng cười thiếu tự nhiên của thím tôi:

- Gớm, thôi, đừng lo anh ạ, không nghèo đi đâu mà sợ. Rồi sau này khi con chim non đã cầm chắc trong tay rồi, anh sẽ thầm cảm ơn tôi cho mà xem - hi-hì-hì! - Đáp lại lời thím tôi có tiếng vâng dạ rồi rít và những tiếng cười ha hả. Đến khi tôi bước vào cửa thì mọi người im bật. Cạnh đồng nỉ phủ chiếc khăn trải bàn có một người đàn ông to béo phục phịch, mặt đỏ, ngồi chềnh ềnh như súc gỗ. Đầu hấn đội mũ lông cáo che kín cả cái trán nhễ nhại mồ hôi. Hấn đưa mắt liếc tôi rồi đằng hắng một cái và cụp mắt xuống.

Thím tôi nhoẻn miệng cười âu yếm, nói:

- Ô, con đã về đấy à, vào đây con!

Chú tôi cũng ngồi cạnh đồng nỉ với một người lạ mặt. Hai người vừa đánh bài, vừa nhấp rượu với bánh ô mạch. Cả hai đều ngà ngà say, và mỗi khi họ quật bài xuống, đầu họ cứ lắc lư đến kỳ quặc.

Con mèo mướp bò lên chỗ khăn trải bàn, nhưng lão mặt đỏ gập đốt ngón tay cốc mạnh vào đầu nó một cái, khiến nó kêu thét lên, rồi nhảy vọt sang một bên và chúi đầu vào xó nhà. Khổ thân con mèo, nó đau quá! Tôi muốn bỏ đi ngay, nhưng không biết làm thế nào. May vừa lúc ấy thím tôi nói:

- Con ạ, thức ăn ở trong chảo ấy, con ăn đi kéo ngựa.

Tôi bước ra khỏi phòng, trong lòng rất khó chịu với thái độ của thím tôi vừa rồi. Và tôi bắt đầu thấy chột dạ. Tôi bắt giắc đề phòng.

Chừng hai giờ sau, hai người khách lên ngựa trở về núi. Lập tức thím tôi lại bắt đầu chửi mắng tôi như thường lệ và tôi thấy đỡ lo. Tôi nghĩ thầm: “Té ra thím có vẻ ôn tồn như vậy chẳng qua vì say rượu thôi”.

Ít lâu sau có lần bà cụ Xaikan ghé qua nhà chú tôi. Lúc đó tôi ở ngoài sân, nghe thấy bà cụ nói:

- Lạy giời, mợ làm gì vậy! Mợ giết nó mất thôi.

Bà cụ Xaikan và thím tôi nói lấp cả lời nhau, tranh cãi kịch liệt điều gì, và lát sau bà cụ Xaikan bước ra khỏi nhà, vẻ rất tức giận. Bà cụ nhìn tôi bằng đôi mắt vừa giận dữ vừa thương xót và lặng lẽ ra về. Tôi bỗng thấy bút rút trong người. Tại sao bà cụ lại nhìn tôi như vậy, tôi đã làm gì đến nỗi bà cụ không hài lòng?

Ngày hôm sau đến trường tôi nhận thấy ngay thầy Duysen vẻ mặt sa sầm, như đang có điều gì lo nghĩ, mặc dầu thầy cố giấu đi. Tôi còn nhận thấy một điều nữa là không hiểu tại sao thầy không hề nhìn về phía tôi. Sau buổi học, khi chúng tôi ào ào chạy ra khỏi trường như ong vỡ tổ, thầy Duysen gọi giật tôi lại:

- Antunai, đứng lại thầy bảo. - Thầy bước lại gần tôi, nhìn chăm chăm vào mắt rồi đặt tay lên vai tôi. - Em đừng về nhà nữa, Antunai, em có hiểu thầy không?

Tôi lặng người đi vì kinh hãi. Bây giờ tôi mới hiểu thím tôi định làm gì tôi.

Thầy Duysen nói:

- Thầy sẽ chịu trách nhiệm về em. Em cứ tạm ở nhà bác Kartanbai với thầy. Và lúc nào cũng phải đi theo thầy.

Chắc hẳn lúc ấy tôi không còn chút máu mặt nào nữa. Thầy Duysen lấy tay nâng cằm tôi lên, nhìn thẳng vào mắt tôi và mỉm cười như mọi khi:

- Antunai, em đừng sợ! - thầy vừa cười vừa nói. - Thầy còn ở bên em, thì em không phải sợ ai cả. Em cứ học đi, cứ đến trường như cũ, và đừng nghĩ ngợi gì... Vì thầy vẫn biết là em nhất lăm... Và nhân đây thầy kể cho Antunai nghe một câu chuyện mà thầy đã định kể từ lâu. - Thầy Duysen lại

phì cười, hẳn đang nhớ lại điều gì ngộ nghĩnh. - Chắc em còn nhớ có một lần cụ Kartanbai dậy thật sớm và biến đi đâu mất ấy. Té ra cụ đi mời... cụ dẫn ai về nhà em có biết không? - dẫn bà lang Giainakova về. Thầy hỏi: “Làm gì thế bác?” Cụ trả lời là: “Ấy để cho bà ấy cúng bái một chút để gọi hồn nó về, không thì con bé sợ quá hồn xiêu phách lạc đi đâu mất”. Thầy nói: “Mời bà ấy ra đi, không lại phải cúng cho bà ấy một con cừu mất thôi. Mà nào nhà mình có giàu có gì cho cam. Ngựa cũng chả có mà cúng, có mỗi con thì cúng bầy chó sói mất rồi...” Còn em thì lúc đó đang ngủ say. Thế là thầy đuổi cổ được thầy cúng ra khỏi nhà. Về sau cụ Kartanbai giận thầy suốt một tuần lễ, không thèm trò chuyện với thầy. Ông cụ nói: “Tôi già cả thế này mà anh còn chơi khăm tôi”. Nhưng ông cụ, bà cụ là những người phúc hậu, hiếm có người tốt như thế. Thôi bây giờ ta về đi, Antunai...

Dù tôi có cố gắng can đảm lên bao nhiêu cho thầy Duysen khỏi bận tâm, những ý nghĩ lo sợ cũng vẫn không buông tha tôi. Vì bất thần lúc nào thím tôi cũng có thể đến cưỡng bức lôi tôi đi. Rồi ở nhà họ muốn làm gì tôi thì làm, không ai ở trong làng cấm họ được cả. Suốt đêm tôi trần trọc không ngủ được vì mãi lo nghĩ tới tai họa sắp đến.

Tất nhiên thầy Duysen hiểu rõ tâm trạng tôi. Cũng có thể vì muốn xoa dịu những ý nghĩ đen tối đó của tôi nên ngày hôm sau thầy mang về trường hai cây phong nhỏ. Sau buổi học, thầy cầm tay tôi dẫn sang một bên.

Thầy mỉm một nụ cười bí ẩn và bảo tôi:

- Antunai, bây giờ thầy với em cùng làm chung một việc. Hai cây phong này thầy mang về cho em đấy. Chúng ta sẽ cùng trồng. Và trong khi chúng lớn lên, ngày một thêm sức sống, em cũng sẽ trưởng thành, em sẽ là một người tốt. Em có một tâm hồn đẹp và một đầu óc ham học. Thầy bao giờ cũng nghĩ rằng em sẽ trở thành người thông thái. Thầy tin như vậy, em ạ, số phận em nhất định sẽ như thế. Em bây giờ trẻ măng như một thân cây non, như đôi cây phong nhỏ này. Antunai ạ, ta hãy tự tay trồng lấy hai cây phong này. Và mong sao em sẽ tìm thấy hạnh phúc trong học tập, ngôi sao nhỏ trong sáng của thầy ạ...

Hai cây phong ấy còn non, vừa cao bằng người tôi, thân biêng biếc. Và khi hai chúng tôi đã trồng xuống khoảng đất cạnh trường, từ chân núi đưa lên một làn gió nhẹ, lần đầu tiên chạm vào những khóm lá hầy còn bé lăn

tăn như thổi một luồng sinh khí vào chúng. Mấy khóm lá run rẩy, hai cây phong bắt đầu lay động, đung đưa...

- Em trông, đẹp chưa kìa! - Duysen cười, lúi lại ngắm.

- Bây giờ ta hãy đào một đường dẫn nước ở ngọn suối đằng kia về. Rồi em sẽ thấy hai cây phong của chúng ta đẹp đến nhường nào! Chúng nó sẽ đứng trên ngọn đồi này, sát cạnh nhau như hai anh em. Và mọi người sẽ luôn luôn nhìn thấy chúng, và những người lành sẽ thấy lòng vui lên khi nhìn chúng. Đến khi ấy cả cuộc sống cũng sẽ khác Antunai ạ. Tất cả những gì đẹp nhất đều hãy còn ở phía trước...

Ngay cả bây giờ tôi cũng không sao tìm được những lời lẽ có thể nói lên ít nhiều lòng cảm kích của tôi trước tâm hồn cao thượng của Duysen. Còn khi ấy, tôi chỉ đứng yên nhìn thầy. Tôi nhìn Duysen như thể lần đầu tiên tôi được thấy hết vẻ đẹp sáng ngời trên gương mặt thầy, tấm lòng trìu mến và trung hậu ánh lên trong đôi mắt thầy, dường như trước kia tôi chưa từng biết đôi bàn tay của thầy mạnh mẽ và khéo léo như thế nào trong lao động, nụ cười trong sáng của thầy có sức sưởi ấm lòng người đến nhường nào. Và trong lòng tôi, như một đợt sóng nồng nàn, bỗng cuộn lên một tình cảm mới mẻ mà tôi chưa hề biết, từ một thế giới xa lạ nào lan tới. Và cả hồn tôi như vươn mạnh đến Duysen, để nói với người: “Thầy ơi, em cảm ơn thầy đã sinh ra với một tâm hồn đẹp đẽ như vậy... Em muốn ôm hôn thầy!” Nhưng tôi e ngại không dám nói lên những lời ấy. Đáng lẽ tôi nói ra mới phải...

Lúc ấy chúng tôi chỉ đứng yên dưới vòm trời trong sáng, giữa vùng đồi xuân xanh mơn mớn, mỗi người theo đuổi một ước mơ riêng. Và giờ phút ấy tôi quên hẳn mối nguy cơ đang treo lơ lửng trên đời tôi. Thậm chí tôi cũng không hề nghĩ xem ngày mai đây cái gì đang chờ đợi tôi, và cũng không hề nghĩ xem tại sao đã hai ngày nay thím tôi không đi tìm tôi. Có lẽ họ đã quên tôi chẳng, hay họ đã đành chịu để mặc tôi? Nhưng thật ra Duysen lại đang nghĩ đến điều đó.

- Em đừng buồn, Antunai ạ, ta sẽ tìm ra lối thoát, - Duysen nói khi chúng tôi trở về thôn. - Ngày kia thầy sẽ lên huyện. Thầy sẽ bàn việc của em với các đồng chí trên ấy. Có lẽ họ sẽ nghe thầy mà cho em lên tỉnh học. Em có muốn đi không?

- Thầy đã nói sao, em cũng xin vâng lời, - tôi đáp.

Tuy tôi không hình dung được trên tỉnh ra sao, nhưng những lời Duysen nói cũng đủ để tôi ước mơ cuộc sống ở thành thị. Có khi tôi thấy sợ hãi trước cảnh sống xa lạ nơi đất khách quê người, có khi tôi lại quyết tâm ra đi - nói tóm lại bấy giờ trong trí óc tôi không lúc nào không lớn vờn những tỉnh với thành.

Và hôm sau, trong khi ngồi học, tôi cũng chỉ nghĩ đến việc ấy: tôi sẽ sống ở tỉnh ra sao và biết ở nhà ai được? Nếu có ai cho tôi ở nhờ, tôi sẽ bỏ củi, xách nước, giặt giũ, họ sai gì tôi cũng làm. Tôi đang suy nghĩ liên miên như thế trong khi ngồi học thì bỗng giạt mình thảng thốt khi chợt nghe tiếng vó ngựa dồn dập sau mấy bức vách ọp ẹp của ngôi trường chúng tôi. Những tiếng động ấy đột ngột quá, và mấy con ngựa phi nhanh quá, đến nỗi tưởng như chúng sắp xéo bừa lên ngôi trường. Chúng tôi ai nấy đều nín thở, chờ đợi.

- Các em đừng để ý, cứ lo việc của các em đi, - Duysen nói nhanh.

Nhưng lúc ấy cửa bỗng mở toang nghe đánh sầm một tiếng, và trên ngưỡng cửa thím tôi hiện ra, trên môi nở một nụ cười hả hê nanh ác, đầy vẻ thách thức. Duysen bước ra cửa:

- Bà đến có việc gì?

- Đến có một việc chẳng dính dáng gì đến mày. Tao đem con tao đi gả chồng. Ê! Cái con cầu bơ cầu bất kia! - Thím chồm về phía tôi, nhưng Duysen đã chặn lối.

- Ở đây toàn là nữ sinh cả, chưa có em nào gả chồng được! - Duysen nói, giọng rần rỏi và điềm tĩnh.

- Để rồi xem. Ê! Bọn đàn ông! Bắt lấy con chó chết ấy, lôi nó ra!

Thím tôi giơ tay vẫy một tên trong bọn cuỗi ngựa. Đó chính là cái lão mặt đỏ đội mũ lông cáo. Thêm hai tên nữa cầm những chiếc gậy nặng vót nhọn xuống ngựa theo sau lão ta. Thầy tôi vẫn đứng yên.

- Đồ chó lợn nòi, sao mày lại dám tự tiện xem con gái nhà người ta như vợ mày thế hả? Thôi cút đi!

Nói đoạn tên mặt đỏ xông vào Duysen như một con gấu.

- Các người không có quyền vào đây, đây là trường học! - Duysen nói, hai tay nắm chặt lấy thành cửa.

- Tôi đã bảo mà! - thím tôi rít lên. - Hấn hú hí với con ấy đã lâu. Hấn rử rê con chó để ấy đến đây để hưởng không!

- Tao nhỏ toẹt vào cái trường học của mày! - lão mặt đỏ găm lên, tay hoa chiếc roi da.

Nhưng Duysen đã nhanh tay hơn hẳn. Thầy giơ chân đạp mạnh vào bụng hẳn. Hấn kêu lên một tiếng và ngã xuống. Ngay lúc ấy hai tên cầm gậy nhọn xông vào Duysen. Lũ trẻ con kêu rú lên và chạy bổ về phía tôi. Cánh cửa bị xô mạnh vỡ ra từng mảnh. Tôi lao vào đám đánh nhau, lôi theo cả lũ trẻ đang búa vào người tôi.

- Buông thầy giáo ra! Không được đánh! Tôi đây, bắt tôi đi chứ không được đánh thầy giáo!

Duysen quay lại nhìn. Mình mẩy Duysen máu me bê bết, vẻ căm giận trông rất khủng khiếp. Thầy cúi xuống đất lấy một tấm ván khoa lên, quát:

- Chạy đi các em, chạy về làng đi! Antunai, chạy đi! - tiếng kêu của Duysen nghẹn ngào thành tiếng nấc.

Chúng nó đã đánh gãy tay Duysen. Thầy ép cánh tay vào ngực, bước lùi lại, còn bọn kia thấy thầy không còn sức chống cự, liền xông vào đánh thầy, rống lên như một đàn bò dại.

- Đánh! Đánh! Đập vỡ đầu nó ra! Đánh chết nó đi!

Thím tôi và lão mặt đỏ hầm hè xông vào tôi. Họ lấy bím tóc của tôi quấn quanh cổ tôi và lôi xềnh xệch ra sân. Tôi cố sức vùng vẫy, và thoáng một giây tôi trông thấy đám trẻ em chờ người ra gào thét, và Duysen đứng cạnh tường, mình đầy những vết máu đen thẫm.

- Thầy ơi!

Nhưng Duysen không thể có cách gì cứu tôi được. Thầy hãy còn đứng được, nhưng loạng choạng như người say rượu dưới trận đòn của lũ ác ôn. Mái đầu Duysen gục xuống ngực, thầy cố ngẩng lên trong khi bọn vô lại ra sức đánh mãi thầy. Bọn chúng vật tôi xuống đất và trói tay tôi lại. Trong lúc đó Duysen lăn lộn trên mặt đất.

- Thầy ơi!

Nhưng bọn chúng đã bịt mõm tôi lại và xốc tôi nằm vắt ngang trên yên ngựa.

Lão mặt đỏ đã lên ngựa, hai tay và ngực lão đè lên người tôi. Hai tên đang đánh Duysen cũng lên yên. Thím tôi thì chạy bên cạnh và nện vào đầu tôi:

- Thấy chưa! Thấy chưa! Tao tống tiễn mày đi như thế đấy! Còn thằng thầy mày thì hết kiếp rồi...

Nhưng không, thầy tôi chưa hết kiếp. Từ phía sau bỗng vang lên một tiếng kêu tuyệt vọng:

- Antuna-a-ai!

Tôi chật vật ngẩng mái đầu đang buông thõng bên yên ngựa và nhìn lại. Duysen đang chạy theo sau. Bị đánh gần chết, máu me bê bết, thầy cầm một hòn đá lớn đuổi theo. Và sau lưng thầy, cả lớp cũng vừa kêu khóc vừa chạy theo.

- Đứng lại! Đồ thú dữ! Đứng lại! Buông nó ra, buông ra! Antunai! - Duysen đuổi kịp, quát lên.

Bọn hung đồ kìm ngựa, hai tên kia cho ngựa quay lại kèm hai bên Duysen. Duysen cần lấy ống tay áo cho cánh tay bị gãy khỏi vướng, nhằm đích và ném hòn đá, nhưng không trúng. Hai tên kia liền đâm hai nhát gậy nhọn vào Duysen, khiến thầy ngã xuống một vũng nước. Mắt tôi hoa lên, tôi chỉ kịp nhận thấy lũ trẻ trường chúng tôi chạy lại chỗ thầy, vẻ sợ hãi.

Tôi không nhớ chúng đem tôi đến đâu và như thế nào. Tôi tỉnh dậy trong một căn lều vải. Những ngôi sao đầu hôm, trầm tĩnh, không chút ưu tư, dòm qua chóp lều để hở. Gần đầu đây một con sông chảy róc rách, và nghe văng vẳng có tiếng nói chuyện của những người chần cừ đêm. Bên bếp lửa đã tàn lụi có một bà già lẫm lẫm, người khô đét như que củi đang ngồi yên. Mặt bà ta đen xạm như màu đất. Tôi ngoảnh đầu sang phía bên kia... Ôi, giá cái nhìn của tôi có thể giết chết được lão ấy!

- Mụ đen, đỡ nó dậy, - lão mặt đỏ ra lệnh.

Người đàn bà đen cúi đến cạnh tôi và đưa bàn tay khẳng kheo lay vai tôi.

- Mụ bảo con bạn mụ cho nó biết điều, không nghe cũng không xong đâu: ta sẽ không nhiều lời với nó.

Hắn ra khỏi lều. Còn người đàn bà mặt đen xạm thậm chí cũng chẳng buồn nhúc nhích và chẳng nói lấy nửa lời. Có lẽ bà ta câm chăng? Đôi mắt đỏ đẫm như màu tro lạnh của bà ta nhìn thần thờ, không biểu lộ một cảm xúc

gì hết. Có những con chó bị đánh đập liên miên từ khi còn bé. Những con người độc ác luôn luôn bạ gì vớ nấy đánh vào đầu chúng và chúng quen dần đi. Nhưng trong khóe nhìn của chúng có một vẻ gì âm thầm, trống trải đến nỗi trông mà ghê người. Tôi nhìn vào đôi mắt không hồn của người đàn bà mặt đen xạm và có cảm giác như chính tôi bây giờ cũng không còn sống nữa, tôi đang nằm dưới mộ. Tôi đã sẵn sàng tin như vậy, nếu không có tiếng nước róc rách từ ngoài sông đưa lại. Dòng nước cuộn cuộn vỗ vào các ghềnh đá - nước nó được tự do...

Thím ơi, tâm địa thím sao mà đen tối đến thế, thím thật đáng muôn đời nguyên rủa! Hãy chết sạch trong nước mắt và máu của tôi!.. Đêm hôm ấy, mới mười lăm tuổi đầu, tôi đã không còn là một người con gái trinh trắng nữa... Tôi còn ít tuổi hơn con cái tên hung đồ...

Đến đêm thứ ba tôi nhất quyết trốn đi, dù có sao cũng mặc. Dù có lạc đường hay bọn hung đồ đuổi kịp, tôi cũng sẽ chống cự cho đến hơi thở cuối cùng như Duysen thầy tôi.

Trong đêm tối, tôi lặng lẽ lần ra phía cửa lều. Tôi sờ lên cửa thì thấy nó đã bị buộc chặt bằng một sợi thừng tết bằng lông đuôi ngựa. Nút dây xiết cứng rắc rối, tối mịt thế này không thể nào mở ra được. Tôi bèn cố vén thành lều lên để tìm cách bò ra ngoài. Nhưng dù tôi cố sức bao nhiêu cũng không sao vén được: ở phía ngoài cũng có những sợi chấu căng sát vách lều xuống đất.

Chỉ còn cách tìm một cái gì sắc cạnh để cắt những sợi dây buộc cửa. Tôi bắt đầu lục lọi chung quanh, nhưng không tìm thấy gì ngoài một cốc gỗ nhọn. Trong cơn tuyệt vọng tôi bắt đầu lấy cốc đào đất dưới vách lều. Dĩ nhiên làm như vậy cũng chỉ uổng công, nhưng lúc bấy giờ tôi không còn hay biết gì nữa. Trong đầu tôi chỉ còn một ý nghĩ vô hy vọng cố thoát ra khỏi chốn này hay là chết, miễn sao đừng phải nghe tiếng thở phì phò, tiếng ngáy nặng nề của hắn, miễn sao đừng phải ở lại đây: có chết thì cũng chết tự do, chết trong khi chống chọi với chúng, chứ không thể chịu khuất phục.

Tôkôn nghĩa là vợ lẽ. Ôi, sao tôi căm thù hai tiếng này đến thế! Ai đã nghĩ ra hai tiếng ấy, nó sinh ra từ những thời quái gở nào? Còn gì có thể ô nhục hơn tình cảnh của người vợ lẽ, bị ép buộc mọi bề, một kẻ tôi mọi cả về thể xác lẫn linh hồn? Hỡi những người khốn khổ kia, hãy từ đáy mộ đứng lên, hỡi oan hồn của những người đàn bà bị chà đạp, bị lăng mạ, bị tước hết

phẩm cách làm người! Hãy đứng lên, hỏi những người bị đọa đầy hành hạ, hãy lay chuyển bóng tối đen đặc của thời xưa ấy! Hãy nghe tôi, người cuối cùng trong những người đã bước qua số kiếp ấy!

Đêm ấy tôi có hay đâu rằng sau này tôi sẽ được thốt lên những lời kia. Tôi cứ hăm hở, mê mải đào đất dưới vách lên. Mặt đất ở chỗ ấy lờm chờm những đá, không sao đào được. Tôi cào bằng móng tay, mấy ngón tay tôi toạc rách, rớm máu. Và đến khi lỗ đào đã vừa rộng để thò tay ra ngoài lều thì trời đã hửng sáng. Chó sủa ran, người ở các lều bên bắt đầu thức dậy. Có tiếng vó rầm rập của một đàn ngựa phi qua lều xuống sông uống nước. Những đàn cừu ngái ngủ kéo qua, thở phì phò. Rồi có ai đến cạnh lều, tháo cởi những sợi chảo căng ở ngoài và bắt đầu dỡ các tấm nỉ lợp lều. Đó là người đàn bà mặt đen trầm lặng.

Thế nghĩa là thôn du mục này sắp dời đi nơi khác. Tôi chợt nhớ ra rằng hôm qua tôi tình cờ nghe loáng thoáng họ nói sáng nay sẽ dời đến cắm lều ở trên đèo, tới chỗ chẵn thả mối, rồi sẽ sang bên kia đèo, đi sâu vào vùng núi ở suốt mùa hè trong ấy. Và tâm hồn tôi lại càng nặng trĩu: từ đấy trốn đi còn khó gấp trăm lần.

Lúc này tôi ngồi cạnh lỗ đào ra sao thì bây giờ tôi cũng vẫn ngồi yên như thế, thậm chí chẳng buồn nhích sang bên nữa. Tôi còn giấu giếm làm gì cơ chứ... Người đàn bà mặt đen có trông thấy chỗ đất bị đào lên dưới vách, nhưng cũng chẳng nói chẳng rằng, tiếp tục làm công việc mình. Và nói chung bà ta luôn có vẻ như không có việc gì dính dáng đến mình cả, như thể không có gì trên đời này có thể gợi nên trong lòng bà ta một mảy may cảm xúc. Thậm chí bà ta cũng không đánh thức chồng dậy, không dám xin hẳn giúp mình một tay để thu vén lên đường. Hắn đang ngáy như một con gấu, mình ngập dưới đồng chăn mềm và áo khoác.

Những tấm dạ đều đã cuộn lại, lều chỉ còn lại có cái sườn, và tôi như ngồi trong một cái lồng nhìn ra ngoài: cách đấy không xa bên kia sông có mấy người đang xếp đồ đạc lên lưng bò và ngựa. Rồi tôi thấy ba người cưỡi ngựa từ đâu bỗng phi về phía đám người kia, và sau khi hỏi họ mấy câu, lại đi về phía lều tôi đang ngồi. Thoạt tiên tôi tưởng họ đi tập hợp mọi người lên đường, nhưng khi nhìn kỹ lại tôi choáng người đi. Đó là Duysen, còn hai người kia thì đội mũ lưỡi trai công an, mặc áo khoác dính dải khuy đỏ.

Tôi ngồi thừ ra như người chết rồi, thậm chí cũng không kêu lên được nữa. Tôi mừng quỳnh lên: thầy tôi vẫn sống! Và đồng thời tôi bỗng thấy lòng tôi như trống hoác ra: nay tôi đã là một kẻ bỏ đi, một con người ô ố.

Đầu Duysen quấn băng, tay cũng treo băng. Thầy nhảy xuống ngựa, giơ chân đạp sập cửa, chạy vào lều và kéo phất tẩm chăn đắp trên người lão mặt đỏ.

- Dậy! - Duysen giận dữ quát.

Lão kia nhắc đầu lên, dụi mắt rồi toan chồm lên người Duysen, nhưng lập tức phải chịu im khi thấy hai khẩu súng lục của hai người công an chĩa vào mặt. Duysen túm lấy cổ áo hấn lay mạnh rồi kéo đầu hấn vào sát mặt mình.

- Đồ hèn mặt! - Duysen nói thì thào qua đôi môi trắng bệch. - Bây giờ mày phải theo ta! Đi!

Lão kia ngoan ngoãn cất bước, nhưng Duysen lại nắm chặt lấy vai hấn rồi nhìn thẳng vào tận mặt hấn nói, giọng dứt quăng:

- Mày tưởng đã giày xéo lên Antunai như xéo lên đám cỏ dại hấn, mày tưởng đã hãm hại được Antunai?.. Mày lầm! Thời của mày đã hết, bây giờ đến thời của Antunai, cái thời của mày đã mặt kiếp rồi!..

Họ để cho tên mặt đỏ đi ủng, trói tay hấn lại và xốc lên ngựa. Một trong hai người công an cầm cương ngựa dắt đi, còn người kia cưỡi ngựa theo sau. Tôi ngồi lên ngựa của Duysen, còn thầy đi bộ bên cạnh.

Khi chúng tôi cất bước, ở phía sau bỗng vang lên một tiếng rú man rợ, nghe không còn ra tiếng người nữa: người đàn bà mặt đen đang chạy theo chúng tôi. Như một người điên, bà ta nhảy chồm vào chồng, tay cầm một hòn đá đánh vào chiếc mũ lông cáo đội trên đầu hấn, miệng hét thất thanh:

- Mày đã uống máu tao, đồ sát nhân! Mày đã đầy đọa thân tao suốt đời! Quân giết người! Tao không để cho mày sống mà đi khỏi nơi này đâu!

Chắc hấn bốn mươi năm nay bà ta không ngẩng đầu lên. Và tất cả những gì bấy lâu chồng chất lại, sôi sục trong lòng bà ta, những gì vẫn đầu độc đời bà như một loài cỏ đắng, giờ đây đã bùng nổ ra. Những tiếng rú the thé của người đàn bà vang dội khắp các vách đá trong thung lũng. Bà ta lồng lộn quanh lão mặt đỏ đang sợ sệt co rúm người lại, ném vào lão ta, nào đá, nào

phân ngựa, nào những cục đất sét, vớ được gì cũng ném, lớn tiếng nguyên rủa:

- Sao cho cỏ đừng mọc ở những chỗ chân mày bước qua! Sao cho xương mày phơi trên đồng nội, sao cho quạ mổ mày đi! Cầu trời đừng bắt tao thấy lại mặt mày lần nữa! Mày chết đi cho khuất mắt tao, đồ quái vật, mày chết đi, chết đi, chết đi! - bà ta hét, rồi im bật, vừa kêu gào vừa bỏ chạy. Có thể tưởng như bà ta muốn trốn thoát khỏi móng vuốt đang bay tả tơi trước gió đuổi theo mình.

Mấy người láng giềng vừa đến liền lên ngựa rượt theo.

Như sau một cơn ác mộng, đầu tôi cứ văng lên. Mình mảy ê ẩm, tôi đỡ dần ngồi trên yên ngựa. Duysen cầm cương đi trước một quãng. Thầy lặng thinh, mái đầu quấn băng cúi gằm.

Đi mãi hồi lâu chúng tôi mới ra khỏi cái thung lũng ghê rợn kia. Hai anh công an vượt lên trước, cách chúng tôi khá xa. Duysen cho ngựa dừng lại và lần đầu tiên nhìn tôi, đôi mắt buồn rười rượi.

- Antunai ơi, thầy không bảo vệ được em, em tha thứ cho thầy nhé, - Duysen nói, đoạn cầm lấy tay tôi áp lên má. - Nhưng dù em có tha thứ nữa thì thầy cũng không đời nào có thể tự tha thứ cho mình việc này được...

Tôi khóc nức lên và gục xuống bờm ngựa. Duysen đứng cạnh, lặng lẽ vuốt tóc tôi và đợi tôi nín khóc. Cuối cùng thầy nói:

- Em bình tâm lại, Antunai ạ, ta đi đi. Em nghe thầy nhé. Hôm kia thầy vừa lên huyện. Em sẽ lên tỉnh học. Em nghe thấy không?

Khi chúng tôi dừng lại bên một ngọn suối trong veo tuôn chảy róc rách, Duysen nói:

- Antunai, em xuống ngựa mà tắm một chút. - Thầy rút trong túi ra miếng xà phòng nhỏ. - Cầm lấy, Antunai, cứ tha hồ dùng cho hết. Thầy sẽ ra kia cho ngựa ăn cỏ một lát, em cởi quần áo xuống suối tắm đi. Và em hãy quên hết những chuyện đã xảy ra, đừng bao giờ nhớ đến nữa. Tắm đi, Antunai, em sẽ thấy dễ chịu hơn. Được chứ?

Tôi gật đầu. Và khi Duysen đã dắt ngựa đi khuất, tôi cởi áo quần, thận trọng bước xuống suối. Những viên sỏi trắng, tím, xanh, đỏ từ dưới lòng suối nhìn tôi. Làn nước xanh lơ chảy xiết réo lên quanh mắt cá tôi. Tôi lấy tay vốc nước vỗ lên ngực. Những dòng nước mát rượi chảy trên thân thể tôi,

và tôi bắt giác cát tiếng cười, lần đầu tiên trong suốt mấy ngày hôm ấy. Được cười, thích biết bao nhiêu! Tôi luôn tay vốc nước phả lên người, rồi gieo mình xuống làn nước sâu. Dòng suối băng băng cuốn tôi đến một cồn cát. Tôi đứng lên rồi lại ngụp xuống dòng nước chảy cuộn cuộn, tung bọt trắng xóa.

- Nước ơi, hãy cuốn đi tất cả những bùn nhơ, những nổi ô nhục của mấy ngày hôm nay! Hãy làm cho tôi trong sạch như nước suối này! - tôi thì thầm.

Tại sao vết chân con người không còn lại mãi mãi ở những nơi thân thiết, đáng ghi nhớ đối với lòng họ? Giá giờ đây tôi có thể tìm lại con đường mòn mà Duysen đã đưa tôi xuống núi, tôi sẽ phục xuống đất và hôn lên những vết chân của thầy tôi. Đối với tôi con đường mòn ấy là con đường dẫn tới mọi con đường. Thiêng liêng và diễm phúc thay ngày hôm ấy, con đường mòn ấy, con đường đã dẫn tôi trở về với cuộc sống, với niềm tin mới vào bản thân mình, với những niềm hy vọng mới, với ánh sáng... cảm ơn ánh sáng mặt trời, cảm ơn mảnh đất ngày hôm ấy...

Hai hôm sau Duysen đưa tôi ra ga.

Sau tất cả những sự việc xảy ra, tôi không muốn ở lại trong thôn nữa. Phải bắt đầu cuộc sống mới ở một chốn mới. Và chẳng mọi người cũng đều thấy tôi nghĩ đúng. Hai vợ chồng bà cụ Xaikan theo tiễn tôi, cuống quýt, khóc lóc như trẻ con, dúi vào tay tôi những gói giấy, những bọc vải đựng thức ăn đường. Những người láng giềng khác đến từ biệt tôi, ngay cả ông Xatưmkin hay cãi cũng tới.

- Thôi, Thượng đế phù hộ con, - ông ta nói, cho đường đi của con sáng sủa. Con đừng sợ, con hãy sống theo lời dạy của thầy Duysen tất sẽ nên người. Thôi, chúng ta đây cũng bắt đầu hiểu biết ít nhiều rồi.

Các học sinh trường chúng tôi chạy mãi theo chiếc xe ngựa và vẫy tay từ biệt tôi...

Tôi ra đi cùng với mấy em nữa, cũng được đưa lên nhà nuôi trẻ ở Taskent. Ở sân ga có một người đàn bà Nga mặc áo va-rơ đã đợi chúng tôi.

Về sau đã bao lần tôi đi xe lửa qua ngôi nhà ga vùng núi nấp dưới bóng phong dương này! Tôi thường có cảm giác như đã vĩnh viễn để lại một nửa trái tim tôi ở nhà ga ấy.

Trong ánh sáng loang loáng màu tím nhạt của buổi chiều xuân hôm ấy có một cái gì buồn hiu hắt, tưởng chừng như ánh hoàng hôn cũng hiểu thấu nỗi buồn chia ly của chúng tôi. Duysen cố gắng không để lộ cho ai thấy thầy đau lòng đến nhường nào, tâm hồn thầy đang buồn khổ đến nhường nào, nhưng tôi thì tôi biết: cũng chính nỗi đau buồn ấy đang nghẹn ngào trong cổ tôi. Duysen nhìn chăm chăm vào mắt tôi, thầy lấy tay vuốt tóc, vuốt má tôi, mân mê cả những chiếc khuy trên áo tôi.

- Antunai ạ, lẽ ra không bao giờ thầy để em xa thầy một bước, - Duysen nói. - Nhưng thầy không có quyền cản trở em. Em phải học. Vì thật ra thầy cũng chẳng biết được bao nhiêu chữ nghĩa. Em đi đi, như vậy tốt hơn... Có lẽ rồi em sẽ trở thành một người giáo viên thật sự và đến khi nhớ lại ngôi trường của chúng ta, em sẽ cười cũng nên... thầy chỉ mong thế chỉ mong được thế...

Xa xa có tiếng còi tàu hỏa rúc lên, vang dội khắp thung lũng quanh ga. Đã trông thấy những ánh đèn trên các toa xe. Mọi người nhốn nháo trên sân ga.

- Thôi thế là em sắp đi, - Duysen xiết tay tôi nói, giọng run run, - chúc em hạnh phúc, Antunai nhé. Và cái chính là em phải học, phải học...

Tôi không đáp, nước mắt trào lên nghẹn ngào không sao nói được.

- Đừng khóc, Antunai ạ. - Duysen lau nước mắt cho tôi, rồi bỗng như sự nhớ ra, thầy nói: - Còn hai cây phong mà thầy với em đã trồng, thầy sẽ tự chăm bón lấy. Và khi em đã trưởng thành trở về đây, em sẽ thấy chúng đẹp nhường nào.

Giữa lúc ấy tàu hỏa đã vào ga. Bánh xe lăn âm âm, các toa xe xô vào nhau lịch kịch rồi dừng lại.

- Thôi, chúng ta hãy chia tay nhau đi! - Duysen ôm chặt tôi và hôn lên trán. - Chúc em khỏe, lên đường may mắn nhé, từ biệt em, Antunai của thầy... Em đừng sợ, hãy mạnh dạn lên mà đi.

Tôi nhảy lên bậc toa và ngoái cổ lại nhìn. Không bao giờ tôi có thể quên hình ảnh Duysen, tay treo băng, đứng nhìn tôi với đôi mắt nhòa lệ, rồi vươn người tới như muốn đến với tôi. Vừa lúc ấy đoàn tàu chuyển bánh.

- Từ biệt Antunai! Từ biệt em, ngọn lửa nhỏ của thầy! - Duysen kêu lên.

- Từ biệt thầy! Từ biệt thầy kính mến của em!

Duysen chạy bên toa xe, dừng lại, rồi bỗng chồm lên gọi lớn:

- Antư-ư-na-a-ai!

Duysen gọi như thể vừa quên nói với tôi một điều gì vô cùng quan trọng rồi bỗng sực nhớ ra, tuy biết rằng bây giờ đã muộn mất rồi... Cho đến nay trong tai tôi vẫn còn văng vẳng tiếng gọi ấy, thốt lên tự đáy lòng, từ những nơi sâu kín nhất của tâm hồn Duysen...

Tàu hỏa chạy qua đoạn đường hầm rồi đổ ra đường thẳng, tăng tốc độ đưa tôi băng qua những cánh thảo nguyên của miền Kazakh tiến tới một cuộc sống mới...

Từ biệt thầy, từ biệt ngôi trường đầu tiên của tôi, từ biệt thời thơ ấu, từ biệt mối tình đầu của tôi, mối tình không hề thổ lộ với ai....

Phải, tôi đã được học trong một thành phố lớn như Duysen vẫn ước mơ, trong những nhà trường lớn, có những khung cửa sổ rộng như thầy vẫn tả. Rồi sau khi tốt nghiệp trường dự bị đại học công nhân, tôi được gửi đi Matxcơva, vào trường đại học.

Tôi đã phải trải qua bao nhiêu khó khăn trong những năm học dài đằng đẵng, đã bao nhiêu lần tôi tuyệt vọng tưởng chừng không sao vươn được đến những đỉnh chóp cao siêu của khoa học. Và cứ mỗi lần như vậy, trong những phút gay go nhất tôi lại thầm giữ trách nhiệm đối với người thầy đầu tiên của tôi và không dám lùi bước. Những điều mà người khác học được ngay thì tôi phải chật vật lắm mới tiếp thu nổi. Bởi vì cái gì tôi cũng phải bắt đầu từ a. b. c.

Trong khi còn học ở trường dự bị đại học công nhân, tôi có viết cho Duysen một bức thư thú nhận rằng tôi yêu Duysen và chờ đợi. Duysen không trả lời. Đến đấy chúng tôi không còn trao đổi thư từ gì với nhau nữa. Tôi nghĩ rằng Duysen cưỡng lại tình cảm của tôi và của Duysen nữa là vì không muốn cản trở việc học tập của tôi. Có lẽ Duysen nghĩ đúng... Hay cũng có thể vì những nguyên nhân nào khác chẳng? Đạo ấy tôi đã đau khổ và băn khoăn biết mấy về việc này.

Tôi bảo vệ luận án đầu tiên của tôi ở Matxcơva. Đối với tôi đó là một thắng lợi lớn, một thắng lợi quan trọng. Suốt mấy năm ấy tôi không có dịp về thăm làng vì chiến tranh bùng nổ. Cuối mùa thu năm ấy, trong khi rời Matxcơva tản cư đi Frunde, tôi ghé xuống nhà ga mà thầy tôi đã tiễn tôi lên

đường. May sao gặp ngay được một chiếc xe ngựa đi về nông trường quốc doanh qua thôn chúng tôi.

Ôi, quê hương tôi, trong thời chiến tranh gian khổ tôi đã ghé về thăm người. Tuy nhiên mảnh đất thân yêu đã đổi mới, tôi vui mừng khôn xiết - những thôn ở mới đã mọc lên, nhiều cánh đồng được cày thêm, nhiều đường sá và cầu cống mới được xây, - nhưng chiến tranh đã gieo màu sắc thê lương vào chuyến gặp gỡ này.

Đi đến gần làng, tôi thấy lòng bồi hồi xúc động. Từ xa tôi đưa mắt ngắm những con đường làng trước kia không có, những ngôi nhà và những thửa vườn mới, rồi nhìn lên ngọn đồi trước đây có ngôi trường cũ của chúng tôi, và hồi hộp nghẹn thở: trên đồi, hai cây phong lớn mọc sát cạnh nhau, đang đung đưa trước gió. Và lần đầu tiên tôi đã cất tiếng gọi tên người mà suốt đời tôi đã gọi bằng “thầy” Duysen.

- Duysen! - tôi thì thầm - Cám ơn anh về tất cả những gì anh đã làm cho em, anh Duysen! Anh không quên, tức là anh vẫn nghĩ đến... Em biết anh không thể khác được!..

Thấy mặt tôi ướt đầm nước mắt, người thanh niên đánh xe ngựa lo lắng hỏi:

- Chị làm sao thế?

- Không, có sao đâu. Anh có biết ai trong nông trang này không?

- Biết chứ. Ở đây toàn người quen cả.

- Thế anh có biết Duysen không, trước kia làm thầy học ấy mà?

- Duysen? Anh ấy đi bộ đội rồi. Chính tôi chở anh ấy từ nông trang lên ủy ban tuyển binh, cũng trên chiếc xe này.

Sắp vào làng, tôi bảo anh thanh niên dừng lại, rồi xuống xe. Tôi xuống xe và ngẫm nghĩ một lát. Bây giờ mà đi nhà này nhà nọ, thời buổi chiến chinh này mà đi tìm người quen, hỏi người này người khác xem họ có nhớ mình không, tự xưng mình là người làng đây, tôi không sao làm được. Duysen thì đã đi bộ đội rồi. Vả chăng tôi đã thể sẽ không bao giờ đến nơi chú thím tôi ở. Người ta có thể tha thứ nhiều điều cho người khác, nhưng một hành động tàn ác như vậy thì tôi nghĩ không ai có thể tha thứ cho nhau được. Thậm chí tôi cũng không muốn họ biết tôi có về làng. Tôi rời đường cái đi lên phía hai cây phong trên ngọn đồi.

Ôi, hai cây phong, hai cây phong! Bao nhiêu nước suối đã trôi đi từ dạo chúng mày hãy còn là hai cây non bé nhỏ, thân xanh biếc. Tất cả những gì mà người trồng cây lên và chăm bón cho cây lớn hăng mơ ước, hăng tiên đoán, nay đều đã thành sự thực. Nhưng sao cây rì rào buồn bã như vậy, cây có điều gì sầu muộn mà nỉ non rầu rĩ như vậy? Hay cây than vãn về nỗi mùa đông sắp đến, và những cơn gió lạnh sẽ tủa trụi lá trên cành cây? Hay nỗi đau buồn của dân ta đang rên rỉ trong thân cây?

Phải, mùa đông sẽ lại đến với những cơn giá rét, những trận bão tuyết hãi hùng, nhưng rồi xuân sẽ lại sang...

Tôi đứng hồi lâu lắng nghe tiếng lá thu xào xạc. Máng nước ở chân hai cây phong được ai dọn sạch cách đây không lâu: trên mặt đất hãy còn thấy những vết thuổng sâu, trông còn mới. Làn nước trong trẻo đầy ắp trong máng chỉ thoáng gợn lên một chút, và trên mặt nước rung rinh những chiếc lá phong vàng.

Đứng trên gò tôi có thể trông thấy nóc mái đỏ của ngôi trường mới, còn trường chúng tôi thì chẳng còn bóng dáng đâu nữa. Sau đó tôi xuống đường cái, đón một chiếc xe ngựa đi qua và lên ga.

* * *

Chiến tranh tiếp diễn, rồi kết thúc thắng lợi. Bao nhiêu hạnh phúc đượm mùi đấng cay đã đến với mọi người: lũ trẻ chạy đến trường đeo những chiếc xà cọt dã chiến của cha chúng, những cánh tay đàn ông lại trở về với công việc đồng áng, những người vợ khóc ráo hết nước mắt rồi lặng lẽ dần lòng chịu đựng cuộc sống góa bụa. Cũng có những người dai dẳng đợi chờ người thân. Vì không phải ai cũng trở về ngay được.

Riêng tôi, tôi cũng không biết Duysen ra sao. Những người làng tôi lên tỉnh nói rằng Duysen bị mất tích, ủy ban xã đã nhận được giấy báo tin như thế.

- Có lẽ anh ta chết rồi cũng nên - họ phỏng đoán, - thời gian cứ trôi qua, mà anh ta vẫn biệt vô âm tín.

“Thế nghĩa là thầy tôi không còn về nữa rồi, - tôi thường nghĩ. Thế là thầy và em không còn được gặp lại nhau kể từ cái ngày đáng ghi nhớ khi chúng ta từ biệt nhau ở ga...”

Đôi khi ngẫm nhớ lại dĩ vãng, tôi cũng không ngờ rằng hóa ra bao nhiêu buồn tủi đã tích lại trong lòng tôi.

Năm bốn mươi sáu, vào cuối mùa thu tôi lên đường đi công tác khoa học ở trường đại học tổng hợp Tômxơ. Lần đầu tiên tôi đi qua Xibiri. Vào tiết cuối thu năm ấy, miền Xibiri thật khắc khổ và ảm đạm. Những cánh rừng già hàng thế kỷ chạy vùn vụt ngoài cửa tàu như một bức tường tối sẫm. Ở những khoảng rừng thưa thấp thoáng những mái nhà đen ngòm của các làng mạc với những làn khói trắng từ các ống khói bốc lên. Trên những cánh đồng lạnh lẽo, tuyết đầu mùa đã phủ xuống. Những đàn quạ xơ xác bay vờ trên tuyết. Trời lúc nào cũng xám xịt.

Nhưng ngồi trong toa tàu, tôi vui lắm. Người ngồi cạnh tôi trong ngăn toa là một cựu chiến binh, một anh thương binh đi nạng gỗ; anh ta kể những chuyện vui, những mẩu giai thoại ở bộ đội làm chúng tôi cười như nắc nẻ. Tôi không khỏi ngạc nhiên vì cái tài bịa chuyện không cùng của anh ta, và ở sau tiếng cười chất phác không hề có ác ý ấy bao giờ cũng cảm thấy một sự thật sâu sắc. Trong toa ai cũng mến anh ấy lắm. Khi qua Nôvôxibirxơ, đoàn xe của chúng tôi phải dừng lại một phút ở ngã ba đường sắt nào đấy. Tôi đứng nhìn ra cửa sổ và đang cười vì một câu đùa mới của anh bạn đường.

Đoàn xe chuyển bánh, tăng tốc độ; một ngôi nhà ga nhỏ cô đơn lướt qua cửa sổ, và đến khi tàu đi qua chỗ bẻ ghi tôi bỗng vụt né người lại rồi ghé sát mặt vào tấm kính. Duysen đang đứng đấy! Anh ấy đứng cạnh chiếc chòi canh, tay cầm cờ tín hiệu. Tôi không biết trong lòng tôi đã diễn ra những gì.

- Đứng lại! - tôi hét vang cả toa xe và lao ra cửa toa, tự mình cũng không biết phải làm gì, nhưng tôi chợt trông thấy cái dây khóa ống hơi hãm xe, liền lấy hết sức giật ra khỏi dấu niêm phong bằng chì.

Các toa xô mạnh vào nhau, đoàn tàu đột ngột bị hãm lại và đột ngột lùi về phía sau. Hành lý để trên giá đổ xuống ầm ầm, cốc chén rơi loảng xoảng, đàn bà và trẻ con kêu ối ối. Có tiếng ai hét thất thanh:

- Tàu nghiêng phải người rồi!

Tôi chạy ra bậc toa, nhảy xuống đất mà không trông thấy mặt đất ở dưới chân, như nhảy xuống vực thẳm, rồi vẫn thế, không trông thấy gì ở trước mặt, không hay biết gì nữa, tôi lao người chạy về phía chòi canh của người bẻ ghi, về phía Duysen. Sau lưng tôi có những tiếng còi tối tấp của các nhân viên coi toa. Nhiều hành khách cũng nhảy xuống xe và chạy theo tôi. Tôi chạy một hơi dọc đoàn tàu. Duysen cũng đã chạy ngược về phía tôi.

- Duysen, thầy! - tôi vừa gọi vừa lao về phía Duysen.

Người bẻ ghi đứng lại, ngõ ngàng nhìn tôi. Đó chính là Duysen, chính khuôn mặt ấy, chính đôi mắt ấy, chỉ có điều là bây giờ Duysen để ria và trông hơi già đi.

- Chị làm sao thế, chị! - người bẻ ghi ân cần hỏi bằng tiếng Kadakh. - Chắc chị nhầm, tôi là người bẻ ghi Giagadin, tên tôi là Bâynêu.

- Bâynêu?

Tôi không biết làm sao tôi lại có thể kịp nghiêng rặng lại để đừng kêu lên vì buồn khổ, vì đau đớn và hổ thẹn. Tôi đã làm gì thế này? Tôi giờ hai tay bưng mặt và cúi đầu. Tại sao đất ở dưới chân tôi không sụt xuống? Lý ra tôi phải xin lỗi người bẻ ghi, xin lỗi hành khách, nhưng tôi cứ đứng im lặng như một tảng đá. Đám hành khách vây quanh, không hiểu tại sao cũng im lặng. Tôi biết thế nào họ cũng sắp quát mắng, chửi bới tôi. Nhưng mọi người đều im lặng. Và trong cõi im lặng ghê rợn ấy chợt có tiếng nấc của người đàn bà không rõ:

- Khổ thân, cô ấy tưởng tìm được chồng hay anh gì đấy, hóa ra không phải.

Đám người xông xáo lên.

- Sao lạ thế nhỉ, - có ai nói, giọng trầm trầm.

- Lạ gì, trong chiến tranh chúng ta đã phải chịu đựng bao nhiêu và cũng còn lại bao nhiêu cảnh éo le cay đắng... - một giọng đàn bà nghẹn ngào đáp.

Người bẻ ghi gỡ hai tay tôi đang bưng mặt và nói:

- Ta đi đi, tôi đưa chị về toa nhé, ở đây lạnh lắm.

Anh ấy khoác lấy tay tôi. Ở phía bên kia, một người sĩ quan nào cũng khoác tay tôi giắt đi.

- Ta đi thôi chị ạ, chúng tôi hiểu hết, - người sĩ quan nói.

Hành khách dẫn ra, và họ dìu tôi đi như đi đưa đám ma. Chúng tôi chậm rãi đi ở phía trước, và mọi người bước theo sau. Những hành khách từ phía tàu đi lại cũng lặng lẽ nhập vào đám đông. Có ai khoác lên vai tôi một chiếc khăn choàng lông. Anh bạn cùng toa của tôi khập khiễng trên đôi nạng gỗ, đi vượt lên phía trước một chút và nhìn vào mặt tôi. Con người vui tính, hay đùa bỡn, tốt bụng và can đảm ấy không hiểu sao bùi ngùi để đầu trần đi bên cạnh tôi. Hình như anh đang khóc. Tôi cũng khóc. Và trong tiếng chân bước

chậm rãi của đoàn người đi dọc các toa tàu, trong tiếng gió rít qua các hàng dây thép, tôi ngỡ chừng nghe thấy những âm thanh của một khúc điệu ca. “Không, mình sẽ không bao giờ còn gặp lại anh ấy nữa”.

Bên toa tàu của chúng tôi, viên xa trưởng chặn chúng tôi lại. Ông ta quát tháo, giơ ngón tay lên dọa tôi, nói những gì nào là vi phạm luật pháp, nào là phạt vi cảnh. Nhưng tôi lặng thinh không đáp. Tôi còn thiết gì nữa. Ông ta dúi vào tay tôi một tờ biên bản, bảo tôi phải ký vào, nhưng tôi không còn hơi sức cầm lấy cây bút chì nữa.

Lúc bấy giờ anh bạn cùng toa giật lấy tờ giấy trong tay viên xa trưởng, chống nạng tiến đến sát và quát vào mặt ông ta:

- Ông để cho cô ấy yên! Tôi sẽ ký. Chính tôi đã giật cái khóa hơi, tôi sẽ chịu trách nhiệm...

Trên đất Xibiri, mảnh đất cổ truyền của dân Nga, đoàn tàu vội vã cướp lại thời gian đã mất. Tiếng đàn ghi-ta của anh bạn cùng toa nỉ non buồn bã trong đêm. Tôi cứ mang theo trong lòng dư âm bi thảm sau lần đụng mặt với cuộc chiến tranh đã kết thúc từ lâu ấy như một khúc ca lời rền rĩ của những người phụ nữ Nga góa bụa.

Năm qua tháng lại, dĩ vãng đã xa xăm, mà hiện tại thì luôn cất tiếng gọi trở về với cuộc sống, với những nỗi lo âu bận rộn lớn nhỏ hàng ngày. Tôi lấy chồng muộn. Nhưng tôi đã gặp được một người tốt. Chúng tôi có mấy đứa con, gia đình chúng tôi sống rất hòa thuận. Bây giờ tôi đã là tiến sĩ triết học. Tôi thường phải đi công tác luôn. Tôi đã qua nhiều nước... Thế nhưng chưa bao giờ tôi về làng nữa. Dĩ nhiên có nhiều lý do, nhưng tôi không có ý định thanh minh. Tôi đã cắt đứt liên hệ với người cùng làng đó là một điều không tốt, không thể tha thứ được. Nhưng số phận tôi nó thế. Không phải tôi quên dĩ vãng, không, tôi không thể quên được tôi chỉ xa lánh dĩ vãng mà thôi.

Trên núi có những dòng suối như vậy: một con đường mới được đắp lên, người ta quên lãng con đường mòn dẫn đến suối và ngọn suối kia dần dần phủ kín dưới lau lách, bụi bờ. Đứng xa mà nhìn chẳng còn thấy suối đâu nữa. Và ít khi có ai nhớ đến dòng suối cũ mà từ đường cái rẽ về bên suối vào một ngày nồng nực để uống cho đỡ khát. Nhưng rồi một hôm có người tìm thấy nơi vắng vẻ ấy, rẽ đám lau lách ra và khẽ thốt lên: dòng nước mát mẻ, trong trẻo lạ lùng đã từ lâu không ai đến khuấy động làm vẩn đục, đang

chảy lặng lẽ, sâu thẳm, khiến cho khách phải ngạc nhiên. Khách nhìn xuống nước và trông thấy mình, thấy ánh thái dương, bầu trời, những rặng núi... Và khách nghĩ rằng không biết đến những nơi như thế này thật là có tội, phải kể lại cho các bạn bè cùng biết. Khách nghĩ thế rồi quên bẵng đi cho đến ngày thấy lại dòng suối lần nữa.

Trong cuộc sống đôi khi cũng như vậy. Nhưng có lẽ chính như thế nó mới là cuộc sống...

Tôi sực nhớ đến những ngọn suối ấy cách đây không lâu sau khi ghé về thăm làng.

Chắc anh rất ngạc nhiên không hiểu sao dạo ấy tôi bỏ Kurkurêu ra đi một cách đột ngột như vậy. Phải chăng không thể kể cho mọi người ở đây nghe tất cả những điều mà tôi đang kể cho anh nghe? Không phải. Lúc bấy giờ tôi bối rối quá, tôi xấu hổ, tôi thẹn cho mình quá, nên phải bỏ đi ngay. Tôi đã hiểu ra rằng tôi sẽ không tài nào gặp lại Duysen, không thể nào dám nhìn thẳng vào mắt Duysen được. Tôi cần phải bình tâm lại, sắp xếp lại những ý nghĩ đang rối tung, dọc đường suy nghĩ lại tất cả những điều tôi muốn nói không những với các bạn cùng quê mà còn nói với nhiều người khác nữa. Tôi còn thấy mình có tội nữa vì không phải tôi là người có quyền được trọng vọng đủ điều như vậy, được ngồi ở chỗ danh dự trong buổi lễ khánh thành trường mới. Đó trước hết là quyền của người thầy đầu tiên của chúng ta, người cộng sản đầu tiên trong làng chúng ta - thầy Duysen già cả. Thế nhưng sự việc đã diễn ra trái hẳn. Chúng ta ngồi quanh bàn tiệc, còn con người vàng ngọc ấy thì đang hối hả chạy đi đưa thư, vội vã chuyển những bức điện chúc mừng của học trò cũ mình về cho kịp lễ khánh thành.

Mà đấy không phải là một trường hợp duy nhất. Tôi đã nhiều lần thấy như vậy. Cho nên tôi thường tự hỏi: chúng ta đã bỏ mất cách biết trân trọng con người bình thường như Lênin từng trân trọng tự bao giờ? May thay, giờ đây chúng ta nói lên những điều như thế một cách thẳng thắn không kèm theo chút đạo đức giả nào. Cũng rất hay là ngay cả trong việc này chúng ta đã cùng đến sát với Lênin hơn.

Lớp thanh niên không biết rõ Duysen trước kia là một người thầy như thế nào. Còn thế hệ cũ thì đã nhiều người không còn nữa. Không ít các học trò cũ của Duysen đã hy sinh trong chiến tranh, họ đã là những chiến sĩ Xô-viết chân chính. Lẽ ra tôi phải nói cho thanh niên hiểu rõ thầy Duysen. Ai ở địa

vị tôi cũng đều có nhiệm vụ làm như vậy. Nhưng tôi lại không về làng, tôi không hề biết gì về Duysen, và với thời gian, hình ảnh của thầy đối với tôi đã dường như biến thành một thánh tích vô giá, được giữ gìn trân trọng trong cõi tĩnh mịch của một viện bảo tàng. Tôi sẽ trở về gặp thầy tôi và sẽ chịu tội trước thầy. Tôi sẽ xin người tha thứ.

Tôi định khi nào đi Matxcorva về, sẽ đến Kurkurêu và đề nghị với dân làng đặt tên cho nhà trường ký túc mới là “Trường Duysen”. Phải, trường phải mang tên người nông trang viên giản dị ngày nay làm nghề đưa thư ấy. Tôi hy vọng rằng với tư cách là một người cùng quê, anh sẽ ủng hộ đề nghị của tôi. Tôi xin anh làm như vậy.

Ở Matxcorva bây giờ đã hơn một giờ đêm. Tôi đứng trên bao lơn tòa khách sạn, nhìn những ánh đèn lấp lánh tỏa rộng trên thủ đô và nghĩ đến lúc tôi sẽ trở về làng, tìm gặp Duysen và hôn lên chòm râu bạc của thầy...

* * *

Tôi mở tung các cửa sổ. Một luồng gió mát lùa vào phòng. Trong ánh lê minh xanh nhạt đang sáng dần, tôi nhìn kỹ những bản nghiên cứu phác thảo của bức tranh tôi vừa khởi công làm. Những bức vẽ phác thảo ấy nhiều lắm. Tôi đã nhiều lần vẽ đi vẽ lại từ đầu. Nhưng bây giờ mà nói về toàn bộ bức tranh thì hãy còn sớm. Tôi vẫn chưa tìm ra cái chính... Tôi đi đi lại lại trong cảnh tĩnh mịch của buổi lê minh và cứ suy nghĩ, suy nghĩ mãi. Và lần nào cũng đều như thế. Lần nào tôi cũng lại thấy rõ rằng bức tranh của tôi chỉ mới là một ý đồ.

Tuy vậy tôi vẫn muốn nói với các bạn về tác phẩm dở dang của tôi. Tôi muốn hỏi ý kiến các bạn. Chắc các bạn cũng đã đoán ra rằng bức tranh của tôi dành cho người thầy giáo đầu tiên của làng chúng tôi - ông già Duysen.

Nhưng tôi chưa hình dung được rõ liệu tôi có thể dùng thuốc vẽ mà thể hiện được cuộc sống phức tạp, đầy đấu tranh ấy, những nẻo đường đời và những tình cảm muôn màu muôn vẻ của con người ấy không. Làm sao cho khỏi sánh mất bát nước đầy; làm sao trao được tận tay các bạn, những người cùng thời đại với tôi? Làm thế nào cho ý đồ của tôi không phải chỉ thấu đến các bạn, mà còn trở thành một công trình sáng tạo chung của chúng ta?

Tôi không thể không vẽ bức tranh này, nhưng sao tôi thấy băn khoăn, lo lắng quá! Có khi tôi tưởng chừng rồi sẽ chẳng ra gì hết. Và những lúc ấy tôi lại nghĩ: tại sao số phận lại trở trêu đặt cây bút vẽ vào tay tôi làm gì? Thật là

một cuộc sống khổ ải! Lại có khi tôi cảm thấy mình dừng mãi đến nỗi dù có phải chuyển núi dời sông tôi cũng sẵn sàng. Và những khi ấy tôi nghĩ: hãy nhìn đi, hãy nghiên cứu, chọn lọc. Hãy vẽ hai cây phong của Đuysen và Antunai, chính hai cây phong đã cho tuổi thơ của mày bấy nhiêu giây phút sướng vui, mặc dù mày không biết rõ sự tích của chúng. Hãy vẽ một đứa bé đi chân không, da rám nắng. Nó trèo lên cao, thật cao, và ngồi lên một cành phong, đôi mắt hân hoan nhìn vào cõi xa xăm kỳ ảo.

Hay là vẽ một bức tranh đề là “Người thầy đầu tiên”. Đó có thể là lúc Đuysen bế trẻ em qua con suối, và cạnh đấy, trên những con ngựa no nê hung dữ, những con người đàn độn đội mũ lông cáo đỏ đi qua đang chế giễu ông...

Nếu không, thì hãy vẽ người thầy giáo tiền Antunai lên tỉnh. Mày còn nhớ khi ông cất tiếng gọi Antunai lần cuối cùng! Hãy vẽ một bức tranh như thế, sao cho bức tranh ấy giống như tiếng gọi của Đuysen mà đến nay Antunai vẫn còn nghe vẳng lại, sẽ vang dội mãi trong lòng mỗi người.

Nguyễn Ngọc Bằng, Cao Xuân Hạo, Bô Xuân Tiến dịch

BẠN ĐỌC THÂN MẾN!

Với lòng biết ơn sâu sắc, chúng tôi mong muốn bạn nêu lên những đề nghị và nhận xét mà bạn thấy cần thiết về cuốn sách này.

Chúng tôi hy vọng rằng các tác phẩm văn học Nga và văn học xô-viết được xuất bản bằng tiếng mẹ đẻ của bạn sẽ giúp bạn hiểu biết sâu hơn nền văn hóa và lối sống của nhân dân chúng tôi.

Địa chỉ của chúng tôi:

СССР, 119021, Москва,

Зубовский бульвар, 17, издательство “Радуга”.



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

TÁC GIẢ
LỜI NÓI ĐẦU
GIAMILIA
CÂY PHONG NON TRÙM KHĂN ĐỎ
THAY CHO LỜI DẪN
CÂU CHUYỆN CỦA NGƯỜI LÁI XE
CÂU CHUYỆN CỦA NGƯỜI CÁN BỘ CẦU ĐƯỜNG
THAY CHO LỜI KẾT
MẮT LẠC ĐÀ
1
2
3
4
5
NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN